VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

VĂN NGHIỆP VŨ KHẮC KHOAN

SỐ 20 THÁNG 9 NĂM 1987

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

* **Văn Học** : *Thư Toà soạn, trang 1.* * **Bùi Vĩnh Phúc** : *Vũ Khắc Khoan và Samuel Beckett : Nghệ thuật, như một cái cớ ,trang 2* * **Phan Ni Tấn (ND)** : *Tưởng Tiếc, thơ trang 20* * **Viên Linh** : *Kỹ hoạ : Cái bàn năm chân, trang 21* * **Tuấn Huy** : *Tưởng niệm "Thần Tháp Rùa", trang 22* * **Nghiêm Xuân Hồng** : *Giấc ngủ chiều, thơ trang 27* * **Thanh Tâm Tuyền** : *Nghĩ về Thành Cát Tư Hãn : Cái cớ của Vũ Khắc Khoan, trang 28* * **Định Nguyên** : *Người dưng, thơ trang 38* * **Kiệt Tấn** : *Em áo chim, thơ trang 39* * **Văn Học** : *Phỏng vấn nhà thơ Viên Linh, thơ trang 40* * **NGuyễn Nhật Duật** : *Quan điểm nghệ thuật của Vũ Khắc Khoan qua Thần Tháp Rùa, trang 50* * **Cao Huy Khanh** : *Vũ Khắc Khoan : Huyền truyện của những năm 50 Việt Nam, trang 54* * **Nguyễn Mạnh Trinh** : *Thơ gửi chàng lãng tử Nguyễn Bắc Sơn, Trăng Núi, thơ trang 63* * **Đặng Phùng Quân** : *Lộng Ngôn, như một cách nói, trang 65* * **Lê Huy Oanh** : *Một công trình sưu tầm của Vũ Khắc Khoan : vở chèo Quan Âm Thị Kính, trang 68* * **Điệp Mỹ Linh** : *Câu chuyện đứt ngang, truyện ngắn trang 74* * **Nguyễn Bá Trạc** : *Thơ tháng Sáu 1987, trang 88* * **Nguyễn Phước Nguyên** : *Lối về, truyện ngắn trang 101* * **Diệu Tần** : *Thà đừng thương, truyện ngắn trang 114* * **Nguyễn Quỳng** : *Mai Ly, một tài năng mới, trang 124* * **Bùi Bảo Trúc** : *Đọc "Thằng Người Có Đuôi" của Thế Giang, trang 131* * **Nguyễn Văn** : *Thời sự văn học, trang 135.*

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn Văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở & điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Chú ý : Thư từ tiền bạc xin gửi về

Văn Học

10104 Westminster Ave, Garden Grove California, 92 643 USA

Phone : (714) 832. 8445

Thư Toà soạn

Nhân ngày Giỗ đầu 13.9.1987 của Vũ Khắc Khoan, Văn Học dành một số đặc biệt để nhìn lại văn nghiệp nhà văn quá cố.

Tuy số tác phẩm được xuất bản trong suốt bốn mươi năm cầm bút của Vũ Khắc Khoan tương đối ít, nhưng khi mất đi, Ông đã để lại cho hậu thế một văn nghiệp quan trọng, mà tư tưởng của ông, bút pháp của ông đã ảnh hưởng sâu đậm lên nhiều thế hệ.

Phần quan trọng của văn nghiệp ấy coi như đã hoàn tất trước 1975. Do đó, trong số Văn Học đặc biệt về Văn Nghiệp Vũ Khắc Khoan này, Ban Chủ biên xin được đăng lại một số nhận định của Thanh Tâm Tuyền, Cao Huy Khanh, Nguyễn Nhật Duật, Đặng Phùng Quân, Lê Huy Oanh qua các bài viết đã từng đăng trên tạp chí Văn ở Sài Gòn trước 1975. Những nhận xét của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền về *Thành Cát Tư Hãn*, của Cao Huy Khanh về *Huyền truyện*, của Đặng Phùng Quân về *Ngộ Nhận*, của Nguyễn Nhật Duật về *Thần Tháp Rùa*, của Lê Huy Oanh về công trình sưu khảo *Quan Âm Thị Kính*, cho đến nay vẫn còn là những nhận định giá trị nhất về các tác phẩm nòng cốt của Vũ Khắc Khoan.

Để thêm vào đó, Bùi Vĩnh Phúc tìm hiểu ảnh hưởng của kịch Samuel Beckett lên Vũ Khắc Khoan, Viên Linh và Tuấn Huy bổ túc thêm những kỷ niệm chung trong sinh hoạt văn chương có cùng với nhà văn quá cố.

Trong phần sáng tác,,Văn Học số này được hân hạnh giới thiệu 3 bài thơ mới của Viên Linh (sau một thời gian dài bạn đọc ít thấy thơ Viên Linh xuất hiện trên báo) và truyện ngắn đầu tiên nhà văn nữ Điệp Mỹ Linh ở Texas gửi đến cho Văn Học.Trong các đóng góp của các cây bút thân hữu quen thuộc của Văn Học, lần này nhà thơ Nguyễn Bá Trạc cho đăng một bài thơ thật dài ghi lại cảm xúc mới của anh trong tháng 6.

Văn Học số 21 ra đầu tháng 10.1987 sẽ dành trọn số trang để đăng các bài nhận định về sự nghiệp văn nghệ của nhạc sĩ Phạm Duy.

Văn Học

Bùi Vĩnh Phúc

Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett : Nghệ thuật, như một cái cớ.

Lúc đầu,tôi đã muốn đặt tựa bài viết này là *Vũ Khắc Khoan & Samuel Beckett: sự chờ đợi, như một cái cớ.* Sau đó, tôi đổi lại thành: *Kịch, như một cái cớ.* Và cuối cùng thì *kịch* vươn vai dẫn để trở thành *nghệ thuật.*

Thế nhưng, trong bài này, tôi lại không thể viết hết về nghệ thuật của Vũ Khắc Khoan hay của Samuel Beckett. Mỗi người cần riêng cho họ một (hay vài chục) cuốn sách. Tôi lại càng không thể, trong một bài vắn gọn, viết về nghệ thuật của cả hai người. Tôi sẽ chỉ viết về Kịch. Một vài vở trong toàn bộ sáng tác của họ.

Thế tại sao lại không thu gọn cái tựa đề lại? — Bởi vì, đó cũng lại là một cái cớ. Tôi sẽ nhìn kịch như một cái cớ để, từ đó, nói lên một số suy nghĩ về quan niệm nghệ thuật — văn chương, khảo luận, tùy bút (trường hợp VKK), thi ca, phim ảnh (trường hợp Samuel Beckett)... của hai người. Tại sao lại Vũ Khắc Khoan và Samuel Beckett? — Dĩ nhiên, mỗi người có một vị trí riêng, có một thời thế, một đời sống, một hoàn cảnh xã hội riêng đẩy họ đến những sáng tác riêng. Nhưng ở đây, tôi chỉ muốn trình bày một cái chung của họ: Kịch. Và một cái chung lớn hơn: Nghệ thuật như một cái cớ để, qua đó, họ thể hiện cái cung cách sống đời, cái lối suy nghĩ, cái cách nhìn ngắm và phân giải đời sống của họ.

Vũ Khắc Khoan có thể đã chịu một ít ảnh hưởng của Samuel Beckett. Và ông đã thành công trong việc làm mới kịch Việt, dựa trên một vài kỹ thuật mà Samuel Beckett đã sử dụng trong *En attendant Godot* và những kịch sau đó. Nhưng chính cái tài sử dụng ngôn ngữ cũng như sự tinh tế của Vũ Khắc Khoan khi nhìn ra những kho tàng ẩn giấu chưa được khám phá trong các vở chèo cổ hay hát bội Việt là những yếu tố góp phần nhiều nhất vào sự thành công của ông. Trong cuốn túy bút *Mơ Hương Cảng,* Vũ Khắc Khoan có một bài viết bày tỏ sự thích chí về vở kịch *En attendant*

Godot của Beckett. Trả lời câu hỏi của Nguyễn Đông Châu trên báo Văn (Sàigòn): *Từ Shakespeare, Racine tới Camus, Beckett, kịch đã tiến triển như thế nào. Và trong các tác giả trên, ông lưu ý đến ai?* Vũ Khắc Khoan đã nói tóm lại là ông thích nhất hai người: *Shakespeare (lắm lời nhất) và Beckett (ít lời nhất).* Cũng trên Văn (Sàigòn), để trả lời câu hỏi của Nguyễn Nam Anh: *Ông nghĩ sao về Ionesco? Samuel Beckett?* Vũ Khắc Khoan nói: *Ionesco dưới Beckett một bực. Nhưng cũng vì vậy mà với Ionesco thì còn kịch. Với Beckett, kịch dần dần tự hóa giải để trở thành vô ngôn.*

Vũ Khắc Khoan yêu sự vô ngôn này. Ông cũng lập đi lập lại nhiều lần cái quan niệm của ông cho rằng một vở kịch lớn là một vở kịch không có khán giả. Khán giả với diễn viên là một (1). Khán trường và sân khấu không còn sự ly cách (sự ly cách này vốn dĩ đã thật là mỏng manh trong bản chất của kịch.)

En attendant Godot là một vở kịch cả thế giới biết đến của Samuel Becket, được viết trong giai đoạn 1947-1949. In thành kịch bản năm 1952. Diễn lần đầu vào tháng Giêng, 1953. Bản dịch ra Anh văn là *Waiting for Godot* năm 1954... Vở kịch này là một cuộc cách mạng trong cơ cấu kịch, trong chất liệu kịch, và trong sự trình diễn. Thông điệp của vở kịch là *sự chờ đợi.* Vở kịch được xây dựng quanh hai diễn viên chính, qua đó, tác giả trình bày hoàn cảnh và đặc tính của sự chờ đợi. Cái đặc tính này cũng là yếu tính của vở kịch. Kịch ở đây không còn trình bày *về* một *biến cố* nào đó, nhưng nó trình bày chính nó. Tự nó là một vũ trụ riêng với những khả tính và yếu tính mà tác giả muốn nó có.

Trong một vài kịch của Vũ Khắc Khoan chẳng hạn như *Giao Thừa, Ga Xép* và *Thành Cát Tư Hãn,* tôi cũng thấy cái chủ đề về sự chờ đợi ẩn giấu trong đó. Tôi sẽ trình bày rõ hơn về cái nhìn này của mình trong kịch Vũ Khắc Khoan, cũng như sẽ đưa ra một vài suy nghĩ khác liên hệ đến kịch của ông sau khi tôi đã trình bày một vài nhận xét về Samuel Beckett nói chung, và đặc biệt, về vở *En attendant Godot* của tác giả này.

●

Samuel Beckett là một tiểu thuyết gia, một kịch tác gia, một thi sĩ, một người làm phim, một nhà phê bình người Ái nhĩ lan sinh năm 1906 tại Dublin. Giải Nobel năm 1969. Ông theo học ở Trinity College, và sau đó làm giáo sư thỉnh giảng tại Ecole Normale Supérieure, Paris (1928-1930). Ở đó, ông gặp và trở thành bạn thân của James Joyce. Từ năm 1938 trở đi, ông định cư và làm việc luôn tại Paris.

Những tac phẩm đầu tiên của Beckett bao gồm thơ, tiểu luận, truyện, và hai cuốn tiểu thuyết mang tựa đề *Murphy* (1938) và

Watt (1953). Trong hai tiểu thuyết này, cũng như trong các tác phẩm khác sau đó của ông, những nhân vật chính là những người, chịu đựng một sự thúc đẩy mãnh liệt từ đời sống riêng của họ, lao đầu vào thế giới bên ngoài để tìm kiếm một thực tại hết sức hư ảo. Ở đó, họ chỉ tìm thấy một thế giới phi lý. Cái thế giới này từ chối mọi sự trình bày hay lý giải về nó. Trong những tác phẩm sau này viết bằng tiếng Pháp (được dịch ra Anh văn bởi chính tác giả những năm sau đó), đặc biệt là bộ tiểu thuyết ba tập (trilogy) gồm *Molloy* (1951), Malone meurt (Malone dies, 1952) và L'innommable (The Unamable, 1953), Beckett đã sử dụng kỹ thuật độc thoại nội tâm, dùng dòng-ý-thức để trình bày về cuộc tìm kiếm, trở về với bản chất mình, với cõi sơ đầu của mình, nơi con người. Cuộc tìm kiếm này được thực hiện giữa màn sương mù bao phủ dày đặc của sự cô đơn, sự thối rữa tàn tạ, và cái chết.

Những tác phẩm này của Beckett đều có một giá trị độc đáo của chúng. Nhưng chính vở kịch *En attendant Godot* (Waiting for Godot, 1952) mới làm cho tên tuổi Beckett trở thành lừng lẫy và biến tác giả trở nên một khuôn mặt nổi bật của những kịch tác gia chủ trương một loại kịch mới gọi là *kịch phi lý* (the theatre of the absurd). Đặc tính của vở kịch này được diễn tả qua cung cách ngớ ngẩn, ngôn ngữ lập đi lập lại của diễn viên, và nhất là qua kỹ thuật dựng phông. Diễn viên là những anh hề hay những kẻ đầu đường xó chợ lang thang lếch thếch. Cảnh thì ảm đạm, trơ trụi và không thể xác định được là ở đâu. Cử chỉ, động tác của nhân vật thì rất ít, quá ít. Chỉ có lời nói là chính. Những câu nói lập đi lập lại và hết sức mâu thuẫn, có tính cách tự xóa. Thật sự, ngôn ngữ, cũng như bất kỳ một phương tiện nào khác, đều mất đi cái khả tính soi sáng, trình bày ý nghĩa của nó trong một thế giới phi lý. Chủ đề chính của vở kịch chỉ giản dị là *sự chờ đợi*. Nhưng "cái" mà hai kẻ lang thang kia chờ đợi thì lại là một cái gì mơ mơ hồ hồ, không rõ nét, không chắc chắn. Cái đó là Godot. Nhiều nhà phê bình Âu Mỹ đã suy xa đoán gần đó là Thượng Đế, *God*. Trong *Godot* có chữ *God*. Hay là định mệnh con người. Hay là một cái gì khác. Bao nhiêu là suy đoán xoay quanh cái "nhân vật" Godot này. Vũ Khắc Khoan, trong bài viết về vở kịch này, cũng đã trình bày lại những suy đoán đó. Nhưng thật ra thì *Godot* là tiếng Pháp, đọc là Gô-đô, nhấn ở âm thứ nhì. Vở kịch đã được viết, và, trong thời gian đầu, đã được trình diễn tại Pháp. Bởi thế, chỉ là một sự trùng hợp khi chữ *Godot* được một số người Anh Mỹ đọc là "*God*-oh" từ đó, mặc cho nó một số ý nghĩa mới lạ như là Thượng Đế, định mệnh v.v... Nhưng còn Beckett, ông nói gì về *Godot* của mình? — "Nếu tôi đã biết Godot là gì, tôi đã nói hết ra trong vở kịch của tôi rồi!" Thế đấy. Nhưng sau này, khi bị chất vấn quá nhiều, mặc dù Beckett đã tỏ ra

là ông ta rất do dự trong việc đưa ra một lời giải thích để làm sáng rõ ý nghĩa tác phẩm của mình, ông đã nói: "Godot là đời sống — không một mục đích, nhưng luôn luôn với một tia hy vọng nào đó."

En attendant Godot là một vở kịch không có thời gian, không gian, động tác, hay câu chuyện gì cả. Nó không nói *về* một biến cố nào. Kịch gồm 2 hồi, là hai ngày lẫn lộn vào nhau, như nhau. Beckett viết ở đoạn đầu hồi một: *buổi chiều,* và ở đầu hồi hai: *như hồi một.* Thời gian có lúc như đọng lại, có lúc lại như vụt đi. Không gian thì cũng thế: vô tính và mờ ảo. Beckett viết: *Một con đường quê, có cây* (Route à la campagne avec arbre). Một con đường vùng quê. Một thân cây, một chạc cây, hay một cành cây. Tất cả đều lẻ loi, ảm đạm. Và trơ trụi.

Beckett đưa ra hai nhân vật chính: Estragon và Vladimir, mà Vũ Khắc Khoan diễn tả là "hai nhân vật chỉ còn là "người" ở nơi phảng phất hình ảnh con người (gọi là hai cái thân tàn ma dại, hai cái mờ-mờ-nhân-ảnh băng hoại đến đáy sâu hố thẳm của sự băng hoại, thì đúng hơn)..." (En attendant Godot, Vũ Khắc Khoan — Mơ Hương Cảng).

Hai nhân vật này ngồi dưới cái gốc cây, cái chạc cây trơ trụi kia, chờ một nhân vật thứ ba với một cái tên bí hiểm là Godot. Cả hai đều không biết rõ Godot là ai, không biết chắc là Godot có sẽ đến không. Nhưng vẫn phải chờ. Phải đến đó mà ngồi chờ Godot. Không tránh né được. Không cưỡng thoát được. Sự chờ đợi được Beckett diễn tả ra trong hai hồi đã cho người đọc cái cảm tưởng là nó đã bắt đầu từ lâu lắm rồi, tự thuở có con người. Và sự chờ đợi này sẽ còn kéo dài cho đến khi nào hết con người trên mặt đất. Sự chờ đợi này đã xóa nhoà hết ranh giới của hiện tại, tương lai và quá khứ. Trong khi chờ đợi cái nhân vật Godot mà hai gã chưa từng biết mặt kia, cái nhân vật Godot không chắc có tới kia, Estragon và Vladimir phải bày ra đủ mọi trò để làm cho qua giờ, phải tung hứng xướng họa bằng những câu nói ngớ ngẩn đầu voi đuôi chuột hoặc là không đầu không đuôi, câu trước chửi bố câu sau câu sau lầu bầu câu trước. Lẫn lộn như một mớ bòng bong, như một mớ... Đào-cốc-lục-tiên của Kim Dung. Ngôn ngữ đã mất đi cái khả tính tối thượng của nó: soi sáng và mang lại ý nghĩa cho hành động, cho suy tưởng, cho đời sống. Không, trong cái thế giới phi lý này, ngôn ngữ trở thành những bọt bong bóng được hai anh hề thổi bay tứ tung. Và rồi chúng sẽ vỡ tan mà không còn để lại một vết tích gì. Có chăng chỉ còn để lại sự trơ trọi, trống rỗng và phi lý đến cùng cực của kiếp người.

Vậy thì hai gã khờ kia ngồi chờ Godot dưới gốc cây, tung hứng, nói nhăng nói cuội đủ mọi thứ chuyện cho qua giờ. Thế

nhưng Godot không đến. Và có hai nhân vật khác bất ngờ xuất hiện. Pozzo và Lucky, một người là chủ (tay cầm đầu dây thừng), một người là nô lệ (với đầu kia của sợi thừng tròng nơi cổ). Cả bốn gặp nhau lại tung hứng xướng họa bằng những lời nói vô nghĩa. Cuối cùng chủ Pozzo ra lệnh cho kẻ nô lệ Lucky phải suy tư (Pense, porc!). Lucky bèn tuôn ra một màn độc thoại vô nghĩa và kéo dài, bao gồm đủ mọi thứ trên trời dưới đất. Thượng đế con người địa ngục ăn uống tiêu hoá thể thao giải trí quần vợt đua ngựa kỵ mã máy bay khúc côn cầu Hàn lâm viện văn chương Voltaire đã chết như thế nào đồng quê thành thị đá cuội lửa nước mắt mây trời nước biển... Khi Pozzo và Lucky đã đi khỏi thì có một thằng bé chạy lại báo tin cho hai gã khờ biết là Godot không đến hôm nay, nhưng chắc chắn sẽ đến vào ngày mai. Thế rồi đêm buông. Trăng lên. Hai gã khờ nhìn cành cây, và như bị ảnh hưởng bởi ánh trăng thượng tuần, bèn nghĩ đến một mẩu thừng. Cả hai muốn tự tử. Nhưng làm gì tìm ra một mẩu thừng ở nơi trơi trụi này. Thế rồi màn hạ. Xong hồi một. Hồi hai cũng lại y hệt như thế với chỉ một vài điểm khác biệt để khỏi lẫn với hồi một. Pozzo bây giờ bị mù, còn Lucky thì câm. Thời gian như thế là có xao động, có biến chuyển. Cuối hồi hai, thằng bé lại chạy lại bảo là Godot không đến nhưng sẽ đến, chắc chắn, vào ngày mai. Đêm lại xuống. Trăng lại treo. Cành cây lại trở thành mẩu thừng ám ảnh. Ý nghĩ tự tử lại vi vu hiện ra. Estragon bỗng chợt nhớ đến cái mẩu dây thừng thắt lưng của mình. Bèn lôi ra ngắm nghía. Cả hai kéo co xem thử mẩu thừng có chắc không. Đứt đôi. Hy vọng cứu rỗi bằng sự tự tử tắt ngấm. Quần tụt. Hình ảnh Estragon kéo quần lên và cả hai hò hẹn với nhau lại sẽ ngồi chờ tiếp đến ngày mai là hình ảnh và những câu nói cuối cùng của vở kịch. Phi lý và ngộ nhận vẫn tiếp diễn:

Vladimir : Mặc quần vào (Put on your trousers).
Estragon : Cái gì ? (What?)
Vladimir : Mặc quần vào (Put on your trousers)
Estrgon : Mày muốn tao cởi quần ra phải không? (You want me to pull off my trousers)
Vladimir : MẶC QUẦN VÀO (Put ON your trousers)
Estragon (chợt nhận thấy là quần mình đã tụt): Đúng. (True)
Hắn kéo quần lên (He pulls up his trousers).

Với sự chờ đợi như một cái cớ, vở *En attendant Godot* đưa ra một "thông điệp", có thể nói tóm lại là "Không thể làm được gì cả" (Nothing to be done). "Thông điệp này được giới thiệu ngay ở đầu vở kịch, với câu nói đầu tiên của Estragon. Vở *En attendant Godot* mở đầu như sau:

Estragon, ngồi trên một ụ đất thấp, đang cố gắng cởi giày. Hắn kéo chiếc giày ra với cả hai tay, thở phì phò. Hắn

chịu thua, hết hơi, ngồi nghỉ, rồi lại tiếp tục. Như trước. Vladimir bước vào.

Estragon (chịu thua lần nữa) : Không thể làm được gì cả.

Không thể làm được gì cả. Vậy thì chỉ có chờ đợi. Và nói truyện để lấp đầy khoảng trống. Câu truyện lại xoay quanh chủ đề cũ. *Nothing to be done.* Cái neo để giữ vở kịch là những lời đối thoại, mặc dù những lời đối thoại này rất vô nghĩa. (Trong một vở kịch khác của Beckett, một diễn viên đã hỏi: "Cái gì đã giữ tôi ở lại đây?" Câu hỏi này đã được trả lời một cách không trả lời gì cả bởi một diễn viên khác: "Những lời đối thoại!")

Chủ đề của vở kịch là sự chờ đợi. Chờ đợi một cách không chắc chắn một cái gì đó, một người nào đó, có thể đến nhưng cũng không chắc đến. Khán giả theo dõi vở kịch, qua các nhân vật, cũng mang một tâm thức chờ đợi. Hắn biết là hắn chờ Godot, nhưng chẳng biết Godot là ai, và chẳng biết Godot có đến không. Hắn tự hỏi mình chờ cái gì. Mình chờ một cái gì không chắc chắn là sẽ xảy ra, cũng không chắc chắn là sẽ không xảy ra. Con người khán giả hôm nay, qua Estragon và Vladimir, tự tra vấn mình. Và trong sự tự tra vấn đó, hắn thấy mình thể nhập với Estragon và Vladimir, để rồi chỉ nhìn thấy cái ngây ngô, kệch cỡm, lố bịch của mình phản ánh qua những hành động lố lăng, lời nói vô nghĩa của kẻ đối diện. Mà kẻ đối diện đó cũng lại là mình. Cái bi đát của đời sống hôm nay chính ở chỗ "con người tự nhìn ra mình là một tên hề lố bịch, một thằng người vô danh, vô tính — cái bi đát của con người sa lầy dần dần vào cái bầy nhầy của thời gian bất biến, vào cái ù lì của đồ vật vô tri vô giác, cái bi đát của con người đã băng hoại đến độ cuối cùng của sự băng hoại mà lại còn giật mình nghe thấy vẳng lên tự lòng vực thẳm băng hoại những lời tra vấn đã tưởng trả lời dứt khoát từ lâu, mà con người đã rõ không thế nào, không thế nào trả lời dứt khoát..." (En attendant Godot - VKK, sách đã dẫn).

Vở kịch tạo nên một cái cười méo mó. Không khí khó chịu và dồn nén vì sự chờ đợi, vì sự vô nghĩa lý và lập đi lập lại của những lời đối thoại, vì cái *trực thức* của khán giả khi nhận thấy tất cả sự lố bịch bi đát của con người mình đã phản ánh qua những nhân vật nửa người nửa ngợm, bẩn thỉu, kệch cỡm kia, đã nổ bùng ra ở tiếng cười bất ngờ của khán giả khi chiếc quần của Estragon tụt xuống. Tiếng cười này là một phản ứng tự nhiên trước cái không bình thường, nhưng nó vẫn không giấu nổi trong nó sự ngỡ ngàng, bất đắc dĩ trong cái ý nghĩa tự chế diễu, tự khôi hài hoá chính mình. Tất cả cái bi đát của đời sống hôm nay — không phải cái bi đát cao cả của Oedipus hay Hamlet... mà Sophocles và Shakespeare đã thể hiện — đã được phô bày rõ ràng qua cái cười vào sự trống rỗng và lố bịch đó. Con người hôm nay, ở tất cả mọi nơi, với sự tự đóng

khung mình vào những ý niệm, những chủ nghĩa xanh hay đỏ, tự mô-mi-hóa mình qua những khuôn đông cứng của các hệ ý thức, đều chia sẻ cái sự trống rỗng và lố bịch kia.

Cái tính chất bi kịch trong *En attendant Godot* đã được thể hiện qua hình thức hài kịch. Và đó là cái mới của Samuel Beckett.

Tiểu thuyết của Beckett, hay phim, hay kịch của ông, thật sự, đều có một nét gì đó hết sức giống với một thứ hình học phi - Euclid. Hình học của Euclid bắt nguồn từ năm định đề. Cả năm định đề này không ai có thể chối cãi được vì nó đánh thẳng vào cái lương thức, cái sự nhận xét tự nhiên của con người. Tuy nhiên, một trong năm định đề ấy, định đề về đường thẳng song song, đã khiến cho một số nhà toán học suy nghĩ vì tính cách kích thích của nó, và vì nó, phần nào, có vẻ không hiển nhiên như bốn định đề kia. Định đề này phát biểu rằng từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta chỉ có thể kẻ một đường thẳng duy nhất song song với đường thẳng đã cho. Nhiều cố gắng đã được các nhà toán học thực hiện để phủ nhận định đề này bằng cách giản dị là suy đoán, diễn dịch nó từ bốn định đề kia, với dụng ý là biến nó thành một chi tiết của toàn hệ thống, chứ không phải là một nguyên lý của hệ thống. Các thất bại liên tiếp của những nỗ lực đó là một phần của lịch sử toán học. Cũng như thành công rực rỡ của Lobachevsky trong nỗ lực cởi bỏ tính chất trói buộc của định đề này. Lobachevsky lý luận: Nếu định đề về đường song song của Euclid không hiển nhiên vì đã tạo ra những tranh cãi, và nếu nó không được bao hàm trong bốn định đề kia vì người ta đã không thể suy diễn nó từ chúng, thì, tại sao chúng ta lại không thử tìm xem thái độ của các nhà toán học ra sao nếu ta thay đổi định đề này. Thí dụ, các nhà toán học sẽ phản ứng thế nào khi ta nói rằng từ một điểm ở ngoài một đường thẳng, ta chẳng vẽ được một đường thẳng nào song song với đường thẳng đã cho cả.

Thật không có một cách thức hiển nhiên nào để phủ nhận lời phát biểu của Lobachevsky. Không ai có thể thử nghiệm để chứng minh cái định đề này. Bởi lẽ, để có thể chứng minh được định đề này là đúng hay sai, người ta sẽ phải du hành cho đến tận vô cực để tìm xem hai đường thẳng có sẽ gặp nhau hay không. (Tất cả bốn định đề kia đều có thể chứng minh được ngay lập tức trên giấy trắng mực đen). Và Lobachevsky dần dần kiện toàn một hệ thống trong đó không có đường thẳng nào lại có thể song song với một đường thẳng khác cả. Và sau đó những hệ thống khác được thành hình — chẳng hạn như một hệ thống của Riemann — trong đó người ta có thể vẽ không những một mà vô số những đường thẳng song song với một đường thẳng đã cho sẵn. Từ cái trò chơi ra-vô-tự-do này mà Einstein đã vạch nên lý thuyết vũ trụ tương đối của ông.

Cùng một cung cách như thế, Beckett nói: *"Sống là để bị nhìn ngắm"* (To be is to be perceived), và ông ta làm một cuốn phim về cái "định đề" này (2). Hoặc ông ta nói: *"Sống là chờ đợi"*, và giả dụ là Godot không bao giờ đến, thế là ông ta viết *En attendant Godot*. Tiểu thuyết của Beckett, chẳng hạn như cuốn *Murphy*, hay các vở kịch, các tác phẩm khác của ông, gần như đều đã được viết hay soạn ra từ một cung cách đó. Nghệ thuật đối với Beckett, chỉ như một cái cớ, để ông trình bày cái nhìn của mình về cuộc đời.

Yếu tính của vở kịch là sự chờ đợi. Trong sự hoang mang, không chắc chắn. Nếu trước Beckett đã không từng có một vở kịch nào viết về sự chờ đợi như *En attendant Godot* thì đó là vì chưa từng có một kịch tác gia nào đã nghĩ đến việc thử làm chuyện ấy. Vả lại, chuyện này có vẻ như đi ngược lại yếu tính của kịch, trong đó, đơn vị bình thường và căn bản là một biến cố nào đó. Trong một vở kịch như thế, tất cả các thời khoảng — cả về không gian và thời gian — giữa các biến cố được xếp đặt và trình bày khéo léo để thuyết phục chúng ta rằng tất cả mọi sợi dây đang được từ từ thắt gút để dẫn đến một biến cố mới.

Qua *Oedipus, the King* của Sophocles hay qua *Agamemnon* của Aeschylus, khán giả đều chờ đợi để nhìn thấy cái định mệnh khốc liệt của Oedipus hay Agamemnon. Tất cả những nhân vật dự phần trong các vở kịch này cũng hầu như đều chờ đợi cái giây phút định mệnh ấy. Tất cả đều chờ đợi để thấy Oedipus khám phá ra cái sự thật phũ phàng là chính chàng đã là kẻ giết cha rồi lấy mẹ làm vợ. Tất cả đều chờ đợi cái giây phút kinh hoàng khi Oedipus tự chọc thủng mắt mình vì những tội kinh khiếp kia. Tất cả đều chờ đợi để thấy cái định mệnh khốc liệt của Oedipus khi chàng tự lưu đày mình ra khỏi cái vương quốc mà chính chàng là người đứng cao trên hết. Tất cả mọi người đều chờ đợi cái giây phút Agamemnon bị Clytemnestra giết. Và chính Clytemnestra cũng hồi hộp chờ đợi cho đến cái giây phút chín mùi đó.

Nhưng những điều đó khác với những gì xảy ra trong kịch của Beckett. Kịch của Sophocles và Aeschylus, ở vào đoạn cuối, đã đẩy tâm trạng con người đến cực điểm rung động của nó, rồi kéo cái cực điểm này vào lãnh vực của thực tại. Chờ đợi một cái gì không thể nào tránh khỏi là một sự chờ đợi với một đặc chất khác. Và sự chờ đợi như thế khiến cho nếu Oedipus và Agamemnon không bắt gặp cái định mệnh khốc liệt của họ, vở kịch sẽ mất hết ý nghĩa và trở thành một sai lầm trầm trọng trong cú pháp, trong văn phạm kịch. Tuy nhiên, không có gì là lầm lỗi nếu Godot không đến, hoặc không bao giờ đến.

Chờ đợi. Làm cho khán giả cũng chia sẻ sự chờ đợi. Và lý luận, lý giải về cái đặc tính của sự chờ đợi ấy: điều này không thể

thực hiện với tình tiết, bố cục của cú pháp, văn phạm mà kịch cổ điển thường dùng bằng cách cho tất cả mọi tình tiết hội tụ vào một biến cố mà nếu cái biến cố này không xảy ra, vở kịch sẽ trở nên hỏng. Beckett đã tạo ra một loại cú pháp, văn phạm mới cho kịch của ông, với những cấu trúc đối xứng hết sức đẹp để trong đối thoại, trong những khoảng yên lặng, cũng như trong các phân cảnh. Với những câu ngắn, đẹp, nghe như tiếng hồ cầm, những giọng nói cất lên, hỏi, đáp, làm gợi lên những tiếng nói chết, kỳ lạ, ẩn hiện, và chỉ xảy ra trong những đầu óc, những tâm thức đợi chờ. Những khoảng yên lặng giữa các giọng nói cũng trở thành một phần của cuộc đối thoại như những chữ nghĩa đã được phát ra.

Những câu nói, với chữ nghĩa được cắt gọn, trầm, như một thứ âm nhạc của một loài hồ cầm nào đó, cùng lúc, mang trong nó sự phi lý, vô nghĩa, lập đi lập lại, đã trở thành một điểm lạ, mới, hết sức đặc biệt của Beckett để tạo một không khí riêng cho kịch của ông. Mà không phải chỉ kịch. Văn Beckett cũng cho thấy cái đặc tính đó.

Có nhà phê bình đã đưa ra nhận xét là thế giới của *En attendant Godot* đã rất giống với các khung cảnh của nước Pháp dưới thời bị Đức chiếm đóng. Chính Beckett đã sống ở đây trong suốt những năm chờ đợi ấy. Chờ đợi gì? Chờ đợi một cuộc Nổi Dậy. Người ta đã chờ đợi một cách mơ hồ một cái gì đó. Cái gì đó không biết có xảy ra hay không. Trong không khí chiến cuộc, không cuộc hẹn nào là chắc chắn cả. Hẹn rồi hủy bỏ. Hủy bỏ rồi lại có những tín hiệu mới hâm nóng sự đợi chờ... Godot, có phải đó là cái sự chờ đợi kia không?

Có lẽ chúng ta chẳng cần phải tìm hiểu thêm nữa về *Godot*, về một sự chờ đợi đã xảy ra và trở nên nổi tiếng trong kịch của Beckett. Đã bao lần chúng ta chờ đợi một điều gì đó xảy ra trong đời. Sự chờ đợi trong kịch của Beckett đã tỏ lộ một cái nhìn phi lý về cuộc sống. Sự chờ đợi của mỗi người chúng ta có thể khác. Nhưng, để lập lại một lần nữa, nói về sự chờ đợi, làm cho người khác chia sẻ sự chờ đợi ấy với mình, và lý giải về tính chất của sự chờ đợi ấy qua những đối thoại rất vô nghĩa (mặc dù đẹp nếu nhìn dưới một góc cạnh khác) như Beckett đã làm quả là một điều rất mới. Samuel Beckett đã làm được những điều mới ấy qua hàng loạt những tác phẩm khác thuộc đủ mọi thể loại của ông. Nghệ thuật, ở đây, chỉ như là một cái cớ để, qua đó, tác giả trình bày và nói về sự nhìn ngắm của mình đối với cuộc đời.

●

*T*rong những kịch Vũ Khắc Khoan đã viết mà tôi được đọc

(và đã được xem trình diễn một số) có: *Giao Thừa, Thành Cát Tư Hãn, Ngộ Nhận, Những người không chịu chết,* và *Ga Xép*. Ngoại trừ vở kịch đầu, *Giao Thừa* (nếu không lầm, là vở kịch đầu tiên của VKK), còn khá sơ sài trong tình tiết và trong ngôn ngữ sử dụng; những vở kịch sau này từ *Thành Cát Tư Hãn* trở đi đều có một nét đặc sắc riêng của chúng. *Thành Cát Tư Hãn* là vở kịch làm cho nhiều người biết đến Vũ Khắc Khoan như một nhà soạn kịch nhất. Nhưng thật sự thì *Ngộ Nhận, Những người không chịu chết,* và *Ga xép* trình bày được nhiều nét mới của Vũ Khắc Khoan hơn.

Ở phần đầu của bài viết này, tôi đã nói là tôi đã nhìn thấy cái chủ đề về *sự chờ đợi* ẩn hiện trong một số kịch của Vũ Khắc Khoan. Một cách ngẫu nhiên, vô tình hay do một suy nghĩ có dự tính nào đó, Vũ Khắc Khoan đã khai thác cái chủ đề mà Samuel Beckett đã sử dụng trong *En attendant Godot*.

Trong *Giao Thừa,* Vũ Khắc Khoan đã dùng cái cớ chờ đợi giao thừa, cái giây phút thiêng liêng, khi năm cũ và năm mới giao nhau, để trình bày một hoạt cảnh của một gia đình nghèo vùng ngoại ô Hà Nội, giai đoạn 1950. Một căn buồng ngăn đôi bằng tấm liếp gỗ, trong mỗi ngăn sống gọn một gia đình. Nhân vật ở cánh bên này là một cặp vợ chồng tiểu lao động trí thức, người chồng đi dạy học, người vợ đang trong thời kỳ có mang. Bên kia, là gia đình một bác thợ mộc.

Những lời đối thoại giữa các nhân vật chỉ được dùng để lấp đầy cái suy tư khi thì háo hức, lúc lại thâm trầm của nhân vật người chồng về ý nghĩa của chữ "giao thừa", trong khi anh chờ đợi cái giây phút linh thiêng ấy. Chính sự chờ đợi của tôi, sự suy tư của tôi về một cái gì đó, sẽ xác định con người tôi, bản chất tôi, cách tôi sống chết ở đời.

Ở đoạn đầu vở kịch, nhân vật người chồng đã trầm ngâm suy tư:

> *Giao thừa! Giao, giao đi, giao lại, giao thông, ngoại giao, giao tranh... Giao là qua lại với nhau. Thừa! Thừa thiên hưng vận... Thừa lệnh tổ mẫu... Thừa dịp... Thừa cơ... Giao thừa là... mười hai giờ đêm hôm ba mươi tháng chạp âm lịch, là lúc hết năm cũ, bước sang năm mới. Hừ! Mười hai giờ đêm hôm ba mươi tết thì có gì lạ nhỉ... Có cái gì? Quả đất vẫn quay. Chả có nhẽ đến lúc đó, quả đất lại ngừng lại một chút để... thở dài một cái chẳng hạn... Hay quả đất quay nhanh hơn lên một chút, để... vội vàng cùng với quảng đại quần chúng bước sang năm mới? Giao thừa... Đang ba mươi tuổi, chợt thấy già hơn lên một tuổi. Chợt thấy mình những ba mươi mốt tuổi! Vô lý thật! Mà định nghĩa nữa mới lại càng vô lý. Làm như ở đời, việc gì cũng phải có nghĩa cả! Hừ! Thế sống là gì?... Chết là gì?... Mà dạy học nữa là cái quái gì?*

Ở đây, nhân vật vẫn còn đang trong sự chờ đợi và vẫn còn đang loay hoay với ý nghĩa của sự chờ đợi của mình. Phải qua nhiều câu đối thoại nữa, nhiều tình tiết xảy ra nữa, rồi ở đoạn cuối vở kịch, nhân vật bất chợt nhìn thấy chiếc bụng đang mang thai của vợ mình, anh mới chợt bừng thức:

Giao thừa chỉ là chờ đợi một cái gì. Hay giao thừa là... thai nghén một cái gì! (một lát) Em ơi! trong người em đang có cả một sự giao thừa...

Sau đó, nhân vật khẳng định :

... Nếu giao thừa là chờ đợi một cái gì thì trong khi chờ đợi, người ta cũng phải sửa soạn một cái gì. Chúng mình đợi Bé con thì phải mua tã. Mà ở bên kia, để đợi năm mới bác Phó đã hoàn thành xong một cái bàn...

Thật sự, sự chờ đợi ở đây không chia sẻ ý nghĩa với sự chờ đợi của Beckett. Nó chỉ là một sự chờ đợi hiền lành, trong suy tư thuần lý, cộng với những tình cảm tươi đẹp và chan chứa của con người hướng về cái Đẹp, về Mục đích của cuộc sống, về những giá trị đạo đức mà con người vẫn yêu mến và coi như những chỉ hướng cho đời sống mình.

Sự chờ đợi *Giao thừa* giống như một nụ mai trong đêm trừ tịch, sẵn sàng mở nhẹ những cánh mỏng manh nhỏ bé về hướng mặt trời để chào đón ngày đầu tiên của một năm mới. Đây là một sự chờ đợi yên tâm và yên lành.

Đến *Thành Cát Tư Hãn* thì sự chờ đợi đã bắt đầu mang chứa trong nó một cái gì có tính cách khốc liệt. Thành Cát Tư Hãn là vai chính của vở kịch, nhưng tất cả tâm tư, lời nói, hành động của ông ta nhất nhất đều bị chi phối bởi một ám ảnh duy nhất: Cổ Giã Trường. Cổ Giã Trường là người anh hùng đất Tây Hạ, đã tự mình giết chết Thái tử Tây Hạ, một người bạn thiết của chính Cổ Giã Trường, để ngăn không cho Thái tử phạm tội phản quốc là đầu hàng giặc. Cổ Giã Trường là người yêu của Giang Minh, công chúa Tây Hạ, người mỹ nữ "mất như chất nhung của tấm thảm Ba Tư" và hơi thở như một chất men ấm và nồng". Cổ Giã Trường tuy không từng xuất hiện trong bất cứ phần nào của vở kịch, nhưng hầu như lại có mặt trong mỗi lời nói, động tác, trong sự suy tư không những của Thành Cát Tư Hãn mà còn của tất cả mọi nhân vật trong vở kịch. Cổ Giã Trường là sự chờ đợi của mọi người, nhất là của Thành Cát Tư Hãn. Bởi vì, Cổ Giã Trường chính là định mệnh của vị Đại Hãn Mông Cổ.

Khi nghe đại tướng Dương Bân đề cập đến tên Cổ Giã Trường lần đầu, Thành Cát Tư Hãn đã hỏi :

Cổ Giã Trường là ai, mà tại sao đại tướng lại nói đến tên đó?

Kể từ lúc thốt lên câu hỏi này, tất cả đời sống của vị Đại Hãn

Mông Cổ coi như chỉ là để tìm cách trả lời nó. Trả lời cái định mệnh của mình.

Hãy nghe một ông già Mông Cổ nói về Cổ Giã Trường:

Cổ người cao mà thẳng như cây dừa sa mạc. Vai như vai con gấu núi. Tay vươn ra như tay vượn. Mũi thẳng như trái mật treo. Đôi lông mày là hai nét mác. Đôi mắt sáng ngời như sao Hôm, sao Mai. Cổ văn võ kiêm toàn, tính tình cương trực...

Muốn bắt Cổ Giã Trường, muốn chế ngự và thay đổi định mệnh của mình, nhưng Thành Cát Tư Hãn đành bó tay. Vì chính ông đã phải thú nhận:

Nhưng hiện giờ, Cổ ở đâu? Ta không thể xua quân đuổi theo một cái bóng.

Cổ Giã Trường là định mệnh, là mối ám ảnh không rời của Thành Cát Tư Hãn. Chính Thúc Bột Đào, kẻ đã mưu phản Vị Chúa Mông Cổ này, đã nói về định mệnh của Thành Cát Tư Hãn, đã nói thẳng vào mặt con người này:

Nhà ngươi sẽ chết ở đây, ở ngay kinh đô Tây Hạ. Ta chắc như vậy. Vì đó là ý muốn của toàn dân Mông Cổ, của toàn thể bàn dân thiên hạ. Nhà ngươi làm bộ bình tĩnh, nhưng ta biết nhà ngươi đương mất ăn mất ngủ, nhà ngươi đương lo ngày lo đêm. Nhà ngươi đương bị hình bóng một người ám ảnh...

Sự chờ đợi quả là có sức mạnh của nó. Bất kỳ một sự chờ đợi nào cũng ngầm chứa trong nó một trọng lượng nào đó đủ đè bẹp sức chịu đựng của bất kỳ một con người nào. Nếu con người ấy không giữ lại được cho mình một tia hy vọng làm ý nghĩa cho sự chịu đựng của hắn. Nhìn ra cái tia hy vọng ấy, và giữ cho nó chiếu sáng mãi trước mặt mình hay trong trí não mình, không phải là một điều dễ làm. Sự chờ đợi quá dài dễ làm lụn bại tinh thần con người và làm cho nó buông xuôi, đầu hàng tất cả.

Chính là vì biết trước sức mạnh khó chống cự lại của sự chờ đợi mà người cộng sản đã sử dụng nó như một phương thức để tra tấn con người. Họ bắt tội nhân ngồi im trên một cái ghế (có thể trói chân tay lại.) Một bình nước được treo ngay trên đầu tội nhân. Và những giọt nước cứ tí tách rơi xuống một điểm nào đó trên đầu của kẻ tội phạm kia. Cái cơ chế tâm lý của sự chờ đợi nó kinh hoàng làm sao! Tội nhân có thể giữ bình thản trong thời gian đầu. Nhưng sau đó, sự chờ đợi để nghe và cảm nhận giọt nước kế tiếp rơi xuống làm cho thần kinh tội nhân căng thẳng đến độ không chịu đựng nổi. Một cách văn chương, suốt vở kịch Thành Cát Tư Hãn, Vũ Khắc Khoan đã để những giọt nước như thế tí tách rơi trên đầu vị chúa Mông Cổ. Những giọt nước này phát ra âm thanh của một tên gọi: Cổ Giã Trường. Chúng làm cho vị Đại Hãn yếu dần từ hồi một sang đến hồi hai, hồi ba. Chốc chốc, một giọt nước

lại rơi xuống :

TÊN QUÂN HẦU: Muôn tâu Đại Hãn, Cổ Giã Trường chưa đến.

THÀNH CÁT TƯ HÃN : Nhà ngươi nói sao ?

TÊN QUÂN HẦU : Cổ Giã Trường mới cho người đến dâng lễ vật ra mắt. Đích thân Cổ Giã Trường sẽ xin đến sau.

THÀNH CÁT TƯ HÃN : Bao giờ ?

Câu hỏi của vị Đại Hãn sẽ không bao giờ được trả lời trước khi ông ta chấp nhận định mệnh của mình: cái chết (Cái chết này sẽ được đề cập ở một đoạn dưới.)

Trong khi chờ đợi, những giọt nước vẫn tí tách nhỏ xuống:

DƯƠNG BẠN : Cổ Giã Trường đã đến rồi ư ?

THÀNH CÁT TƯ HÃN : Hắn chưa lại. Hắn mới sai người lại dâng lễ ra mắt...

DƯƠNG BẠN : Thế ra họ Cổ vẫn chưa lại...

THÀNH CÁT TƯ HÃN : (có vẻ khó chịu): Hắn sẽ lại. Nội trong đêm nay. Đại tướng không hiểu tính người Tây Hạ sao? Họ nhiều lễ nghi phiền phức...

Nhưng rồi, những giọt nước cứ tiếp tục nhỏ xuống mà Cổ Giã Trường vẫn không xuất hiện. Sự chờ đợi vẫn tiếp diễn. Cho đến khi quân sư Lý Tử, người thân tín của Thành Cát Tư Hãn, và Truật Xích, người con mà Thành Cát Tư Hãn hết lòng yêu mến, đã bị giết vì tay Cổ Giã Trường. Lúc đó, biết rằng Cổ Giã Trường và quân lính đã ở trước cửa trại, nghe đằng xa vẳng lại những tiếng reo hò như sấm động, thấy lửa bên ngoài rực sáng, nghe tiếng trống tấn công nổi dậy vang lừng, tiếng người, tiếng ngựa, tiếng hò, tiếng hét, tiếng thép chạm nhau, lúc đó, tới lúc đó, Thành Cát Tư Hãn biết rằng định mệnh mình đã đến. Sự chờ đợi đã sắp chấm dứt. Và những lời nói cuối cùng của Thành Cát Tư Hãn với Sơn La, kẻ Tây Hạ ngang tàng, kẻ chia sẻ vóc dáng bất khuất cao ngạo của Thành Cát Tư Hãn, là:

Ta đây. Ta ngồi trên ngai. Ta đợi Cổ Giã Trường.

Và rồi, với lưỡi kiếm của chính Cổ Giã Trường, Thành Cát Tư Hãn tự chấm dứt sự chờ đợi của mình. Giọt nước cuối cùng đã rơi xuống trên một thân người cúi gục.

Nhân nói về nhân vật Thành Cát Tư Hãn, về cái cớ của Vũ Khắc Khoan, về ý thức sáng tạo của Vũ Khắc Khoan, tôi nhớ lại một nhận định của Thanh Tâm Tuyền cho rằng Vũ Khắc Khoan là một nhà văn thức tỉnh, quá thức tỉnh. *Thái độ này của ông khiến những vấn đề ông đặt ra trong tác phẩm được giải quyết một cách gẫy gọn gần như dứt khoát... Nhân vật của ông đứng khựng lại trước biên giới của ý thức, ông không cho phép chúng dò kiếm lời giải bằng cách mở ngỏ tiềm thức.*

... Đứng ở vị trí người đọc, tôi (TTT) nghĩ cái ánh sáng chan hoà của ý thức đánh lui hết bóng tối, chế ngự những thôi thúc tiềm ẩn vô lý ở một vùng đen đặc nơi chân thân con người đã làm giảm phần nào sự căng thẳng bi kịch gây ra do sự cưỡng nộ của những lực lượng mù quáng đòi giải toả... (nghĩ về Thành Cát Tư Hãn. Cái cớ của Vũ Khắc Khoan — Thanh Tâm Tuyền, Văn (Saigon)).

Thanh Tâm Tuyền cho rằng sự thức tỉnh đã khiến cho cái chết của vị Đại Vương Mông Cổ không còn tính cách bi đát. Sự việc nhân vật Thành Cát Tư Hãn tự tiêu diệt mình, dưới mắt Thanh Tâm Tuyền, là nhân vật *đã chối nhận con đường mình lựa chọn, không đi cho hết... Sự tự phủ nhận trước khi thử thách tới cùng tới chết của nhân vật chính, làm cho sự căng thẳng của bi kịch bị chùng đi, vì giữa nội và ngoại giới hết mâu thuẫn xung đột.* (TTT, bài đã dẫn).

Theo tôi nghĩ, một tác phẩm giá trị luôn luôn mời gọi người đọc thẩm định lại và làm mới nó mãi, chiếu vào nó những ánh sáng mới, khám phá ra ở nó những góc cạnh mới. Cái nhìn của Thanh Tâm Tuyền rất sắc, đặc biệt nếu chúng ta chấp nhận — hoặc công nhận — truyền thống bi kịch Hy Lạp như là một cái sườn, từ đó, vở Thành Cát Tư Hãn được xây dựng.

Nhưng nếu nhìn dưới một góc cạnh khác, gần cận với đời sống của con người ở thời đại này, con người từ chối chấp nhận cái bi kịch của chính mình, con-người-tự-do muốn tự thể hiện đời sống mình cũng như muốn tự kiểm soát và có quyền trên đời sống đó, cái chết của Thành Cát Tư Hãn có thể có một ý nghĩa khác. Như lão ngư ông của Hemingway. Hay như chính Hemingway với phát súng ở Ketchum năm nào. *Man is not made for defeat. A man can be destroyed but not defeated* (The old man and the sea, Hemingway). Con người có thể bị tiêu diệt, nhưng không thể bị thua. Có thể là Thành Cát Tư Hãn *của Vũ Khắc Khoan* đã suy nghĩ như thế, như lão ngư-ông-và-biển-cả kia, như Hemingway con-người-cao-ngạo kia. Và ông ta đã tự tiêu diệt chính mình chứ không cho phép kẻ thù được định đoạt cái quyền sống chết của ông ta. *To be or not to be, that is the question.* Chính Camus có lẽ cũng đã cất lên câu hỏi này nhiều lần. Sau đó, ông trả lời: *Chỉ có một vấn đề triết lý thật sự quan trọng: đó là vấn đề tự tử. Thẩm định rằng cuộc đời đáng hoặc không đáng sống là trả lời cho câu hỏi căn bản của triết lý. (3)*

Đó là một suy nghĩ tôi muốn đóng góp thêm về ý nghĩa cái chết của Thành Cát Tư Hãn. Thật ra, bài này, tôi chỉ muốn trình bày vở kịch Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan trong khía cạnh của sự chờ đợi. Sự chờ đợi như một sợi dây thừng rút dần vị Đại Hãn Mông Cổ lên cao. Sự chờ đợi trong *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ

Khắc Khoan cũng không đồng chất với sự chờ đợi của con người trong thế giới của *En attendant Godot*. Nhưng nó cũng có một sức mạnh riêng của nó. Sức mạnh cuốn hút của định mệnh. Và mỗi chúng ta, ai lại chẳng có một định mệnh trong đời. Cái định mệnh ấy có thể là sự Ước muốn, là Danh vọng, là Quyền lực, là những Khao khát không ngừng nghỉ trong cuộc lữ này, là Tình yêu, là Sự thù ghét... , là sức hút của một thỏi nam châm lớn mà chúng ta chỉ là những vụn sắt muốn được kết hợp. Từ cái ý nghĩa ấy, *Thành Cát Tư Hãn* đã trở thành một cái cớ rất cuốn hút của Vũ Khắc Khoan. Và của mỗi một chúng ta khi đến với kịch của ông.

Ga Xép hình như là vở kịch cuối cùng mà Vũ Khắc Khoan đã có dịp viết. Ý nghĩa của sự chờ đợi trong vở kịch này cũng như những kỹ thuật về cú pháp, văn phạm kịch, ở đây, có nhiều điểm gần gũi với *En attendant Godot* của Beckett. Một cách nào đó, vở kịch này cho thấy những nét mới hơn của Vũ Khắc Khoan so với những kịch đã được soạn trước đó của ông.

Trong đoạn giới thiệu, Vũ Khắc Khoan viết :

Ga Xép là một loại ga nhỏ, có những chuyến tàu chạy qua không thèm dừng lại. Có một số hành khách đợi ở một nơi ga xép nào đó miền rừng. Và trong khi chờ một chuyến tàu không biết bao giờ đến, một vài người tìm cách "cho qua thì giờ". Soạn giả vở kịch "Ga Xép" ghi lại dưới đây một vài mẩu chuyện vẩn vơ.

(Những chữ đợi, chờ in thẳng ở trên là do người viết bài này đề nghị in như thế.)

Vậy thì đây là một vở kịch lấy cái cớ của sự chờ đợi để nói về một cái gì khác, hay là để nói *vẩn vơ* về bất cứ một cái gì. Sự vẩn vơ này nếu được lập đi lập lại theo một cung cách hoặc nhịp điệu nào đó thì sẽ trở thành không vẩn vơ tí nào. Có thể nó sẽ đánh lên những câu hỏi trầm trọng cho cuộc sống. Chẳng hạn như Sống là gì? Chết là gì? Chờ là gì? Đợi là gì? Cuộc nhân sinh là gì? Ga xép là gì? Những chuyến tàu là gì? Những làn khói bay là gì? Những tiếng còi tàu là gì? Đối thoại là gì? Đàm thoại là gì? Độc thoại là gì? Phi lý là gì? Buồn nôn là gì? Vân vân và vân vân.

Ta không cần nói rõ là rồi sẽ có một chuyến tàu nào đến hay không, những con người trong cái ga xép kia có thực sự cần một chuyến tàu, hay sự chờ đợi chỉ là một cái cớ để họ ngồi nói năng, trao đổi, đối thoại, tung hứng với nhau. *Đối thoại thích thật. Một người tung một người hứng, như hai kiếm sĩ trao đổi những đường kiếm ngoạn mục. Người này đẩy một đường kiếm tới; người kia chao mình né tránh rồi phóng lại một đường kiếm trả đòn. Cứ thế. Phóng kiếm, lui kiếm. Đỡ đòn, phản đòn. Đối thoại thích thật.* Tôi nhớ trong vở *Những người không chịu chết*, Vũ

Khắc Khoan đã để cho một nhân vật của mình nói *đại khái* như thế. Trong *Ga xép*, ông lại một lần nữa bày tỏ sự thích thú của ông về cái khả năng giúp con người tiêu khiển kia của ngôn ngữ. Ở đây, không có một nhân vật nào buồn bã độc thoại một mình với những chuỗi suy tư dài dằng dặc, rồi tự hỏi: *To be or not to be.* Vấn đề không còn phải là *Cogito ergo sum. Je pense donc je suis. I think therefore I am.* Vấn đề ở đây là *I talk (converse, chat, chatter, gab, gossip, palaver, prattle, prate, babble, rap, jaw, rattle on...) there fore I am.* Đối thoại sẽ làm bật tung hiện hữu, bật tung sự sống. Anh sống thế nào thì anh nói làm vậy. Ngôn ngữ như một cuốn sách mở ra để người khác nhìn vào nội-dung-anh. Một thế giới phi lý có thể tự trình bày nó bằng những đối thoại phi lý. Một thế giới trống rỗng có thể tự mở ra bằng những âm thanh và cuồng nộ. Ở đây, con người chẳng có *chọn lựa, xao xuyến* gì để chứng tỏ là mình sống cả. *Tôi nói, bởi thế tôi sống.* Đây thực là một chân lý giản dị. Bởi vì tôi phải làm một cái gì trong khi chờ đợi, tôi phải làm một cái gì đó để chứng tỏ sự có mặt của tôi. Vậy thì, hãy nghe một nhân vật của Vũ Khắc Khoan trong *Ga xép* gợi chuyện:

NGƯỜI 40 :... Đâu có đó. Chỉ biết hiện giờ chỉ có chúng tôi và ông, tàu thì chưa đến, chúng ta vẫn phải đợi, chúng ta có nhiều thì giờ, quá nhiều thì giờ... để... chẳng để làm gì. Cho nên tôi xin trở lại đề nghị của tôi lúc nãy. Giới thiệu. Tự giới thiệu. Đó là một trò chơi tao nhã và lành mạnh... trong khi... đợi tàu. Tôi xin bắt đầu trước.

Đấy là phần nhập đề, hãy nghe tiếp lý luận của *kẻ chờ đợi* kia. Đó là một thứ triết lý sống. Sống ở đời.

NGÀ :... Anh không tìm được cái trò nào khác à? Chơi mãi cái trò này, phát ngấy lên rồi.

NGHIÊM : Còn nhiều trò. Nhưng phải để dành. (Một lát) mà tại sao lại ngấy? Mỗi lúc một khác chứ. (Một lát) Mà nghĩ cho kỹ thì trò nào mà chả vậy? Cũ đấy mà mới đấy. Ngấy đến tận mang tai mà vẫn phải chơi. Nói ngay như cái trò... sống chẳng hạn. Còn gì cũ rích, trơ trẽn, nhảm nhí bằng cứ thở ra rồi lại thở vô, hết ăn lại uống, rồi lớn lên, lấy vợ, đẻ con, rồi...

NGÀ : Rồi hết chuyện. Ít nhất thì cũng còn cái mục đó.

NGHIÊM : Có chắc không? Hay là... đến lúc hết trò, đến lúc hạ màn, đến khi diễn viên rời bỏ vai trò nhân vật... thì lại lếch thếch kéo nhau đến một xó ga xép nào đó... đợi một chuyến tàu nào đó... như chúng ta.

Và vở kịch như vậy là có đà, cứ thế, cứ thế mà lăn đi như những kiếp người, như những con tàu lăn vào đêm tối mệt mỏi của đời sống, để rồi một lúc nào đó sẽ dừng lại ở màn kết cục. Một ga xép nào đó của cuộc đời. Rồi thì một cuộc hành trình khác sẽ lại lăn đi.

Đối với Vũ Khắc Khoan, *sự chờ đợi* là một cái cớ. Cũng như là *tình yêu*. Cũng là một cái cớ (Xem *Những người không chịu chết*). Cũng như là *Thành Cát Tư Hãn* đã là một cái cớ của ông. Mà thật ra thì, đối với Vũ Khắc Khoan, chẳng phải là ông chỉ tìm ra được những cái cớ như thế để lên tiếng về thái độ, lập trường, lối sống của mình, của người. Ông còn nhiều cái cớ khác. Chẳng hạn như các *huyền truyện* (contes) của ông *(Thần Tháp Rùa, Trương Chi, Nhập thiên thai, Người đẹp trong tranh...)* cũng là một cái cớ. Viết *lộng ngôn* là một cái cớ. Viết *túy bút* lại là một cái cớ khác.

Nói tóm lại, cũng như Samuel Beckett, nghệ thuật đối với Vũ Khắc Khoan chỉ là một cái cớ để ông *đối thoại* với cuộc đời. Nghệ thuật giúp ông cất lên những tiếng nói đòi chia sẻ, trao đổi mà tất cả chúng ta đều muốn nghe. Chọn được một cái cớ như thế, kiện toàn nó, làm mới nó luôn luôn, và đem nó ra sử dụng trong cuộc đời một cách thích thú và độc đáo, đó là cái tài của Vũ Khắc Khoan.

Hãy nhìn lại những đường gươm phóng tới, những đường gươm tuyệt đẹp của một kiếm sĩ vừa từ bỏ trần gian mà đi.

Bùi Vĩnh Phúc
12 tháng 8, 1987

---

(1) Câu nói này của VKK có thể được hiểu theo những nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, một cách nào đó, Vũ Khắc Khoan đã sắp xếp để quan niệm này của ông được thực hiện trong vở kịch mang tên Ngộ nhận *mà ông gọi là lộng ngôn. Vở kịch này cũng có một điểm đặc biệt khác nữa là VKK đã dựng nó theo cơ cấu của một vở chèo.*

(2) Trong cuốn phim không tựa đề dài 24 phút này, Beckett cho khuôn mặt của nhân vật chính hiện trên màn bạc dưới sự ghi nhận tỉ mỉ ở đủ mọi góc cạnh của máy quay phim. Nhưng với sự di chuyển của máy quay, góc độ ngắm nhìn của nó, Beckett cho khán giả thấy chính nhân vật bị nhìn ngắm là khán giả. Không ai chịu đựng được sự ngắm nhìn kinh khủng này. Âm thanh duy nhất của phim chỉ là những tiếng "sssh" làm cho khán giả nhận thức rằng chúng ta không phải đang ở trong một thế giới câm lặng vì thiếu tiếng động; chúng ta đang ở trong một thế giới câm lặng vì tiếng động có đó, nhưng con người lại chẳng nghe thấy được gì.

(3) Il n'y a qu'un problem philosophique vraiment sérieux: c'est le suicide. Juger que la vie vaut ou ne vaut pas la peine d'être vécue, c'est répondre à la question fondamentale de la philosophie (Le Mythe de Sisyphe, Albert Camus).

TÀI LIỆU THAM KHẢO :

— *The Reader's Companion to World Literature*, Calvin S. Brown (New York, 1973).

— *The Theatre of the Absurd,* Marlin Esslin (New York, 1961).
— *Samuel Beckett, a Critical Study,* Hugh Kenner (New York, 1961)
— *Samuel Beckett's Art,* John Fletcher (London, 1967).
— *Mơ Hương Cảng,* Vũ Khắc Khoan (Saigon, 1973 (?))
— *Một số kịch của Vũ Khắc Khoan đã xuất bản.*
— *Một số bài phỏng vấn và viết về Vũ Khắc Khoan của nhiều tác giả đăng trên các số báo Văn cũ ở Sàigòn.*

VĂN PHÒNG KẾ TOÁN
THUẾ VỤ VÀ AUDIT
EMERSON H. LEE, CPA
(LÊ HỮU EM)
CERTIFIED PUBLIC ACCOUNTANT
Hội viên American Institute of Certified Public Accountants

* Đảm nhận tất cả các dịch cụ kế toán và thuế vụ (Accounting and Tax Services).
* Đảm nhận khai thuế lợi tức liên bang và các tiểu bang vùng DC, VA, MD, CA, NY, cho cá nhân, hợp tư và công ty (mẫu 1040, 1065, 1120).
* Đảm nhận khai thuế lương bổng và phúc trình cho các cơ quan hữu trách theo luật hiện hành (Payroll Tax Processing & Reporting) (mẫu 941, 940 W 2, W 3, 1099).
* Soạn thảo các trương mục tài chánh (financial statements) (Đối chiếu biểu và trương mục lời lỗ).
* Đảm nhận kế hoạch thuế vụ cho cá nhân , hợp tư và công ty (Tax planning for individual, partnership and corporation).
* Kiểm nhận sổ sách kế toán (Auditing).
* Cung cấp ý kiến về quản trị thương mại, thuế vụ và tài chánh (Business, Tax and Financial services).

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG :
3179 Wilson Blvd , suite # 1
Arlington, VA. 22201

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ hai — Thứ sáu : 9.30 AM — 5.00 PM
Điện thoại văn phòng : **(703) 528 5404**
Điện thoại tư gia : **(301) 762 4557**

Phan Ni Tấn (ND)
Tưởng tiếc

Đôi mắt như cửa sổ
Nước sơn cũ nhiều năm
Mở ra từ tân khổ
Một tia nhìn lạnh căm

Đôi mắt lặng nhìn xuống
Lô nhô giữa trường đời
Học trò dăm bảy đứa
Làm quạ nói tiếng người

*Quạ trong thể thơ Đường **
Đề thi vào Kịch nghệ
Lâu rồi. Còn ai nhớ ?
Học trò còn ai thương ?

Trường đời chia muôn lối
Xuôi ngược về muôn phương
Thầy xưa qua lối nọ
Lối tôi ra chiến trường

Con quạ trong thơ Đường
Bay qua vùng khói lửa
Quê hương là nỗi khổ
Quê hương là đau thương

Bỏ quê hương lửa cháy
Gạt lệ, thầm ra đi
Biết bao lần ngoảnh lại
Vẫn một màu biệt ly

Đôi mắt Người tị nạn
Ngóng quê nhà đăm đăm
Một hôm như lá ngủ
Khép lại thành trăm năm

Xưa Thành Cát Tư Hãn
Lưu lại bộ đồ gai
Nay Người về thiên cổ
Để đời tiếc thương hoài.

** Quạ : Tựa đề thi vào trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài gòn năm 1970 của Vũ Khắc Khoan.*

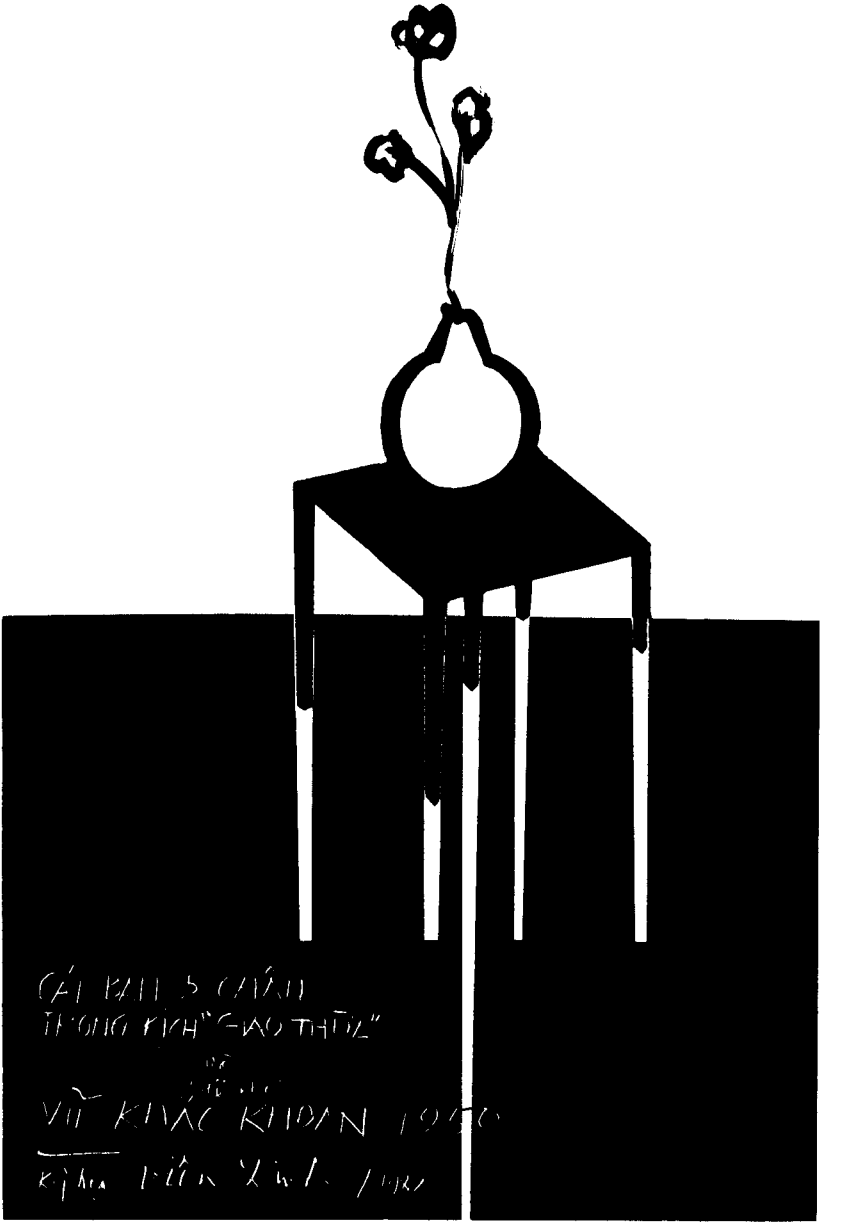
CÁI BÌNH 5 CÁNH
TRONG KỊCH "GIÓ THỔI"
VŨ KHẮC KHOAN

Tuấn Huy

Tưởng niệm "Thần Tháp Rùa".

Đã lâu lắm tôi mới có dịp trở lại thành phố "Thiên Thần". Sáng chủ nhật, xa lộ 110 kẹt cứng. Những chiếc xe nối đuôi nhau chậm chạp nhích tới. Quãng đường đi vào trung tâm thành phố ngột ngạt màu khói và mùi xăng. Dưới ánh nắng dịu vàng của mùa thu vừa chớm, tôi nhìn những hàng cây thốt nốt và những toà nhà. Los Angeles, sau bốn năm năm xa cách, vẫn không có gì thay đổi. Vẫn những con đường chật chội, vẫn những khung tường loang lổ, vẫn những toà chung cư cổ cũ, vẫn những khu phố ám khói nghèo nàn.

Ngôi chùa màu vàng sậm đứng chênh vênh giữa những hàng thông. Những lá thông đỏ, những trái thông khô, rớt rụng đầy một mặt cỏ. Vài con chim ngơ ngác bay lên. Vài con chim ngơ ngác đậu xuống. Tiếng trẻ nhỏ nói cười rộn rã cả một lòng đường đầy rác rến và những mảnh báo.

Tốp chúng tôi là tốp đến sau cùng. Buổi lễ cầu siêu đã khởi đầu trước đó. Những ngọn nến đang leo lét cháy. Những sợi khói hương đang mù mịt toả bay. Bức hình chụp bán thân tác giả "Thần Tháp Rùa" được đặt trịnh trọng giữa những dĩa trái cây, giữa những bình hoa hồng và những lẵng hoa cúc.

Cùng những người bạn, cùng những khuôn mặt thân quen của giới văn học nghệ thuật, tôi đứng nghiêm lặng trước bàn thờ người vừa khuất. Tiếng tụng kinh đều đều âm vang. Xen vào đó là những tiếng chuông tiếng mõ. Một sợi khói trầm hương lững lờ trôi ra ngoài khung cửa. Những nét mặt ngậm ngùi. Những đôi mắt ngậm ngùi...Tất cả chúng tôi đang ngậm ngùi thương tiếc một tài năng lẫy lừng của văn chương và kịch nghệ đã xa bỏ chúng tôi, xa bỏ cuộc đời, thanh thản, thong dong đi về một thế giới khác.

Một cách rất khiêm cung, tôi đứng chiêm nghiệm khuôn mặt một người đàn ông có nước da màu mật ong loãng, có sống mũi cao, có đôi mắt sáng, và có mái tóc màu cước trắng bồng bềnh. Cái dáng người tầm thước, cái phong thái thanh thoát, cái giọng nói

sang sảng đầy châm biếm mà cũng rất ngọt ngào...đang hiện ra lồng lộng trong trí nhớ tôi, hiện ra lồng lộng giữa nỗi xúc động của tôi, khoảnh khắc đó, là những vết khắc đậm sâu của một pho tượng. Tôi đứng như im chết, khi đối diện trước pho tượng uy nghi lẫm liệt và cũng thân thiết bình dị ấy, mà tài năng và đức hạnh đã tạo thành - để trở nên rất lẫy lừng, rất chói sáng, trong vòm trời văn học nghệ thuật Việt Nam suốt 3, 40 năm qua : khuôn mặt Vũ Khắc Khoan. Khuôn mặt của một nhà văn. Khuôn mặt của một nhà giáo. Khuôn mặt của một kịch tác gia. Khuôn mặt của một con người trọn cuộc đời đã sống, đã sáng tác bằng một tình yêu thương không bờ bến, và bằng một tinh thần nhân bản của một kẻ sĩ của Đông phương huyền mặc...

Nhà văn Vũ Khắc Khoan, đối với tôi, là một khuôn mặt lớn. Của những ngày tôi mới chập chững vào đời. Của những ngày tôi vừa dợm chân bước tới cái thế giới rất lạ lẫm và đầy mê đắm của văn chương chữ nghĩa. Người thanh niên khờ khạo là tôi, đứng ngấp nghé ở khung cửa hẹp, hướng nhìn về cái thế giới bát ngát của thơ, văn, kịch, hoạ, và âm nhạc trù phú Miền Nam, với tấm lòng kính phục vô cùng và ngưỡng mộ vô tả. Đặc biệt là đối với hai nhóm Hàn Thuyên và Quan Điểm. Lúc ấy nhóm Hàn Thuyên đã tan rã. Chỉ còn một NGuyễn Đức Quỳnh với bao nhiêu tư tưởng đang chuyển hoá, như những đám mây trên một bầu trời tâm thức nhầu đau gió bão.Riêng nhóm Quan Điểm với những Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ...đã là những người chiếu rọi vào những suy tư non nớt của tôi những luồng ánh sáng vừa huyền hoặc vừa tinh khôi, của một dòng tư tưởng rất khai phóng và đầy nhân bản.

Riêng Vũ Khắc Khoan, đối với tôi, là một nhà văn biểu trưng cho những gì rất chín chắn, chừng mực, cho những gì rất cởi mở ôn hoà, cho những gì rất thong dong thơ mộng, cho những gì rất ngạo nghễ thanh thoát, và cho những gì rất đôn hậu hồn nhiên. Đọc văn của ông, đọc những vở kịch của ông, đọc những bài lộng ngôn của ông, chúng ta như kẻ được ngồi trên con thuyền trên dòng sông trăng giữa một đêm thu tịch mịch. Trăng đầy dòng sông, và trăng đầy lòng chúng ta. Những lượn sóng rì rào, những lớp gió vi vu thoảng nhẹ, những cột ánh sáng lấp lánh mênh mông. Tất cả là thực mà như không phải là thực. Tất cả như mộng mà chính không phải là mộng. Tất cả in hệt bào ảnh mà đúng thật là một cảnh giới hoang sơ. Ngó về dĩ vãng, ngó về quá khứ, để thấy hiện tại và tương lai ở trong đó. Ngẫm chuyện viễn vông, ngẫm chuyện trăng cuội, để thấy nếp đời và cuộc sống ở quanh mình.

Một lần, vừa đến thăm Phạm Công Thiện ở một phòng nhỏ

trong Viện Đại học Vạn Hạnh bước ra, tôi gặp Vũ Khắc Khoan nơi chỗ hành lang lồng lộng gió. Tôi chào ông. Ông nheo mắt cười và hỏi : "Đến thăm Phạm Công Thiện phải không ?". Tôi nhìn tác giả Thần Tháp Rùa. Thời gian ấy, ông cũng có ít giờ dạy ở ngôi trường đó. Ông chuyện trò với tôi rất thân mật khoan dung. Cái dáng người tầm thước của ông, như bước hơi xiêu đi xuống từng bậc thang. Chợt ông ngừng lại, chụm tay mồi một điếu thuốc. Sợi khói trắng bay lên trên vầng trán ông. Sợi khói lẫn lộn với lớp tóc đã ngả màu tiêu muối. Tôi hỏi về tờ tạp chí mà ông đang chủ trương. Ông hút bập bập vài hơi thuốc rồi cười : "À, Vấn Đề ấy hả ? Cuộc chơi bày ra cho anh em cùng tham dự ấy mà..". Xuống đến tầng dưới cùng, ông đặt tay lên vai tôi, như một người thầy đặt tay lên vai một sinh viên vừa từ một lớp học đi ra: "Bây giờ đi đâu ? Anh có rảnh không ? Nếu rảnh, mình đi xem tập kịch..."Tôi háo hức nhận lời ngay, dù rằng lúc đó thực tình tôi không được rảnh lắm. Tôi xin lỗi ông một phút để vào văn phòng Viện gọi nhờ điện thoại cho người bạn, xin hủy bỏ một cuộc hẹn. Lúc tôi trở ra, thấy ông đang đứng giữa đám sinh viên nam nữ. Ông trịnh trọng giới thiệu tôi với những anh chị em sinh viên ấy. Câu giới thiệu nồng nhiệt kèm theo một lời khen ngợi. Tôi nhìn ông , và nhìn những người bạn trẻ, vừa xúc động vừa ngượng ngùng. Trên chiếc xe nhỏ của tôi, ông luôn luôn nói về những người trẻ, những vấn đề của lớp trẻ, những băn khoăn thao thức của đám sinh viên trẻ...Rồi ông thở dài : "Tuổi trẻ trong chiến tranh, bi thảm lắm. Họ đang phải đương đầu với bao nhiêu đổ vỡ, bao nhiêu tang tóc, bao nhiêu mất mát...Trong khi đó, bọn già như tôi làm được cái gì ? Chẳng làm được cái mẹ gì. Toàn là những thằng hèn, những thằng khiếp nhược..."

Xe ngừng lại ở một con phố có những hàng me xanh nõn. Những chiếc xe đạp dựng đầy một vỉa hè. Toà nhà quét vôi màu trắng, mới được mở rộng thêm ở phía trái và ở phía sau lưng. Nhà văn Vũ Khắc Khoan đi chân lên mẩu thuốc đang cháy dở. Nhiều người chào ông. Như ở Viện Đại học Vạn Hạnh, những người thuộc thế hệ trẻ chào ông rất cung kính. Trước tất cả, ông đều mỉm cười. Một cái vẫy tay. Một lời thăm hỏi. Ông như một người cha đến giữa các con, hoặc như một người anh đến giữa lũ em. Tuyệt nhiên tôi không thấy ở ông một cử chỉ , một điệu bộ nào xa cách hay quan trọng...

Tôi ngồi xuống bên cạnh ông, giữa một hàng ghế trống. Từ trên sân khấu nhỏ, những ngọn đèn dọi vừa được bật sáng. Hình như mọi người đang chờ đợi ông, và ngay khi ông vừa ngồi xuống, là mọi việc tăm tắp khởi đầu.

Tấm màn màu xanh cũ được kéo lên chậm chạp. Sân khấu được trang trí một cách rất đơn giản thô sơ. Một người thanh niên

bước ra. Dáng điệu rất oai nghiêm bệ vệ. Một câu nói được cất lên. Một câu nói dõng dạc như lời truyền hịch. Nhà văn Vũ Khắc Khoan, hay đúng hơn, giây phút đó là kịch tác gia Vũ Khắc Khoan, ngồi lọt giữa một lòng ghế rộng. Hai bàn tay ông chắp vào nhau. Đôi mắt ông nhìn không rời lên sân khấu, nhìn không rời lên những vòm ánh sáng mà những ngọn đèn ngàn nến đang chiếu dọi tới. Nét mặt ông như trầm xuống. Như đanh lại. Đôi mắt ông là hai ngọn đèn dọi khác - mà ánh sáng lấy từ con tim người sáng tạo - đang soi chiếu không ngừng nghỉ từng nhân vật mà ông đã hình thành.

Tôi nhớ, suốt bữa được tham dự buổi tập dượt ấy tôi đã bỏ quên sân khấu mà chỉ nhìn ngắm và quan sát ông. Nhìn ngắm và quan sát một người yêu thương và gắn bó đến nền kịch nghệ Việt Nam vô cùng. Nhìn ngắm và quan sát một nhà văn hàng đầu của nhóm Quan Điểm đầy ắp trí tuệ và tài năng. Nhìn ngắm và quan sát một nhà tư tưởng ngồi ở tiền trường cuộc đời nhưng vẫn quan tâm tha thiết đến những đổi thay ở trên sân khấu của một cuộc sống đang thời rã tan băng hoại.

Tôi cảm kích lắm, và tôi xúc động lắm. Những thay đổi trên nét mặt ông chính là những cơn bão của một tâm hồn bén nhậy và của một nội tâm thao thức. Ông đã gửi gắm trọn vẹn tất cả những rung động về tâm cảm của một kẻ sĩ, của một con người qua những nhân vật mà ông đã dựng nên ở trên sân khấu cũng như ở trong văn chương, ở trong tiểu thuyết cũng như ở ngoài cuộc đời.

Tối hôm đó, nể lời tôi mời, nhà văn Vũ Khắc Khoan đi ăn với tôi ở một nhà hàng bình dân miệt Chợ Cũ. Không biết ông nói thật hay nói đùa, trong khi nhấm nháp một chút rượu chát, ông bảo ông vẫn ký bông tháng ở nhà hàng này. "Anh em hay ra đây họp mặt lắm. Tôi vừa thích những món ăn hợp khẩu ở đây và vừa thích cái không khí thân mật ở đây. Ăn uống là phải thân mật. Ăn uống mà trịnh trọng quá, mất ngon".

Trước một Vũ Khắc Khoan hào sảng nhưng chừng mực, thân thiết nhưng nghiêm trang, tôi có những dè dặt của một con chim non chưa đủ lông đủ cánh. Tuy nhiên, vì ông đối xử với tôi bằng một tấm lòng, nên tôi cũng mang trọn vẹn tấm lòng của một kẻ hậu sinh còn ngô nghê khờ khạo để khiêm cung, quí trọng đối xử với ông.

Tôi chỉ tiếc là sự hiểu biết về bộ môn kịch nghệ của tôi không có được bao nhiêu, nên những điều ông nói với tôi về bộ môn ấy tôi không lĩnh hội hết được. Dù sao mặc lòng, tôi rất cảm khái trước những lời ông tâm sự. Ông đã nói về một sân khấu kịch nghệ mà ông mong ước. Ông đã nói về tài năng diễn xuất mà ông trông đợi. Ông đã nói về những kịch tác gia của Việt Nam và của thế giới mà

ông ngưỡng mộ. Ông cũng đã nói về một thứ văn chương vượt thoát ra khỏi những cái nhỏ mọn tầm thường.

Suốt bữa ăn ấy, tôi lắng nghe nhà văn Vũ Khắc Khoan như một cậu học trò lắng nghe một người thầy giảng dạy. Tôi yêu mến cái phong thái của ông. Tôi kính nể sự hiểu biết của ông. Nhưng trên tất cả, tôi rất cảm phục về tấm lòng của ông đối với kịch nghệ, đối với văn chương, đối với những người trẻ, và đối với cuộc đời.

Đưa ông về. Nhìn ông trèo lên những bậc thang của một toà cao ốc dành riêng cho các giáo chức đại học ở đường Duy Tân. Tôi muốn bày tỏ với ông về lòng yêu mến, về sự kính nể, và về sự cảm phục đó. Nhưng tôi không nói được gì. Tôi chỉ biết nhìn ông cùng với một cái gật đầu lặng lẽ, và cùng với một cái nắm tay lặng lẽ. Nhà văn Vũ Khắc Khoan đã nắm tay tôi, tôi có cảm giác lạ lùng là như ông đang muốn chuyền gửi sang tôi những hơi ấm nồng nàn của một ngọn lửa.

Buổi lễ cầu siêu vừa chấm dứt. Chúng tôi kéo sang một căn phòng lớn của thư viện chùa. Giữa những tủ kính đầy ngập kinh sách, chúng tôi ngồi bên nhau nói năng nhỏ nhẹ hoặc trầm ngâm yên lặng. Những Phạm Duy, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Đỗ Ngọc Yến, Đào Trung Đạo, Hàn Vĩ, Phạm Công Thiện, Nguyễn Xuân Hoàng, Trúc Chi, Nguyễn Anh Tuấn, Kiêm Thêm, Thái Tú Hạp, Lê Trọng Nguyễn, Lê Phước Hiệp, Hoàng Ngọc Ẩn và một số bạn bè thân hữu khác. Tất cả...thấy đều như vẫn còn xúc động bàng hoàng. Chúng tôi, người nhắc đến những kỷ niệm đã có với Vũ Khắc Khoan, người kể lại những quan hệ thân thiết với tác giả "Thành Cát Tư Hãn" ở Vạn Hạnh, ở Quốc Gia Kịch Nghệ, ở Văn Khoa, ở Chu Văn An, ở Quan Điểm, ở Vấn Đề...

Buổi trưa, cái nắng hanh khô giữa những ngọn gió se se lạnh. Tôi nhìn những đoá hoa mai vàng rực bày trên một kệ gạch. Những đoá hoa mai làm bằng nhựa trông in như thật của một mùa Xuân nào đó của mộng đẹp đã tàn phai. Từ đây, tôi có thể nhìn ra một khung trời rạo rực nắng. Một khung trời có một cành thông xanh xoà xuống, và mãi tít đằng xa là những ngọn thốt nốt vươn cao giữa những lớp mây.

Dưng không, tôi nghĩ đến cái chết và cái sống. Nghĩ đến những hội tụ và những chia lìa. Nghĩ đến cái *đến* và cái *đi* nhanh mau đột ngột của một đời người. Nghĩ đến Đinh Hùng. Nghĩ đến Vũ Hoàng Chương. Nghĩ đến Nguyễn Mạnh Côn. Nghĩ đến Thanh Nam và nghĩ đến Vũ Khắc Khoan.

Tôi đứng dậy, đến bên khung cửa. Những mái nhà lớp lớp. Những hàng cây lớp lớp. Dưới kia, giữa những phố thị xôn xao, cuộc đời vẫn lặng lẽ trôi đi và cuộc sống vẫn nôn nả rộn ràng không hề ngưng đọng.

Có lẽ chỉ có trái tim héo hon tôi đang trầm xuống. Tôi đang nhìn vào thành phố này. Tôi đang nhìn cuộc đời này. Và khoảnh khắc, tôi cảm nhận được tất cả chỉ là những phù du hư ảo của một kiếp người ngắn ngủi...

Tuấn Huy.

Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng

Giấc ngủ chiều

Nắng vàng từ thuở nguyên sơ
Mây bâng khuâng nối tình thu ngập ngừng
Lá mây nở lớp chập chùng
Lớp nào là lớp huyền-tâm cõi người ?
Lá xanh ngậm đắng ánh trời
Mây lơ lửng rải tình đời khó nguôi
Sâm thương bao thuở chia phôi
Mây xanh mấy độ bùi ngùi tịch dương
Khép song ủ kín đoạn trường
Nghiêng tâm đổ giấc hoang đường giữa thu...
Lạ thay nắng quải phù du
Qua mây chiếu loé thiên thu ngậm ngùi
Tâm tư chìm giấc ngủ vùi
Nắng thu rơi rụng kéo lùi chiêm bao
Muộn màng chẩy trái yêu đào
Bóc lần từng lớp hư hao ngỡ ngàng
Lỡ tay dứt sợi nắng vàng
Phai nhoà nhân ảnh bàng hoàng thu xưa...

Thanh Tâm Tuyền

Nghĩ về Thành Cát Tư Hãn: Cái cớ của Vũ Khắc Khoan.

*M*ột vở kịch chưa được dựng trên sân khấu chẳng khác nào một thiếu nữ chỉ mới nhìn thấy được từ phía sau lưng. Cái dáng dấp kiều hãnh đùa rỡn trước mắt mong mỏi của chúng ta, nhưng khuôn mặt nàng là một điều bí ẩn. Cái dáng dấp kia trước hết là sản phẩm của tự nhiên sau đó là của xã hội, sự cấu tạo của thể chất được kết hợp với những quy luật của thời thượng, có thể phân loại một cách hết sức đơn giản. Và chúng ta thường bị lừa. Sở dĩ chúng ta khao khát chạm mặt với nàng vì đó là phần cao nhất của người thiếu nữ, trọng tâm biểu diễn của một cuộc sinh hoạt, phong phú hay nghèo nàn, sôi nổi hay trầm lặng, riêng tư hay công cộng, mà tất cả những nhịp điệu của các phần khác trong cơ thể chỉ đóng vai hỗ trợ làm nổi bật cái sắc thái độc đáo tỏa chiếu trên gương mặt kia.

Một vở kịch cũng vậy. Với một tác giả thạo nghề, đã nắm vững mọi quy luật của kịch nghệ Âu Tây có nguồn gốc từ những Eschyle, Sophocle, tạo ra một câu chuyện đối thoại có dáng dấp một vở kịch không khó khăn. Chính những kịch tác gia cũng mong ước được trông thấy tác phẩm của mình xuất hiện trên sân khấu để chứng nhận với mình là tác phẩm ấy có là một vở kịch hay không.

Bởi thế viết về Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan (1) tôi không làm công việc phê bình, tôi chỉ nói những ý nghĩ của tôi trước tác phẩm. Trong các tác phẩm văn chương xuất bản mấy năm gần đây, Thành Cát Tư Hãn là tác phẩm gây nên âm vang lâu nhất ở tôi, bắt tôi suy nghĩ nhiều.

NẾU TÔI LÀ ĐẠO DIỄN VỞ KỊCH.

Khi đọc Thành Cát Tư Hãn, tôi dùng rất nhiều trí tưởng

tượng. Tôi coi như đang xem nó trên sân khấu và vô tình tôi làm đạo diễn vở kịch trong giả tưởng.

Trước tiên Vũ Khắc Khoan đã tôn trọng cái luật lệ gần như căn bản của kịch cổ điển Âu Tây: kịch, khác với tiểu thuyết là một phương thức biểu diễn đời sống hiện thực, là một thần thoại. Thần thoại là chuyện những đời sống siêu phàm. Các tác giả mới của Tây phương ngày nay vẫn còn nhiều người bảo vệ luật tắc này. Trong kịch thời cổ Hy lạp nhân vật là những con-người-Thần-Linh, các thời sau là những nhân vật lịch sử sống trong một vùng trời xa cách với thế nhân. Những nhân vật và truyện siêu phàm, sẽ hết sức là "kịch" ở trên sân khấu. Nhân vật kịch như thế đã được tước bỏ hết những rườm rà hỗn tạp của thế tục trong cốt cách, dáng điệu, cử chỉ, ngôn ngữ, là những bộ mặt bất động uy nghi, để chỉ theo đuổi cái số mệnh khốc liệt của nó. Đối với diễn viên, họ sẽ khó bị nhân vật làm mê sảng, họ đội lốt nhân vật để diễn cho khán giả xem, họ luôn luôn tự chủ và họ dễ đạt đến sự gây xúc động theo ý muốn nếu là người có tài. Tôi chắc không một diễn viên nào đóng Thành Cát Tư Hãn *"trên ngai, sừng sững, lầm lì, khốc liệt"* và hầu như vô giác (2) lại có thể tưởng mình là Thành Cát Tư Hãn, do đó bằng nghề nghiệp và trực giác của một diễn viên hấn mới dễ làm sống được nhân vật nhờ nghiên cứu những dáng điệu cử động đã thành khuôn mẫu. Đối với khán giả ngồi dưới thấp ngước mắt nhìn lên cao, họ quên ngay được đời sống phàm tục, không có những liên tưởng tai hại gây ra sự chia rẽ giữa người diễn và kẻ xem. Họ quên ngay được cái đời sống nặng nhọc hằng ngày, bị thôi miên dễ dàng, để tỏa những khát vọng âm u trong tiềm thức, khỏi gặp những trở ngại là cái bóng dáng của con người cá nhân tầm thường của họ vẫn lẩn quất trước mắt họ. Sự mầu nhiệm của kịch đã khởi đầu, mọi vật đều hóa thân trong thế giới thần thoại. Thế giới ấy như thế nào, trong Thành Cát Tư Hãn? Nó có đáp ứng được những khát vọng của khán giả? Phải xem diễn mới biết được.

Nhưng nếu tôi làm đạo diễn, cái phần việc khiêm nhượng dẫn đưa người xem vào thế giới của Vũ Khắc Khoan để họ gặp tác giả, tôi nghĩ là bản kịch có nhiều yếu tố giúp tôi thành công. Màn giáo đầu và màn vỹ thanh sẽ tạo được ngay sự chuyên chở người xem lìa bỏ thực tại, vây họ trong thế giới thần thoại từ khi kéo màn cho tới khi buông màn. Xem đây:

Màn mở lên vào một buổi tối cuối đông, bóng đêm mênh mang, tiết trời giá lạnh...

Người chủ quán bó gối ngồi lặng tại một góc lều. Quanh đống lửa là ba người khách bộ hành, ánh lửa chập chờn lời lõm trên khuôn mặt sạm đen.

Tiếng củi nổròn tan, tiếng gió rít lọt kẽ cửa, không khí gian quán tĩnh mịch, ấm cúng. Yên lặng kéo dài một lát.

Tôi tưởng nếu nhờ được họa sĩ Thái Tuấn làm đề-co cho cảnh này, chỉ cần một tấm vải trắng làm khum xuống thành một vòm thấp, và một vài nét vẽ sơ sài nửa tượng trưng nửa biểu hiện, là đủ đưa khán giả tới: *tiền bán thế kỷ XIII. Trong một cái quán dựng tại thượng lưu sông Hoàng Hà, nơi ngã ba biên giới Tây Hạ và những con đường sa mạc mênh mông, quán tạm trú của khách bốn phương dừng chân sửa soạn cuộc viễn hành.* Tôi chỉ mạn phép tác giả bỏ đi mấy cái ghế gỗ quanh đống lửa, nhân vật của tôi ngồi xệp hết trên đất. Có lẽ khi thực hiện tôi phải yêu cầu tác giả khai triển thêm hai màn này, nhất là màn vỹ thanh, tính vừa đủ cái tác dụng mê hoặc khán giả trước khi vào thế giới thần thoại và nhất là gây ám ảnh theo họ khi họ đã ra thoát khỏi rạp.

Tôi không muốn dài dòng. Phần chính của vở kịch có thừa những đặc tính để hiện trên sân khấu. Suốt từ phút đầu đến phút chót là sự đuổi bắt một hình bóng: Cổ Giã Trường, với sự xuất hiện của những nhân vật rất vững vàng, cá tính rõ rệt: Thành Cát Tư Hãn khốc liệt, sứ giả Tây Hạ cứng cỏi, Dương Bân trung tín và Sơn Ca chập chờn điên đảo. Những phút căng thẳng đối chọi giữa Thành Cát Tư Hãn với các nhân vật khác. Những cơn mơ mộng của Đại Hãn về người đẹp, về quê hương, sự bàng hoàng tỉnh thức của Thúc Bột Đào, Dương Bân. Những phút hãi hùng của Sơn Ca, của năm nghìn con tin Tây Hạ. Một vài pha oai hùng lẫm liệt: Thành Cát Tư Hãn bắn cung, hạ Thúc Bột Đào. Tất cả nếu đủ khéo léo về kỹ thuật đều có thể hấp dẫn khán giả.

Duy còn một điểm tôi, nếu là đạo diễn, sẽ phải xin với tác giả nghĩ lại: đó là về Giang Minh, nàng công chúa Tây Hạ. Hãy nghe Thành Cát Tư Hãn ca tụng nàng:

Riêng ta... ta phải cám ơn người Tây Hạ, Công chúa của các người quả thực là đẹp, Giang Minh... Giang Minh... tên cũng đẹp... mà người lại đẹp hơn tên! (tầm mắt của vị vương Mông Cổ như xa ra). San phẳng một thành, đánh bại một nước, rồi ngay giữa đêm chiến thắng, giữa máu còn nồng chảy và lửa trận sáng ngời, giữa hai bát rượu khao quân, ngồi chính giữa chiếc ngai vàng của vua chiến bại, tự chọn lấy một người đẹp nhất trong đám đàn bà đẹp nhất của dân chiến bại, một người đẹp nhưng kiêu căng và dữ tợn như một chiếc ngựa nòi Mông Cổ, để rồi dần dần nhận thấy, giữa máu nồng chảy và lửa trận sáng ngời, người đẹp dần dần yên lặng, yên lặng và phục tòng, cũng như một chiếc ngựa nòi Mông Cổ... Hà! Ta nói quá nhiều... nhưng Giang Minh... sách nào đẹp bằng Giang Minh?

Khán giả tất nhiên sẽ chờ sự ra mặt của nhân vật đàn bà độc

nhất trong tấn kịch (không kể người đàn bà con tin bị chết chém) Giang Minh chỉ ra sân khấu lâu nhất vào cuối hồi hai và một thoáng vào hồi một và hồi ba, nhưng lại đóng một vai trò rất quan trọng: nàng là kẻ âm mưu đưa Thành Cát Tư Hãn đến sự thất bại trước Cổ Giã Trường. Vậy thì đó là một nhân vật không thể thiếu trong tấn kịch. Trước mặt Giang Minh, Thành Cát Tư Hãn, con người kiêu ngạo ngông cuồng từng nói: Thượng Đế chính là ta, đã phải thốt lời khen ngợi:

Giang Minh... Giang Minh là một kỳ nữ. Bao nhiêu binh hùng tướng mạnh của ta đều thua nàng cả.

Thành Cát Tư Hãn, vị đại hãn quyền uy chỉ biết truyền lịnh, đã phải quy phục, thú nhận:

T.C.T.H.: Giang Minh, tình yêu... nàng có biết tình yêu là gì không? (3).

G.M.: Thần thiếp là người chiến bại...

T.C.T.H.: Nàng không còn là người chiến bại nữa. Đối với ta, nàng chỉ là Giang Minh.

Nghĩa là trong tấn kịch Giang Minh, không phải chỉ để đóng vai trò âm mưu đánh đổ Thành Cát Tư Hãn, nàng còn là hình ảnh của người đàn bà muôn thuở, nhan sắc, *"như một vì sao trên vòm trời sa mạc"*, và bí ẩn. Nhưng Giang Minh chỉ mới đóng trọn vai trò thứ nhất. Đứng bên cạnh những nhân vật như Thành Cát Tư Hãn, Sơn Ca, Dương Bân, và ông già, nàng không có một ngôi vị nào trong thế giới thần thoại. Giang Minh chỉ là một nàng công chúa tầm thường, không cá tính, không số mệnh. Mỗi một nhân vật thần thoại là một nhân vật có một số mệnh riêng do mình lựa chọn. Chẳng hạn như Sơn Ca. Cho nên, Sơn Ca là nhân vật quyến rũ nhất. Tôi nhớ trong những bản thảo trước đây, có được trích đăng rải rác trên một vài tờ báo, tôi nhìn thấy Giang Minh trong một hình dáng và bộ mặt xứng đáng hơn.

Tất cả những nhận xét trên đây, tôi nhắc lại, đều trong điều kiện giả tưởng. Thành Cát Tư Hãn được dựng trên sân khấu do tôi đạo diễn. Bây giờ tôi nói tới vở kịch của Vũ Khắc Khoan ở ngoài sân khấu, coi Thành Cát Tư Hãn như một tác phẩm để đọc.

Đọc Thành Cát Tư Hãn, điều nhận được rõ rệt nhất là Vũ Khắc Khoan là một nhà văn sáng. Từ những vấn đề được đặt ra, những ý kiến được trình bày minh bạch đến lời lẽ diễn đạt đều được phát lộ một cách thông suốt, chững chạc, điều độ. Trong tác phẩm của ông, không có những khoảng mờ tối, ánh sáng ý thức của nhà văn soi rọi một cách đầy đủ. Đi vào tác phẩm của ông, người đọc thông minh không phải sợ hãi dấn thân vào một cuộc phiêu lưu bất trắc, người đọc bước tới bằng những bước vững chắc được tác giả hướng dẫn trên một con đường đã quang đãng.

Con đường ấy có thể nguy hiểm khi tác giả một mình vượt qua, nhưng bao nhiêu hiểm nguy tác giả đã tự lực quét dẹp và tới phiên người đọc họ có thể bình tĩnh đi qua và chỉ còn thấy những dấu tích của những chướng ngại.

Tôi muốn nói Vũ Khắc Khoan là một nhà văn cổ điển với tất cả ý nghĩa đẹp đẽ của tên gọi.

Trong màn giáo đầu: hai lần tác giả nhắc người đọc: *Thành Cát Tư Hãn chỉ là một cái cớ.* Vũ Khắc Khoan không nhìn Thành Cát Tư Hãn như một nhân vật lịch sử. Nói rộng ra lịch sử cũng chỉ là một cái cớ ở đó diễn tấn thảm kịch của những con người muốn được tự thực hiện đời sống của mình (4). Trong sự theo đuổi thực hiện đời sống, những con người đó dấn thân vào một cuộc rượt bắt sôi nổi bằng cách chinh phục những giới hạn đặt ra cho nhân thế : mở rộng khoảng không gian cho thân thể, kéo dài thời gian tới vĩnh viễn cho khát vọng, chiếm đoạt kẻ khác để thoả mãn ý muốn hiện hữu độc đáo. Kết quả, sự thất bại đau thương. Hai nhân vật chính trong vở kịch thể hiện sự thất bại ấy: Thành Cát Tư Hãn và Sơn Ca. Thành Cát Tư Hãn *trở thành một pho tượng đá, ngồi đó yên lặng lầm lì, khốc liệt* hầu như vô giác đón đợi sự kết liễu một cuộc đời đã từng tung hoành không biết chùn bước. Sơn Ca: một tên khùng sáng suốt. Nhưng trong cơn thất bại não nề, người ta vẫn bắt gặp sự kiêu hãnh ghê gớm.

Trong cái lối sống ấy, gay go, tàn bạo, lạnh lẽo, cô đơn, chỉ còn một niềm an ủi: tình bạn. Trong vở Thành Cát Tư Hãn, cái *thème-dominant* là tình bạn, cùng những *variations* độc đáo. Cái tình của những kẻ đã đi bên nhau từ đầu đến cuối cuộc đời, chia sẻ một một mộng ước giữa Thành Cát Tư Hãn và Dương Bân. Mối ràng buộc này lại còn biểu diễn, ở cả hai người bạn, sự luyến tiếc thời thơ ấu, thiên đường đã mất nơi chứa giữ sự hồn nhiên quý báu, sự ấm áp trìu mến của Mẹ đối với những con người đã chọn cái đời sống va chạm nảy lửa với sự tàn bạo lạnh lùng để chiến thắng. Những đoạn đối thoại giữa Thành Cát Tư Hãn và Dương Bân toát ra những cảm tình đằm thắm khỏe mạnh lẫn trong một nỗi bùi ngùi:

T.C.T.H.: ... Đại tướng... có nhớ ta bao nhiêu tuổi?

D.B.: Thần theo Đại Hãn từ thuở nhỏ. Thần nhớ lại là đã sinh cùng ngày với Đại Hãn. Năm nay... thần...

T.C.T.H.: (giọng nói trở nên trìu mến lạ thường): Dương Bân bao nhiêu tuổi?

D.B.: Tính đến mùa xuân sắp tới, thần vừa đúng bảy mươi tuổi.

T.C.T.H.: Dương Bân không có lỗi. Dương Bân đứng dậy. Đêm xuống rồi. Mà Dương Bân vừa đi xa về. Hãy đi nghỉ cho khỏi

mệt.

D.B.: (vươn dậy): Dương Bân này không biết mệt!

T.C.T.H.: Giỏi thay là Dương Bân của ta! Nhưng Dương Bân nên vì ta mà đi nghỉ. Dương Bân còn nhớ không, lời nguyền của ta và Dương Bân thuở còn nhỏ tuổi?

D.B.: Thần sinh cùng ngày với Đại Hãn. Thần nguyện theo hầu vó ngựa Đại Hãn cho đến mãn đời.

T.C.T.H.: Và nếu có chết, cũng xin chết cùng một ngày! Thôi ta cho đại tướng lui.

Cái tình của những kẻ cùng một nòi, cùng một số mệnh, nhưng chọn những con đường thực hiện khác nhau, giữa Thành Cát Tư Hãn và Sơn Ca. Mối tình cảm vì sự chia rẽ ngăn cách pha trộn sự tàn bạo độc ác, sự kiêu hãnh lạnh lùng với nỗi chua xót ái ngại ngập ngừng. Chỉ đến phút chót cái tình bạn ấy mới được thú nhận công khai:

T.C.T.H.: Sơn Ca, ta cho phép nhà ngươi rời khỏi trại.

S.C.: Ta không quen nhận lệnh. Ta ở lại (một lát). Ta muốn ở lại đến phút cuối cùng.

(Đại Hãn lên ngai, cầm ngang ngọn kiếm)

Nhà ngươi đâu rồi ?

T.C.T.H.: Ta đây. Ta ngồi trên ngai. Ta đợi Cổ Giã Trường.

Trong cái thế giới của những kẻ theo đuổi số mệnh mình không có chỗ cho tình yêu. Đó là thế giới cô độc, Thành Cát Tư Hãn luôn luôn tự hỏi: tình yêu là gì? Sơn Ca dửng dưng trước Giang Minh, hắn nói tới nàng công chúa bằng giọng lạnh nhạt khiêu khích:

Nói gì? Ca tụng sắc đẹp của Giang Minh, người mỹ nữ Tây Hạ? Ta tiếc rằng không còn mắt để chiêm ngưỡng cái sắc đẹp mê hồn đó! Nhà ngươi còn muốn gì hơn nữa, Thành Cát Tư Hãn? Nhưng nhà ngươi phải cẩn thận, con trai Tây Hạ đang ghen với nhà ngươi đó! Kể cả... Cổ Giã Trường...

Đó là lý do vắng bóng đàn bà trong Thành Cát Tư Hãn sự mờ nhạt của nhân vật Giang Minh. Cái thế giới của Thành Cát Tư Hãn và Sơn Ca là cái thế giới hung bạo của bọn đàn ông mà người đàn bà bị gạt ra ngoài.

Trở lại với nhận xét nêu trên: Vũ Khắc Khoan là nhà văn thức tỉnh, tôi muốn nói thêm ông quá thức tỉnh. Thái độ này của ông khiến những vấn đề ông đặt ra trong tác phẩm được giải quyết một cách gẫy gọn gần như dứt khoát. Những điều nào còn mở rộng ấy là những điều cho đến ngày nay người ta vẫn chịu bó tay. Ông đuổi hết sự mập mờ, tối tăm, hỗn loạn trong tác phẩm của ông, nhân vật của ông đứng khựng lại trước biên giới của ý thức, ông không cho phép chúng dò kiếm lời giải bằng cách mở ngỏ tiềm thức. Đó là cá

tính của nhà văn họ Vũ. Người ta có thể nhận thấy ngay đặc tính này trong lối hành văn mực thước, trang nghiêm, chuốt lọc. Đến cả những nhân vật bộc lộ tâm hồn mình một cách thiết tha nhất, người ta vẫn đọc thấy sự kiềm chế của tác giả trong một lời nói chừng mực vừa đủ.

Đứng ở vị trí người đọc, tôi nghĩ cái ánh sáng chan hòa của ý thức đánh lui hết bóng tối, chế ngự những thôi thúc tiềm ẩn vô lý ở một vùng đen đặc nơi chân thân con người đã làm giảm phần nào sự căng thẳng bi kịch gây ra do sự cuồng nộ của những lực lượng mù quáng đòi giải tỏa. Vở kịch có nhiều biến động của hoàn cảnh, nhưng nội giới các nhân vật vì bị nhốt trong ý thức chật hẹp không có những âm vang dữ dội thường thấy trong các bi kịch.

Hãy thử phân tích hai nhân vật chính là Thành Cát Tư Hãn và Sơn Ca.

THÀNH CÁT TƯ HÃN: KẺ BỎ CUỘC.

Tấn kịch nơi nhân vật Thành Cát Tư Hãn là sự thức tỉnh trước những giới hạn trong tự thân con người (sự già cả mệt mỏi, đời sống hạn định tự nhiên) và những cản trở của kẻ khác, của ngoại giới. Giấc mộng ngông cuồng muốn trường sinh bất tử, muốn khuất phục mọi người, Thành Cát Tư Hãn nhìn thấy không thực hiện nổi. Và vị Đại Hãn của Vũ Khắc Khoan đã ngồi im đón đợi cái chết như một lối giải thoát.

Chính sự thức tỉnh đã khiến cho cái chết của vị Đại Vương Mông Cổ không còn tính cách bi đát. Sự bi đát nảy sinh trong cơn va chạm khốc liệt giữa những thôi thúc mãnh liệt mù quáng bắt rễ trong đáy sâu thẳm của con người với những định mệnh trói buộc nó (định mệnh hiểu như những dây rợ chằng chịt ràng buộc con người với vũ trụ, ngoại giới, xã hội). Theo Nietzshe sự bi đát trong kịch là một sức mạnh làm người xem bàng hoàng sực tỉnh, rồi hoặc rùng mình sợ hãi hoặc ngất ngây thán phục, bởi nó diễn trọn vẹn cái giấc mộng của loài người muốn trở thành siêu phàm. Vượt ra ngoài Thiện Ác, những cái chết thê thảm của các nhân vật bi kịch đặt những nhân vật này thành những hình tượng thần linh, những con người siêu việt đã dám sống trọn vẹn số mệnh bi đát. Bởi cái chết soi chiếu lại cho những cuộc đời ấy ý nghĩa của một sự lựa chọn duy nhất, sự tự do tối hậu của kiếp người. Trong cái chết, cả cuộc đời đã sống, không hề bị phủ nhận và số mệnh với sức mạnh cuối cùng cũng không chinh phục nổi.

Nhân vật của Vũ Khắc Khoan ở ngoài nhận định trên. Khi Cố Giã Trường tìm đến tiêu diệt Thành Cát Tư Hãn thì chính Thành Cát Tư Hãn đã tự tiêu diệt mình rồi. Thành Cát Tư Hãn với chính mình đã chối nhận con đường mình lựa chọn, không đi hết. Cho

nên Thành Cát Tư Hãn trở nên thụ động, không chống trả với tình thế bên ngoài. Trừ hồi thứ nhất, Thành Cát Tư Hãn còn khốc liệt, từ màn hai trở đi nhân vật càng lúc càng mệt mỏi rã rời. Thành Cát Tư Hãn bị lôi cuốn xô đẩy trong biến động của hoàn cảnh và hắn không muốn chống cự nữa vì sự tỉnh thức cứ mỗi lúc một sáng rực. Chúng ta không hề một lần được chứng kiến Thành Cát Tư Hãn đối diện thực sự với định mệnh, tận dụng hết quyền lực để chống chọi. Trước Sơn Ca, trước Cố Giã Trường, Thành Cát Tư Hãn lùi bước vì sự sáng suốt thức tỉnh của mình trước khi vận dụng đến tận cùng những lực lượng sẵn có. Càng lúc Thành Cát Tư Hãn càng nhoà dần trong sự ồn ào xô động của tình thế. Hắn yếu đuối đáng thương biết là chừng nào, hắn tự nhận bất lực và hắn đã bị cái chết chinh phục.

Sự tự phủ nhận trước khi thử thách tới cùng tới chết của nhân vật chính, làm cho sự căng thẳng của bi kịch bị chùng đi, vì giữa nội và ngoại giới hết mâu thuẫn xung đột. Gần như thầm kín Thành Cát Tư Hãn mặc nhiên thỏa thuận đồng lõa với cảnh ngộ xảy tới, tấn kịch chỉ gồm trong những biến chuyển của một ý thức đã định hướng.

Cũng rất có thể là Vũ Khắc Khoan đã nhìn thấy sự bi đát trong sự sáng suốt khiến con người không còn ngông cuồng chống lại số mệnh mà ngồi nhìn nó tới. Nhưng dù sao tôi vẫn nghĩ sự nhu nhược của T.C.T.H. đã làm cho vở kịch thiếu những âm vang đáng lẽ có.

SƠN CA : TÊN KHÙNG SÁNG SUỐT.

Sơn Ca là nhân vật biểu diễn rõ nhất sự tỉnh thức của Vũ Khắc Khoan. Đó là một con người đã tự cởi bỏ mọi ràng buộc để được hoàn toàn tự do. Đó là một ý thức trong suốt, một lương tâm cao vời, trong tấn kịch. Đó là tấm gương soi Thành Cát Tư Hãn khiến Thành Cát Tư Hãn giác ngộ. Đó là kẻ thù và cũng là bạn của Thành Cát Tư Hãn.

Nếu chỉ là thế chưa thể giảng hết được sự quyến rũ của vai trò Sơn Ca. Theo ý tôi Thành Cát Tư Hãn chính là tấn thảm kịch Sơn Ca. Bề ngoài Sơn Ca là kẻ bàng quan bị lôi cuốn vào trong một guồng máy khắc nghiệt, Sơn Ca đóng vai dửng dưng ngỗ ngược trước mắt mọi người, sự thật Sơn Ca sống trọn vẹn hơn hết tấn thảm kịch xung quanh. Tấn kịch của Sơn Ca là tấn kịch của một con người bướng bỉnh muốn đạt đến tự do đầy đủ, hoài nghi hết mọi thứ, tấn kịch của một con người muốn sáng suốt hoàn toàn để sống nên chưa biết sống ra sao. Nhưng Sơn Ca đã cố gắng sống tới cùng với một thái độ lựa chọn không bỏ cuộc như Thành Cát Tư Hãn.

Người ta gọi Sơn Ca là tên rồ. Người ta không biết rằng Sơn Ca là biến dạng của Thành Cát Tư Hãn. Hoặc nói ngược lại cũng được.

Sơn Ca chưa đến hai mươi tuổi. Thành Cát Tư Hãn bảy mươi tuổi. Trong khi Thành Cát Tư Hãn rong ruổi trên lưng ngựa chinh phục đất đai thì Sơn Ca là một tên rồ suốt ngày lang thang đây đó. Khi Sơn Ca và Thành Cát Tư Hãn gặp nhau, họ có thể trao đổi vai trò lẫn nhau:

T.C.T.H.: Nhà ngươi bao nhiêu tuổi ?

S.C.: Ta chưa đến hai mươi tuổi. Nhưng ta già hơn người Mông Cổ. Các ngươi không có quá khứ.

T.C.T.H.: Ta không hiểu nhà ngươi nói gì. Nhưng cũng không sao, nhà ngươi đã yêu ai bao giờ chưa?

S.C.: Yêu là yêu nhau. Hiện thời ta chỉ nghĩ đến ta.

T.C.T.H.: Đúng (một lát). Giống ta.

S.C.: Ta hiểu.

Thấy không. Hai con người đó cũng một nòi. Họ chỉ khác nhau ở chỗ một người già đã sống, thực hiện khát vọng tuyệt đối của mình trong cuộc chinh phục thế giới không ngừng nghỉ, một người trẻ chưa sống, thực hiện khát vọng tuyệt đối của mình trong cuộc chinh phục cái thế giới tối tăm nội tại. Cả hai nhìn nhau để nhận thức sự thất bại của mình. Cho nên nếu Thành Cát Tư Hãn đã nhìn vào Sơn Ca để giác ngộ, thì Sơn Ca cũng ở lại chứng kiến phút cuối cùng của Thành Cát Tư Hãn để nhận định về mình. Sau tấn kịch Sơn Ca đã nói! Hắn phải chết. Hắn chết rồi. Các ngươi còn muốn gì nữa?

Cái ý thức sáng suốt tự do tới cực điểm trong một người cũng khốc liệt chẳng kém gì uy quyền của vị Đại Vương Mông Cổ. Và nếu Thành Cát Tư Hãn, con người ngông cuồng trong hành động còn tìm thấy cái chết để giải thoát khi thức tỉnh thì trái lại, Sơn Ca, cái ý thức tự do hóa thành một nhà ngục giam người vào sự bất động bàng quan không thể tới với ngoại vật. Tấn kịch của Sơn Ca là mối dằn vặt của sự sáng suốt điên khùng. Một người bị nhốt trong một lồng kính giữa cuộc đời.

Một tác phẩm bao giờ cũng là một nhận thức của tác giả trước sự vật. Nhận thức của tác giả có thể hợp với số ít hay số đông, điều đó không quan hệ đến giá trị tác phẩm. Tôi nghĩ rằng giá trị của tác phẩm không ở chỗ thuyết phục được người đọc hay không. Khi viết tác phẩm, tác giả chỉ làm công việc trình bày nhận thức của mình và sự hiện diện tồn tại của tác phẩm tùy theo nó có là một sự kiện đặc sắc khiến người đọc phải dùng nó để đối chiếu kiểm điểm về mình hay không.

Những điều tôi đã trình bày về Thành Cát Tư Hãn chính là ở

trong sự đối chiếu đó. Tất cả những ý kiến phát biểu nảy sinh từ sự xác định vị trí tác phẩm ấy đối với riêng tôi mà thôi.

Không chỉ riêng tôi, bất cứ cái "tôi" nào, nếu có những quan niệm để đối chiếu, đều có thể khác biệt với Vũ Khắc Khoan. Nhưng, không phải vì thế mà không nhận Thành Cát Tư Hãn là một tác phẩm giá trị.

Thanh Tâm Tuyền
1962

---

(1) Thành Cát Tư Hãn, Kịch của Vũ Khắc Khoan, Quan Điểm xuất bản 1962.

(2) Những chữ in nghiêng suốt trong bài này là nguyên văn của Vũ Khắc Khoan.

(3) Câu này đã được hỏi ở hồi thứ nhất nhưng chỉ là lời lẽ kiêu ngạo của kẻ chiến thắng. Lần này là một lời thú nhận đáng thương.

NHA Y SĨ
DƯ THỊ MỸ LAN
NHA KHOA TỔNG QUÁT

CHUYÊN TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
9141 Bolsa Ave Suite 302
Westminster California 92683
Telephone : (714) 898-6449
Hours by appointment
NHẬN VISA VÀ MASTERCARD

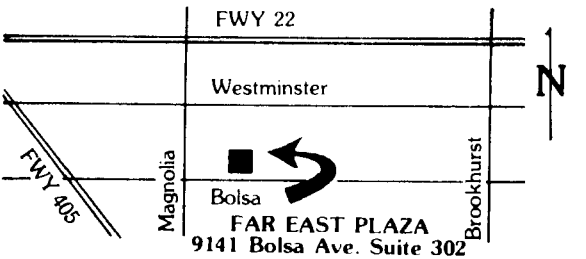

Định Nguyên

Người dưng

1.
Người như cánh lá rơi ngậm ngùi
Tình nâng về trời
Bỏ lại nơi tôi
Một nấm mộ đời chất ngất

2.
Người như dòng tóc
Chan hoà nước mắt
Khóc cho hạnh phúc lẻ loi
Tôi vẫn nghe đời
Cho một niềm vui hiu hắt

3.
Người như bóng trăng xưa lạnh ngắt
Soi vết chân rã rời
Trên bãi hoang quê người
Vẫn thấy nhau một đời
Mà chẳng giữ được nhau

4.
Người như mắt long lanh giọt sầu
Rơi lưng chừng nỗi đau
Phím buốt bàn tay năm ngón lạnh
Âm thừa nhỏ lệ cho nghìn sau

5.
Và người như trận mưa mau
Bỏ tôi nỗi chết tím sầu chiều xưa
Giọt pha lê vỡ hồn thừa
Trái thương đau cũ cuối mùa rụng rơi

6.
Người như trái trên cành cây tội lỗi
Đời đời mời gọi
Tôi vẫn kẻ đam mê
Nhưng khoảng cách của một tầm tay với
Là nghìn trùng huyệt mộ của đêm khuya

7.
Trước sau người đến rồi đi
Hồn tôi là bến chia lìa người dưng.

Tháng 8.1987.

Kiệt Tấn

Em áo chim

con chim nho nhỏ
xuống ăn bông cỏ
chim ngước mỏ nhìn
tình em áo đỏ

con chim liễu hoàng
đáp xuống vồng lan
chim niểng đầu ngó
nhỏ em áo vàng

con chim xinh xắn
núp mình bóng nắng
chim vỗ xập xoè
nhoè em áo trắng

con chim vành vành
trốn giữa lùm chanh
chim kêu tha thiết
tiếc em áo xanh

con chim lá cúc
la đà ngọn trúc
chim bớ tình nương
thương em áo lục

con chim giang đầu
mổ lá sầu-đâu
chim run lưỡi đắng
nhắn em áo nâu

con chim nàng hương
đậu cành nhớ thương
con chim thôi thúc
giục em áo hường

con chim cánh điểm
liệng chao tìm kiếm
chim buông tiếng sầu
đâu em áo tím

chim vàng cánh nhỏ
em nhỏ áo vàng
khoai tím vồng lan
em mang áo tím
lòng anh ngọt lịm
hường trắng đêm thâu
anh ôm tình sầu
mê man xanh lục
lao xao lá trúc
anh gọi thôi thúc
chim ơi chim ơi
em ơi em ơi
chim ơi chim ơi.

Văn Học

Phỏng vấn nhà thơ Viên Linh

Lời toà soạn : *Viên Linh là tác giả khoảng gần 20 cuốn sách đã xuất bản, trong đó có hai tập thơ :* Hoá Thân (1964) *và* Thủy Mộ Quan (1982) . *Giải nhất Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc 1974 bộ môn Văn với cuốn* Gió Thấp *chưa xuất bản. Học bổng The Ford Foundation năm 1976 để viết và đã hoàn tất* Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam, *chưa xuất bản. Viên Linh vào nghề báo từ năm 17 tuổi và nổi tiếng là người chuyên làm Tổng Thư Ký Toà soạn : Từ 1964 đến 1972, anh lần lượt làm Thư Ký hay Tổng Thư Ký Toà soạn các báo* Dân Ta, Kịch Ảnh, Đất Tổ, Nghệ Thuật, Khởi Hành *và* Tiền Tuyến. *Chủ nhiệm Tạp chí* Thời Tập *(1973-1975). Rời Sài Gòn, nhà thơ Viên Linh tới định cư tại vùng Thủ đô Hoa Thịnh Đốn từ 1975. Tới 1984, anh dời về Nam Cali. Ba năm qua, không thấy sáng tác của Viên Linh trên mặt báo.*

Mới đây, trong một cuộc gặp gỡ sinh hoạt văn học, nhà thơ Viên Linh cho biết anh bắt đầu viết trở lại, chưa kể dự tính chủ trương một quí san văn học. Nhân số Văn Học chủ đề Văn Nghiệp Vũ Khắc Khoan, Văn Học xin phỏng vấn nhà thơ Viên Linh về nhà văn Vũ Khắc Khoan, cùng những vấn đề khác trong sinh hoạt văn nghệ hải ngoại.

Sau đây là nội dung cuộc phỏng vấn ấy :

Văn Học : Đặt mình trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại, bạn có nhận định gì ?

Viên Linh : Tôi không thể nào trả lời được câu hỏi này, mặc dù đã chỉ thu nhỏ suy nghĩ vào phạm vi văn học. (Ở lãnh vực nghệ thuật, trong các bộ môn như hội hoạ, điêu khắc, điện ảnh..xem như ta lâm vào cảnh chở củi về rừng). Chữ Văn Học, thật ra cũng còn lớn. Chưa có nghiên cứu, phê bình, diễn thuyết, làm sao có văn học ? Chỉ mới có Thơ và Truyện, đa số là những sáng tác ngắn mà thôi, cho nên khi văn học chưa có phê bình, thì những cảnh múa gậy vườn hoang rồi sẽ lộng giả thành chân; những cây bút mới - mặc dù có thiện chí và nhiệt thành - có người chưa từng có tác

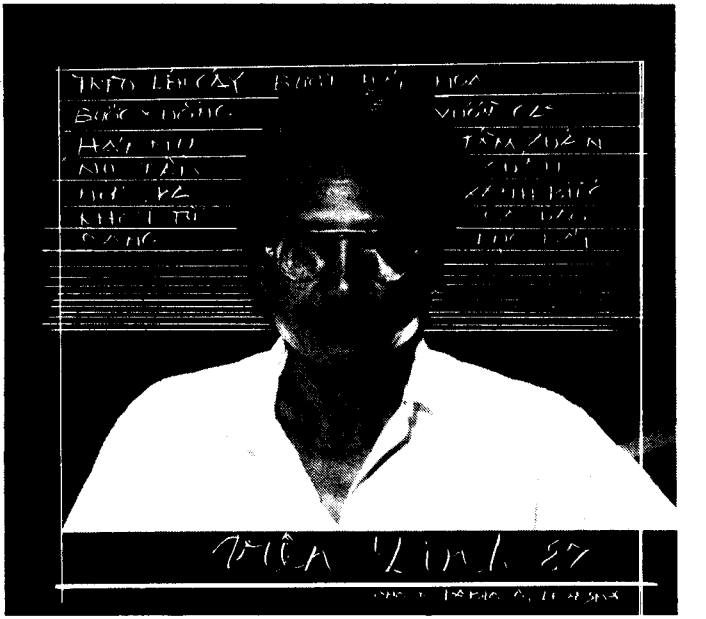

phẩm, đã được nêu danh là nhà văn, nhà thơ...Trước 1975, "ký giả cà phê" và "ký thiệt" nếu là một vết đen cho nghề báo, thì sau Tị nạn, "mõ chợ" - chữ của Nhật Tiến - đã chễm chệ ở trên bàn độc ngôn luận. Dù vậy, tôi tin rằng tình hình sẽ ngày một sáng sủa hơn. Đấy là nói về nhân sự.

Còn về tinh thần, chiều hướng của văn học Việt Nam hải ngoại, thận trọng mà nói, không thấy khả quan. Lớp trung niên của Chia Cắt Đất Nước 1954 - những người *nhi bất hoặc* đương thời - nay đã hạc vàng đi mất, như Vũ Khắc Khoan, Bình Nguyên Lộc; hoặc thật sự qui ẩn, như Đỗ Thúc Vịnh, Mặc Đỗ, Duy Thanh. Thanh nhàn mà chơi có Nghiêm Xuân Hồng. Mệt nghỉ có Tạ Tỵ. Đợi chờ có Vị Ý. May thay trăng vẫn sáng đêm xuân, có người vẫn cặm cụi bên bàn, rán dọi chiếu những buổi chiều thu cuộc đời vào văn học, người bạn vong niên tôi tìm đến tận nhà ở Qui nhơn cách đây vừa đúng 30 năm: Võ Phiến, người chiến sĩ cuối cùng của thế hệ anh, khi vỡ mặt trận, lưu vong, còn cố gắng ghi chép danh tính các chiến hữu và đồng đội vào Phướn Văn Chương, công việc ý nghĩa nhất ta có thể làm trong những tháng ngày lữ thứ này.

Lớp trung niên của Di Tản 1975: những nỗ lực mệt nhoài và tản mạn. Đã làm, đã thất bại, đang làm, và sẽ còn làm. Kiều còn nước còn tát. Thấy ở Nhật Tiến một niềm tin. Ở Lê Tất Điều nỗi mất

mát. Ở Dương Kiền hưu trí non. Ở Lê Huy Oanh lãng đãng. Ở Đỗ Tiến Đức vận động. Ở Túy Hồng cách biệt. Ở Nguyễn Hữu Hiệu cô đơn. Ở Mai Chửng chỉ còn điêu khắc không gian. Ở Nguyên Khai trồng cây cảnh và xoay qua tiểu công nghệ sơn mài. Ở Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Mộng Giác tin tưởng. Ở Đào Mộng Nam biệt tích. Có Đặng Phùng Quân, Nguyễn văn Sâm từ Biên Khảo đi vào Sáng Tác. Có Hà Thúc Sinh không thể ngồi yên. Có tôi vun sới xóm gừng.

Văn Học : Xóm gừng ?

Viên Linh : Hay xóm tỏi cũng thế. Gừng tỏi diệt sâu bọ rất tốt. Già có cụ Hoàng văn Chí đang mở rộng chân trời cho những suy niệm mai sau. Trẻ có Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn thị Ngọc Nhung...mà sáng tác là khai phá nhiều mặt, đề tài ở nhiều hướng tới : đại diện cho một thế hệ nhà văn không khởi viết từ mình, không đào sới nát bấy lòng mình như con đường mòn của một thế hệ trước hiện còn có người theo đuổi một cách say mê.

Văn Học : Ý kiến của bạn về sách báo Việt Nam tại hải ngoại hiện nay ?

Viên Linh : Vì ở ngoài sinh hoạt báo chí quá lâu, chỉ xin có vài nhận xét nhỏ :

* Trong khoảng nửa năm nay, có đến 4 tờ báo in hình phóng lớn toàn trang của chủ nhiệm ra bìa nhất. Hình như chủ nhiệm bán được.

* Không biết từ bao giờ, quảng cáo được in ngoài bìa báo (bìa mặt, dưới tên tờ báo). Không biết sáng kiến đăng quảng cáo ở bìa báo có trước sáng kiến đăng hình chủ nhiệm hay ngược lại. Dù sao, nếu việc in hình chủ nhiệm có trước thì chủ nhiệm quan trọng hơn quảng cáo. Nếu việc in quảng cáo ngoài bìa có trước thì quảng cáo quan trọng hơn chủ nhiệm. Nếu không thì quảng cáo và chủ nhiệm đều ngang ngửa cả. Nghe nói giá quảng cáo đang thấp dần : từ 15 đô một phần tư trang đến 60 đô toàn trang. Trang bìa chắc phải thêm vài chục đô. Như đã nói, ở ngoài báo chí đã lâu, sự hiểu biết của tôi có thể khiếm khuyết, hoặc lỗi thời về vấn đề giá cả.

* Một cựu chủ nhiệm cho biết : Báo in càng nhiều, càng lỗ. Báo không để bán, chỉ cần in đủ để trình thân chủ quảng cáo thôi : báo in ít chừng nào, hay chừng ấy. Nghệ thuật là vẫn lấy chừng ấy tiền mà in ít còn hơn là in thật nhiều mà vẫn thu có chừng ấy tiền.

Nhìn vào báo chí văn học, thấy anh em khổ cực quá. Vừa viết vừa hỏi xung quanh số sau có ra được không thì thật là ngao ngán. Về mặt độc giả, lớp trẻ lớn lên càng ngày càng ít đọc Việt ngữ. Tựa như thân thể ngày một mất máu, toàn bộ thấy chán ngắt. Về sách, thấy sáng sủa hơn, nhiều tác phẩm và tác giả mới, nhiều cuốn thật

đồ sộ. Ở Cali, có hai nhà xuất bản làm việc đều đặn : nhà *Văn Nghệ* của Thầy Từ Mẫn, trước trông coi nhà Lá Bối ở Sài gòn, và nhà xuất bản *Người Việt*. Còn những người làm càn chuyên in lại sách cũ của các tác giả vắng mặt không thể gọi là nhà xuất bản được.

Văn Học : Đối với những người đồng hội đồng thuyền lớp trước, bạn có theo dõi hay còn liên lạc với họ không ?

Viên Linh : Luôn luôn theo dõi. Thuyền trước, những người bạn vong niên đã đi gần hết. Đầu tiên ở quê nhà, thi sĩ Trần Việt Hoài tự sát vào một ngày mùng Một Tết. "Để chúng mày đừng quên giỗ tao !"- tôi nghe nói lại. Đó là câu đùa cay của Anh, chứ cộng sản ép Anh vào chỗ phải chết. Anh làm thơ làm báo trước chúng ta nhiều năm. Anh và tôi gặp nhau khi anh làm báo cho Vũ Ngọc Các, tờ *Dân Chủ*; tôi bên *Ngôn Luận*, khoảng 1955, 1956. Bên *Dân Chủ* lúc ấy có đăng bài của Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại...Trần Việt Hoài là con cụ Trần Tuấn Khải, tác giả bài thơ chống Pháp nổi tiếng *Anh Khoá, Ái Quốc Hờn*. Anh quí tôi từ lúc đến thăm Anh nơi trú ẩn, một căn nhà ở khu Bến Tắm Ngựa, lúc Anh và các đồng chí bị chế độ Ngô Đình Diệm lùng bắt...Đâu khoảng 1960. Ngồi lại trong nhà thật lâu nghe Anh thuật chuyện làm cách mạng và ngâm thơ, thỉnh thoảng anh giục tôi đi về vì lo cho tôi bị liên lụy. Hình ảnh chẳng bao giờ quên: Anh nghèo, lúc nào cũng cười lớn, kể cả lúc cắp mấy miếng bìa cạc-tông trong có xấp bản thảo quanh các toà soạn ở Sài gòn...

Rồi tin Thạch Trung Giả tự tử chết. Anh Thạch, lúc còn dạy ở Đại học Vạn Hạnh, đứng trong Bộ Biên tập tờ Thời Tập của tôi, viết những bộ sách giá trị về triết học, văn học. Anh có tư cách của những người theo cổ học. Những người bạn vong niên truyền cho tôi nhiều điều trân trọng: quí chữ nghĩa, nghiêm chỉnh với bằng hữu.

Văn Học : Về kịch tác gia Vũ Khắc Khoan (chủ đề Văn Học số này), bạn có những kỷ niệm gì ?

Viên Linh : Những năm đầu mới từ Hà Nội vào, Chu Văn An phải ở nhờ học đậu Pétrus Ký ở đường Nancy. Học sinh các lớp đệ tam đi học vào buổi sáng, và vì thế tôi đã phải xin đổi sang Hồ Ngọc Cẩn, học buổi chiều, khi anh Đỉnh, giáo sư Lý Hoá lớp Hè luyện thi Đệ Tứ năm trước giới thiệu tôi với anh Lê Tâm Việt, giám đốc trị sự báo Ngôn Luận, và tôi bước vào nghề báo, vài tuần lễ sau khi niên khoá khai giảng. Trong thời gian ngắn ngủi đó, anh Khoan vào lớp đâu có một hai lần, lần một giờ, lần hai giờ, nhưng mà "nhất tự vi sư bán tự vi sư", điều sau này tôi có đem ra phàn nàn với anh, cả quyết dù chỉ một nửa chữ của anh tôi cũng chưa học được.

Khoảng 1951, khi còn ở Hà Nội, tôi đã được đọc Vũ Khắc

Khoan. Còn nhớ đó là vở kịch *Giao Thừa*. Người độc giả nhỏ tuổi lúc đó ở tôi đã rất thích cái cảnh một nhân vật loay hoay với cái bàn năm chân, và một nhân vật loay hoay định nghĩa chữ Giao Thừa. "Kịch"đi vào tôi với cái bàn năm chân của Vũ Khắc Khoan từ đó. Anh Khoan trong suốt thời gian quen biết chỉ nói về Kịch với tôi đăm ba lần, lần Anh làm giám khảo Giải Văn học Nghệ thuật toàn quốc, bộ môn kịch, năm tôi gửi vở *Con Đường Ngựa Chạy* dự thi-chỉ đoạt giải đồng hạng - lần Anh và tôi cùng làm giám khảo Giải thưởng Kịch của Quân đội do Cục Quân huấn tổ chức, và một lần liên quan đến tác phẩm dài đầu tay của tôi in năm 1966 : cuốn *Thị Trấn Miền Đông*. Khi sách do Tạp chí Văn xuất bản, nó là một *tân truyện*, song thực ra nó là vở kịch cùng nhan đề đã đăng làm ba kỳ trên tạp chí *Văn Nghệ*. Trần Phong Giao, người gây dựng tạp chí *Văn* ở Việt Nam nói kịch không thể bán được, muốn Văn in, phải sửa nó thành tân truyện. Người tác giả trẻ là tôi lúc đó đã nhượng bộ: chữ kịch, các ghi chú của kỹ thuật kịch, bị xoá bỏ, và *Thị Trấn Miền Đông* được in ra dưới dạng một truyện cỡ trung. Một tân truyện. Anh Khoan sau đó gặp tôi trước toà soạn tuần báo *Kịch Ảnh*, trên đường Phạm Ngũ Lão, nghiêm nghị nói : "Tưởng cậu không để ai thuyết phục được mới phải". Lời này làm tôi hơi cay, tuy lời lẽ anh thường là như thế. Nhớ hồi còn ở trong lớp, bọn ngồi bàn chót nói chuyện ầm ĩ, anh bắt cả bàn đứng dậy, từ tốn nói :

— "Các anh cúi nhìn xuống mặt ghế"

— "...?"

— "Nhìn xem các anh chiếm mất bao nhiêu diện tích chỗ ngồi ?"

— " ??? "

— "Nhiều người tử tế đàng hoàng đang mong ước những diện tích đó...Tùy các anh !"

Vũ Khắc Khoan lúc nào cũng lừng lững như một pho tượng. Trên sân khấu trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, chỉ cho Trần Quang một động tác trước khi *Thành Cát Tư Hãn* kéo màn. Trong Đêm Màu Hồng một giờ sáng, ngồi sau một mặt bàn tròn, gõ bàn mà ngâm *Hồ Trường*.Đi trên hành lang Phủ Quốc vụ khanh Văn hoá, bước xuống quán nhậu Hải Biên, mái tóc chải ngược về phía sau, hai vai chắc nịch, cặp mắt mở lớn, dọi thẳng, bước đi vững chãi; anh có cái điệu bộ đi thẳng vào đám đông như biết đám đông sắp rẽ ra, để sau đó nhìn theo sau lưng anh mà ngưỡng mộ một tấm thân nam tử...

Vũ Khắc Khoan đứng trong nhóm Quan Điểm từ Hà Nội, trí thức tiểu tư sản với vận động lịch sử, hình như có một thời gian có liên lạc với cuộc vận động của Phật giáo. Anh là người muốn tôi giữ vai trò Tổng thư ký Toà soạn nhật báo Đất Tổ, đúng vào lúc chính phủ của hai ông quân nhân Thiệu Kỳ và Phật giáo đi đến chỗ

quyết liệt. Rất ngần ngại bởi tình thế lúc đó, vả đang bận rộn với một vài báo khác, tôi đã lưỡng lự. Anh nói, Đất Tổ cần một người có nghề báo đã đành, Đất Tổ còn cần một người có thiện cảm với Phật giáo, và là người quen biết, vì thế anh mới đề nghị tôi. Không có cách gì từ chối, tôi đã trải qua những ngày tháng cầm bút căng thẳng, bởi toà soạn luôn luôn bị rình rập, theo dõi (một toà soạn rất ít người lui tới, chỉ có các chú nhỏ xẹt qua ném bài vào bàn, chỉ có các bà già đem bản thảo tới...). Mỗi ngày, những cái tựa nẩy lửa, những bài viết dữ dội. Có một hôm, sau cuộc họp báo của phe Quân nhân, đặc phái viên Đất Tổ, Nguyễn Khắc Nhân, bạn tôi, hiện là chủ nhiệm Người Việt San Diego, chạy về tòa soạn với một lời nhắn "mấy ông Đất Tổ" của ông Nguyễn Cao Kỳ. Lời nhắn tôi cho là đứng đắn, và thành thật : "Anh về nhắn mấy ông Đất Tổ, chúng ta là những người trẻ, có gì thì nói thẳng với nhau..". Nhưng những người trẻ chưa có dịp để nói thẳng với nhau thì Đất Tổ bị đóng cửa. Anh Khoan, sau đó tôi biết rõ, hay cười giật mỗi khi nhìn tôi. Anh chẳng nói gì, cười giật, và trong mắt nhìn thấy cả nụ cười.

Vũ Khắc Khoan viết khó khăn. Anh giữ mục Nhật ký Văn nghệ khi tôi làm tổng thư ký tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật. Khi giỏi, gần một trang, khi không, nửa trang, thường thường lại không có. Cho nên ít khi tôi chờ bài anh. Cũng chẳng giục; hỏi thì có hỏi mà không giục. Anh viết thất thường, tôi không coi anh là người viết báo, như Bình Nguyên Lộc, Mặc Đỗ, Võ Phiến, rất đều đặn. Anh chỉ là người viết tác phẩm. Những gì anh có để đăng báo là những thứ lặt vặt, những thứ tiền-tác-phẩm, những gỗ vụn, ngói vỡ mà người kiến trúc là anh không dùng làm gì được trong việc xây dựng ngôi nhà lớn. Khi đó, anh có một chút để đăng báo, chẳng hạn, Nhật ký Văn nghệ.

Văn Học : Trong cuốn Văn Học Miền Nam : Tổng quan , *Võ Phiến ghi nhận Thơ bạn xuất hiện trong khoảng thời điểm 1954-1960. Bạn khởi viết từ lúc nào và khi nào thì tác phẩm được phổ biến trên báo chí ?*

Viên Linh : Không nhớ rõ lắm. Chỉ biết hằng tuần nhóm bạn mới vào trung học chúng tôi đều họp bàn thảo luận văn nghệ, hoặc ở trên đồi Yên Thế, hoặc ở Láng, hoặc tại đền thờ Hai Bà ở Đồng Nhân, hoặc ở khu bờ sông gần Viện Viễn đông Bác cổ, ba nơi trên thuộc ngoại thành Hà nội. Cuối năm đệ thất, tôi rời bỏ nhóm bạn cùng lớp ở Chu Văn An để nhập vào nhóm đệ ngũ Dũng Lạc. Bọn tôi xuất bản một tờ tuần báo khổ nhỏ, chỉ có 16 trang, nhưng đưa sắp chữ, in ra đàng hoàng. Báo ra có 3 số thì ngưng. Rút lại còn ba người, vẫn tiếp tục bàn chuyện văn nghệ. Chúng tôi thường gặp

nhau tại Toà án Hà nội, bàn bạc về tờ tạp chí văn học lúc đó , tờ *Thế Kỷ* với Bùi Xuân Uyên, Tạ Tỵ, Trúc Sĩ, Nguyễn Xuân Khoát, tờ tạp chí *Phổ Thông* của Đại học Luật khoa (với Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng), tác phẩm *Bão Biển* của Mặc Thu, *Cầu Sương* của Ngọc Giao, *Nhìn Xuống* của Sao Mai...Khi di cư vào Nam, một trong ba chúng tôi không may mắn: Trường Giang , năm 1957 vượt qua sông Bến Hải bị cộng sản bắn theo. Giang không bao giờ tới bờ Tự Do. Bọn chúng tôi từ đó chỉ còn hai người : Dương Nghiễm Mậu và tôi, và cũng chỉ gặp lại nhau qua tờ *Sáng Tạo*. Ở Sài gòn, chúng tôi có thêm bạn mới, do đó xuất bản tạp chí *Văn Nghệ*, và việc viết lách có thể nói là không khi nào bị gián đoạn, kể từ 1952. Đây cũng là năm truyện ngắn của tôi được đăng trên tờ *Tiếng Dân*, ở trang Xã hội của tờ nhật báo này, và là lần đầu tiên có bài viết được trả nhuận bút.

Văn Học : Bạn có nhớ tác phẩm mà bạn thích nhất lúc đó là tác phẩm nào, của ai không ?

Viên Linh : *Đêm hay Ngày* của Arthur Koestler, bản Việt ngữ của ai thì không nhớ, hình như do Tân Việt ở Sài gòn xuất bản. Ngoài ra còn *Trước Cảnh Hoang Tàn Đế Thiên Đế Thích* của Lê văn Trương. Lê văn Trương là tác giả "dưới gầm giường" của tôi. Dưới gầm giường là vì tôi bị cấm đọc, nhất là đọc Lê văn Trương. Khi phải rời Hà nội vào Nam, tôi phải bỏ lại khoảng một trăm cuốn tiểu thuyết dưới gầm giường, phần lớn của Lê văn Trương: *Cô Từ Thung, Tôi Là Mẹ, Người Anh Cả, Những Đồng Tiền Xiết Máu, Ngựa Đã Thuần Rồi Mời Ngài Lên, Tôi Thầu Khoán, Trường Đời*..Bạn có biết Lê văn Trương là tác giả khoảng hai trăm cuốn sách ? Tôi đọc gần hết sách ông trước khi vào đệ thất, và trong khi thuê sách các tác giả khác để đọc, tôi không thuê truyện Lê văn Trương. Sách ông, thì tôi mua.

Văn Học : Có thể gọi Lê văn Trương là thần tượng của bạn lúc đó không ?

Viên Linh : Tôi chẳng rõ. Gọi thế cũng không sao. Với tuổi 12, 13, Lê văn Trương là một thần tượng của tôi, bên cạnh những thần tượng khác như Phượng hoàng Lê thành Các, vô địch xe đạp vòng đua Đông dương; tay vợt Mai văn Hoà hay cô đào Kim Chung, vai chính trong phim Kiếp Hoa; kép độc Sỹ Tiến cực kỳ gian ác, và Esther Williams, cô đào bơi lội có cặp giò thật tròn trong những phim chiếu ở rạp Ciros hoặc rạp Đại Nam trên phố Huế.

Văn Học : Thế thì khi nào bạn làm thơ ?

Viên Linh : Sau ba năm quen Dương Nghiễm Mậu, đọc thơ Dương Nghiễm Mậu - Mậu chỉ làm thơ những năm 52,53,54 ký Hương Việt Hương - trong khi tôi chỉ viết truyện - tôi thấy mình có thể làm thơ hay hơn Dương Nghiễm Mậu nên tôi chuyển qua làm

thơ. Đó là năm 1955. Làm thơ rồi, tôi mới biết truyện không phải địa hạt của tôi.

Văn Học : Cái gì đã làm bạn ngưng lại khá lâu trong việc làm thơ?

Viên Linh : Mười lăm năm trước, tạp chí Văn đã hỏi tôi câu này trong số Văn Đặc Biệt về Thơ. Lúc đó là tám năm sau khi tập ***Hoá Thân*** được xuất bản. Tập *Thủy Mộ Quan* mới xuất bản có năm năm nay. Khoảng cách giữa hai tập thơ ấy là 18 năm , 1964-1982. Tôi hy vọng khoảng cách giữa tập thơ thứ hai và tập thơ thứ ba sẽ không lâu hơn mười tám năm như lần trước.

Ít thơ in ra hoặc ít thơ xuất bản không có nghĩa là ngưng làm thơ. Thơ lúc nào chẳng làm, và nếu bạn hỏi một câu mà bạn thường hay hỏi, là nếu phải vứt bỏ mọi tác phẩm của mình để chỉ giữ lại một cuốn thôi, thì tôi sẽ vứt bỏ những gì và giữ lại những gì, câu trả lời thật dễ dàng : có thể vứt bỏ hết, trừ Thơ.

Văn Học : Bạn có một câu giải thích không ?

Viên Linh : Thơ là mình, Văn chưa hẳn đã là mình. Viết văn mãi có thể trở thành chuyên nghiệp, làm thơ mãi vẫn không. Văn xuôi, kể chung mọi loại, là sản phẩm của nghề viết, còn Thơ là tác phẩm khác hẳn. Ra đời sớm, năm 17 tuổi, Trần Dạ Từ và tôi ở chung, làm việc chung, viết chung nhiều thứ, rồi đem đến các toà báo tiêu thụ. Chúng tôi thích làm thơ mà rồi phải chọn viết văn. Chúng tôi ký nhiều bút hiệu không thể nhớ, có khi có đến 5, 10 truyện đăng trong một tuần, ở một tờ báo ký 5, 10 tên khác nhau. Khoảng từ 1955 đến 1960, nếu thu lại, mỗi người cũng có được 50 truyện, không kể những truyện ký bút hiệu chính: bút hiệu ký khi làm thơ.

Ở trên tôi vừa nhắc đến văn xuôi và nghề viết, Nghề văn. Có nghề văn mà không có nghề thơ. Báo chí ta không có lệ trả nhuận bút cho Thơ, trừ ba tờ *Phổ Thông* của anh Nguyễn Vỹ, *Bách Khoa* của Lê Ngộ Châu, và *Văn* của Nguyễn Đình Vượng. Trần Dạ Từ và tôi đồng ý với nhau : không gửi thơ đăng đâu mà không có nhuận bút. Có lần 5 giờ sáng tôi đập cửa báo *Sáng Tạo* khi Mai Thảo còn ngủ. Đó là năm 1960. Mai Thảo sau này than phiền chưa có ai lại đòi nhuận bút Thơ như thế.

Trở lại câu bạn hỏi "Cái gì làm tôi ngưng làm thơ lâu thế ". Chẳng biết trả lời bạn ra làm sao. Có bài *Ẩn Mật* có thể dùng để trả lời câu hỏi ấy. Và kèm thêm hai bài thơ mới khác. Gửi Văn Học.

Ẩn Mật

Ẩn thân
Ẩn mặt
Ẩn đời,
Bao nhiêu Tuổi Ẩn một thời u cư

Ẩn ngôn
Ẩn ngữ
Ẩn thư,
Bao nhiêu Nghĩa Ẩn giải trừ cái không

Ẩn danh
Ẩn phận
Ẩn lòng,
Bao nhiêu Trắc Ẩn xuôi dòng Hoá Sinh

Ẩn vi
Ẩn trí
Ẩn tình,
Bao nhiêu Ý Ẩn mạo hình thế sự

Ẩn môn
Ẩn đạo
Ẩn cư,
Vài chôn Sỹ Khí Quê Xưa cõi người

Ẩn hoa
Ẩn mộng
Quên đời,
Nhân sinh vẫn một khóc cười còn hai

Tháng 1.1986

Phương Tây

Hoa ơi
Hoa nở
làm gì ?

Mà hoa không nở còn chi dặm hồng ?

Phượng hoàng
Khép cánh
Trời Đông

Lòng ta héo ngọn ngô đồng phương Tây.

Tháng 2.1987

Sang trang

Lật qua trang sách lưu vong
Thấy lòng biển trắng / còn không thấy gì.

Thấy rời
Thuyền chữ
li ti,
Chữ đi còn nghĩa -
Thuyền đi thuyền lìa.

Chữ trôi
Dừng lại sau bìa,
Thuyền trôi bốn bể / thuyền về bể dâu.

Có đêm gấp sách gối đầu
Vẳng nghe chữ nghĩa gọi tàu sang trang.

Tháng 7.1987

Nguyễn Nhật Duật

Quan điểm nghệ thuật của Vũ Khắc Khoan qua "Thần Tháp Rùa"

Vũ Khắc Khoan là một nhà văn viết ít và viết thận trọng. Từ tác phẩm nọ sang tác phẩm kia, ý thức nhà văn như muốn tự ấn định cho mình những tiến bộ trong cách đặt vấn đề, những đổi mới hay kiện toàn trong sự cấu tạo nên một hình thức diễn tả ý, tình. Mối ưu tư về bút pháp rất nặng nề trong ý thức họ Vũ, mà người đọc nhận thấy hiển hiện qua từng chữ đẽo gọt, từng câu trau chuốt ở mỗi tác phẩm của ông. Sự đẽo gọt trau chuốt đó cho người đọc cái cảm tưởng đang thưởng thức một sản phẩm công phu, tác giả đã lao tâm khổ tứ tạo nên và hẳn muốn gửi gắm vào đấy biết bao suy tư đã chín và bao rung động đã đầy. Sự cân nhắc trong phép dụng ngữ nơi họ Vũ như muốn bắt mọi ý bạo tình cuồng phải thuần, phải lắng, phải nép mình trong giới hạn chặt chẹm của khuôn khổ văn chương cổ điển. Những xô lệch, bất bình, sôi nổi bề mặt, nếu có lúc chợt hiện trong văn Vũ Khắc Khoan, thì cũng chỉ là kết quả của một suy tính, một chọn lựa kỹ càng, đặt cái biến động nhất thời như thả một cánh bèo cho trôi nổi trên một làn nước im lìm, tức là trên nền một toàn thể tĩnh. Cái "tĩnh" đó bảo đảm thế quân bình và những chi tiết "động" chỉ góp phần cho sự quân bình được uyển chuyển. Sự dao động lao chao, hay gọi là mâu thuẫn, chỉ là cái động lực thúc đẩy con người văn nghệ đi tìm cái tĩnh, hay gọi là quân bình. Mâu thuẫn khởi đầu cho sự vượt mâu thuẫn để đạt tới quân bình. Đấy há chẳng là chủ đích của văn nghệ, theo Vũ Khắc Khoan? Bởi họ Vũ đã từng khẳng định: *"Văn nghệ bắt nguồn ở một mâu thuẫn và hướng tới một thế quân bình"* (Thần Tháp Rùa, trang 82). Nhưng cái thế quân bình, làm chuẩn cho tinh thần văn nghệ cổ điển, không chỉ dừng lại trong giới hạn của một hình thức văn chương. Với Vũ Khắc Khoan, nó là thước đo tầm vóc của

ý thức con người trong đời sống, trước lịch sử. Và dụng ý nhà văn ở tập truyện "Thần Tháp Rùa" chính là thâu tóm và vượt mọi mâu thuẫn gay go trong lịch sử để vươn tới cái thế toàn diện, thống nhất và quân bình của tinh thần muôn thuở. Một bên là "tư bản đè xuống", một bên là "vô sản vùng lên", *"chúng ta thật đã sa vào cái thế trên đe dưới búa" (Thần Tháp Rùa, trang 12)* "Chúng ta" đây là giới tiểu tư sản. Ý thức tiểu tư sản là ý thức đi tìm một thế đứng không nghiêng chành không hẳng chân, trong cuộc tương tranh chí tử giữa tư bản và vô sản. Tác giả đã chọn lựa và xác nhận: *"Tôi chỉ là một trí thức tiểu tư sản"* (Thần Tháp Rùa, trang 41). Nhưng sự chọn lựa đó có ý nghĩa gì? Ấy là chọn lựa đứng về phía đa số, như lời sư phụ của Trương Chi đã răn chàng trước khi cho chàng xuống núi hát giữa cuộc đời: *Chính những người đồng cảnh với con mới thuộc số đông vì không giàu mà lại chẳng nghèo, tuy lắm lúc trắng tay mà vẫn mơ theo hạc nội"* (Thần Tháp Rùa, trang 52). Đám đông nhân loại vẫn là đám người đứng giữa tư bản và vô sản. Người trí thức tiểu tư sản Vũ Khắc Khoan, trong suốt tập truyện "Thần Tháp Rùa", chỉ cốt nhấn mạnh rằng giới tiểu tư sản mới thực là giới mang đầy đủ tính chất của con người, không hy sinh con người cho những lý tưởng cực đoan, cho ảo tưởng Thiên Đường như những người vô sản tranh đấu đã làm. Con người tiểu tư sản, mà văn nghệ sĩ là điển hình chấp nhận thân phận làm người tương đối — có âm có dương — không chịu chối bỏ tình yêu nam nữ để sống trong một Thiên Thai thuần âm ở đó người nữ không biết yêu, không có được một rung cảm nào giao ứng với người nam. Đó là ý nghĩa nền tảng của truyện "Nhập Thiên Thai" trong tập truyện "Thần Tháp Rùa"; ý nghĩa này bao trùm quyết định của Lưu Nguyễn lìa bỏ Thiên Thai trở về trần. Nhưng mặt khác ý nghĩa này còn nhằm tố cáo sự thiếu vắng tình yêu trong Thiên Đường mà Cộng Sản mơ ước, mà họ xả thân tranh đấu để đạt tới. Tại sao, sự thiếu vắng đó? Vì Thiên Đường Cộng Sản là Tuyệt Đối mà Tuyệt Đối thì không chấp nhận tương đối, không bao dung thân phận con người lưỡng tính — có nam có nữ, do đó có yêu thương. Ở tập truyện "Thần Tháp Rùa" tác giả nỗ lực diễn tả tính chất phi nhân bản và phi văn nghệ của con người Cộng Sản. Trương Chi từ khi chịu ca hát để phục vụ cho quyền lợi giới thuyền chài thì cũng hết còn là nghệ sĩ, chàng dần dần biến hình, "lột xác", thành một anh thuyền chài cục mịch, mũi tẹt, răng hô... Sự tranh chấp giữa tương đối và tuyệt đối, giữa nhất thời và vĩnh cửu không phải chỉ nằm trong ý thức con người giữa đời sống, hay trong lịch sử, mà còn nằm ngay giữa lòng nghệ thuật: Truyện "Người đẹp trong tranh" phỏng theo giai thoại đã thành văn "Bích Câu Kỳ Ngộ" kể chuyện Tú Uyên và nàng Giáng Kiều trong tranh, nhằm

diễn tả sự tranh chấp đau đớn này. Chiếm hữu một Giáng Kiều sống làm người hữu hạn, tương đối, nhất thời, hay chỉ coi nàng là phương tiện giúp chàng vẽ cho xong bức tranh tố nữ là một tác phẩm nghệ thuật có giá trị vô hạn, tuyệt đối và vĩnh cữu? Đó là mối băn khoăn của Tú Uyên, và sau đó, sự chọn lựa giải pháp thứ hai đã khiến phải hy sinh tất cả tình yêu say đắm cho nghệ phẩm, sự hy sinh xót xa cùng cực. Và rồi chàng bỏ đi biệt tích khi vẽ xong bức tranh, có lẽ vì tuyệt vọng, vì hối hận? Rốt cuộc, nghệ thuật cũng chỉ là trò chơi phù phiếm, viển vông, khi từ chối con người, dù nghệ thuật chính là hương thơm tinh túy của kiếp người? Cái ý nghĩa bấp bênh, hàm hồ, nhưng lại phức tạp và bát ngát, của đời sống, chỉ trở thành nam châm thu hút rung cảm nghệ thuật, khi người nghệ sĩ thấy mình thực sự hiện hữu trong đời sống đó, một cách toàn diện nhưng bằng sự chấp nhận tương đối, say đắm nhưng vẫn hướng tới quân bình, xác nhận những giằng co xung đột, những mâu thuẫn trùng trùng điệp điệp nhưng vẫn thiết tha với sự thống nhất của viễn quan nghệ thuật.

Mở đầu cho sự nghiệp văn chương của Vũ Khắc Khoan tại miền Nam Việt Nam, tập truyện "Thần Tháp Rùa" xuất bản lần thứ nhất năm 1957, đã xác định một quan điểm văn nghệ thật rõ ràng: quan điểm văn nghệ tiểu tư sản. Văn nghệ không phải chỉ là sự diễn tả cuộc đời một cách khách quan, mà còn là ca ngợi con người, mà con người đó là con người đa diện — hay hơn thế nữa: toàn diện — con người hiện diện trong mọi hoàn cảnh phức tạp của lịch sử, tức là con người làm chứng nhân thường trực của cuộc đời đầy những đổi thay. Hãy nghe: *"Tôi muốn kịp thời có mặt ở mọi khúc quanh của dòng tiến hóa. Và nhất là vì... tôi cũng muốn yêu... Vì tôi là một con người. Con người toàn diện, như anh thường nói"* (Thần Tháp Rùa, trang 103). Và đó là con người lạc quan, rất lạc quan, đầy tin tưởng ở *Nhân tính tốt đẹp,* thứ nhân tính cổ điển: kết hợp của sáng suốt, tự do và cao cả, tức là của lý trí, ý chí và tình cảm trường cữu nơi con người theo quan niệm cổ điển, theo Lý tưởng mà truyền thống triết học Tây Phương đã đề cao. Lý tưởng đó gắn liền với một kỷ nguyên được đặc biệt phát huy trong một vài thời điểm lịch sử. Mà tác giả Vũ Khắc Khoan cũng viết tập truyện trong một giai đoạn nhất định của lịch sử Việt Nam. Năm 1957 thuộc về giai đoạn ngắn ngủi vài năm trong đó giới tiểu tư sản ở đây còn nhiều ảo tưởng lạc quan về vai trò của mình trước những bế tắc trầm trọng của cuộc tương tranh tư bản — vô sản. Tiểu tư sản có thể là một lực lượng trung hòa, hòa giải và thống nhất tinh thần cho nhân loại. Có thể, như người ta đã tin tưởng, hồi đó... Nhưng càng ngày lớp người tiểu tư sản lại càng có vẻ sa lầy, bối rối trong cái vũng bùn xã hội là chế độ thư lại phục vụ

một cách bất đắc dĩ cho võ lực và tiền tài, dưới danh hiệu chuyên gia (càng ngày càng đông đảo, tạo thành một thành trì càng lúc càng kiên cố để bảo vệ cho những thế lực khống chế đại chúng). Ý thức muốn bay bổng và niềm tin tưởng muốn nở hoa, của con người văn nghệ tiểu tư sản, có một giới hạn rõ rệt, bị cột chặt vào những viễn tượng hứa hẹn của thời đại. Bởi thế, giọng văn chậm rãi, trầm trọng với những diễn tả được quy định rạch ròi những mẫu nhân vật sản phẩm của các khuôn khổ cũ, biểu hiện những tình những ý đã trở thành ước lệ, trong suốt tập truyện "Thần Tháp Rùa", còn cho thấy những băn khoăn lưỡng lự, những thao thức, dò tìm, nhất là những ngẩn ngơ, lúng túng, bên cạnh vài quyết định có tính cách bồng bột của nhân vật. Không khí của "Thần Tháp Rùa" là không khí u trầm tịch mịch của những tâm thức dày vò hơn là không khí sôi động của dòng đời lôi cuốn. Ý thức soi sáng cả tập truyện vẫn là một ý thức tự bản chất còn nằm trong cái thế chênh vênh giữa lý tưởng và đời sống. Giá trị và giới hạn của tập truyện là ở niềm xao xuyến của ý thức đang đi tìm sự quân bình đó.

Đến kịch "Thành Cát Tư Hãn" xuất bản giữa năm 1962, ý thức tác giả đơn thuần hơn, thái độ biểu hiện trong vở kịch có "kịch tính" hơn : quyết liệt hơn, dứt khoát hơn và cũng thoát khỏi một mớ ảo tưởng huyền hoặc cũ. Nhân vật Sơn Ca, chứng nhân (đau đớn và) bình thản của tấn tuồng lịch sử, là kẻ tự đặt mình bên lề lịch sử, với niềm nghi hoặc mỉa mai dành cho các ý nghĩa, các giá trị trong lịch sử. Thái độ nhìn lịch sử như một cuộc tang thương đa nghĩa mà vô nghĩa, đã tỏ một sự chán chường. Nhưng Sơn Ca mù lòa đi về hướng mặt trời mọc là hình ảnh gợi nên một niềm hy vọng nào đó — mơ hồ, kỳ quặc, phi lý — ở lịch sử, phải chăng? Ít ra vở kịch này đánh dấu một thay đổi (một bước tiến?) trong ý thức tác giả. Nhưng nói về vở kịch "Thành Cát Tư Hãn" — cũng như nói về tập lộng ngôn "Ngộ Nhận", mà nội dung như muốn mặc khải ý nghĩa sự sáng tạo ra đời sống, chính cả đời sống, lịch sử, vân vân, chỉ là ý nghĩa của một trò chơi, nhưng là một trò chơi buộc mọi người phải tham dự, kể cả kẻ sáng tạo trò này — là vượt khỏi khuôn khổ giới hạn cho những ghi nhận ở đây về "Thần Tháp Rùa".

Nguyễn Nhật Duật

Cao Huy Khanh

Vũ Khắc Khoan : Huyền truyện của những năm Năm mươi - Việt Nam.

... Vũ Khắc Khoan : *"... văn nghệ bắt nguồn ở một mâu thuẫn và hướng tới một thế quân bình. Nghĩa là văn nghệ dựa vào một chuyện có thật để "bịa" ra một chuyện sắp xảy ra" (1).* Vấn tắt có thể xem lời phát biểu của tác giả (đúng hơn là của một nhân vật của ông) như một lời định nghĩa đại khái về loại thể tài Huyền truyện (Conte). Diễn giải dài dòng hơn thì Huyền truyện là những truyện ngắn rất đặc biệt vì tuy nó được mô phỏng theo những truyện cổ tích truyền kỳ từ lâu trong dân gian (mang đầy vẻ thần kỳ, quái đản, linh dị, hoang đường) nhưng lại được cố ý sửa đổi một vài tình tiết chính yếu để cốt đưa ra những ý nghĩa mới nhằm ám chỉ, một cách khôn khéo và bóng bẩy, cái thời đại mà chính tác giả hiện đang sống (cái thời đại mà chính trên cái mặt bàn của nó, với ngòi bút trong tay, ông đã viết nên tác phẩm này). Loại truyện này thường lấy bối cảnh những thời đại lịch sử đã chìm trong quá khứ (những thời đại lịch sử đã vùi vào trong lòng lịch sử vô tận), mượn những nhân vật khai sinh từ thần thoại hay những câu chuyện truyền kỳ: (những Trương Chi, Lưu (và) Nguyễn, Tú Uyên — Giáng Kiều...). Nghĩa là nhà viết Huyền truyện chỉ cần mượn cái khuôn mẫu tổng quát đã có sẵn của những câu chuyện truyền kỳ bình dân ai cũng biết cũng kể được mà thôi chứ riêng về phần nội dung và nhất là về phần hình thức (nên nhớ những truyện cổ này không có hình thức nhất định vì vốn phát xuất từ nền văn học truyền miệng) thì hầu như họ phải khởi sự viết lại tất cả để hầu mang lại (hay đúng hơn là gán ghép) cho nó một ý nghĩa mới (Phải chăng ấy cũng là một hình thức của chủ nghĩa xét lại trong văn chương: chủ trương "bình cũ rượu mới"?) Như thế việc làm này hẳn là không kém phần khổ nhọc như công việc sáng tác thuần túy nhất là đối với một vài trường hợp hiếm hoi khi tác giả tỏ ra không

bằng lòng với những truyện cổ đã có sẵn, không chọn được một truyện nào vừa đặc sắc lại vừa thích hợp với cái chủ ý mình dự định sắp bày tỏ (trường hợp truyện *Thần Tháp Rùa*). Thật là kỳ cục khi phải làm một công việc không kém phần khó khăn và cực nhọc so với công việc sáng tác để tạo nên những văn phẩm vốn tự nguồn gốc không thể định danh là những sáng tác thuần túy được! Đã biết vậy thế nhưng tại sao vẫn có người đeo đuổi loại thể tài sáng tác này và không phải chỉ có một người mà thôi đâu? (Hãy nhớ đến Doãn Quốc Sỹ với những truyện Cổ tích, Nguyễn Mạnh Côn với những truyện Giả tưởng, cả Nguyễn Sỹ Tế cũng có đôi lần thử bút nữa, và sau này còn Dương Nhiễm Mậu với câu chuyện về Từ Hải, về Kinh Kha nữa). Thế thì chắc chắn người ta phải có một mục đích một dụng ý nào đó khi quả quyết nhúng tay vào với loại truyện này. Thế nhưng nếu muốn vậy thì ngay cả những loại thể tài thông dụng khác như tiểu thuyết chẳng hạn cũng có thể làm được kia mà bởi người ta đã chẳng nói rằng văn chương, dù bất cứ dưới hình thức nào dù với loại thể tài nào chăng nữa, cũng đều gián tiếp bày tỏ thái độ sống và suy tưởng của nhà văn, văn chương có nhiệm vụ truyền đạt một "thông điệp" đến cho nhân loại đó sao? Không, Huyền truyện tuyệt đối không giống như vậy không chỉ giới hạn có thế mà thôi và nhà viết Huyền truyện tuyệt không thể mượn những thể tài khác để có thể nói hết ý của mình được. Tại sao? Bởi vì điều mà ông ta muốn nói ấy không phải chỉ là cái tình mà chính là cái lý, điều mà ông ta muốn tỏ bày không chỉ là cái cảm tưởng hay những rung động của nhà nghệ sĩ xao xuyến trước muôn vạn sắc màu của cuộc đời mà chính là sự xác định một thái độ một lập trường chính trị hay luân lý thật dứt khoát thật minh bạch, những thái độ và lập trường nảy sinh từ nỗi suy tư thao thức băn khoăn của người trí thức (những "kẻ sĩ" trong thời mạt vận ấy) đứng trước hiện tình đất nước. Thật vậy, nhà văn, qua Huyền truyện, tha thiết muốn trình bày thật rõ ràng và đầy đủ một lý thuyết một đường lối suy tưởng và hành động để đối phó với những biến chuyển của thời thế, để đáp ứng cấp thời và có hiệu quả với những đòi hỏi tham dự tích cực vào thực tại mà toàn thể cái thời đại họ đang sống không lúc nào ngưng kêu gọi, thôi thúc. Chắc chắn với những yêu cầu căn bản đó các loại thể tài khác không đủ sức để chuyên chở và chuyển đạt nổi một cái nội dung tỏ ra quá nặng nề quá dài dòng khô khan mà lại có vẻ mang một cái vẻ dạy đời hay tuyên truyền một cách lộ liễu (sự thất bại của Doãn Quốc Sỹ, Mặc Đỗ trong những Truyện ngắn, Truyện dài đầu tay).

Ngược lại với tiểu thuyết, loại thể tài Huyền truyện chừng như có vẻ thích hợp hơn cả với cái chủ trương sáng tác cho một thứ lý thuyết về luân lý thực tiễn đó. Bởi vì ít ra nữa Huyền truyện

cũng có được cái khuôn mẫu của những câu chuyện dạy đời vốn đã có từ ngàn xưa và được quần chúng chấp nhận và ưa thích để rồi truyền tụng từ đời này qua đời khác: ấy toàn là những ngôn ngữ và hành vi của người xưa đáng kính, những bài học răn đời mà tiền nhân để lại, là những khuôn vàng thước ngọc cho mọi cách thế xuất xử ở đời chẳng hạn. Hơn nữa, nhờ cái xảo thuật "đội lốt cổ nhân" đó mà nhà văn dễ dàng tránh được tính chất lộ liễu đôi khi đến chỗ quá đáng mà cái dụng ý "lập thuyết" của mình thường không tránh khỏi đem lại (một nhược điểm trầm trọng).

Tóm tắt, đó là cái định nghĩa rõ về Huyền truyện, một loại thể tài văn chương có vẻ kỳ khôi vì tự bản chất đã ngầm chứa trong nó một thứ nghịch lý đầy nghệ thuật tính là bề ngoài thì khoác một vẻ cũ kỹ và đã quá thông dụng nhưng bên trong lại bao hàm những ý nghĩa rất tân thời, những dụng ý táo bạo, những khám phá khác thường và độc đáo. Đó là (một trong những) loại thể tài sáng tác, là khuynh hướng văn chương, là con đường sự nghiệp, trong tư cách toàn vẹn của một nhà văn, mà Vũ Khắc Khoan đã chọn (bởi vì chính Kịch là một loại thể tài khác, trong yếu tính, tỏ ra gần gũi với Huyền truyện hơn là với Tiểu thuyết — Và ngay cả *Túy (Tùy) Bút* nữa, ấy cũng chỉ là một thứ bài giảng, là những lời phụ chú (trong cơn say?) cho Huyền truyện mà thôi..

*
* *

Vũ Khắc Khoan : *"Tôi là một trí thức Tiểu tư sản, tôi nhận như vậy. Trước mặt ông là người của Đảng Cộng Sản, cũng như tôi vẫn nhận như vậy trước mặt mọi người"* (tr.41). Lời phát biểu này của một nhân vật thuộc về Huyền truyện (và của chính người đã khai sinh ra hắn) có thể dùng để báo trước cho người ta thấy được phần nào cái mục đích của Vũ Khắc Khoan khi viết Huyền truyện trong giai đoạn lịch sử này: Ông viết Huyền truyện với dụng ý để chống Cộng. Đó cũng là điều dễ hiểu vì đó là kết quả tất nhiên gây nên bởi những ảnh hưởng của thời thế như đã nói. Tất cả mọi người đều đang chống Cộng, điều đó hiển nhiên, nhưng còn vấn đề chống cộng như thế nào, dùng cái gì để chống cộng, ấy mới chính là điều làm ông bận tâm hơn cả. Người Cộng sản xuất hiện với một lý thuyết hành động một chủ nghĩa xã hội một chế độ chính trị rõ ràng và dứt khoát, vậy muốn chống Cộng cho có kết quả tất phải tìm ra cho được một lý thuyết một chủ nghĩa một chế độ nào vừa tỏ ra thích hợp với mình mà lại vừa có tính cách đối nghịch lại với họ một cách có hiệu quả. Đó là điều mà Vũ Khắc Khoan và các bạn đồng chí của ông đã miệt mài theo đuổi: Đi tìm một ý thức hệ mới cho Miền Nam. Chính cái ý thức hệ mới đó sẽ là cái căn bản tư tưởng dùng để đặt cơ sở cho tất cả những công trình xây dựng và

chiến đấu để trường tồn, trong độc lập và tự do, tại Miền Nam về tất cả mọi phương diện.

Cái ý thức hệ mới đó ngày nay người Miền Nam đã quá quen thuộc, ấy là cái ý thức hệ của những người Quốc gia không Cộng sản nói chung và nói riêng theo cách nói của Vũ Khắc Khoan là ý thức hệ của tầng lớp "Trí thức Tiểu tư sản". Người ta có thể tóm tắt dễ dàng mấy điểm quan trọng cốt yếu của cái ý thức hệ này như sau — Trí thức Tiểu tư sản là những người không theo Tư bản cũng không theo Cộng sản, bị chèn ép giữa hai gọng kềm đó họ phải tìm cách vùng lên để tìm một lối thoát — Đề cao phần giá trị thiêng liêng của phần tâm linh, tinh thần của con người để chống lại chủ trương duy kinh tế duy vật chất của Cộng sản — Coi trọng vai trò của phần tình cảm, tình người, lòng nhân đạo hơn tinh thần hệ thống giáo điều, lý luận — Trái với chế độ độc tài họ chủ trương chế độ tự do dân chủ...

Dĩ nhiên, dù yếu tính vị luân lý của chính nó (nên nhớ đây là một thứ luân lý thực tiễn nhằm đưa ra những giá trị dùng để đưa đến hành động), Huyền truyện cũng không thể cho phép tác giả đi xa hơn nữa trong việc thuyết minh chủ trương của mình (điều này phải nhờ đến Nghiêm Xuân Hồng, lý thuyết gia chính thức của Nhóm Quan Điểm — Hơn nữa đó cũng không phải là mục đích của bài viết này). Dẫu sao, qua những điểm cốt yếu trên người ta cũng có thể phần nào tìm thấy được cái bản sắc tư tưởng của Vũ Khắc Khoan đó là một tinh thần suy tưởng phóng khoáng và tiến bộ đặc biệt là trong cái nỗ lực làm một cuộc tổng hợp tư tưởng Đông Tây: Cái đạo lý ngàn năm của phương Đông vẫn được ông nhắc nhở đến nhiều, giấc mơ siêu thoát hướng về cái tuyệt đối và lý tưởng, cái ý vị phóng lãng thoát tục của không khí Đường thi, những câu chuyện hư hư thực thực về nhân tình thế thái, những lời bàn luận về cái Đạo Trời và Đạo Người khúc chiết, cái triết lý về cái lẽ Đạo huyền vi âm dương sinh sinh hóa hóa, sự đề cao nhân tính, tính thiện và cái tình người, sự tôn trọng những giá trị bẩm sinh đầy cao quí về tinh thần, tâm tình, nghệ thuật... — Trong khi đó thì dường như người ta có thể tìm thấy một chút gì có vẻ rất Hiện sinh nơi ngôn ngữ những nhân vật cổ điển của ông *("Tôi không muốn thành điên như Lưu và Nguyễn. Tôi không muốn vắng mặt những sáu trăm năm. Tôi muốn kịp thời có mặt ở một khúc quanh của dòng tiến hóa. Và nhất là vì... tôi cũng còn muốn yêu... Vì tôi là một con người. Con người toàn diện, như anh thường nói."* (tr. 103) — *"Thú thật với ông là vẫn còn những kẽ hở li ti giữa tấm màn lý luận trong tôi. Và đối với tôi thì chính những kẽ hở đó lại những điểm cốt yếu, lý do của sự hiện hữu của tôi"* (tr.57) và rồi những tưởng về tự do dân chủ, tuy ngày nay ai nấy đều thuộc lòng cả, nhưng đừng quên rằng ấy là những sản phẩm tư

tưởng của phương Tây. Cái nỗ lực tổng hợp tư tưởng ấy của Vũ Khắc Khoan ngày nay xem chừng có vẻ thật lạ đời nhưng nên nhớ rằng vào thời đó, giữa thập niên Năm mươi, ấy cũng là một bước tiến bộ đáng kể từ sau những phong trào "Theo mới triệt để" khởi xướng bởi Nhóm Tự Lực Văn Đoàn rồi đến phong trào tôn cổ và phục cổ của các Nhóm Tri Tân, Thanh Nghị thời Tiền chiến. Chính nhờ đặt căn bản trên một nỗ lực tổng hợp tư tưởng Đông Tây đó mà sự truyền đạt một ý thức hệ chính trị trong tác phẩm Vũ Khắc Khoan ít có tính chất khô khan buồn nản để trở nên sống động, quyết rũ hơn.

Và đồng thời cũng chính nhờ cái nền tảng tổng hợp tư tưởng đặt căn bản cho ý hướng sáng tác đó mà hình ảnh Vũ Khắc Khoan hiện diện trước mắt người đọc là một Vũ Khắc Khoan đa dạng vừa có thái độ trầm tư trước những đổi thay của thời thế mà lại vừa có phong cách phóng khoáng của một nhà nghệ sĩ Đông phương. Đó cũng chính là cái sắc thái độc đáo đã làm ông nổi bật một cách riêng bên cạnh những người cùng thời ngay cả đối với những người đồng chí và đồng cảnh ngộ với ông: Trong khi những nhà văn trong Nhóm Sáng Tạo có tư cách của những người nghệ sĩ biết rung động, cảm nhận và nhìn ngắm cuộc đời trước mặt thì những Mặc Đỗ, Nguyễn Mạnh Côn lại có tư cách của những nhà trí thức muốn dùng văn chương để bày tỏ thái độ cùng lập trường chính trị của mình đối trước hiện tình đất nước Riêng Vũ Khắc Khoan chừng như ông dung hoà được với mình cả hai cái tư cách đó vậy (phải chăng ấy cũng là một cách tổng hợp khác? Và cũng nói về cái tài năng chuyên môn tổng hợp này của người Việt Nam thuần túy, không biết còn có mối liên hệ về tư tưởng nào giữa Vũ Khắc Khoan và một người bạn thiết khác của ông, Gs. Nguyễn Sỹ Tế?).

***

*V*ũ Khắc Khoan: "Thành Cát Tư Hãn chỉ là một cái cớ". Vâng, tất cả chỉ là một cái cớ, kể cả Huyền truyện. Cái cớ đó, vào giữa thập niên 50, còn nguyên vẹn, nhưng đến nay nó đã không còn như xưa nữa hay ít ra nó cũng đã đổi thay phần nào. Cho nên đọc lại Huyền truyện của Vũ Khắc Khoan ấy cũng chỉ là một cách gọi là để nhớ lại, tưởng niệm, một giai đoạn lịch sử đã trôi qua, mà trên cái sự trôi qua đó đã có biết bao nhiêu xương máu rã rời với chập chờn những bóng ma quá khứ (ôi những bóng ma oan khiên của lịch sử, một lịch sử đen). Thế thì thử hỏi Huyền truyện còn lại những gì? Phải chăng ấy là cái phần hình thức của nó?"

Đúng đó là ngôn ngữ của Huyền truyện, một ngôn ngữ rất gần với ngôn ngữ của Kịch, loại kịch đã sử, thứ ngôn ngữ của Thành Cát Tư Hãn, của Sơn Ca và của Giang Minh (hỡi người đẹp thành Tây Hạ đã vị quốc mà vong tình!). Trước tiên là nghệ thuật tả cảnh quá điêu luyện đối với cái bối cảnh bắt buộc nhất định ở đây là cái

khung cảnh và không khí những triều đại quân chủ xưa (hẳn là ông ta đọc được chữ Nho? Đừng quên cái tuổi tác của ông ta: hẳn là ông ta phải sinh ra vào cái khoảng thời gian khi mà trong xã hội ta có một số nhà thuộc vào hàng danh gia khoa hoạn ban đầu vẫn cho con cái đi học chữ Nho, rồi sau đó mới chịu cho phép bỏ bút lông để cầm bút mực! Nếu không thì hẳn ông ta cũng là người đọc sách Tàu khá nhiều!) Tiếp đến là nghệ thuật xây dựng nhân vật: những nét tâm lý tế nhị, đầy vẻ thú vị chứng tỏ sự thông minh khi làm một cuộc "hiện đại hóa" cho mấy nhà Nho đời xưa và bên cạnh đó chừng như không thiếu một óc khôi hài duyên dáng ngấm ngầm đi kèm (Hãy xem: Chàng thư sinh họ Đỗ, bên cạnh sự hiện diện của tiên nữ và Thần thánh lẫn Ma quỷ, đã nhất quyết làm một cuộc cách mạng bản thân để dọn đường cho cuộc dấn thân hiện sinh của mình vào đời; nỗi thất vọng của Trương Chi khi đóng vai trò của một người anh hùng vô sản hy sinh cho cách mạng; cuộc thí nghiệm chính trị nơi thiên đường Mác xít của Lưu Nguyễn; cuộc tranh luận của Tú Uyên về một thứ triết lý nghệ thuật...). Kết cấu thì đầy kịch tính bao gồm những động tác mạnh, mang tính chất tượng trưng rõ rệt. Đặc biệt là về bố cục, tác giả đã có một nghệ thuật phân đoạn và chuyển đoạn chịu ảnh hưởng của Kịch: kỹ thuật thuật sự bằng phương pháp trực tiếp xen lẫn cách nói gián tiếp (tận dụng cách dùng những chữ in nghiêng) nhờ đó có thể thay đổi không khí của truyện một cách bất ngờ gây nhiều hứng thú cũng như giúp tác giả có được nhiều dịp thuận tiện trực tiếp bày tỏ quan điểm của mình sau khi đã gián tiếp bày tỏ nó qua ngôn ngữ và hành động nhân vật. (Nên nhớ vào thời đó những kỹ thuật này đáng được xem là mới mẻ). Và cuối cùng về bút pháp, đại khái đó là một kiểu văn biền ngẫu khá tinh vi: điệu văn cổ kính khi thì lâm ly áo não, khi thì hào hùng cảm khái (không thể thiếu chữ "ôi" được!) khi lại đầy vẻ trầm buồn uất hận; câu văn được ngắt quãng theo luật đối xứng cân bằng; chữ dùng mượn nhiều từ ngữ Hán Việt; ý nghĩa được cô đọng cho súc tích trong từng chữ từng câu, chữ được chọn lọc, câu được đẽo gọt cầu kỳ.

Tóm tắt, tác giả đã chọn đúng cho tác phẩm của mình cái ngôn ngữ bắt buộc phải có của nó. Đó là cái tài của ông, một kịch tác gia, đem áp dụng vào Huyền truyện (thật may mà không thấy ông ta viết tiểu thuyết!). Ngoài ra cả tác phẩm còn chứng tỏ cho thấy cái công phu gạn lọc kỹ càng, tính cẩn thận của tác giả đôi khi còn quá cẩn thận! Đây là nhà văn nhàn nhã nhất của văn chương Miền Nam Thời Hiện Đại: với hai chục năm trong nghề mà số tác phẩm của ông ta chỉ có thể đếm được trên đầu ngón tay!) đối với tác phẩm của mình nhất là nếu người ta chịu khó đối chiếu với những tác phẩm cùng loại (cùng chịu sự chi phối của một thứ hoàn cảnh

chính trị) xuất hiện trong thời kỳ này vốn hầu hết là những tác phẩm được sáng tác một cách vội vàng và dễ dãi chiều theo những đòi hỏi nhất thời của tình thế chính trị. Bởi thế, về tác phẩm *Thần Tháp Rùa* của Vũ Khắc Khoan, trong Văn học sử người ta có thể ghi nhận (quả thật với cái tuổi tác và sự nghiệp đó ông ta xứng đáng để "đi vào Văn học sử" rồi vậy: Tác phẩm đánh dấu sự xuất hiện một thể tài văn chương mới và hiếm hoi trên văn đàn Miền Nam (Huyền truyện) một cách thành đạt.

*
* *

Vũ Khắc Khoan : *"Tình yêu chỉ là một cái cớ" (Những Người Không Chịu Chết,* Kịch). Vâng, tất cả chỉ đều là một cái cớ hết thảy, từ Thành Cát Tư Hãn cho đến cái thằng cha đàn ông ma-nờ-canh tình nguyện tự đem mình bày bán trong tiệm chạp khô cho thiên hạ coi chơi đỡ nghiền ấy (trên sân khấu hắn là thằng bạn cũ của tui đó, ôi cái thằng Tư Mã đất Mai Lĩnh kia ơi! — Thực sự thì nào hắn có ra gì, ấy cũng chỉ là một vang bóng hẩm hiu của Thành Cát Tư Hãn mà thôi, một hình thức hiện đại hóa TCTH đó có phải chăng?) và ngay cả cái chú Cuội ba lăng nhăng kia nữa chứ. Bọn chúng, tất cả, đều là những cái cớ chứ có gì đâu, hỡi những Trương Chi, những Lưu Nguyễn , Tú Uyên và chàng họ Đỗ sắp hàng một chui đầu vào trong một cái cớ *mà thôi vậy*. Có lẽ suốt đời ông là một người chuyên môn lợi dụng văn chương như một cái cớ để làm chuyện khác, thế nhưng lạ một điều là sự lợi dụng đó đạt tới một mức độ tinh vi, trở thành cả một nghệ thuật (lợi dụng) đó của mình hơn cả cái mục đích nhằm đạt đến, khiến người ta cũng say sưa theo cái cớ đó mà quên mất cái chuyện họ bị lợi dụng để đi từ một sự lợi dụng này đến một sự lợi dụng khác, khi mà phương tiện của văn chương đã trở nên trổi vượt hơn cả cái cứu cánh của văn chương để cuối cùng trở thành chính là văn chương. Nhờ thế mà tất cả tác phẩm của Vũ Khắc Khoan, một nhà văn đầy ý thức chính trị, xứng đáng trở thành là những tác phẩm văn chương chứ không phải là những tác phẩm tuyên truyền chính trị. Cho nên lấy văn chương làm một cái cớ mà đạt đến trình độ nghệ thuật gạn lọc và đầy ý thức lương tri như Vũ Khắc Khoan vậy thì đó cũng chính là một cách làm văn chương vậy (khi mà văn chương bằng lòng sẵn sàng để cho bị lợi dụng!).

Vậy nên đọc lại tác phẩm Vũ Khắc Khoan, với trường hợp làm văn chương của Vũ Khắc Khoan, thêm lần nữa người ta tìm thấy lại câu giải đáp muôn đời cho mối thắc mắc về sự tương quan giữa ý thức chính trị và ý thức văn chương thể hiện trong một tác phẩm, một nghệ phẩm làm thế nào để tác phẩm đó chuyên chở được hết cái phần nội dung chính trị của nó mà đồng thời vẫn

không bị sa đọa vào trong một thứ văn chương khẩu hiệu và truyền đơn. Đó là cái vấn đề, mối thắc mắc về văn chương mà cả nhân loại, từ ngàn đời, vẫn không ngớt tra vấn để tìm cho ra một lối thoát: văn chương vị nghệ thuật hay vị nhân sinh, chủ trương luân lý hay chủ nghĩa hình thức, quan điểm duy lí hay duy mỹ. Với Vũ Khắc Khoan chừng như ông đã cố gắng tìm ra cho riêng mình một lối thoát bằng con đường quen thuộc của ông, một triết gia của thời đại mới luôn luôn loay hoay tìm đủ mọi cách để chứng minh cái quốc tịch của mình, là con đường tổng hợp của dân tộc tính Việt Nam: tổng hợp giữa nội dung và hình thức nghĩa là tổng hợp cả những chủ trương đối nghịch đó lại với nhau. Đó là ý nghĩa giá trị chính của Huyền truyện mà ngày nay đọc lại người ta có thể ghi nhận được, khi mà những dao động của một thời thế cũ đã qua rồi, ý nghĩa giá trị của một nội dung chính trị (làm chứng cho những biến động thời cuộc của một giai đoạn lịch sử, đánh dấu một chặng đường trong tiến trình tư tưởng của giới trí thức Miền Nam) được kết hợp toàn vẹn với một hình thức tương xứng (ngôn ngữ của Huyền truyện).

Đó là những điều gì còn lại từ Huyền truyện Vũ Khắc Khoan, một kinh nghiệm lịch sử, một hành trình trí thức và một bài học về nghệ thuật (phải chăng từng đó cũng đã là quá nhiều với một việc làm văn chương nhỏ nhoi?) Còn riêng về cái nội dung tư tưởng, cái ý thức hệ đề xướng ở đó, hẳn nhiên ngày nay có thể vẫn có nhiều người đòi xét lại. Điều đó cũng dễ hiểu vì từ đó đến nay đã có biết bao nhiêu nước chảy qua cầu, hơn cả mười lăm năm gió bụi đoạn trường nữa đấy, bao nhiêu biến cố lớn và nhỏ đã xảy ra trên quê hương này, bao nhiêu chuyện đời dâu bể để đổi đời, bao nhiêu xương máu đã đổ xuống, bao nhiêu hình hài đã mục rữa theo cùng cơn gió chiều trên chiến trận bao nhiêu sự kinh qua trên đời người và trên đất nước, khắp nơi (Chiến tranh, Hòa bình, Hòa giải, Hòa hợp, Liên kết và không liên kết, Băng rã ở Sô Viết, Vệ binh đỏ ở Hoa Lục, Ngoại giao bóng bàn, Tháng Chín Đen, Trăm Hoa Đua Nở, Tổng công kích, Liên hợp Quân sự Bốn phe Hai phe, Chiến dịch áp lực dầu hỏa, Watergate, Sexgate, Ngày tàn của de Gaulle, Helder Camara, Kissinger, Gadhaffi, Moshe Dayan, Willy Brandt, Yukio Mishima, Malraux, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm v.v. và v.v...). Cho nên vấn đề chính trị mà Vũ Khắc Khoan đặt ra trong tác phẩm ngày nay thực không còn nguyên vẹn như cũ nữa, nó đã đổi thay, nó đã biến thái trong đà tiến hóa chung của lịch sử, theo đà vận động để tiến tới của lịch sử hiện đại, Việt Nam. Đó chính là số mệnh của Huyền truyện, một thể tài được khai sinh từ những thời buổi khó khăn (chính trong những thời buổi khó khăn mà người ta thường dễ quay về với thể tài này, ấy cũng là một cách thế

đơn giản và khôn ngoan để tránh đi những hệ lụy thực tế) mà trong khi đó thì than ôi những thời buổi khó khăn không phải chỉ có một lần mà thôi, nhất là trên quê hương này.

*
* *

Chấm dứt thập niên 50, những năm Năm mươi của chia lìa và ly tan đã tàn lụi (Vũ Khắc Khoan là nhà Huyền truyện của những năm Năm mươi). Rồi thập niên Sáu mươi cũng đã qua, những năm Sáu mươi đầy máu lửa tang tóc (Dương Nhiễm Mậu là nhà Huyền truyện của những năm Sáu mươi). Giờ đây thập niên Bảy mươi khởi sự, phải chăng là những năm Bảy mươi hòa bình êm ấm trên quê hương ta cho dân tộc ta (ôi một câu hỏi đầy gian nan). Phải chăng thời của Huyền truyện vẫn chưa chấm dứt? Nếu thời của Huyền truyện chấm dứt thì đó phải đáng kể là một hạnh phúc không phải cho văn chương mà là cho chính đời sống chúng ta bởi vì đừng quên, hãy nhớ lấy hỡi những trẻ thơ vừa mới được sinh ra hôm nay ngày mai, cái nguồn cội của Huyền truyện: Huyền truyện được khai sinh từ những thời buổi khó khăn. Mà trong lúc đó thì hôm nay, bây giờ, (phải chăng chúng ta vẫn còn đang cần những Huyền truyện mới hơn cho những năm Bảy mươi?), vâng quả thật vậy, hôm nay, bây giờ, hiện tại chúng ta vẫn còn đang ở giữa (vẫn chưa ngưng) một thời buổi khó khăn, quá khó khăn.

Cao Huy Khanh
(9/73)

Đính chính : Do lỗi của Toà soạn, trong Văn Học các số qua đã có những lầm lẫn đáng tiếc sau đây, xin bạn đọc sửa giùm trong bản in

Văn Học số 17 số đặc biệt về Thi ca : trang 66,
bài Một Nụ Vô Thường của Nguyễn Tất Nhiên, câu thứ hai : *bỗng nghe trong nắng sớm hong chiều vàng,* xin sửa lại thành : *bỗng nghe trong nắng sớm hong* ***vàng chiều.***
Bài *Như là hôm qua,* hai câu cuối xin sửa lại như sau :
cám ơn trong vắt thiệt thà
ơn em ***nay*** *vẫn như là hôm qua.*
Văn Học số 19 Tuyển tập Thơ Văn, có những chỗ sai sau đây :
Trang 7, dòng 10 và 11 kể từ dưới lên, hai câu thơ của Bùi Giáng xin sửa lại cho đúng như sau :
Bây giờ em ở nơi đâu
Cỏ trong mình mẩy em sầu ra sao.
Trang 107, dòng 5 kể từ dưới lên , trong bài viết của Phạm Duy, xin sửa lại cho đúng :
Phong cách nhạc thay vì *phong cảnh nhạc.*
Trân trọng xin lỗi các tác giả và bạn đọc.

Nguyễn Mạnh Trinh

Thơ gửi chàng lãng tử Nguyễn Bắc Sơn

Ước gì hồn cứ xuôi dòng suối
về nguồn Ma Hý tận sông Mao
nghe lại bài thơ chiều gió nổi
thấy đủ vầng trăng chén rượu trào

Lạ nhỉ hành quân mang rượu đế
hay người lãng tử cuộc đùa chơi
đỉnh núi lam xanh còn ngạo nghễ
làm sao giầy trận cởi đem phơi

Vài năm biệt xứ đời uất
người cảm được không ở vết thương
thấy dường ngôn ngữ đành cõi chật
phù phiếm chạy theo mải dặm trường.

Ta uống một chai mà đỏ mặt
bao năm đòi giữn mộng vá trời
nhốt cả núi sông vào khoé mắt
tâm tư chờ thắp ánh trăng soi

Dễ đã mười năm còn sống sót
bao giờ chia sẻ nỗi sầu đây
đốt tiền rượu uống sao từng giọt
da thịt em sao chợt nhựa nhầy

Ta biếng nhác nhưng không hiền triết
người vô tâm coi nhẹ nhân sinh
khề khà cây cỏ là bạn thiết
rừng hoang rượu nhắp vẫn một mình

Lần tay đếm nhẩm thời lưu lạc
trong mình mảnh đạn lỡ nằm quên
thơ người ta tưởng như ngọn bấc
se thịt da đau buốt nỗi niềm

Ước gì lãng tử ngồi đây nhỉ
kể chuyện sông Mao phá phách chơi
rượu uống bao nhiêu mà bí tỉ
ngàn trùng vẫn chật tiếng mù khơi.

Trăng núi

Bạn hữu đâu người vung ly rượu
gõ đũa ngâm chơi bài Hồ trường
dìm nửa vầng trăng vào đáy cốc
chửi thề đủ oả chuyện phong sương

Ở đây tuổi trẻ dường thui chột
ngủ đỗ trong sương ý chập chùng
mưa lạnh quán đời rơi điểm giọt
chán rồi bom đạn với đao cung

Bạn hữu mấy thằng theo gió cát
chim bằng gẫy cánh mãi không về
hỡi ơi nước mắt theo nắng tạt
mây trắng trên trời sao đỏ hoe

Ở đây triền xám xanh tầm mắt
Vạn lý sầu lên núi tiếp mây
câu thơ ai đọc mà hiu hắt
phi bào phơ phất xác thân này

Bạn hữu bao thằng xuyên bão lửa
dạo chơi trời đất giỡn phi thường
tưởng như nội cỏ mù chân ngựa
bắc đẩu ngời theo những tấc đường

Ở đây núi cũng nghìn tâm sự
biết đâu đá tảng cũng ưu phiền
đóng vai kép độc đành tham dự
đêm thức theo vầng trăng núi nghiêng

Bạn hữu buồn chi cho tổn thọ
làm chơi vài ngụm đỡ bâng khuâng
lao vào cõi chết ai không sợ
mộng lớn công danh héo hắt dần

Ở đây dăm đứa nhìn trăng núi
trăng có bao giờ tắm rượu say
ừ nhỉ cuộc đời như cát bụi
cùng nhau cụng chén đốt đêm dài.

Đặng Phùng Quân

Lộng ngôn, như một cách nói.

Chắc hẳn có nhiều người viết về "Ngộ Nhận" của Vũ Khắc Khoan . Đọc Ngộ Nhận qua phê bình văn chương, phân tích những tư tưởng triết lý hàm ngụ trong tác phẩm, đọc bằng rung động, bằng giọng nói riêng tư về "Ngộ Nhận" — đó không phải là những điều tôi sắp nói ra đây. Tôi không viết về "Ngộ Nhận", như một sự đọc lại. Văn chương nếu muốn coi như thể một khoa học phải loại bỏ những rung động riêng tư, thù tạc, nói riêng với tác giả, viết riêng cho một số người. Thực sự, đối với Ngộ Nhận, tôi vẫn muốn *đi xem* để phê bình, hơn là *đọc* để viết lại. Bởi vì trước sau tôi vẫn đón nhận tác phẩm như một vở kịch phải được trình diễn. Nỗi buồn chung của người văn nghệ ở đây là đa số những tác phẩm kịch chưa bao giờ được đem ra thử thách trên sân khấu, bởi vì chúng ta chưa có những đêm kịch. Một tác phẩm kịch đúng nghĩa được in ra là phải mang trên đầu sách tên những diễn viên của buổi trình diễn thứ nhất. Biết đến bao giờ chúng ta mới thực hiện được giấc mộng là sân khấu thành hình?

Trở lại với Ngộ Nhận, tôi vẫn coi tác phẩm này là một kịch bản (pièce de Théâtre) mặc dầu tác giả tự đặt cho kịch bản của ông một cái tên mới: lộng ngôn (ở trang 4, trên mục cùng một tác giả, tôi đọc thấy tác giả phân loại những sách đã in: lộng ngôn, kịch, truyện, khảo luận...). Lộng ngôn chỉ là một cách để nói, còn Ngộ Nhận — lộng ngôn trước sau vẫn là kịch vì ngay vào đầu, tác giả đã xác định: Kịch xảy ra ở trên trời và kết thúc bình thường: Màn hạ. Ngộ Nhận ngay trong bản viết đã có một không khí kịch thực sự, người đọc có thể hình dung những diễn tiến tác động xảy ra hoạt náo trên sân khấu (tưởng tượng) — nhưng vì là lộng ngôn nên ngay ở giáo đầu, khi *Trùm Quạ tiến về phía tiền diện sân khấu, hướng về* khán giả đã nói những câu thật trào lộng, đại loại như: *tin chiến sự, tin ô tô đâm nhau, tin vợ tưới ét xăng vào chồng rồi*

giữa đêm khuya đi tìm quẹt lửa... Lộng ngôn chỉ là một cách để giảm vẻ căng thẳng của kịch tính, sự phân cách mỏng manh giữa sân khấu và khán trường. Nhưng kịch tác gia khi viết hẳn cũng đã đo lường trước từng phản ứng của khán giả, chẳng hạn gặt hái những tiếng cười rộ dưới khán trường trong những "sen" bất ngờ như *Cuội nhìn xuống khán trường* (nói) Sao năm nay lắm Ngưu lang thế kia (trang 16). Hoạt kê nhằm chính khán giả làm đối tượng bất ngờ (tham dự vào kịch) còn tiến xa hơn nữa sắc bén, ý nhị trào lộng thêm như ở một đoạn khác (trang 126): (Trời:) *A, ta hỏi thăm. Thế con Chức xuống dưới đó rồi ra sao?* (Người khán giả) *Chết. Chỉ còn con cháu chị ấy mà thôi, Kia kìa* (Chỉ xuống khán trường) *Cụ trông kìa. Khối ra đấy.* Trời nhìn xuống khán trường: *Ồ, Đông nhỉ. Trông chúng cũng khảu đấy chứ.* Phải là một vở kịch trình diễn trên sân khấu thì những Ngưu lang (các anh đàn ông), những con cháu Chức nữ (các chị đàn bà) dưới khán trường bị nhắm trúng đích, bị đem ra riễu cợt mới bật lên tiếng cười được.

Nhưng Ngộ Nhận là một kịch bản có thể để trình diễn trên sân khấu hay là một vở kịch truyền thanh, đó là điều tôi tự hỏi? Bởi vì ở những trang 102 phần tiểu dẫn: Từ lúc nãy, đây đó dưới *khán trường nghe có vẳng lên, những tiếng xì xào* hay: Tiếng *xì xào mỗi lúc một rõ. Vài ba người khán giả đứng dậy. Có tiếng giậm chân. Có tiếng huýt sáo, có tiếng suỵt.* Rồi... đến trang 105: Tiếng xì xào nơi khán trường trở nên những lời phản đối. Toàn Thể Khán Giả *vừa hét vừa giậm chân theo:* Lẹ lên. Lẹ lên. Đối với một vở kịch truyền thanh (cho thính giả) những sen trên đây không là một vấn đề nan dị, nhưng đối với một vở kịch trình diễn. Những tiếng động nơi khán trường, toàn thể khán giả vừa hét vừa giậm chân... là một điều khó thực hiện, nếu không muốn nói là khán giả phải tham dự vào vở kịch, phải được huấn luyện? Một thứ happening? Nhưng ở trang 109, rõ rệt là một lối chú dẫn giải thích theo kiểu kịch truyền thanh: *Trời vào. Nhưng tự lúc này, người ta có cảm tưởng Trời luôn có mặt, như lãng đãng đâu đây, như đang ẩn mình trong bóng tối tận cùng phía trong sân khấu. Yên lặng.*

Kịch, "nhịp cầu tiếp nối giữa hư và thực" — Ngộ nhận đã làm nổi bật điều đó. Khi Người Khán Giả (phá lên cười hỏi): Các ông bí rồi phải không? Phải hiểu chữ "bí" có nghĩa hàm hồ: bí là hết lý sự nổi, nhưng bí còn là sự lúng túng của các nhân vật. Sân khấu và khán trường. Kịch và Thực Tế lẫn lộn như cảnh đàn quạ tay nắm tay (từ trên sân khấu) bước xuống khán trường quấn quít quanh Người Khán Giả. Rồi tất cả từ từ bước lên sân khấu Trời, Cuội, Trùm Quạ hiện nguyên hình với những lớp phấn son hóa trang trên sân khấu khi được ném trả về thực tại (là những diễn viên đóng một vở kịch) như khi người khán giả nói: *Tôi để các ông*

đóng màn được đấy (Trang 116). Nhưng sân khấu lại thăng hoa thành thiên đình và hạ giới: *Đây là đâu, ông Cuội? — Trên trời... À, vì vậy mà dưới kia, ngỡ ngàng thân phận con người,* dưới kia mặc nhiên trở thành hạ giới (trang 118-9). Đó là dụng công, và dụng ý của tác giả. Bởi vì sân khấu phải được trả về thực tại, như một nơi trình diễn, phân cách mỏng manh và cụ thể với khán trường khi trên sân khấu xuất hiện một người từ hậu trường: tác giả — con người không hóa trang son phấn, tên phù thủy giữa đám âm binh nhân vật, con người thường vắng mặt trên này, hay lặng lẽ ngồi hút thuốc lá ở một góc hậu trường. Nhưng người *viết hôm nay bắt buộc sống đích thực. Nghĩa là phải hiện diện.* Nên tác giả đã bị lôi ra sân khấu. Chính tác giả phải tự hiện diện. Đó cũng là một khốn nạn của vở kịch này. Bởi vì tác giả của vở kịch này phải là tác giả của Ngộ Nhận. Vở kịch chỉ trình diễn đúng ý nghĩa với sự xuất hiện của tác giả họ Vũ trên sân khấu. Nếu không, người tác giả (diễn viên khác) rốt cuộc cũng chỉ là một thứ âm binh, một ảo ảnh vô nghĩa của người viết kịch, *kẻ lặng lẽ ngồi hút thuốc lá ở một góc hậu trường.*

Ngộ Nhận theo tôi nghĩ nên dừng lại ở chỗ Người Tác Giả và Người Khán Giả vào. Đồng ý đám nhân vật vẫn đứng sững im lìm, *mỗi người một nghiệp.* Trời, Cuội và Đàn Quạ, dần dần trở lại linh động, tiếp tục màn kịch là hợp lý nhưng sự cần thiết của không khí kịch không còn nữa. Cái thế giới mà tất cả chỉ là ảo ảnh (ban đầu — đối với khán giả) không còn nữa.

Và sau cùng, tôi tự hỏi: Vậy thì Ngộ Nhận có phải là kịch, một thứ sotie hay phải là lộng ngôn? Điều đó dĩ nhiên có Trời biết, hay đúng hơn, có tác giả biết mà thôi.

Đặng Phùng Quân

NHẮN TIN

Gửi các nhà thơ và các bạn yêu thơ !

Chúng tôi muốn sưu tầm các bài thơ đã và sẽ ấn hành ở hải ngoại từ 1975 đến nay, và trong những năm tới. Nếu bạn có một bài thơ, hay đã đọc một bài thơ đắc ý, xin làm ơn gửi cho để chia sẻ niềm vui. Mong sẽ dùng vào việc hữu ích. Địa chỉ :

Đỗ Quí Toàn, 2690 Avenue Glencoe,
Montréal, Quebec, Canada H3R 2B7

Lê Huy Oanh

Một công trình sưu tầm của Vũ Khắc Khoan : vở chèo "Quan Âm Thị Kính

Ông Vũ Khắc Khoan là một người rất thiết tha với kịch nghệ, điều ấy đã hiển nhiên.

Vì thế, ông soạn kịch.

Vì thế, ông dạy kịch tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ.

Vì thế, ông đã lưu tâm sưu tầm những vở tuồng cổ, chèo cổ của Việt Nam, là thứ văn lại nằm trong bộ môn kịch nghệ.

Bảo rằng ông thiết tha với kịch nghệ, yêu mến kịch nghệ, thì đúng quá rồi. Nhưng có lẽ còn hơn thế nữa: ông đam mê kịch nghệ, ông có duyên có nợ với kịch nghệ.

Sự đam mê đó của ông, cái duyên nợ đó của ông vừa hữu ích, vừa gây nhiều phiền phức cho cá nhân ông ta, hẳn thế, nhưng chắc chắn nó chỉ hữu ích chứ không gây phiền phức cho bất cứ ai khác.

Bởi vì đam mê ấy đã tạo cho họ Vũ hứng cảm sáng tác những kịch phẩm giá trị, đã thúc đẩy ông lưu ý sưu tầm những "kịch bản" xưa cũ, để dâng hiến cho đời thưởng thức.

Một kết quả rực rỡ của công trình sưu tầm này: họ Vũ đã tìm lại được vở chèo *Quan Âm Thị Kính*.

Chúng tôi nhận thấy rằng: khi đề cập đến văn chương bình dân Việt Nam, rất ít nhà khảo cứu văn học xứ ta để ý tới vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, một vở chèo có giá trị nghệ thuật rất đáng kể lại vốn đã được hoan nghênh nhiệt liệt trong dân gian ta ngày trước. Sở dĩ có sự khiếm khuyết này là vì vở chèo đó thường chỉ được truyền khẩu trong nhóm những người ưa thích bộ môn hát chèo, hoặc làm nghề hát chèo mà thôi. Tuy vở chèo này đã có lần được in thành sách, nhưng sách in đã quá lâu đời, số ấn bản lại ít,

nên đã mau chóng trở thành hiếm hoi, ít lọt đến tay các nhà khảo cứu văn học. Sở dĩ chúng tôi tin như vậy vì chúng tôi nghĩ rằng một khi đã được thưởng thức một vở chèo có giá trị như vở *Quan Âm Thị Kính*, thì những nhà khảo cứu văn chương nghệ thuật tất không thể nào thờ ơ với tác phẩm ấy được, mà phải dành cho nó một địa vị quan trọng trong văn học sử.

Cách đây sáu bảy năm gì đó, có lẽ vì muốn bổ túc cho sự khiếm khuyết ấy, nhà văn Vũ Khắc Khoan đã gia công sưu tầm được vở chèo *Quan Âm Thị Kính* và đã cho in thành sách. Theo như lời trình bày trong sách thì hội Asia Foundation lúc ấy đã giúp phương tiện hoàn thành việc ấn loát vở chèo *Quan Âm Thị Kính* và vở chèo này mở đầu cho một loạt chèo và hát bộ mà nhóm Xây dựng Kịch nghệ Đào Tấn lúc ấy đã sưu tầm cho xuất bản, chẳng hạn *Nghiêu Sò Ốc Hến*, hay *Lưu Bình Dương Lễ*.

Tôi đã rất vui mừng khi cầm quyển sách in vở chèo *Quan Âm Thị Kính* trong tay và đã thật tình say mê thích thú khi đang đọc cũng như sau khi đã đọc vở chèo ấy. Say mê thích thú vì bất ngờ được thưởng thức một tác phẩm thuộc loại văn nghệ bình dân có sức hấp dẫn mãnh liệt với giọng văn bình dị mà sắc sảo, với lối dựng chèo rất vững vàng.

Tích chèo *Quan Âm Thị Kính* đã rút ra từ một cuốn truyện nôm cùng một nhan đề. Theo lời ông Vũ Khắc Khoan thì cho đến nay chưa ai tìm biết được tác giả cuốn truyện và vở chèo. Nội dung kể lại kiếp cuối cùng làm người của Đức Phật Quan Âm trước khi dứt nghiệp để trở thành Phật. Trong kiếp này, Ngài đã được Phật Tổ thử thách, phải chịu nhiều nỗi oan tầy trời.

Trong kiếp cuối cùng này, Đức Quan Âm đầu thai làm con gái nhà họ Mãng ở nước Cao Ly. Nàng tên là Thị Kính, đủ tài đủ nết, được cha mẹ gả cho chàng Thiện Sỹ, một thư sinh con nhà họ Sùng.

Một đêm kia, sau khi đọc sách đã mệt mỏi, Thiện Sỹ ngả lưng thiu thiu ngủ. Thị Kính khi ấyđang ngồi may áo, thấy ở cằm chồng có một sợi râu mọc ngược, tiện kéo cầm trong tay bèn đưa kéo vào sát cằm chồng định cắt sợi râu ấy. Ngay lúc đó, Thiện Sỹ chợt thức giấc thấy vợ đang kề kéo vào gần cổ mình, tưởng lầm rằng vợ muốn hạ sát mình. Thị Kính cố minh oan nhưng không ai tin lời nàng cả.

Quá buồn khổ, Thị Kính cải dạng đàn ông cắt tóc đi tu, được đặt pháp danh là Kính Tâm. Vẻ đẹp của tiểu Kính Tâm đã khiến cho tâm bồn của nhiều thiếu nữ đến thăm chùa phải rung động. Gần đó, có ả Thị Mầu, con của một phú hộ, tính nết vốn đĩ thõa lẳng lơ. Khi tới lễ chùa, thấy Kính Tâm xinh đẹp, Thị Mầu say mê chú tiểu và cố quyến rũ chú vào đường tội lỗi. Quyến rũ Kính Tâm

không được, Thị Mầu bực tức trở về nhà thông dâm với một tên đầy tớ trai rồi chửa hoang. Bị dân làng bắt khoán, tra hỏi về vụ chửa hoang, Thị Mầu bèn đổ tội cho tiểu Kính Tâm đã dụ dỗ ả. Do đấy Kính Tâm bị dân làng tra khảo, đánh đập tàn tệ, rồi lại phải ra ở mái tam quan chứ không được ở trong chùa nữa. Sau Thị Mầu đẻ con trai đem đứa bé sơ sinh trao cho Kính Tâm bắt phải nuôi dưỡng. Tuy bị nỗi oan tày trời này nhưng vì lòng nhân ái, Kính Tâm vẫn ngậm đắng nuốt cay, không chịu tự minh oan, ngày ngày đi xin sữa về nuôi đứa bé.

Mấy năm sau, khi Kính Tâm chết đi, mọi người mới rõ chú tiểu Kính Tâm là gái giả trai, và cũng đến lúc đó, nỗi oan của nàng mới được minh giải.

Hát chèo của Việt Nam có một số đặc tính đáng kể. đặc tính thứ nhất là lối *giáo đầu* hay là *tự sự*. Trước hết, người giáo đầu, thường là trùm phường hát, xuất hiện chào mừng khán giả rồi hát một vài câu tóm lược cốt chuyện hoặc tổng ý vở chèo. Thí dụ trong vở chèo *Lưu Bình Dương Lễ*, người giáo đầu đã hát những câu giới thiệu như sau:

Thiên quang vân tĩnh
Quân tử vô song
Nước nhà thuở quốc thái dân an
Khoa trường mở tuyển văn kén vũ.
Tôi nhớ xưa tích cũ,
Có hai chàng Dương Lễ, Lưu Bình,
Bạn đồng song đèn sách học hành,
Ba thu lẻ kể cùng chăn gối,
Trời thương kẻ tình thâm nghĩa trọng,
Cho chàng Lưu lại chiếm bảng vàng.
Nghĩa bằng hữu, đạo vợ chồng,
Tình ý ấy kể chăng chẳng siết,
Kẻ có nhân mười phần không thiệt.
Vậy có thơ rằng :
Bao quản giao tình kể mấy lòng
Đến khi viễn cách vẫn trông mong
Tổ tông lời nói còn ghi để
Bằn tiện chi giao bất khả vong.

Và trong chèo *Quan Âm Thị Kính*, người giáo đầu cũng xuất hiện trước tiên, giới thiệu vở chèo bằng những câu như sau:

Mở Phật kinh thấy tích Quan Âm
Nhà họ Mãng ở Cao-ly-quốc
Nhân duyên sớm kết,
Sánh họ Sùng vừa được ba thu.
Vì cắt râu nên nổi sóng Ngân hà

Trốn cha mẹ lên tu chùa Vân-tự
Thay xiêm áo trá hình nam tử
Ả Thị Mầu đơm đặt chuyện vu oan
Ẩm con thơ ra mái tam quan
Nương bóng Phật giải oan thanh kết.

Ngoài việc giáo đầu, lại còn có việc *xưng danh*, nghĩa là vai nào khi xuất hiện đều phải tự mình xưng danh. Chẳng hạn khi vai Thiện Sỹ xuất hiện, đã tự xưng danh bằng những câu như sau :

Bạch nhật mạc nhàn quá
Thanh xuân bất tái lai.
Quê tôi nay vốn ở Lũng Tài
Tên vốn đặt là Sùng Thiện Sỹ.
Ơn cha mẹ theo bề kinh sử,
Chưa có người nội trợ tề gia
Nghe Mãng Ông sinh gái hiền hòa
Sắm lễ mọn tôi sang qua sánh vấn.

Hoặc là Mãng Ông chẳng hạn, khi xuất hiện đã tự giới thiệu như sau:

Chẳng dấu gì họ Mãng là tôi
Ơn thiên địa cửa nhà túc tích
Nhà tôi giàu giầu giàu giàu
Kém mười trâu đầy một chục
Lợn thì nhung nhúc
Kém mười chục đầy một trăm
Gà chạy lăng xăng
Kém mười lăm con đầy chục rưỡi
Bề tử tức thì mới sinh mụn gái
Tuổi xuân xanh vừa độ giăng tròn
Chưa có nơi kết ngãi cầu hôn
Ngọc lành vẫn giữ cao làm giá.

Đặc tính thứ nhì của chèo là sự hài hước. Có người cho rằng tiếng *chèo* là do tiếng trào nói chạnh đi. Trào đây có nghĩa là trào lộng là hài hước vậy. Cũng như trong nhiều vở chèo khác, tinh thần hài hước nằm bàng bạc trong khắp vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, đã được thốt ra không những từ miệng những vai bần tiện như thằng Nô, đầy tớ nhà ông phú hộ thân sanh Thị Mầu, hoặc mẹ Đớp vợ mõ, mà cả từ những vai sang trọng như Mãng Ông, Mãng Bà, Sùng Ông, Sùng Bà hoặc vai Lý Trưởng, Cụ Đồ... Riêng trong chèo *Quan Âm Thị Kính*, một trong những vai hề quan trọng hơn cả lại là một vai đàn bà: vợ chú mõ. Những màn có vai này xuất hiện hẳn phải là những đoạn khiến cho khán giả phải cười nôn ruột. Do đấy, vai hề vợ mõ đáng được coi là một vai quan hệ trong vở chèo.

Những đoạn hài hước trong chèo *Quan Âm Thị Kính* được viết ra bằng những lời giản dị nhưng đã đạt tới một nghệ thuật rất cao, vượt xa những lối hài hước thô tục, sỗ sàng hoặc trơ trẽn nhan nhản trong rất nhiều những tuồng cải lương, những hài kịch kim thời.

Hai vai vợ Mõ và thằng Nô là hai vai hề quan trọng nhất và duyên dáng nhất trong chèo *Quan Âm Thị Kính*. Những pha có hoặc vai này hoặc vai kia xuất hiện đều là những pha đã đạt tới nghệ thuật hài hước cao diệu nhất, cao diệu ở chỗ được cấu tạo bằng những lời nói bình dị hồn nhiên đôi lúc ngây ngô mà lại rất sâu sắc thâm trầm và đầy duyên dáng. Nếu như nhà phê bình Trung Hoa Kim Thánh Thán tái sinh và có thể đọc nổi tiếng Việt một cách đủ tinh vi để thưởng thức vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, thì khi đọc những pha hài hước như thế, chắc hẳn ông ta cũng sẽ phải reo hò, múa may một cách thán phục và thảng thốt chẳng khác gì khi đọc những pha thật hay trong tuồng *Mái Tây*.

Chính cái tính chất hài hước tài tình ấy đã tạo nên giá trị tuyệt diệu của vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, khiến cho nó trở thành một trong những tác phẩm nghệ thuật đáng kể trong văn chương Việt Nam. Đó là một tác phẩm chứa đầy dân tộc tính, đã phản ảnh cái tinh thần ưa hài hước của dân Việt, một dân tộc nhược tiểu đã dùng sự hài hước như một trong những phương tiện thực hiện cuộc cách mạng thường xuyên chống những sự bất công, những điều thối nát, những cảnh chướng tai gai mắt, những ý niệm ngăn cản sự tiến hóa của một quốc gia luôn luôn hướng theo những cái đích đẳng trước mặt.

Vở chèo *Quan Âm Thị Kính* biểu dương cho cái tinh thần trào lộng hữu ích và đầy ý thức của một quốc gia đã sản xuất được những nhà thơ trào phúng vĩ đại như Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương hay Tú Mỡ, đã có những tác phẩm chứa đựng những tiếng cười hóm hỉnh nhưng táo bạo và cay độc dùng để làm cách mạng triệt để như tập truyện *Tiếu Lâm* hoặc truyện *Cống Quỳnh*.

Tuy nhiên hơi khác thơ Tú Xương, thơ Hồ Xuân Hương, hoặc những truyện Tiếu Lâm, truyện Cống Quỳnh, vở chèo *Quan Âm Thị Kính* còn đã chú trọng nhiều đến sự cổ võ cho nền luân lý cổ truyền trong xã hội Việt Nam. Vở chèo đã đề cao tâm hồn cao đẹp của một bà Thị Kính, chế giễu tánh đỉ thõa lẳng lơ của một ả Thị Mầu, chỉ trích dè bỉu cuộc sống bẩn thỉu của một gia đình phú trọc. Và tác giả vô danh, khi dựng tuồng, đã không ngần ngại để cho mẹ mõ, kẻ có địa vị thấp kém nhất trong làng, chế nhạo ông lý trưởng là một trong những kẻ có uy quyền nhất trong làng, vì thầy lý vốn là tay ưa bờm sơm, sàm sỡ lại chuyên nghề đục khoét của dân.

Cái tính chất luân lý đó đã là một trong những điểm then chốt của vở chèo. Vì vậy nên hai câu đầu tiên của vở chèo đã là hai câu khuyên nhủ người ta nên sống theo đạo đức:

Ai ơi giữ lấy đạo hiền
Giồng cây lấy đức, xây nền lấy nhân.

Người Việt Nam chúng ta, cũng như nhiều dân tộc khác tại Á Đông, từ trước tới nay vốn chủ trương dùng Đức và Nhân để làm nền tảng cho một chủ nghĩa nhân bản dùng vào việc xây dựng xã hội và cá nhân. Cái giá trị cao nhất của vở chèo *Quan Âm Thị Kính* chính là việc dùng một hình thức nghệ thuật sống động và hấp dẫn để đề cao một chủ thuyết nhân bản cổ truyền của người Việt. Do đấy vở chèo *Quan Âm Thị Kính* đã vượt xa truyện nôm *Quan Âm Thị Kính*ở chỗ đã đạt tới một nghệ thuật cao, trong khi tập truyện nôm, tuy có cùng một nội dung nhưng chỉ có một giá trị nghệ thuật rất tầm thường.

Do đấy, ông Vũ Khắc Khoan đã làm một việc rất hữu ích khi sưu tầm, giới thiệu và cho xuất bản vở chèo *Quan Âm Thị Kính*. Việc làm này của họ Vũ đã giúp các nhà khảo cứu văn chương Việt Nam có thêm một tài liệu quý giá để bổ túc cho những cuốn văn học sử hoặc những cuốn hợp tuyển thi văn được viết về sau này. Bởi chưng, theo ý chúng tôi, trên lãnh vực văn chương nghệ thuật, vở chèo *Quan Âm Thị Kính* có một giá trị đặc biệt, vượt xa cả giá trị của những vở tuồng cổ danh tiếng như *Sơn Hậu* hoặc *Kim Thạch Kỳ Duyên*.

Sách này cũng đã giúp cho các ban hát chèo xứ ta có sẵn một tài liệu đặc sắc, cực kỳ hấp dẫn để trình diễn trên sân khấu, trên Vô Tuyến Truyền Hình hoặc qua làn sóng điện Vô tuyến Truyền Thanh.

Tập sách in vở chèo *Quan Âm Thị Kính* do ông Vũ Khắc Khoan sưu tầm được đáng được coi là một viên ngọc quý. Đến nay, cách sáu, bảy năm rồi, bản in của nhóm Xây dựng Văn nghệ Đào Tấn đã tuyệt bản. Ước mong ông Vũ Khắc Khoan sẽ lưu tâm cho một nhà xuất bản nào đó in lại sách này để những độc giả chưa được thưởng thức sẽ có thể có sách đó trong tay một cách dễ dàng.

Lê Huy Oanh

Cáo lỗi : Trong hai số Văn Học đặc biệt chủ đề Văn Nghiệp Vũ Khắc Khoan và Sự nghiệp Văn nghệ của Phạm Duy, vì có nhiều bài vở liên quan chủ đề cần đăng ngay, nên xin tạm gác lại hai kỳ :Hồi ký Ánh sáng và Bóng tối của Hoàng Liên, và THồi kỳ phát triển của Nhạc Tình của Phạm Duy.

Điệp Mỹ Linh

Câu chuyện đứt ngang

Đối với tôi, không có hôm nào đẹp cho bằng sáng chủ nhật. Tôi thích sáng chủ nhật vì tôi không bị đồng hồ báo thức dựng dậy để vội vội vàng vàng tắm rửa, sấy tóc, thay đồ...rồi vừa lái xe đến trường vừa ăn "donuts". Dù nắng hay mưa, sáng chủ nhật vẫn là khoảng thời gian riêng của tôi. Nếu trời mưa hoặc âm u, tôi sẽ nằm nán trên giường, chờn vờn trong giấc ngủ nướng cho đến khi Mẹ gọi dậy ăn sáng, khoảng 10 hay 11 giờ. Ăn xong, tôi trở vào phòng, ngồi sát cửa sổ đọc sách, nghe nhạc. Nếu trời nắng, tôi sẽ dậy sớm hơn, ăn sáng rồi ra sân sau ngồi trên ghế dựa cạnh vườn hồng nghe nhạc, đọc sách và phơi nắng.

Bất cứ sở thích nào của tôi Mẹ cũng tỏ vẻ hài lòng, chỉ trừ phơi nắng. Mẹ bảo con gái phải giữ cho da dẻ mịn màng, trắng trẻo, đừng bắt chước Mỹ làm da nâu sậm, dễ bị tàn nhang và ung thư. Tôi không đồng ý với Mẹ. Có thể nói hầu hết ý kiến Mẹ đưa ra tôi đều suy nghĩ ngược lại. Không như chị Giáng Thu, để Mẹ "run her life". Tôi tranh luận với Mẹ và cố đưa ra những điểm tốt của nếp sống "bên này" trong khi Mẹ cứ tiếc nuối và đề cao nếp sống "bên nhà".

Thật ra tôi đâu hấp thụ được gì ở nếp sống "bên nhà". Tôi đến Mỹ tháng 7.75, lúc đó tôi chỉ hơn tám tuổi. Tôi nhìn vòm trời lạ với nhiều vui thích hơn là bở ngỡ, ngại ngùng. Căn bản Pháp văn của những năm học trường "sơ" giúp tôi rất nhiều để thu thập ngôn ngữ mới. Trong khi chị Giáng Thu và tôi không gặp chút trở ngại nào về Anh văn thì Mẹ học hoài không vô, đọc hoài không đúng giọng. Mẹ cứ phàn nàn phải chi hồi trước Ba đừng quá bảo thủ, cho Mẹ làm sở Mỹ, có lẽ Anh văn của Mẹ không đến nỗi tệ như bây giờ.(Mẹ cần nhằn thì cần nhằn chứ Mẹ cũng biết không phải ai làm sở Mỹ cũng khá Anh văn). Tuy Anh văn ngọng nghịu, lưỡi cứng, giọng nặng, thiếu "xì" ở những mẫu tự "s" cuối những chữ số nhiều..nhưng Mỹ vẫn hiểu Mẹ nói gì, nhờ đó Mẹ có đồng lương tối thiểu của những giờ lao động tại tiệm tạp hoá để nuôi chị em tôi ăn học.

Nếu gia đình ai ở Mỹ mà không có người đàn ông trong nhà tất sẽ hiểu nỗi khổ sở, vất vả của Mẹ. Vì hiểu được những khó khăn trong cuộc sống này nên chị Giáng Thu vâng lời Mẹ, làm theo tất cả những yêu cầu của Mẹ. Đến nỗi nhiều khi tôi bất bình vì thấy quả thật chị Giáng Thu sống vì Mẹ, học vì Mẹ chứ không phải học cho cuộc đời và ý thích của chị.

Tôi thì khác. Tôi sống, hành động, suy nghĩ gần giống như một người Mỹ. Với vóc dáng cao lớn, đầy đà, phong cách rất tự nhiên và Anh văn lưu loát, tôi bị giáo sư và sinh viên cùng trường cho rằng tôi là người Tàu hay Nhật. Tôi thấy không có gì phải phiền hà nên chỉ lắc đầu nói "ứ ừ". Hai chữ ấy chỉ phủ nhận tôi không là Tàu hay Nhật nhưng lại không xác định tôi thuộc dân tộc nào.

Tuy tính tình hai đứa con hoàn toàn trái ngược nhau nhưng Mẹ vẫn thương hai chị em tôi đồng đều - tôi thấy như vậy. Mẹ làm ca 2, từ 3 giờ chiều đến 11 giờ tối. Có khi Mẹ về đến nhà 12 giờ đêm nên sáng hôm sau Mẹ ngủ trễ trong khi chị em tôi dậy sớm đi học. Chiều tối lúc chị em tôi đi học về là lúc Mẹ bận rộn ở cửa hàng. Vì lẽ đó, ít khi chúng tôi gặp Mẹ, trừ ngày chủ nhật.

Mỗi sáng chủ nhật Mẹ dậy sớm, nấu bún, phở, bánh xèo...cho chị em tôi ăn. Mẹ bảo ăn thức ăn Việt để nhớ đến nguồn gốc mình nhưng tôi không thích mấy món đó. Tôi chỉ thích "cereal", "pancake"...Các món Mẹ nấu không có món nào làm tôi khó chịu bằng món bún bò. Món bún này cay xé miệng mà lại có mùi hinh hỉnh. Mẹ bảo mùi đó thơm chứ sao tôi dám gọi là hinh hỉnh. Mùi mắm ruốc đó ! Mặc những lời chê bai của tôi, Mẹ và chị Giáng Thu vẫn ăn một cách ngon lành.

Kể cũng lạ thật, chị Giáng Thu chỉ hơn tôi vài tuổi vậy mà chị thích ăn thức ăn Việt, nói tiếng Việt giỏi và nhớ những kỷ niệm ở trường xưa. Thỉnh thoảng chị nhắc lại những ngày vui ở nội trú. Theo lời kể của chị Giáng Thu tôi cố tưởng tượng ra một cách lờ mờ chứ không làm sao nhớ rõ được. Dường như chị cố tình muốn tôi nhớ lại những ngày vui ấy nên chị cứ kể tới, kể lui, kể hoài những chuyện đó.

Những năm còn học trung học, chị em gần gũi nên chị Giáng Thu thường kể chuyện xưa. Từ ngày chị vào Đại học, chị em tôi ít có những dịp vui như vậy nữa. Vì lẽ đó, tôi không hiểu chị Giáng Thu nhiều. Tôi chỉ thấy chị luôn luôn bận bịu bài vở và những giờ thực tập mà tôi mường tượng rất là dễ sợ. Nhìn gương mặt đăm chiêu của chị, tôi nghĩ rằng chưa hẳn chị vui thích về những gì chị đang học. Cuộc đời sinh viên đã khó khăn vất vả, mà chị phải theo học một ngành chị không thích thì thật là bất công ! Riêng tôi, tôi rất bằng lòng với cuộc sống hiện tại. Vì sau những dằng co dữ dội

giữa ý muốn của Mẹ và của tôi, tôi đã theo học phân khoa tôi thích. Cũng sau sự tản lờ của tôi về những bài luân lý "xưa như trái đất" của Mẹ, Mẹ đành để cho tôi có bạn trai, Trụ, học bên Nha khoa.

Thỉnh thoảng, vào những chiều chủ nhật, sau khi Mẹ đi làm, chị em tôi tâm sự. Những lời than vãn của chị Giáng Thu làm tôi thấy thương chị hơn nhưng không biết làm sao đành hỏi ngược :

— Sao chị không nói thẳng với Mẹ ?

Chị lắc đầu :

— Nói làm sao được khi mà Mẹ hi sinh tất cả cho chị em mình ? Ước vọng duy nhất của Mẹ là chị phải trở thành một "MD".

Tôi thẳng thừng, nghĩ sao nói vậy :

— Ước vọng của Mẹ là của Mẹ. Cuộc đời và sự nghiệp của chị là của chị. Mẹ đâu có thể sống cho cuộc đời của chị sau này ?

— Chị đã nói với em rồi, sống trên đời không phải mình chỉ biết những điều mình thích mà mình phải dung hoà giữa mình và những người liên hệ. Như Mẹ đó, nếu Mẹ làm như ý Mẹ thích, thì ai nuôi chị em mình ?

— Tại sao chị biết Mẹ không thích những điều Mẹ đang làm ? Em nghĩ Mẹ phải vui sướng, bằng lòng Mẹ mới chịu khó như vậy chứ .

Chị Giáng Thu cười thật hiền, nhìn tôi và giải thích :

— Em học tâm lý mà em dại lắm. Mẹ sang đây lúc Mẹ mới 30 tuổi. Có người đàn bà nào khoảng tuổi đó mà không thích được một người đàn ông yêu thương, săn sóc ? Có người đàn bà nào từ một cuộc sống đầy đủ thoải mái ở Việt Nam bỗng nhiên thích trở thành bà bán tạp hoá ở xứ này ? Em suy nghĩ đi.

— Ai bắt Mẹ như vậy đâu ! Nếu Mẹ thích có chồng thì lấy chồng. Mẹ không thích làm chỗ đó thì xin chỗ khác. Ai cũng chỉ có một đời để sống, vậy, hãy sống thế nào cho mình vui sướng, hạnh phúc là được.

Chị Giáng Thu lắc đầu, mắt lơ đãng nhìn lên khung ảnh của Mẹ :

— Không ai bắt Mẹ nhưng tình thương khiến Mẹ hy sinh niềm hạnh phúc riêng của Mẹ. Nếu Mẹ sống đúng theo quan niệm của em thì chị em mình đói khổ từ lâu chứ làm sao học đến Đại học được hả em ?

Tôi ngạc nhiên :

— Chị nói gì kỳ vậy ? Mẹ sinh ra mình, Mẹ phải lo cho mình đầy đủ. Đó là luật.

— Luật chỉ bảo vệ con nít khỏi bị hành hạ, khỏi bị bỏ đói, cưỡng bách giáo dục chứ luật đâu có buộc cha mẹ phải lo cho con theo học Đại học. Em thấy hầu hết gia đình Mỹ phủi tay sau khi con học xong trung học là vậy đó.

Sau một phút suy nghĩ, tôi đưa ra một nhận xét rất bất ngờ :

— Thật ra cho con theo học Đại học chưa hẳn là ý cha mẹ mong con sung sướng, hạnh phúc mà chính vì sự ích kỷ, sự phô trương, tự mãn của cha mẹ.

Chị Giáng Thu giật mình, nhìn thẳng vào mắt tôi. Trong mắt tôi có lẽ chị đọc được sự chân thật, thẳng thắn nên chị có vẻ hoảng sợ, tưởng như tôi đã đọc được ý tưởng của chị. Một lúc lâu lắm, chị hỏi :

— Tại sao em nghĩ như vậy, Lệ Chi ?

— Chị thử lắng nghe những mẩu đối thoại của các bậc cha mẹ thì biết. Họ chỉ đốc thúc con họ chen cho được vào các đại học tiếng tăm và phải đem về số điểm ưu hạng cùng với phiếu danh dự để họ lên mặt với bạn bè mỗi khi có dịp. Họ không cần biết trong các trường đại học có tiếng như thế con của họ phải vùng vẫy như thế nào, sức chịu đựng của con họ phải dai dẳng như thế nào mới đối đầu được với sự ganh đua, đố kỵ của những sinh viên chọn lọc đó?!

Chị Giáng Thu cúi mặt lặng thinh như ngầm đồng ý với những nhận xét của tôi, nhưng chị lại cố vớt vát :

— Chị không nghĩ như vậy vì Mẹ rất ít giao thiệp với bạn bè.

Tôi gật gù như bà cụ non :

— Có thể Mẹ không như vậy nhưng nhận xét của em là nhận xét chung. À, chị biết anh Trụ nói gì với em không ?

Chị Giáng Thu ngước mắt nhìn tôi như chờ đợi. Tôi tiếp :

— Trụ bảo sau những lần thực tập Trụ không muốn ăn uống gì hết. Thấy ai nhổ bãi nước bọt mình đã gớm rồi, vậy mà Trụ phải nhìn vào trong miệng, nạy răng người ta, đủ thứ mùi hôi.. Tối nằm ngủ trở thành ác mộng! Vậy mà có bao giờ ba mẹ của Trụ vừa ý đâu. Lúc nào ông bà cũng đem con của người khác ra so sánh, rồi nói người ta có phước, con mới 23, 24 tuổi đã ra nha sĩ. Ông bà cứ phân bì, sao ông bà không giỏi đi học đi !

Chị Giáng Thu im lặng. Tôi đoán những ý nghĩ của tôi cũng là của chị. Chị thở ra, đưa tay lật mấy trang sách một cách thờ ơ, rồi nói :

— Có một lần vô tình Mẹ nhắc là ngày cúng thôi nôi cho chị, chị bốc cây thước. Ba mẹ tin rằng chị sẽ là cô giáo. Sau khi thuyết phục chị chọn ngành y khoa, Mẹ bảo ba mẹ và họ hàng ai cũng vui mừng, hãnh diện về chị. Đâu ai hiểu chị nghĩ gì ? ước mơ gì ?

— Có phải câu chuyện cúng thôi nôi ám ảnh chị không, chị Thu ?

Chị lại lắc đầu. (Sao chị hay lắc đầu ? Đó là dấu hiệu của sự chán chường, phiền muộn. Tôi nghĩ như vậy). Chị đan hai tay vào nhau, nhìn ra cửa sổ một lúc như cố sắp xếp ý tưởng cho có thứ tự, rồi nói :

— Không hẳn đâu em ạ. Bởi vì, từ những ngày chị chưa nhắc

chuyện xưa chị đã cảm thấy sợ khi quan sát sờ mó các bào thai trong ống nghiệm. Lòng chị bất nhẫn khi thấy những xác người được gắn ống ăn, ống uống, ống thở, ống ỉ, ống tè...tùm lum. Chị nghĩ đó không phải là đời sống nữa mà chỉ là sự đày đoạ xác người. Những lúc vào "M. D. Anderson", nhìn dấu vết trên những thân người tàn tạ vì loài vi trùng bất trị, chị thấy cuộc đời không còn ý nghĩa để sống...Tinh thần chị chùng xuống. Chưa bao giờ chị thấy giáo lý nhà Phật thâm thúy như những lúc đó.

— Lạ nhỉ ! Em tưởng thấy những đau đớn của con người chị mới hăng hái bước vào con đường xoa dịu vết thương của nhân loại chứ.

Chị lại lắc đầu :

— Từ nhỏ chị đã nghĩ như vậy, nhưng khi vào thế giới y khoa chị thấy khác. Ai cũng tìm cho mình những danh từ thật lớn, thật kêu để che giấu ý muốn tầm thường của mình.

Tôi đâm lo, chỉ ngại chị đổi phân khoa thì uổng công :

— Qua những gì chị bộc lộ, em ngại chị sẽ bỏ dở.. Nếu bỏ cũng uổng chị ạ, vì chị đi đã ba phần tư đường rồi.

— Mẹ "chăn" chị kỹ quá, bỏ sao nổi !

— Dù sao đó cũng là một bất công.

Nói xong, tôi mới thấy mình tự mâu thuẫn. Câu trước nói "vô", bây giờ nói "ra", nhưng thật tình tôi nghĩ sao nói vậy. Tôi càng thấy tội nghiệp chị hơn khi nghe chị nói thật nỗi lòng của chị:

— Em thấy đó, đi học chị phải đối đầu với những gì mà người bình thường ghê sợ nhất. Về nhà ít khi chị gặp Mẹ, ít khi gặp em. Thỉnh thoảng có chàng nào mời đi chơi, Mẹ nói bóng gió xa xôi và so sánh thời Mẹ mới lớn với chị bây giờ. Mẹ lại đem phong tục tập quán của mình ra giảng một hồi làm chị cảm thấy như "date" là một cái gì tội lỗi lắm vậy.

— Mẹ hành xử với chị như vậy vì chị không tranh đấu cho cuộc đời của chị. Chị phải nói lên để Mẹ hiểu chị cần gì, muốn gì; nếu không Mẹ cứ bắt chị phải sống theo ý của Mẹ.

— Đôi khi tình thương cũng đoạ đày con người nhiều lắm, em biết không ?

Nói xong, chị co hai tay dưới gầm bàn, rồi ép một bên má lên mặt bàn và tiếp :

— Không biết sau này cuộc đời của chị ra sao chứ từ ngày lên Đại học đến giờ chị thấy chị đang vùng vẫy trong một vũng lầy.

— Sao lại thảm não đến vậy, hả chị ?

Trước khi trả lời tôi, chị ngồi thẳng lên, nhìn qua khung cửa với ánh mắt đăm chiêu :

— Chị "lọt" vào một trường mà đa số sinh viên là những người được tuyển chọn rất kỹ. Do đó, vì tự ái cá nhân, vì tự ái dân tộc, chị

phải chứng tỏ chị cũng là một trong các sinh viên ưu tú đó..Thế rồi "pressure", rồi "stress"...Em sờ tóc chị xem, tóc rụng nhiều quá, chắc chị sắp hói rồi, phải không em ?

Chị cười buồn và đưa tay luồn vào làn tóc mềm nhưng thưa thớt. Tôi nhìn chị và thấy thương chị quá chừng nên mở lời an ủi :

— Cũng không còn bao lâu nữa, thôi rán đi, nghe chị.

Chị Giáng Thu chợt cười thành tiếng ngắn. Tiếng cười như mang nhiều mỉa mai chua chát :

— Ra trường rồi làm gì ? Đâu phải bất cứ một bác sĩ nào cũng may mắn làm ra tiền. Em thấy có bao nhiêu người ngoại quốc đến thăm bệnh tại phòng mạch bác sĩ Việt ? Rồi những gia đình Việt khá Anh văn, với đầu óc vọng ngoại, cũng đâu thèm đến bác sĩ Việt. Trong khi đó chị vẫn trả bảo hiểm nghề nghiệp và nợ "Student loan" như những bác sĩ da trắng. Khi mọi sự có vẻ bình thường đều đặn, chị phải nghĩ đến chuyện lập gia đình. Lúc đó em thử tính xem chị bao nhiêu tuổi ? Rồi làm mẹ, làm vợ...Đó, cuộc đời của chị có khoảng thời gian nào vô tư, vui sướng đâu ! Bởi vậy chị hay nhắc kỷ niệm xưa, vì những ngày đó quả thật là thần tiên...

Chúng tôi cùng im lặng. Tôi không biết chị đang nghĩ gì nhưng tôi đang suy nghĩ về những khám phá bất ngờ về chị Giáng Thu. Lâu lắm, gương mặt chị bớt đi vẻ xa vắng, chị hỏi :

— Nè, còn chuyện em với Trụ tới đâu rồi ?

Thấy chị chuyển câu chuyện sang một đề tài vui nên tôi cười :

— Cũng vậy thôi.

— Tại sao lại "cũng vậy" ? Em có tính làm đám cưới vào mùa hè này không ?

— Chưa đâu chị, chị nhớ là em còn phải lấy Ph. D nữa mà. Hơn nữa em muốn để thật lâu để chúng em có dịp hiểu rõ nhau hơn. Vội gì.

— Tính gì thì tính mau đi, để lâu em bị mang tiếng đó.

Tôi gãi đầu một cách bực dọc :

— Tại sao em bị mang tiếng mà Mẹ và chị cứ lo. Bộ hai người yêu nhau là xấu xa lắm sao ? Nếu xấu xa tại sao con trai không sợ mang tiếng mà chỉ sợ cho con gái, hả chị ?

— Dư luận Việt Nam mình thường tha thứ, dễ dãi với đàn ông, con trai, nhưng lại rất khắc khe với đàn bà, con gái. Hai người yêu nhau trong sạch thì không có gì xấu, nhưng lỡ tình yêu đổ vỡ, cô gái bị mang tiếng. Mẹ nhồi vào óc chị như vậy nên chị chưa dám có bạn trai. Chị chỉ ngại không có chàng nào chịu được cảnh cả tuần mới "phone" nhau một cú, cả tháng mới gặp nhau một lần vì chị bù đầu với sách vở và thầy ma. Em hiểu chưa, nhỏ ?

Tôi không trả lời câu hỏi của chị mà lại đưa ra nhận xét :

— Nghĩ cũng lạ quá, chị nhỉ ! Người Mỹ, hễ con họ 13,14 tuổi mà

chưa có bạn trai là họ quýnh lên, sợ nó bị bệnh bất thường, còn người mình thì ngược lại...

Những mẩu đối thoại của chị em tôi thường chỉ quanh quẩn trong các vấn đề như vậy. Có điều hôm đó chị Giáng Thu có vẻ tâm tình với tôi nhiều hơn mọi khi. Tôi không hiểu đó có phải là những lời "kêu cứu" của chị hay không, nhưng tôi không biết giúp chị bằng cách nào. Vài lần tôi có nói xa nói gần cho Mẹ hiểu. Tôi cố chêm tiếng Việt trong câu nói, nhưng Mẹ gạt đi :

— Con còn nhỏ biết gì mà nói (!?). Giáng Thu không bao giờ nghĩ như vậy đâu, con. Giáng Thu hiểu rằng những gì Mẹ muốn các con làm là vì Mẹ muốn các con có một tương lai bảo đảm về sau.

Tôi không giấu được sự bất đồng ý kiến của tôi :

— Làm sao Mẹ cứ quả quyết rằng ý muốn của Mẹ sẽ đưa các con đến một tương lai bảo đảm ? Cho dù nếu tương lai có bảo đảm đi nữa thì làm sao Mẹ biết chúng con có vui sướng với cuộc sống do Mẹ áp đặt hay không, thưa Mẹ ?

— Tại sao lại không ? Khi con học cao, có bằng cấp lớn, có địa vị, có tiền là có hạnh phúc.

— Không đúng như vậy đâu, Mẹ.

Mẹ thở dài, nhìn tôi với vẻ trách móc :

— Con sắp sửa tranh luận với Mẹ nữa rồi, phải không ? Suốt tuần Mẹ chỉ gặp con sáng chủ nhật, tại sao lại dành những giờ phút quí hoá ấy để cãi nhau ? Mẹ đã để con làm theo ý con tất cả mọi việc mà con chưa vừa ý sao ? Mẹ thấy tội cho Giáng Thu. Lúc nào chị con cũng cố làm theo ý Mẹ mà cứ sợ Mẹ không vừa lòng.

Nghe Mẹ mở đầu về chị Giáng Thu, tôi muốn cho Mẹ hay những gì chị tâm sự với tôi hôm nọ. Nhưng nghĩ lại, tôi không muốn phản bội lòng tin của chị nên tôi im. Mẹ hỏi sang chuyện khác :

— Nè, con tính mua hay mướn áo và mũ cho ngày ra trường, hả con ?

— Để chi vậy Mẹ ?

— Để con mặc lúc làm lễ ra trường chứ để chi mà hỏi vô duyên vậy cà.

Tôi lắc đầu nguầy nguậy :

— Con không dự đâu. Bộ Mẹ tính đến dự lễ sao, Mẹ ?

Mẹ cười, mất long lanh niềm vui :

— Đến chứ, Mẹ và Giáng Thu, con là nhân vật chính mà lại nói là không đi. Con nhỏ này lớn rồi mà ăn nói như con nít không hà.

— Đâu có gì mà Mẹ làm lớn chuyện quá vậy, Mẹ ?

Mẹ nói hơi lớn hơn bình thường một chút, giọng mang niềm hãnh diện :

— Lớn chuyện chứ con. Mẹ trông chờ giây phút đó suốt 15,16 năm rồi đó con.

Tôi vẫn tỉnh bơ, phát ngôn một cách thẳng thừng :

— Mẹ mong chờ thì Mẹ cứ đến dự đi. Con không đến.

Mẹ nghiêm mặt nhìn tôi :

— Con nói thiệt sao đó ?

— Dạ, thiệt chớ !

Một cách chán nản, Mẹ gục đầu vào lòng bàn tay, kêu lên :

— Trời ! Mẹ sinh con, Trời sinh tính. Chỉ có hai đứa con thôi mà một đứa hiền lành, hiếu thảo, còn một đứa ngang ngạnh chịu hết nổi. Đồ bất hiếu !

Tôi chẳng hiểu rõ trọn câu đó nên không lộ vẻ buồn hay giận mà hỏi lại :

— Bất hiếu là gì mà Mẹ cứ nói với con hai tiếng đó hoài vậy, Mẹ ?

Biết tôi không hiểu tiếng Việt nhiều nên Mẹ giải thích :

— Bất hiếu là không có hiếu, không biết thương cha mẹ, không biết nghe lời, không biết lo lắng cho cha mẹ. Hiểu chưa ?

Tôi vẫn nhìn Mẹ bằng ánh nhìn của một đứa ngốc nhất trên đời :

— Luật đó ở đâu hả Mẹ ? Ai soạn cái "luật có hiếu" vậy, Mẹ ?

Mẹ dậm chân kêu trời rồi bỏ ra sân sau ngồi. Tôi biết Mẹ đang bực mình nhưng tôi chưa hiểu lý do vì sao Mẹ nổi giận dễ dàng đến vậy. Tôi vào phòng chị Giáng Thu, tính nói chị ra hỏi Mẹ lý do Mẹ giận tôi, nhưng tôi ngạc nhiên khi thấy khăn trải giường của chị còn thẳng băng. Thì ra từ tối hôm qua tới giờ chị chưa về.

Dạo này chị phải trực ở nhà thương nên giờ giấc đi và về rất bất thường. Nhiều khi hai chị em đang ăn tối, đang đấu láo thì điện thoại gọi. Mặt chị méo lại, vừa cố trợn trạo ăn cho hết chén cơm vừa cằn nhằn :

— Sau này đang cho con bú mà gọi thì cũng phải bỏ con mà đi thôi !

Tôi nhìn chị với thật nhiều xót xa.

Tôi tính ra sân lấy cớ hỏi Mẹ về chị Giáng Thu để làm hoà với Mẹ nhưng Trụ đến. Trụ vào bằng ngõ sau và có vẻ ngại ngùng khi thấy Mẹ ngồi buồn xo cạnh khóm hồng. Tôi đẩy cửa bước ra vừa khi Mẹ ngó lên. Trụ thưa :

— Thưa Bác ạ.

Mẹ gượng cười, gật đầu chào Trụ rồi lơ đãng nhìn ra góc sân, nơi có cây bồ đề xanh lá. Sau khi chào Mẹ, Trụ quay sang tôi. Chúng tôi cùng nói lên một lượt "Hi", âm hưởng cao, kéo dài như niềm vui sướng của hai kẻ yêu nhau được gặp nhau. Tôi nắm tay Trụ, kéo chàng vào nhà. Vừa quay vào tôi vừa nhìn Mẹ và bắt gặp ánh nhìn khó chịu , mang vẻ nghiêm khắc của Mẹ. Thật sự tôi

không hiểu lý do cái nhìn ấy nên cứ níu tay Trụ vào nhà. Mẹ đứng bật dậy và đi vào theo.

Từ ngày quen Trụ, tôi để ý thấy dường như Mẹ có ý quanh quẩn bên chúng tôi mỗi khi Trụ đến nhà. Trụ không bận tâm nhưng tôi lại khó chịu vì tôi nghĩ Mẹ không tin tưởng chúng tôi, Mẹ kiểm soát tôi, Mẹ xâm phạm những điều riêng tư của tôi. Nhớ lần đầu tiên, sau khi tôi giới thiệu Trụ với Mẹ, Mẹ cứ cho hỏi dò xem Trụ học hành ra sao, con nhà ai, gia thế của Trụ hồi trước ở Việt Nam như thế nào. Tôi bực dọc trả lời nhát gừng với Mẹ nên Mẹ không vui. Tôi tự nghĩ tôi yêu Trụ, tôi tin chàng và tôi hiểu chàng, thế là đủ. Tôi nghĩ tôi sẽ lấy Trụ làm chồng, chứ tôi có lấy gia đình Trụ đâu mà lo. Mẹ lại giải thích phải chọn những gia đình gia giáo, nề nếp, đạo đức thì con cái của họ mới đàng hoàng chững chạc. Tôi không đồng ý. Đối với tôi, điều quan trọng là đối tượng của tôi chứ không phải họ hàng anh ta.

Từ ngày chúng tôi đính hôn, Mẹ vẫn luôn luôn nhắc nhở :

— Đừng dại dột tin lời Trụ mà khổ thân, nghe con. Đến ngày nào người đàn ông chết, chôn dưới huyệt sâu mình mới biết chắc người đó là chồng của mình

Tôi không trách Mẹ bi quan thái quá. Nếu tôi trải qua đoạn đường mà Mẹ đã đi, tôi nghĩ tôi sẽ nghi ngờ tất cả đàn ông. Thế nhưng chính tôi, Nguyễn Lệ Chi, chưa từng nếm mùi bất hạnh nên tôi yêu và tin Trụ tuyệt đối.

Sau khi chúng tôi vào nhà, Mẹ đi xuống bếp nhưng vẫn cố cho chúng tôi thấy sự hiện diện quanh quẩn của Mẹ. Trụ ngồi nơi ghế nệm. Tôi đứng cạnh, đưa tay lấy "remote control" mở TV. Trụ kéo tay tôi, muốn tôi ngồi cạnh chàng. Tôi ngồi sát vào Trụ một cách rất tự nhiên. Mẹ cứ đi qua, đi lại khoảng trống từ nhà bếp đến phòng khách, không biết với mục đích gì. Suốt buổi trưa hôm đó, chúng tôi chỉ ngồi bên nhau, tay trong tay xem TV, thỉnh thoảng nhìn nhau âu yếm.

Không lâu lắm Trụ tỏ ý muốn về. Tôi đưa chàng xuống bếp chào Mẹ, rồi đưa chàng ra ngã nhà xe. Lúc trở vào tôi tính làm hoà với Mẹ về vụ "con bất hiếu" lúc sáng, nhưng vừa trông thấy tôi, Mẹ nghiêm mặt chất vấn :

— Hai đứa làm cái gì kỳ vậy, Chi ?

— Chúng con làm cái gì mà kỳ, thưa Mẹ ?

— Hai đứa mới đám hỏi chứ đã vợ chồng gì đâu mà ngồi với nhau như vậy ?

À, thì ra Mẹ không muốn chúng tôi ngồi gần nhau. Sao phải đợi tới đám cưới hai người mới được tỏ ra âu yếm nhau nhỉ ! Tôi tính hỏi Mẹ nhưng ngại chọc Mẹ giận nữa nên không dám. Khổ ghê ! Mỹ nó giải thích cho con cái tất cả những vấn đề thầm kín của

con gái, con trai, trong khi Mẹ không bao giờ đề cập tới những vấn đề thực tế này. Đôi khi xem TV có cảnh làm tình không rõ ràng lắm nhưng Mẹ cũng lên án nên chúng tôi biết Mẹ không thích chúng tôi biết những "vụ đó". Tội nghiệp Mẹ ! Chúng tôi vẫn biết vì sự tò mò của tuổi mới lớn, vì những cảnh hôn nhau, ôm ấp nhau công khai, nhan nhản trong sân trường, trong công viên, trong bãi đậu xe...Cho đến bây giờ, sắp xong cử nhân và có vị hôn phu, tôi cũng không hiểu là nên biểu lộ tình cảm như Mỹ hay là nên dồn nén tình cảm vào lòng để khỏi mang hai tiếng "sỗ sàng" theo phong tục Việt Nam ?

Những lần tiếp xúc với các vị giáo sư Mỹ tôi mới hiểu rằng vào những thập niên 40, 50, 60 xã hội Mỹ không đến nỗi tệ như bây giờ. Chính những người Mỹ đó cũng lên án lối sống quá hiện sinh của xã hội Mỹ hôm nay. Tôi không cần biết lý do nào đã đưa xã hội Mỹ vào nếp sống hiện tại. Tôi chỉ thấy rằng sau khi rời nhà, tôi bị cuốn trôi vào một dòng đời lạ lẫm, có nhiều bất ngờ, có lắm thích thú. Tôi ngụp lặn, vui đùa trong đó như mọi người quanh tôi. Khi về nhà, Mẹ nhìn tôi như nhìn một quái thai. Phải chi Mẹ nhìn tôi với ánh nhìn bình thản như mọi người, hoặc mọi người sống khép kín bảo thủ như Mẹ thì tâm hồn tôi đâu có bị dằng co.

Câu nói của Mẹ khiến tôi tò mò nên tôi hỏi :

— Hồi đó Ba theo Mẹ, Ba phải ngồi cách Mẹ một khoảng bao xa, thưa Mẹ ?

Nghe nhắc chuyện xưa tự dưng mặt Mẹ thoáng buồn :

— Những lần đến thăm Mẹ, Ba ngồi nơi ghế xa-lông nói chuyện với Mẹ.

Tôi bộp chộp :

— Ngồi cùng ghế, phải không, Mẹ ?

— Ô không ! Ngồi ghế đối diện. Ông ngoại cứ nhắc Mẹ "Nam nữ thọ thọ bất thân" mà !

Tôi không hiểu câu đó nên phải khó khăn lắm Mẹ mới giải thích bằng những chữ một ghép lại. Sau khi hiểu rõ, tôi bật cười :

— Bên mình, muốn tránh tai hoạ cho con gái thì phải có những câu châm ngôn như vậy. Ở đây, cũng với mục đích đó nhưng người Mỹ cung cấp cho con gái "birth control pills" !

Mẹ mở lớn mắt, há mồm nhìn tôi như không ngờ tôi biết ba chữ "birth control pills". Tôi cũng tròn mắt nhìn Mẹ vì thật sự tôi không hiểu tại sao Mẹ lại ngạc nhiên quá độ về sự hiểu biết của tôi. Tôi 21 tuổi (tôi xong trung học sớm 1 năm). Tôi chỉ mong Mẹ nhớ như vậy để không coi tôi như một đứa bé gái 11 tuổi nữa !

Nếp sống gia đình tôi vẫn bình thản. Tôi cố không tranh luận với Mẹ nên Mẹ có vẻ vui. Chị Giáng Thu vắng nhà nhiều hơn và gầy đi thấy rõ nên tôi xúi chị ở nội trú để khỏi mất thì giờ lái xe trên

xa lộ. Mẹ cứ lo chị không được ăn uống đầy đủ vì chị không thích ăn đồ Mỹ. Mẹ có vẻ nhớ chị nhiều mặc dù hai ba tuần chị về nhà nghỉ một ngày chủ nhật. Mẹ lại buồn khi biết tôi ghi danh học Ph D ở một trường xa. Tôi đã giải thích hết lời nhưng Mẹ vẫn không vui. Mẹ than :

— Từ ngày xa Ba, Mẹ nghĩ có hai con là đủ vui cho cuộc đời của Mẹ. Nay con lại xa Mẹ nên Mẹ cảm thấy đời mình trống vắng một cách hãi hùng.

Tội nghiệp Mẹ ! Dứt tình với Ba là do quyết định của Mẹ nhưng dường như vết thương ấy không bao giờ lành lặn trong trái tim của Mẹ. Trong cuộc đổ vỡ này, tôi không trách ai cả, vì quan niệm hôn nhân của tôi rất rộng rãi : Nếu đem được hạnh phúc cho nhau thì nên sống bên nhau, bằng không thì thôi ! Lý do chị em tôi ở với Mẹ là vì trong tim của Ba có hình bóng người đàn bà và đứa con khác.

Câu nói của Mẹ khiến tôi bùi ngùi. Nhưng tương lai của tôi, tôi không thể vì Mẹ mà bỏ dở một học bổng giá trị. Như tôi đã nói, tôi sống, nghĩ, và hành động thực tế như Mỹ chứ không để tình cảm ràng buộc đời tôi.

Vì tính tôi cứng và thẳng như thế nên mối tình đứt đoạn giữa tôi và Trụ không làm tôi khổ như đã làm Mẹ buồn. Điều tôi không hiểu được là tại sao Mẹ ít khi đề cập đến sự đau khổ trong lòng tôi mà Mẹ chỉ sợ tự ái gia đình bị tổn thương ? Mẹ cứ xuýt xoa :

— Đây rồi không biết làm sao ăn nói, giải thích với họ hàng bạn bè !

— Mẹ, con lấy chồng cho con hay là con lấy chồng cho họ hàng bạn bè của Mẹ ?

Nói xong tôi mới sực nhớ là tôi bắt đầu "Lý sự" lại với Mẹ rồi. Mẹ nổi giận đùng đùng :

— Phải rồi ! Cô lấy chồng cho cô nên cô bất chấp lời khuyên của tôi. Bây giờ cô khám phá ra những điều không hợp rồi cô cắt đứt cái rụp như vậy đó. Cô đâu coi ai ra gì. Cô chỉ biết sống cho cô. Chỉ có tôi mang tiếng chịu lời mà thôi.

Tự nhiên tôi trở nên bình tĩnh một cách lạ lùng :

— Mẹ, không có ai mang tiếng chịu lời gì cả. Ở xứ này không lấy người này thì lấy người khác. Tại sao mình không sống cho mình mà mình phải sống cho dư luận ? Dư luận có bao giờ đem hạnh phúc cho ai đâu !

— Con nói dễ quá mà ! Ai có con cũng mong mỏi điều thông suốt chứ ai muốn thấy con dang dở nửa chừng. Con ở vào cương vị của Mẹ rồi con biết.

Tôi đặt vấn đề mà tôi nghĩ Mẹ sẽ không giải quyết được :

— Bây giờ Mẹ muốn con làm gì ? Mẹ muốn con nhắm mắt làm

vợ của Trụ để chịu khổ một đời hay sao ?

Giọng Mẹ có vẻ khẩn khoản :

— Mẹ không bắt con như vậy. Bây giờ đã lỡ rồi, Mẹ chỉ muốn con phân tích xem con có quên được những điểm xấu để chú trọng vào những điểm tốt của Trụ không ? Nếu không có gì trầm trọng, chỉ vì những bất đồng nho nhỏ thì hãy tha thứ nhau mà sống, con ạ!

Tôi không hiểu được tại sao tôi trở nên người lớn quá nhanh. Tôi lý luận như...bà cụ :

— Hạnh phúc và tình yêu không thể đo lường được Mẹ à. Con biết con đã bồng bột, nông cạn từ đầu. Con đã trả giá cho bài học đó và bây giờ cũng chưa muộn để chấm dứt những lỗi lầm đó.

— Thật ra Mẹ thấy Trụ cũng có nhiều điểm tốt như vui vẻ, nhiệt tình, dễ dãi, đẹp trai, học thức...

Tôi cướp lời Mẹ :

— Đến bây giờ Mẹ vẫn nhìn đàn ông bằng cái bề ngoài hào nhoáng đó sao ? Đối với con, đàn ông là những kịch sĩ có tài. Có tìm hiểu họ mình mới biết được bề trái của một bề ngoài đỏm dáng.

— Con có thể nói thật với Mẹ lý do con dứt tình với Trụ không con ?

Tôi nhún vai, cố lấy giọng khôi hài :

— Cũng chẳng có gì cụ thể khả dĩ nêu thành một vấn đề, nhưng những tí ti trừu tượng kết lại làm tim con vỡ tung !

Có lẽ tôi khôi hài dở nên Mẹ vẫn còn nghiêm giọng :

— Tỷ dụ...

Thấy không thể chuyển hướng câu chuyện, tôi đành nói thật :

— Là đàn bà, Mẹ cũng hiểu rằng mình lấy người đó vì mình yêu thương người đó. Người đó có thể là một người không ra gì dưới mắt những người khác, nhưng với mình, người đó là số một. Khi yêu người đàn bà mù quáng đến vậy và người đàn bà chỉ đòi hỏi người đó cũng nghĩ rằng mình là số một của họ. Con chỉ cần một tình yêu, một người yêu, trong khi Trụ lại là kẻ thích chinh phục, háo danh, thích nổi tiếng...

Tôi vừa nói ngang đó chợt cửa mở, chị Giáng Thu bước vào. Mặt chị bơ phờ vì thiếu ngủ. Thấy chị phờ phạc quá nên tôi chưa muốn cho chị hay vụ đổ vỡ giữa tôi và Trụ. Mẹ nhìn chị ái ngại :

— Con đi rửa mặt, ăn tô phở rồi ngủ, nghe con.

— Thôi, con cần một chỗ nằm.

Nói xong, chị cởi giày, để nguyên quần áo, nhào lăn vào lòng ghế xô-pha đối diện với Mẹ và tôi. Dường như Mẹ không nỡ "đuổi" chị vào phòng nên Mẹ vào phòng mang ra cho chị hai cái gối. Chị gối một cái, nằm nghiêng mặt vào thành ghế rồi che cái gối

kia lên trên. Cựa quậy một lúc, chị lấy cái ống khám bệnh trong túi áo nhét xuống dưới gối, rồi ngủ. Tôi nhìn đồng hồ, hỏi Mẹ :

— Mẹ chưa sửa soạn đi làm sao, Mẹ ?

— Còn sớm, con.

Chỉ nói có ba tiếng ấy rồi Mẹ co hai chân lên ghế , dựa đầu ra sau, dáng nghĩ ngợi.

Trong khi tâm tư của Mẹ chìm vào sự xa vắng nào đó , tôi chợt nhớ đến Trụ và tự hỏi lòng xem lý do tôi dứt tình với chàng có xác đáng không ? Cho đến giờ phút này tôi vẫn thấy hành động của tôi rất sáng suốt. Có thể những người con gái khác cho rằng tôi dại, vì Trụ có tất cả những ưu điểm bề ngoài để chinh phục phái nữ. Nhưng tôi chỉ cần một người yêu chứ tôi không cần một người lúc nào cũng muốn chứng tỏ ta đây là một kẻ luôn luôn chiến thắng trên tình trường!

Ngày mới bước chân vào đại học, tôi là cô bé trẻ nhất trường. Không những trẻ tuổi mà tôi lại có một khuôn mặt rất trẻ thơ nên nhiều chàng để ý. Tôi quên nói tôi còn là một người mẫu của hãng "Sears". Lúc đó Trụ đang còn học bên dự-bị-nha-khoa. Bằng mọi cách Trụ cố chinh phục tôi. Mọi người và tôi đều nhận thấy trong các phương cách Trụ chinh phục tôi có cả những khổ nhục kế nữa. Nhưng lúc đó tôi khờ, cứ nghĩ là vì quá yêu tôi nên Trụ phải làm như vậy.

Trong tất cả các dịp hội hè hay dạ vũ, tôi thấy Trụ rất vui vẻ, hãnh diện đi bên tôi giữa những cặp mắt thèm thuồng của những chàng trai khác. Vụ đám hỏi cũng do Trụ đề nghị mặc dù tôi muốn đợi xong mảnh bằng cử nhân đã. Trụ bảo phải đặt cọc chứ không thì nguy. Khi khoá học mùa xuân bắt đầu, tôi thấy có mấy cô sinh viên mới. Có người mới từ trung học lên, có người từ tiểu bang khác về. Mấy cô này đẹp lộng lẫy lại ăn mặc "new wave" và nhảy đầm rất giỏi. Trong tất cả dạ vũ hay lễ lạc, với mái tóc "Punk" kinh dị, lối phục sức kỳ quái và những bước nhảy điêu luyện, các cô nổi bật như chùm sao Bắc đẩu. Dĩ nhiên các chàng nhảy với các cô đó cũng được người ta chỉ trỏ, trầm trồ.

Thật ra những điều đó không làm cho tôi ganh tị nhưng tôi thấy Trụ tỏ thái độ bực tức, khó chịu khi không còn ai chú ý đến chàng nữa. Sau nhiều lần như vậy, tôi để ý thấy Trụ tìm mọi cách mọi dịp để được nhảy với các cô đó. Điều này cũng chưa làm tôi ghen tương gì - như tôi đã nói, tính tôi giống Mỹ lắm nên đâu có ghen những chuyện mơ hồ như vậy . Thế nhưng một ngày nọ tôi khám phá ra rằng Trụ chỉ muốn dựa vào các cô gái nổi tiếng để đời biết đến tên. Và từ đó, Trụ tự xưng là một thanh niên đào hoa. Hành động này của Trụ khiến tôi xem thường chàng. Thật tâm mà nói, tôi rất đau buồn khi quyết định xa Trụ. Nhưng thà như vậy

còn hơn là tôi phải lấy một người mà tôi không kính trọng.

Tôi tự hài lòng về phản ứng của tôi; nhưng tôi chưa biết rõ thái độ của Mẹ và chị Giáng Thu . Tôi đang chờ. May quá, Mẹ đằng hắng và nói một câu mà tôi không ngờ :

— Lệ Chi, con là đứa con gái can đảm và nhiều nghị lực.

Thấy Mẹ không trách mình nữa, tôi có vẻ vui mừng nhưng vẫn hỏi :

— Tại sao Mẹ nghĩ như vậy, thưa Mẹ ?

— Hành động dứt khoát của con đối với Trụ cho Mẹ thấy điều đó. Con hơn Mẹ xa...Mẹ nhu nhược và nhút nhát lắm con ạ.

Tôi ngạc nhiên khi thấy quan niệm sống của Mẹ không còn quá thủ cựu. Tôi tính nhân dịp này nói với Mẹ về chị Giáng Thu nhưng giọng bực dọc của chị vang lên :

— Trời ơi ! Suốt đêm qua trực ở phòng cấp cứu, không chợp mắt được một giây, cho con ngủ một chút mà !

Tiếng càu nhàu của chị Giáng Thu làm đứt ngang câu chuyện của mẹ con tôi.

Điệp Mỹ Linh

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706

(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN

SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu. Tune-up

Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều

Chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Nguyễn Bá Trạc

Thơ tháng 6, 1987

MỘT NGÀY TRONG THÁNG 6

I. Trên cánh đồng mùa hè

ĐÀN CHIM

Trên cánh đồng mùa hè
Cỏ khô vàng dưới nắng
Một đàn chim bờ câu
Bước im lìm kiếm ăn

Bầu trời xanh thế kia
Hàng cây xanh thế kia
Sao trái tim náo động

Một cánh chim bay xuống
Một con bờ câu đen
Một bầy bờ câu đen

Cây gai dại trên cánh đồng nắng cháy
Cỏ phơi khô suốt một mùa hè
Ôi đất bụi trong lòng vội vã
Tiếng động cơ của những chiếc xe

Châm điếu thuốc nhìn đàn chim
Anh hỡi hôm nay trời lắm gió
Nhưng mùa hè vẫn đẹp như tranh

2. NGƯỜI BẠN

Trên cánh đồng
những con bờ câu đen
Những con người mang theo lối xóm trong lòng

Mang trên lưng phố phường đất nước
Những ngôi nhà và nỗi nhớ mong

Cơn gió thổi lũ chim bay
ngọn cỏ khô trên những cánh đồng
Ôi trái tim người bạn tù nghiệt ngã
Biết giờ này còn đập hay không ?

Quờ quạng trong bóng tối đêm dài khắc khoải
Bưng bát cơm trộn sỏi nhục nhằn
Cho nước mắt thấm vào biển khổ
Tiếng khóc câm

Anh, ngục tù ốm đau đói lạnh
Đá nhọn ơi đâm nát gót chân trần
Anh có nghĩ đến tôi trong một đêm khắc khoải
nhốt thời gian giữa bức vách câm

3. TÌNH YÊU

Em, ái tình đề tài muôn thuở
Như con sông và những chuyến đò
Như trăng ốm chở thuyền lỡ bến
Nhưng lần này anh sẽ ghé thăm em

Như bịt mắt đi giữa vườn hoa lá
Cả không gian thơm ngát mùi hương
Ôi gió biếc làm khăn quấn cổ
Trên vai thon cần cổ trắng ngần

Em mất biếc đề tài muôn thuở
Như giác quan bắt được hương thơm
Còn dạ lý một đêm nở muộn
cũng tươi cười bên gốc hoàng lan

Vì hạnh phúc vẫn cần chân thật
Như chim bay hoa nở hoa tàn
Dù có lúc hồn anh lửi thửi
Trên thế gian toàn chuyện đau thương

Em hiểu chứ hồn anh vạn dặm
Đường anh đi sao chẳng thênh thang
Ôi mất biếc đêm trường vắng lặng
Sẽ bay đi cùng bụi thời gian

4. TÌNH BẠN

Ngày xưa tôi với anh mặc chung một áo
cùng học chung ở một ngôi trường
cùng lớn lên trong một lớp
cùng yêu đời, cùng biết yêu thương

Sáng thứ hai, chúng tôi mặc quần áo trắng
đứng nghiêm trang chào ngọn cờ vàng
Giấy rất trắng, linh hồn cũng trắng
khi mối tình nở lúc hè sang

Chúng tôi cùng biết yêu một người con gái
mặc áo xanh đi ở sân trường
Tôi ca hát như con chim sớm
Anh vui đùa như chú chim con

Có một mùa xuân đời đẹp lắm
Hoa nở bừng lên suốt tháng hè
Ta lăn xe đạp trên đường đất
Trong xóm làng bên những lũy tre

Nam ơi tất cả tình yêu cũ
Chẳng vắng xa như những tháng hè
Nam nhớ con đường trong thành nội
Chưa một hôm nào vắng tiếng ve

5. BỤI THỜI GIAN

Em, bụi thời gian như tóc xoã
Bãi chiều dương liễu hát vu vơ
Ngày xưa ta cũng là mây trắng
Bay ở trên trời suốt tuổi thơ

Hẹn cuối bờ sông hay bãi biển
Đêm nào anh thổi khúc tương tư
Đi sao cho hết con tầu cũ
Của những ngày em mới mộng mơ

Em ơi yêu quá chàng mây trắng
Đã thuộc đau thương tự chuyện Kiều
Đã biết thơ từ nàng chinh phụ
Đã bao lần em nói em yêu ?

II. Vọng cổ
Chiếc bóng bên trời

Nhân vật : *Thi sĩ, văn sĩ, đều là người Việt Nam ở Mỹ*
Thời gian : *Tháng 6.1987.*

MỞ MÀN

Văn sĩ : *(Đang đi đi lại lại trên sân khấu, sau lưng là phông cảnh nước Mỹ. Chợt dừng lại)*
Tôi biết hồn anh là giếng thẳm
Là mây hờ hải ốm tương tư
Là Trăng ! Trăng ! Trăng ! của Hàn Mặc Tử
Là anh Xuân Diệu của Thơ Thơ

Thi sĩ : *(Đứng chính giữa sân khấu trả lời) Dạ phải*

Văn sĩ : *(giơ lên một ngón tay trỏ)*
Anh chính là trai của gió sương
Của đồng lúa chín ngát thơm hương
Của sao muôn kiếp mây muôn thuở
Của những niềm đau nỗi đoạn trường

Thi sĩ : *Vâng, chính phải.*

Văn sĩ *(ca)*
Thi sĩ ơi, lòng tôi luống ngậm ngùi
thương cho chàng trai lẻ bóng
Con chim hót trong lồng là con chim trống...
Thi sĩ ơi đường chiều lẻ loi chiếc bóng
Ai chờ ai ngóng
(Mà) ai vẫn đợi ai trông

Thi sĩ :
Con đò vẫn đợi vẫn trông
Con kinh cũng đợi con sông cũng chờ

Văn sĩ : *(ngâm)*
Anh vẫn là anh của hải hồ
Của trăng đồng vọng bãi hư vô
Khi sầu mây úa phai tà áo
Khi vui câu hát nối câu hò

Thi sĩ : *Dạ, chính phải.*

Văn sĩ :
Anh vẫn là anh chính là anh
Sầu như trăng héo rũ trên cành

Khờ như bé dại mười hai tuổi
Hơn nửa cuộc đời tóc vẫn xanh.

Thi sĩ: *Dạ, phải.*

Văn sĩ: (*Nghiêm giọng)*
Anh làm mây bão nổi muôn phương
Làm trăng pha máu chiếu bên giường
Làm sương khuya đọng lưng chừng mắt
Làm lệ pha đầy một đại dương?

Thi sĩ: *Tôi rất tiếc...(Ngậm ngùi) Có nhiều chuyện xảy ra ngoài ý muốn của người ta.*

Văn sĩ: *(Chậm rãi ngâm nga) Thế...*
Anh thiết tha chi với cuộc đời?
Không làm mây trắng nhởn nhơ chơi
Sao không về hẳn Bồng lai đảo
Cùng các tiên đồng mở cuộc vui?

Thi sĩ: *Dạ, chưa dám! Chưa dám!*

Văn sĩ:
Sao anh không ở luôn xứ Phật?
Thả tâm hồn vào cõi thinh không
Sao không phẳng lặng như trang giấy
Chép ở bên lòng chữ sắc không?

Thi sĩ: *Dạ, chưa tới.*

Văn sĩ:
Vậy hãy đội mão gai lên đỉnh trán
Cong lưng khiêng tội lỗi con người
Đổ máu lệ xin mình cứu chuộc
Ngửa mặt lên trời mà gọi cha ơi.

Thi sĩ: *(Im lặng)*

Văn sĩ: *(Hỏi gặng) Thế nào?*

Thi sĩ: *Dạ, chưa dám.*

(Tạm thời hạ màn)

III Làm ngơ

Biết chứ hồn anh dài vạn dặm
Lòng anh nặng trĩu một trùng dương
Dăm khi anh lẻn về quê cũ
Đi một mình ở một bờ sông

Đi một mình theo một dòng sông
Anh lén đi trên những cánh đồng
Trong một mùa đông trơ gốc rạ
Em ngồi may áo ở bên song.

Anh khuấy thời gian, khuấy cà phê đặc
Nhìn cái phin nhỏ giọt tương lai
Anh nhâm nhi từng hớp ngậm ngùi
Đôi khi đắng như cà phê đắng

Anh là thi sĩ ở bên đây
Anh uống từng cơn nỗi ngậm ngùi
Anh nghe nghẹt thở như hải tặc
Bao nhiêu nước đã chôn vùi thân em

Anh đối diện dửng dưng nỗi khổ
Lấy đau thương dệt mấy vần thơ
Giả như đọc thơ anh nghe trúc trắc
Xin ngậm cười, em hãy làm ngơ.

IV Quê Mẹ

Chao ơi, cơn gió mùa đông cũ
Còn thổi mưa lên mấy cửa thành
Vườn nhà ông ngoại thơm hoa bưởi
Khi tóc em vừa mới chớm xanh

Năm mười tám tuổi pha ngây ngất
Yêu một dòng sông những chuyến đò
Trưa trên Văn Thánh thơm mùi gỗ
Anh chẳng cho lòng phút đắn đo

Em, xóm Bao Vinh đường lót gạch
Hương chiều thoang thoảng mấy hàng cau
Anh theo gió thẳng lên An Cựu
Em đuổi hồn mình xuống Bãi Dâu

Ngày xưa trong những bài hát cũ
Nay mới hay ra toàn chuyện buồn
Câu hát của người xa đất mẹ

Hát từ những thủa có quê hương

Anh nhớ Thanh Long cầu nước chảy
Bao nhiêu nước chảy những cơn mê
Anh vô quê mẹ năm mười một
Huế hay Hà nội cũng là quê.

Chao ơi, cơn gió mùa đông cũ
Còn thổi mưa lên mấy cửa thành?

THÁNG 6 Ở PALO ALTO VÀ BERKELEY

1. ANH, CÓ PHẢI

Anh, có phải là người lãng tử
Đang theo chân ở bốn phương trời
Anh đã ra đi theo sóng nước
thả con tầu qua chốn xa khơi?

Anh cánh chim âu buồn hèo hắt
Đậu trên cây ở một phương trời
Nghe sóng vỗ tiếng đời vắng lặng
những buổi trưa xa lộ nối đuôi

Anh thấy phương xa trời nắng nhạt
Hai hàng khuynh diệp mọc song song
Tiếng xe lùa gió qua khung máy
lùa bụi thời gian vượt cánh đồng

Anh vẫn khơi cho dòng lệ chẩy
Nhả u buồn dệt mấy câu thơ
Tiếng hát cũ như tiếng đàn vọng cổ
Khi vừa đi vừa sống vừa mơ

Anh vẫn là trai thời khói lửa
Nghe lòng vùng dậy súng gươm dao
Hãy che mái thẳm lên con suối
Và lặng nghe tiếng khóc tự hôm nào

2. HỘT MÁU RƠI

Con ơi từ buổi cha đi ấy
Đã lớn lên thêm mấy khúc đời
Con hột máu rơi trên đất cũ
Cha ở đây cũng hột máu rơi

3. ĐÊM MƠ TỚI CÁC CHÁU

Gió từ bên biển qua bên núi
Gió thổi lang thang mấy tháng hè
Đêm, ngồi với những niềm vui nhỏ
Cho linh hồn lắng đọng cơn mê

Đêm sáng vô ngần trăng dĩ vãng
Mộng sầu vỡ vụn dưới muôn sao
Hãy nhắm mắt cho dịu dàng ký ức
Cho không gian đỏ má hoa đào

Hỡi mối sầu xa không với tới
Cứ ngủ yên đi mấy tháng hè
Cho thơ chín ngọt như mơ mận
Cho lời kinh vắng đến bên kia

Cho không gian về với thời gian
Cho giấc mơ xanh trổ chín vàng
Cho đôi môi mọng như đôi má
Của bé thơ đẹp nhất Việt Nam

Hỡi bé thơ đẹp tựa mặt trời
Bé thơ mạnh khoẻ bé vui tươi
Những em bé bỏng trong xuân mới
Sẽ hái hoa xuân tặng cuộc đời

Bác gieo cho cháu tương lai nhé
Những nụ hoa thơm những nụ cười
Và thêm tất cả niềm mơ ước
Tất cả lòng yêu của mọi người

4. CHÀNG HIPPY CỦA THỜI DĨ VÃNG

Em hỡi muôn sao chờ đại hội
Khi em còn mắc mấy cơn mơ
Đêm xưa giữa bầy vừng sao sáng
Em ngồi đan dở mấy vần thơ

Em hỡi mùa thu về trước ngõ
Trên thềm trăng rọi lối thơ sang
Anh biến như mây vào ảo ảnh
Em đứng bên thềm gọi gió sang

Em hỡi muôn sao về trước ngõ

Mùa xuân lại mặc áo xanh tươi
Áo ơi hãy nở lên hoa thắm
Mà giữ cho ta mấy nụ cười

Em nhé anh đi ngoài vạn dặm
Trưa hè nắng đổ xuống non cao
Nhưng thơ vẫn nở như bươm bướm
Anh thấy đời vẫn cứ đáng yêu

5. BERKELEY THÁNG 6

Khi anh còn mắc mấy cơn mơ
Em đến bên hiên mặt thẫn thờ
Lúc đi giữa bầy vùng sao sáng
Em còn dang dở mấy vần thơ

Em hỡi mùa thu vàng lối ngõ
Nhà em trăng rọi lối thơ sang
Anh biến như mây vào ảo ảnh
Em bước lên thềm dắt nắng sang

Khiếp quá muôn sao về trước ngõ
Kêu xuân hãy mặc áo xanh tươi
Em tôi lại nở như hoa thắm
Mà giữ cho nhau mấy nụ cười

Em nhé anh đi trời viễn xứ
Trưa hè nắng rọi đỉnh non cao
Mà khi thơ đến bên sân vắng
Hương của thời gian bỗng ngọt ngào

HƯƠNG CỦA THỜI GIAN

1. CHUYỆN TRỜI ĐẤT
BÊN HỒ CHIM TRẮNG

Một dòng nhạc lướt trên băng tuyết
Bảy thanh âm xiết nỗi ngại ngần
Xiêm y trắng một trời phẳng lặng
Ai ngậm ngùi, ai đứng ngậm thinh?

Bảy nốt nhạc trên năm khuông kẻ
Bốn mươi lăm năm nhạc không lời
Vẫn nghe chứ tiếng từ lòng đất mẹ
Hát dập dồn nhịp trống xa xôi

Hỡi chim trắng trên hồ băng tuyết
Ai tuyết sương lạnh giá ở trời?
Ai chậm rãi như lời than thở?
Ai trầm ngâm như tiếng thơ rơi?

Đừng chậm nữa dưới hồ băng giá
Vì tuyết sương là bọn trên trời
Buổi hòa tấu giữa trời với đất
Ai sẽ là người nghe thấu tiếng biển khơi?

Anh sẽ nói đây em điều bí mật
Bốn ngàn năm thầm giữ bên lòng
Trời với đất còn có khi hòa thuận
Huống chi đồi, núi, suối cùng sông
"Lũ chúng ta đều dòng giống tiên rồng"(1)

(1)Cước chú của Vũ Huy Quang tức Thăng Long Văn Sĩ

2. TRỞ LẠI DƯƠNG TRẦN

Nếu tất cả đây là nghệ thuật:
— Nắng một giờ trưa rọi xuống cánh đồng
— Cỏ vàng cháy trong thung lũng nóng
Thì thưa em: Anh về lại dương trần

Dẫu có lúc ngọt ngào trái chín
Và nắng trưa đổ giọt mồ hôi
Các thi sĩ, văn sĩ trong niềm mong cứu nước
Vẫn biết hương hoa với cuộc đời

Chính ngôn ngữ tự lòng đất mẹ
Còn thời gian hạnh phúc vô ngần
Tụi ta cứ khoác tay nhau vào lịch sử
Miệng mỉm cười lòng chẳng chút phân vân

Nếu tất cả bây nhiêu là nghệ thuật
Là đau thương dăm cuộc chuyện tình
Nếu hạnh phúc là phần ta giấu biệt
Thì thôi thôi trở lại dương trần

Đây thẩm mỹ của đau thương rớm lệ
Sẽ như trăng nhường chỗ cho trời
Trên đường phố, thi sĩ tương lai đến
Mỗi góc đường dựng một bảng tên

Còn dấu vết cuộc tình xa tắp
Cuối bờ sông hay ở bờ quên
Ai mất biếc môi hồng má thắm
Trong lòng chàng là rượu không men

Tự trời đất đã muôn vàn nghệ thuật
Thì đau thương đâu khứng trong lòng
Mà trái đất cũng muôn vàn nghệ thuật
Thì sá gì?

Chấm dứt nhé trò chơi nhẫn hiệu
Đừng đau thương vướng vít bên lòng
Hãy để nồm nam cơn gió mát
Vẫy chào dòng lệ chẩy như sông

Anh sẽ đứng giữa đất trời bát ngát
Gọi anh em cho đến tận vô cùng
Lắm khoảnh khắc trong cuộc tình bất diệt
Đã một đời yêu cả một quê hương

3. CHÀO

Chào đá, chào suối, chào cỏ cây hoa lá
Chào không gian, chào cả thời gian
Về nguyên tắc, yêu thương là bất diệt
Và ruộng đồng cùng phía với thời gian

Cái ta muốn là tương lai tươi sáng
Là niềm đau hiện tại phải ngừng
Là cổng nhà tù phải mở
Là những vết thương phải được dừng

Cái tôi muốn
Cái tôi đau là vết thương chung
Dẫu mâu thuẫn như đào nguyên trần thế
Đến bạc đầu rồi cũng phải xong

Một người Việt-Nam-không-cộng-sản
Ngồi trong xe đậu ở một ngã tư đường
Tất cả thơ, không có gì trừu tượng
Như dòng sông, như tất cả đại dương.

TIẾNG BIỂN KHƠI

Trời bắt người ta làm thi sĩ
Vì đau thương đến tự trên trời
Vì yêu thương cũng đến tự trời
Vì chiến tranh là một thiên tai
Vì thi sĩ là người yêu nước
Và cũng là người yếu nhất nước tôi
Trời ơi sao bắt chàng thi sĩ
Cứ lấy đau thương đổ tội trời?

Cái nóng mùa hè nung sức nóng
Nước ơi nước chẩy đến môi chàng
Bao nhiêu nước mắt lưng tròng đã
Ước đẫm đôi vai chiếc áo rừng

Xót quá anh ơi người bạc mệnh
Thân gầy ngâm nước độc rừng thiêng
Những củ sắn trụi trơ chiếc rễ
Trong bụng giun to tướng của thằng em

Ôi xót chứ đọt tre gầy gẫy ngọn
Những miếu đền ẩm mốc rêu xanh
Con tàu điện trên đường qua phố Huế
Phố hàng Đào hàng Bạc hàng Ngang

Ở đây, bây giờ mùa hè nung nấu
Không có những đường hoa đỏ lá xanh
Đường Hoàng Diệu
Không có tiếng ve
Tôi muốn hỏi nơi anh điều bí mật
Khi xa quê anh có nhớ quê?

Vừa cắt cỏ vừa làm thơ yêu nước
Lòng ai kia hỡi đại dương buồn
Hỡi tất cả vơi đầy nước mắt
Trong lòng chàng rền rĩ tiếng chuông

Anh có biết con đường Tòa án?
Hai nấm mồ tập thể đắp song song
Mùa hạ đến chín vàng trái sấu
Và phù sa đỏ quánh sông Hồng

Tôi biết lắm mùa mưa xứ Huế
Và mối tình nở tận Vĩnh Long

Năm mười hai tuổi yêu nhau quá
Đôi chúng ta thành vợ thành chồng

Còn mối tình Phan Thiết?
Mỗi một người ở một bến sông
Yêu nhau quá chúng ta bơi chứ?
Từ bờ sông qua những bờ sông
Trên dòng sông của những dòng sông

Đường Bàn Cờ, mái tôn cháy nóng
Những tàng cây trứng cá phủ xanh xao
Đốm hoa nắng reo trên đường đất bụi
Giọt mồ hôi ướt đẫm áo anh nào?

Tôi tự hỏi nếu Trời cũng là thi sĩ
Trời ơi trời yêu nước hay không
Khi tất cả dòng sông là mạch máu
Thì hồn ai là núi thẳm giữa thinh không?

Hỡi đất đỏ bụi đường thấm mệt
Tắm cho ta chút mấy dòng sông
Ta yêu lắm con đường hoang dã
Hỡi núi non và hỡi ruộng đồng
Lòng của biển sâu như lòng mẹ
Hồn của cha như dải Trường sơn
Anh cuối núi mày râu cháy sém
Tôi bên này đâu muốn tính thiệt hơn?

California 29 tháng 6, 1987
Nguyễn Bá Trạc.

TÌM ĐỌC
NHỮNG CƠN MƯA TRỞ VỀ
của Bùi Vĩnh Phúc
Bìa và phụ bản tuyệt đẹp của Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Nguyên Khai. Văn Nghệ phát hành. Đã bày bán khắp nơi tại các nhà sách

Nguyễn Phước Nguyên

Lối về.

Nhìn chiếc bóng vừa trải lên trên cuốn sách của mình, người thanh niên vẫn tiếp tục chép bài và chào :

— Hi Alan. How're you doing ?

— Hi Don. I need to talk to you.

Người thanh niên ngừng viết, ngước mặt lên nhìn người bạn Mỹ trước mắt và hỏi:

— Sure. What is it ?

— Listen, Don. I need your help on my sociology report which will be due next week.

— How ?

Cuộc đối thoại được tiếp tục bằng Anh ngữ với Alan, người sinh viên Mỹ trả lời:

— Thì tại tao chọn đề tài là "Những khó khăn trong cuộc sống của một người vừa đến Hoa Kỳ", mà mày và gia đình cũng là người đến từ quốc gia khác nên tao muốn cuối tuần nầy mầy giúp cho tao được đến nói chuyện với gia đình mày để lấy thêm tài liệu. Mày chịu không?

— Chắc không được đâu Alan. Cuối tuần nầy tao bận lắm. Bài làm và thi tuần tới nhiều quá. Về nhà sao được.

— Mày đừng có xạo. Mày là chuyên môn học bài và làm bài xong trước khi cuối tuần để đi chơi mà, làm gì mà không được. Hay là...

Alan nheo mắt cười tinh quái, rồi nói tiếp:

— Hay là lại có hẹn với em nào cuối tuần này?

— Không, không có đâu.

Người thanh niên vội phủ nhận trong sự bối rối. Bằng một giọng nói thành khẩn hơn, Alan nói với nét mặt chợt nghiêm lại :

— Come on, Don. Mày dư biết cái bài tường trình này quan trọng với tao như thế nào. Tao cần nó để kéo điểm lên mà. Giúp

tao đi. Please!

Nhìn nỗi ưu tư trên khuôn mặt người bạn Mỹ đối diện, người thanh niên đành gật đầu trong sự miễn cưỡng.

— All right, Alan. Tao sẽ giúp mày.

Alan không giấu được vẻ mừng vui, đứng dậy và nói:

— Tao biết mày không làm tao thất vọng. Thanks, Don. Bây giờ tao phải đi lớp toán. Chán quá. Lớp gì mà ông thầy người Ai Cập nói chả hiểu cái đếch gì cả. Mà bài làm thì cho nhiều ơi là nhiều.

Vừa quay đi thì Alan lại vòng trở lại hỏi:

— Don. Tao quên nữa. Ngày mai thứ Sáu rồi. Mày muốn tao rước mày trước nội trú hay ở đâu?

— Tao chờ mày trước cửa nội trú. OK ?

— OK. Bye, Don. Later !

— Bye, Alan.

Người thanh niên nhìn theo bóng người bạn Mỹ đang hòa dần vào đám đông của những sinh viên đang đôn đáo đi đến lớp học của giờ kế tiếp mà tự nhiên bỗng có cảm giác mình bị cô lập. Nghĩ đến những ngày cuối tuần sắp đến và câu chuyện vừa qua với tên bạn Mỹ, người thanh niên nén hơi, rồi thở hắt ra và lại cúi xuống với những bài làm trước mặt.

*
* *

Chiếc xe thắng lại trước nhà, người thanh niên bước ra khỏi xe, quay lại lấy túi đựng sách và đóng cửa lại. Vừa tới trước cửa nhà định đưa tay bấm chuông thì người bạn Mỹ trong xe lại thò đầu ra hô to:

— Hey, Don! What time should I come tomorrow ?

— I'll calll you and let you know. OK ?

— OK ! Bye !

Không chờ tiếng chào sau cùng của bạn mình, Alan lái xe đi. Người thanh niên quay lại đưa tay bấm chuông. Một lúc sau cánh cửa hé mở và một cái đầu nhỏ nhắn nhô ra với đôi mắt ngước lên nhìn chăm chú vào người thanh niên. Rồi cánh cửa mở tung ra, đứa nhỏ bỏ mặc cho người thanh niên đứng đó và chạy vào trong nhà, vừa chạy miệng vừa la lớn:

— Má ơi, anh Hai dìa ! Má ơi, anh Hai dìa !

Người thanh niên bước vào nhà, vừa đưa tay đóng cửa lại thì thấy mẹ mình từ dưới bếp tất tả đi lên. Vừa gặp đứa con trai lớn bà đã nói:

— Thằng Đôn mới dìa đó hả con. Sao không cho nhà hay trước. Má mà biết con dìa thì má đã nói ba đi chợ mua mắm dìa kho cho con ăn rồi. Bữa nay chỉ có cơm với canh khổ qua dồn thịt hà. Thôi được. Chút nữa má chiên thêm vài khúc lạp xưởng nữa,

chắc là cũng đủ.

Bối rối trước sự vồn vã của mẹ, Đôn, người thanh niên vội nói:

— Thưa má con mới về.

Vừa thưa Đôn vừa nhìn mẹ. Thằng nhỏ bây giờ đang núp ôm chân mẹ và ló đầu ra nhìn Đôn. Đôn nhìn lại, nó vội giấu mặt sau đôi chân của mẹ. Đẩy đứa nhỏ ra, mẹ Đôn nói:

— Thằng Hậu thưa anh đi con.

Không núp được nữa, thằng bé đành bước ra khoanh tay lại chào anh mình:

— Thưa anh Hai mới dìa.

Đưa mắt nhìn đứa nhỏ ốm nhom đen đúa trước mặt với bộ áo quần mặc khính luộm thuộm từ trại tị nạn đem qua, Đôn gật đầu chào em mình với nụ cười gượng để giấu đi một cơn bực bội vô cớ chợt kéo đến. Quay lại thấy mẹ vẫn đứng đó chăm chú nhìn mình trong bộ bà ba chấp vá quê mùa, Đôn ngại ngùng hỏi mẹ:

— Ba với ông nội đâu má ?

— Ba con chở ông nội đi xin tiền dưỡng già ở Sở Xã Hội từ trưa đến giờ. Chắc cũng sắp dìa rồi. Ấy chết, má lo đứng đây nãy giờ, giao nồi cơm cho ông táo, chắc là khét hết rồi.

Bà vộ vã quay đi về phía nhà bếp, vừa đi vừa nói như với chính mình:

— Cái bếp gì mà khó canh hết sức. Lò dưới, lò trên. Bếp trái, bếp phải, bếp trước, bếp sau. Vặn hoài mấy cái nút mà cứ trật hoài hà. Thiệt là kỳ hết sức.

Chợt để ý đến mùi đồ ăn nực nồng bốc lên từ phía nhà bếp đang lan ra khắp nơi, Đôn nhìn xuống tấm thảm dưới chân và những tấm màn treo ở các cửa sổ mà khẽ thở dài. Ngó lại em mình., Đôn thấy thằng Hậu đang đứng dòm lom lom vào cái máy tính Đôn đang cầm trong tay mà chưa kịp cất từ khi bước xuống xe. Đôn vội bỏ cái máy tính vào trong túi đựng sách rồi bước nhanh về phòng ngủ của mình. Thằng Hậu đứng đó nhìn theo anh đôi mắt đục vàng của nó chợt ướt rồi quay về phía nhà bếp. Lát sau, thằng Hậu nghe lời mẹ chạy vô kêu anh đi tắm để chuẩn bị ra ăn cơm. Vừa chạy đến phòng tắm của Đôn thì thằng Hậu lại nghe tiếng anh mình vọng ra trong sự hằn học cần phải bị đè nén:

— Thau với lon. Qua tới bên này mà vẫn còn tắm bằng thau với lon.

Thằng Hậu khựng người lại vừa lúc tiếng cái thau bị dằn mạnh xuống một góc phòng tắm, tiếp theo là tiếng cái lon nhôm bị ném theo vào cùng một chỗ. Thằng Hậu lặng người đi một lúc, sau đó nó quay bước về nhà bếp nói với mẹ bằng một giọng thật nhẹ:

— Anh Hai đi tắm rồi má.

Đọc được nỗi buồn của con mình, mẹ Hậu xoa đầu con và nói:

— Thôi con đi dọn cơm đi. Ba sắp sửa dìa rồi.

Chớp mắt nhiều lần, bà nói nhỏ như cho chính mình nghe:

— Cái bếp này thiệt là khó canh. Hở ra một chút là tỏi khét hết trơn, hết trọi hà. Khói tùm lum nhà, cay xè con mắt...

*
* *

Câu chuyện trong bữa cơm chiều xoay quanh vấn đề xin tiền xã hội cho ông Năm Tràng, ông nội của Đôn. Mãi tới gần cuối bữa ăn rồi mà Đôn vẫn chưa tìm ra cách bắt đầu nói như thế nào về việc người bạn Mỹ sẽ đến chiều mai — cứ muốn nói, rồi lại thôi. Ông Phúc, lúc đó, vừa gắp một miếng khổ qua cho vào chén vừa nói với vợ:

— Chiều nay ăn xong anh chở ba, em và con đi chợ mua áo quần cho cả nhà. Ăn xong rồi dọn dẹp cho lẹ để đi cho kịp, kẻo tiệm lại đóng cửa.

Ngó qua Đôn, ông Phúc hỏi đứa con trai của mình:

— Còn Đôn sao con? Có đi với ba má cho vui không?

Đôn nuốt vội miếng cơm trong miệng và hấp tấp trả lời:

— Dạ, thôi. Con còn phải ở nhà học bài. Với lại...

Ngập ngừng một chút, Đôn vội nói tiếp như sợ mất cơ hội:

— Với lại con phải ở nhà dọn dẹp vì mai con có người bạn Mỹ tới. À, con quên nói chuyện này với ba má nữa. Thằng bạn Mỹ của con có bài tường trình trong trường cần phải phỏng vấn những người tị nạn mới qua để làm tài liệu. Nó không quen ai như vậy hết hà, nên nó nhờ con. Con hứa sẽ giúp nó được đến nhà mình nói chuyện với cả nhà. Ba má có thấy gì trở ngại không?

Ông Phúc nhìn vợ mình hỏi :

— Em thấy sao ?

Bà Phúc nhìn ông Phúc rồi quay lại nói với Đôn:

— Tùy con hà. Má thấy không có gì trở ngại hết trơn hết trọi. Mình giúp người ta được thì có sao đâu mà sợ. Mà nè, bữa nay bộ canh má nấu hổng được ngon sao mà con ăn ít quá vậy.

— Dạ, tại khổ qua hơi đắng.

— Ủa, con ăn khổ qua hổng được hả? Vậy mà má đâu có biết. Lâu quá rồi...

Bà Phúc bỏ ngang câu nói, gắp một miếng thịt cho vào chén của con rồi nói:

— Thôi nè, con ăn khổ qua không được thì ăn thịt đi, để khổ qua má với ba ăn cho.

Xấu hổ trước sự tự nhiên của mẹ, Đôn cúi mặt xuống chén cơm khi nhớ đến thái độ xa lạ của mình với mẹ và em suốt buổi

chiều nay. Ông Năm Tràng lúc đó lại lên tiếng nói với ông Phúc:

— Con à, thôi con chở vợ con với thằng Hậu đi đi. Bữa khác rồi ba đi cũng được. Chiều giờ ba hơi mệt vì cái màn xếp hàng chờ xin hộ khẩu của chính phủ.

Rồi bật cười với chính câu nói của mình, ông Năm Tràng nói tiếp:

— Thiệt khổ thì thôi á. Ở bên nhà hổng có ăn vì không có giấy hộ khẩu, qua bên này thì cũng lại phải làm đơn xin hộ khẩu mới được ăn. Riết rồi mình cũng hết biết Việt Nam với Mỹ nó khác nhau chỗ nào ngoài cái tự do và cái đói bên bển và cái no bên nay.

Ngó về phía ông bà Phúc, ông Năm Tràng lại xua tay:

— Thôi, vợ chồng con với thằng Hậu đi đâu thì đi đi. Để chén đó ba với thằng Đôn dọn dẹp cho.

Bà Phúc đưa nhanh ánh mắt ái ngại về phía đứa con trai lớn của mình, rồi nhìn sang ông Năm Tràng mà đáp:

— Dạ, được rồi ba. Để con dọn dẹp cho xong rồi hẳn đi.

— Được rồi, không sao đâu mà. Hai ông cháu mình làm được mà, phải không con Đôn?

Đôn đáp nhỏ :

— Dạ.

Bà Phúc đưa mắt hỏi ý chồng, torng lúc ông Phúc nhìn ông Năm Tràng thật chăm chú rồi gật đầu và đứng dậy.

***

*R*ửa chén xong với đứa cháu, ông Năm Tràng lau khô tay bằng một tấm khăn nhỏ. Lau xong, ông Năm Tràng máng cái khăn lên một cây đinh đóng trên vách ở một góc bếp rồi ngồi xuống trên một cái ghế nói với Đôn:

— Đôn, rót giùm cho ông nội tách trà đi con.

Khi Đôn đem tách trà ra để nhẹ lên trên mặt bàn, ông Năm Tràng chỉ chiếc ghế trước mặt mình mà nói:

— Ngồi xuống đi con. Ông nội có chuyện này muốn nói.

Đôn vâng lời ngồi xuống chiếc ghế, mắt vẫn không rời khuôn mặt hiền nhưng nghiêm nghị của ông mình. Đôn chợt thấy khuôn mặt đó vẫn không mất đi vẻ thân mật ngày nào, chỉ điều là có nhiều nếp nhăn hơn, và mỗi nếp nhăn đã hằn sâu hơn trên khuôn mặt đó kể từ lần ông Năm Tràng đưa Đôn cùng ba lên đường vượt biển cách đây hơn sáu năm về trước. Không hiểu sao, Đôn chợt muốn bước lại gần hơn để được đưa tay vuốt ve những nếp nhăn đó của ông mình. Giọng ông Năm Tràng lúc đó bỗng trở nên gần gũi:

— Con có nhớ hồi đó lúc con còn nhỏ phải dìa ở với ông nội không? Má con phải theo ba con ra ở ngoài Trung chỉ đem có thằng Hậu theo vì nó còn nhỏ quá, không rời má được đó. Con

nhớ không?

Chờ Đôn gật đầu xong, ông Năm Tràng mới nói tiếp:

— Hồi đó con còn nhỏ lắm. Mới mười một tuổi hà. Má con đưa con xuống ở với ông nội vì ra ngoài Trung ở cực lắm. Má con sợ lo cho con không nổi, lại còn phải lo làm ăn thăm nuôi ba con nữa. Chà, thiệt là tội nghiệp má con lúc đó...

Thấy mình đi hơi xa câu chuyện muốn nói, ông Năm Tràng ngừng lại hớp một ngụm trà, thở khà ra thật nhẹ rồi nói:

— Con ở với ông nội từ lúc đó cho đến lúc ba con ra khỏi tù rồi trốn đi là sáu năm. Từ nhỏ đến lớn ở gần ông nội như vậy nên ông nội hiểu tánh tình của con lắm. Mà con cũng gần với ông nội nữa, hơn là với ba má con. Lúc con đi là con mười bảy tuổi, thằng Hậu lúc đó được mấy tuổi con có nhớ không?

— Dạ sáu, bảy tuổi gì đó.

Ông Năm Tràng gật gù :

— Ờ, phải rồi. Lúc đó thằng Hậu vừa được bảy tuổi. Ba con ra tù là năm năm, rồi dìa ở với ông nội cùng với má và em con được gần một năm nữa rồi đi. Hồi đó, ông nội vì không chịu đi nên ba con cũng không định đi rồi đó chớ. Má con với ông nội phải đốc thúc miết rồi ba con mới chịu đi và dắt con theo, vì chỉ đủ tiền chịu cho chủ ghe để hai người được đi thôi. Má con lúc đó cũng không chịu đi thay chỗ ba con, nói là sợ cướp biển hải tặc, sợ sóng gió tùm lum nên nhất định ở lại. Nói là nói vậy chứ ông nội biết má con muốn cho ba con đi với con. Với lại lúc đó thằng Hậu còn nhỏ quá sợ đi chịu khổ không cam, nó yếu gan từ nhỏ mà, con nhớ không?

Uống thêm một ngụm trà nữa, ông Năm Tràng lại tiếp tục nói về chuyện quá khứ; mắt khép nhỏ lại như để sống lại thời gian qua:

— Tại vì ông nội cả quyết không đi nên má con mới ở lại để săn sóc cho ông nội, ông nội cũng biết luôn điều đó nữa. Mãi tới cách đây một năm ông nội thấy má con với thằng Hậu cứ ở vậy với ông nội hoài cực quá, nhứt là thằng Hậu, chẳng có tương lai gì hết ráo. Lúc đó ông nội mới quyết định đi, bởi ông nội đi thì má con mới chịu đi. Ông nội tiếc vườn, tiếc ruộng nên mới không chịu đi lúc đầu nhưng riết rồi thấy nói là của mình vậy chứ chỉ có cái nhà là mình ở, còn vườn ruộng gì đều là của... người ta hết trơn hết trọi rồi. Nên ông nội bèn biểu má con và thằng Hậu chuẩn bị đi. Có chết cũng đi. Tiền dành dụm của ông nội và má con cùng với tiền bán đồ của ba con gửi về, ông nội đem đút cho chủ ghe hết để lo cho cả ba người cùng được đi.

Thấy ông mình ngừng lại để uống trà, Đôn có cảm giác là mình phải nói gì đó, thì ông Năm Tràng đã đưa tay ra ngăn cản vừa lúc Đôn định mở miệng mà hỏi rằng:

— Con có biết tại sao ông nội phải nói dài dòng tự nãy giờ không.

Nhìn đứa cháu mình lắc đầu, ông Năm Tràng mỉm cười:

— Ông nội nói như vậy để cho con thấy tại sao giữa con và ba má con có một khoảng cách. Nhất là với má con. Từ nhỏ tới lớn con không được ở gần má nhiều, nên không khỏi có điều xa lạ khi gặp lại. Má con cũng hiểu điều này, nhưng nói như vậy đâu có nghĩa là má con không biết buồn khi thấy con hờ hững với em con đâu.

Uống hết phần trà còn lại trong tách, ông Năm Tràng đưa tách trà không cho cháu. Chờ Đôn ngồi xuống sau khi mang tách trà mới trở lại cho mình, ông Năm Tràng hỏi tiếp:

— Con có biết con làm ba má con rất buồn từ khi má con vừa qua đến giờ không?

— Dạ, con biết. Nhưng con...

— Ông nội hiểu con không cố ý và có những điều xa lạ chưa quen với má và con. Nhưng con không nên để cho những điều đó trở thành một thái độ trốn lánh với má và em, con hiểu không?

Nhìn đứa cháu mình ngượng ngập gật đầu, ông Năm Tràng cắt nghĩa thật chậm rãi:

— Con coi. Từ khi má và em con đến đây với ông nội, con lúc nào cũng ở lại trường vào những ngày cuối tuần, kể cả ngày lễ. Hỏi thì con nói con bận học thi. Còn hễ muốn lên thăm con thì con nói phải bọ-chách, bọ-chét (project) gì đó với bạn bè. Con làm như vậy con nghĩ coi được không. Chính ba con đã nói lại cho ông nội nghe điều này. Bộ con tưởng là ba má con không hiểu thái độ trốn lánh của con sao? Còn thằng Hậu nữa. Nó năm nay đã là mười ba tuổi rồi. Bộ con nghĩ nó còn nhỏ đến độ không hiểu gì ráo hay sao? Có khi con làm lơ với nó, nó buồn nhưng nó giấu má con vì sợ má con buồn. Nó ở cực với má con từ nhỏ nên nó thương má con lắm. Nó chỉ kể cho ông nội nghe thôi. Con nghĩ coi, nếu má con biết hết những chuyện nầy má con còn buồn biết bao nhiêu nữa.

Đôn gục đầu xuống và hỏi nhỏ :

— Con đâu có muốn vậy ông nội. Con cũng không biết tại sao nữa.

— Con cũng đừng tự trách mình quá. Ông nội hiểu hết hè. Ông nội nói đâu phải để la con, mà nói để cho con hiểu mà để ý, để tứ chút xíu để đừng làm buồn lòng ba má và em con.

Đặt tách trà vừa uống xuống, ông Năm Tràng cười nhẹ:

— Cũng như hồi chiều. Con nói con phải ở nhà dọn dẹp vì mai có bạn Mỹ tới. Con nói như vậy mà ba con không buồn sao được. Ba con nói với ông nội là khi má con qua đây, con không dìa sớm để giúp ba con dọn dẹp nhà cửa để đón má và em con. Chỉ dìa để ra phi trường đón má con dìa nhà rồi là lên trường lại ngay. Vậy đó, mà bạn con qua, chỉ là bạn thôi, mà con lo rằng nhà cửa không

được tươm tất phải ở nhà dọn dẹp, hổng chịu đi chợ cho vui cả nhà. Ba con buồn lắm, ông nội nhìn ba con ông nội hiểu lắm. Mà con có biết ba con buồn nhứt là chuyện gì không?

Đôn lắc đầu và đứng dậy đi đem bình trà để ở gần bếp lại rót thêm cho ông mình. Lúc vừa quay đi Đôn đưa tay dụi mắt vội vàng nhưng hành động này cũng không thoát khỏi đôi mắt của ông Năm Tràng. Nâng tách trà lên cho cháu châm thêm, ông Năm Tràng tiếp lời:

— Cái buồn nhất của ba con là không làm sao nói chuyện được để cho con hiểu. Con thử nghĩ coi, cha mẹ mà không nói chuyện được với con cái, phải nhờ đến người khác, dù người đó là ông nội đi chăng nữa, thì làm sao mà không buồn cho được hả con?

— Dạ con biết.

— Ờ, còn thằng Hậu nữa. Con có biết hồi chiều lúc ăn cơm xong con mắc rửa chén, thằng Hậu nó không dám tắm ở bên phòng tắm của con, nó lấy cái thau với cái lon nhôm đem qua phòng tắm của ba má con nó tắm đó. Con biết không? Tội nghiệp con à. Lúc mới qua nó đâu biết vặn vòi nước ra làm sao, lần đầu tiên xài bồn tắm nó vặn làm sao đó mà xém một tí là bị phỏng. Ba con có chỉ nhưng còn sợ nó chưa quen xài nên mới lấy cho nó cái thau và cái lon để nó có thể tắm một mình mà không sợ bị phỏng đó. Vậy mà không biết chuyện gì mà thằng Hậu lại lủi thủi đem lon và thau qua bên phòng bên kia tắm vậy nữa. Con có biết không?

Tránh tia mắt của ông mình, Đôn nghĩ đến câu nói và hành động của mình trong phòng tắm hồi chiều khi nghe tiếng chân của thằng Hậu chạy gần đến, cố ý để cho thằng Hậu nghe, mà thấy mình thật là ích kỷ và nhỏ mọn. Giấu nỗi bức rứt của mình, Đôn hỏi lại ông Năm Tràng:

— Còn con có làm gì cho ông nội buồn không?

— Chưa con à. Nếu có thì ông nội đâu có ngồi đây mà nói chuyện với con.

— Dạ, con biết. Nhưng tại sao ông nội lại nói là chưa.

— Ông nội nói chưa là bởi vì nếu con đã hiểu hết những gì ông nội nói, thì ông nội sẽ buồn lắm nếu ông nội không thấy con thay đổi lối cư xử với ba má và em con. Con hiểu không?

— Dạ, con hiểu.

Dù câu trả lời của Đôn thật nhỏ, ông Năm Tràng vẫn nhận ra sự thành tâm từ đứa cháu của mình qua câu nói đó. Từ tốn đứng dậy từ chiếc ghế, ông Năm Tràng bước qua vỗ vai đứa cháu mình và nói:

— Rồi. Vậy là xong chuyện. Bây giờ có dọn dẹp gì thì cứ dọn dẹp đi, ông nội tiếp được gì con thì ông nội sẽ tiếp. Nhưng nè Đôn...

— Dạ.

— Khi nào dọn dẹp xong thì con hẳn hút bụi nhà nghe con.

— Tại sao vậy ông nội ?

— Để trước khi con hút bụi ông nội ra ngoài đi thả bộ. Cái máy nó kêu um sùm hà. Ở bên này cái gì cũng văn minh tân tiến hết ráo hà, mà sao kỳ thiệt là kỳ. Chế ra được cái máy hút bụi sao tụi nó không chịu chế làm sao cho nó im bớt đi cho khoẻ người ta. Mỗi lần hút bụi là ồn như cái chợ á, ai nói gì cũng không nghe hết ráo.

Rồi ông Năm Tràng vừa từ từ bước đi ra phòng khách, vừa nói:

— Thiệt là ngộ, má con ở bển có thể vừa quét nhà vừa nghe thằng Hậu trả bài học thuộc lòng, qua bên này có máy quét nhà mà sao mà nó kêu như ống loa bể vậy đó. Có cháy nhà chắc người ta la làng lên cũng không nghe được mà chạy. Thiệt là kỳ hết sức....

Đôn nhìn theo dáng ông Năm Tràng bước đi theo tiếng nói nhỏ dần rồi đứng dậy vươn vai nhìn quanh căn nhà bếp. Bất chợt Đôn thấy mùi nấu nướng không còn nồng và khó chịu như mình nghĩ nữa. Hình như mùi tỏi khét, mùi rau thịt của nồi canh cũng không còn. Riết rồi cũng quen! Đôn tự nói với mình như vậy rồi mang tách trà của ông Năm Tràng về phía bồn rửa chén.

*
* *

Sau khi xoay người lại chào mọi người trong gia đình cho tới khi chiếc xe quẹo ra con đường lớn, Đôn ngã người ra trên ghế và hỏi người bạn Mỹ đồng hành đang lái xe:

— Sao, Alan. Mày có thu thập được gì cho bài tường trình của mày sau hai lần gặp gia đình tao hôm qua và hôm nay không.

— Mày biết gì không Don, tao ghi nhận được rất nhiều điều bổ ích cho bài tường trình của tao, nhưng mày có biết điều gì làm tao thích thú nhất không?

Mắt vẫn không rời con đường trước mặt, Đôn hỏi:

— Điều gì ?

— Tao nghĩ là tao chỉ cần thu thập tài liệu cho bài tường trình là xong rồi, nhưng tao không ngờ rằng những điều đó còn có ảnh hưởng tới lối tao nhìn cuộc sống nữa.

— Tao không hiểu mày muốn nói gì cả. Alan, mày cho tao vài thí dụ đi.

— Thì thí dụ như cái lý do ra đi của mẹ của mày đó.

— Tao vẫn không hiểu.

— Thì mày không thấy sao Don, mẹ của mày nói ra đi chỉ vì muốn cho mày và em mày có tương lai, cho em mầy được gần ba mẹ, cho ba mẹ mày được gần nhau. Mày chưa thấy sao?

— Tao nghĩ mày lầm rồi Alan ạ, ai di dân như nhà tao thì cũng

nghĩ như vậy thôi.

— Tao không lầm đâu Don. Mày nghĩ đi. Ở cái xứ nầy, tụi tao lớn lên là muốn ra tự lập. Đôi khi đâu phải tại muốn xa cha mẹ, mà tại vì ở nhà cứ nhìn cha mẹ cãi nhau rồi trút lên đầu con cái. Ra đi để tự lập là một lối thoát, hiểu không Don?

— Nhưng, Alan, ba mẹ mày đâu có cãi nhau và vẫn lo cho mày đi học mà.

— Thì tao đồng ý. Nhưng đây là tao nói đến số đông của người Mỹ ở đây kìa.

Đôn nghĩ đến trường hợp của mình và những hành động mà mình đã làm từ khi mẹ và em vừa sang rồi lặng lẽ gật đầu. Bất chợt Đôn hỏi:

— Alan, mày có nghĩ là tao quá ư là Mỹ hoá không?

— Toa nghĩ là không đâu Don.

Đọc được sự yên lặng trong chờ đợi của người bạn Việt Nam của mình, Alan nói tiếp:

— Để tao nói một cách khác nhé. Trong lối cư xử với mọi người và trong lối sống hằng ngày có thể mày đã bị Mỹ hoá ít nhiều. Nhưng trong tư tưởng và thói quen mày vẫn còn là một con người Việt Nam Don ạ. Để tao đặt một câu hỏi ngược lại với mày để mày hiểu ý tao hơn. Mày có đồng ý là từ cách nói chuyện cho đến cách mày sống, mày cũng không khác gì tao không, nhất là khi ra đường?

Chờ Đôn gật đầu xong, Alan cắt nghĩa thêm :

— Ở những điều như vậy mà mày mới hỏi tao là mày có bị Mỹ hoá không chứ gì? Thì mày có thấy không, ngay từ trong tư tưởng mày đã không muốn hoặc sợ bị Mỹ hoá nên mày mới hỏi tao câu này, đúng không? Thêm vào đó nữa, mày có đồng ý rằng nếu mày đã hoàn toàn bị Mỹ hoá rồi thì mày đâu bao giờ thấy cần phải đặt ra câu hỏi nầy với tao, bởi mày sẽ không bao giờ nghĩ đến hoặc ý thức được điều nầy, mày có theo được những gì tao nói không? Chỉ có người chưa bị Mỹ hoá mới lo sợ rằng mình bị Mỹ hóa chớ có đứa Mỹ nào mà sợ bị Mỹ hoá đâu. Mày đồng ý không Don?

Đôn nhìn Alan trong sự ngạc nhiên vì lối nhận xét sâu sắc và chính xác của người bạn mình. Rồi Đôn mới nói:

— Mày làm tao ngạc nhiên, Alan.

— Tại sao ?

— Vì tao không bao giờ nghĩ ra rằng một người Mỹ, nhất là trẻ như mầy, lại có thể có những tư tưởng như vậy.

— Mày biết không Don, tao thấy đó là sự sai lầm trên quan niệm nhất giữa người Tây phương và Đông phương. Khi người Tây phương thường hay phản ứng theo sự việc xảy ra trước mặt mà thiếu suy xét thì người Đông phương cho đó là sự nông cạn của tâm hồn. Ngược lại, khi người Tây phương thấy người Đông

phương thường hay suy nghĩ trước khi làm một việc gì thì lại cho rằng người Đông phương rụt rè, nhút nhát. Sự thật, theo tao nghĩ, chiều sâu của tâm hồn một con người đâu thể nào được đo lường bởi những cá tánh được thấm nhuần từ phong tục tập quán của địa phương kể từ khi còn bé. Có một điều lạ Don ạ, mày biết gì không?

— Gì, Alan ?

— Khi tao nói chuyện với mẹ của mày, mẹ của mày có nói một câu mà tao suy nghĩ mãi mới thấy có lẽ đây là sự khác biệt nhất giữa người Việt Nam của mày và người Mỹ của tao.

— Mẹ của tao đã nói gì.

— Khi tao hỏi mẹ của mày có thấy thiếu thốn không khi đã từ một nơi nghèo khó đến một nơi văn minh, tiện nghi như nước Mỹ nầy. Mày biết mẹ của mày trả lời sao không?

Trước sự im lặng trong chờ đợi của bạn mình, Alan tự trả lời:

— Mẹ của mày nói: Không có những tiện nghi để cho cuộc sống thêm thoải mái đâu có nghĩa là mình không thoải mái được với một cuộc sống thiếu tiện nghi. Mày dịch lại câu này cho tao và, mày không nhớ sao? Mày dùng chữ hay thật đó Don. Cái chữ "content" coi vậy chứ mà khác xa với chữ "accept" hay "make-do". Nhất là với ý nghĩa của câu trả lời của mẹ của mầy. Người Mỹ tụi tao lúc nào cũng chạy đua với tiện nghi và vật chất, đâu có như người Đông phương tụi mày, rất là an phận và chịu đựng. Và điều hay nhất là trên tư tưởng, không bao giờ người Đông phương tụi mày bị ràng buộc bởi sự chịu đựng này. Mày nghĩ tao nói đúng không Don?

Đôn ngồi yên thật lâu mà không trả lời câu hỏi của bạn mình. Sau đó Đôn lại nói:

— Mày biết không Alan. Tao vừa nghĩ đến một điều mà đáng lẽ ra rất là buồn cười, nhưng nghĩ lại thì không thấy buồn cười chút nào nữa.

— Điều gì vậy ?

— Là tao là một người Việt Nam, một người Á Đông mà phải nghe một người Tây phương như mầy nói ra rồi mới nhận thức được những điều hay đó. Điều đó đáng buồn cười, mày thấy không? Nhưng không đáng buồn cười đối với riêng cá nhân tao.

— Nhưng ở tao nó là sự học hỏi, tìm tòi Don ạ. Với mày, nó sẽ là mọc rễ, nhập tâm từ nhận thức được ra ý nghĩa của quá khứ mình. Mày thấy không, tao giống như một kẻ thấy cái gì đẹp là trầm trồ, khen ngợi và mãi mê thưởng thức. Mày là kẻ đã tìm ra cái đẹp đó và thưởng thức nó bằng cách tuyệt đối nhất là tự tạo nó ra trong chính mình và cho người bên cạnh.

— Ừ, có lẽ mày nói đúng đó Alan. Nhưng nè, Alan...

— Gì Don.

— Với tao, mầy là người bên cạnh đó, và mầy là cái động lực đã thúc đẩy tao đi tạo cái đẹp đó. Mày biết không Alan?

Alan bối rối với lời khen của bạn và nói nhanh:

— Bây giờ chắc ông nội của mày sắp về nhà sau khi đi tản bộ.

— Sao mày biet ông nội của tao đi tản bộ chiều nay.

— Vì trước khi đi tao thấy em mày đang chuẩn bị hút bụi nhà.

Hồi tưởng lại lúc dịch cho Alan hiểu về câu chuyện cái máy hút bụi của ông Năm Tràng với nụ cười hóm hỉnh của ông mình, Đôn vỗ vai nói với Alan:

— Older is better, heh Alan !

Rồi đôi bạn cùng bật cười. Chiếc xe vẫn lao đi.

*
* *

*V*ừa mở cửa căn phòng nội trú để bước vào Đôn đã khựng người lại khi thấy một tờ giấy nằm dưới thảm. Cúi xuống cầm tờ giấy lên Đôn đọc xong rồi bước lại bàn cầm điện thoại lên gọi về nhà. Sau vài tiếng chuông vang điện thoại được nhấc lên với tiếng ông Phúc ở đầu dây bên kia:

— Alloh !

— Ba hả ba. Con Đôn đây ba. Con gọi cho ba hay là con đã lên đến nơi rồi. Ba à. Con có chuyện muốn nói với ba, được không ba.

— Chuyện gì đó con.

— Ba à, thứ bảy cuối tháng này hội sinh viên Việt Nam tại trường con có tổ chức một ngày cho sinh viên sinh hoạt. Ngày đó là để cho con cái mời cha mẹ, bạn bè lên để biết về trường học của con mình và để giới thiệu sinh hoạt của hội sinh viên ở đây. Ba lên được không ba?

Với sự yên lặng ở đầu giây bên kia, Đôn đoán được những ý nghĩ của cha mình và nói tiếp:

— Ba à, ba chở má và thằng Hậu lên luôn nghe ba. Ông nội nữa. Hồi đi học đến giờ con chưa đưa ba má lên đây lần nào. Ba ráng chở má lên nghen ba.

— Ờ, được con. Để ba nói lại với ông nội và má con. Rồi sẽ cho hay lên trển vào lúc nào.

— Ba à, ba nói với má khi nào lên thì làm giùm con một món gì đem theo nghe ba. Trên này hội sinh viên có tổ chức cắm trại nên nếu má nấu được gì thì hết xẩy lắm đó.

— Ờ, cái gì chứ cái đó thì con khỏi lo. Hồi đó ba dìa quê thăm ông nội con, ra sau bếp ba gặp má con đang làm bếp với bà nội. Lần đầu ba gặp bả thiệt là....

Ông Phúc ngừng ngang ở đây và nói tiếp:

— Mà thôi, để khi ba má lên đó rồi ba kể lại cho con nghe. Có ông nội nữa mới vui. Chuyện dài lắm mà con chưa nghe lần nào. Bây giờ kể trên điện thoại tốn tiền lắm.

— Dạ, vậy thôi nghe ba.

— Ờ, thôi nghe con.

Chờ nghe ông Phúc gác điện thoại xuống xong, Đôn mới đặt ống nói của mình xuống và cầm tờ giấy lên đọc một lần nữa. Và Đôn tự nghĩ: Cũng lạ, mình đâu có bao giờ vô hội vô hè gì đâu, mà cũng không hề sinh hoạt với hội sinh viên Việt Nam bao giờ. Thiếu điều như là xa lánh. Vậy mà cũng bị... nhận diện như thường. Rồi Đôn cảm thấy vui vui với cái-cảm-giác-bị-nhận-diện đó. Lấy ra một cây kim cúc từ ngăn tủ của bàn học, Đôn ghim tờ giấy đó vào tấm bảng gỗ trên vách tường. Xong, Đôn ngồi xuống trên chiếc ghế đặt cạnh bàn học của mình vừa ngó tờ giấy vừa tự lẩm bẩm một mình.

— Vậy là mai lại phải đi đóng tiền niên liễm để vào hội.

NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN

- *Chế Lan Viên, một trong những tay trùm văn hóa cộng sản đã nói về Võ Phiến: "Thằng" này viết phiếm luận thì đúng là nhất Việt nam (...) Nó mà theo cộng sản như bọn mình thì bọn mình ... khướt cả lũ".*
  (Nguyễn Hưng Quốc thuật lại trên tạp chí *Quê Mẹ* số 74, tháng 7, 1986).
- "Nó" không theo cộng sản, "cả lũ" đỡ khướt. Nhưng "Đảng ta" lại đâm ra... khướt đấy! Muốn biết tại sao, hãy đọc thử cuốn:

TẠP LUẬN

Cuốn sách thứ 4 trong bộ *Toàn Tập* của Võ Phiến, do Văn Nghệ tái bản, đã phát hành vào tháng 7-1987.
Sách dày 350 trang. Giá $14.00MK.
Ngoài Hoa kỳ thêm $1.00MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301, WESTMIMSTER, CA 91683
(714) 832-8445

Diệu Tần

Thà đừng thương.

*N*gày hai mươi lăm tháng tư. Thành phố thủ đô của một nước đã lên cơn sốt bần bật. Địch quân đe dọa sát cửa ngõ. Đã có những chuyến máy bay quân sự bỏ trốn. Trong hậu cứ một đơn vị chuyên môn nhỏ, ở phía bắc, cách Sàigòn 10 cây số, hắn chạy sang văn phòng tôi, vẻ nghiêm trọng vội vã.

— Ông thầy, em có câu chuyện quan trọng lắm, muốn bàn với ông thầy.

— Thầy bà gì, cứ anh em cho tiện việc — Tôi hạ giọng hỏi — Chuyện di tản chứ gì?

Hắn cũng nói nhỏ, e ngại anh em binh sĩ nghe được, tuy biết văn phòng này nhân viên dưới quyền phải gõ cửa và chờ câu "Mời vào".

— Đúng vậy ông. Em khó nghĩ quá !

— Bạn cứ nói đi — Hắn là đại úy đại đội trưởng công vụ của đơn vị này.

— Em mới nhận được điện thoại của vợ em. Bây giờ tụi DAO cho em chọn một trong hai.

— Bây giờ mới cho biết sao, chậm quá vậy ?

— Sự thực thì tụi em đã bàn từ tuần nay rồi. Hôm nay là ngày cuối cùng phải trả lời cho họ. Ngày mai là có chuyến bay.

— "Bạn nói rõ hơn đi." Tôi nhìn khuôn mặt bứt rứt băn khoăn của hắn, trong lòng cũng hơi lửa đốt.

— Một là đồng ý là ngày mai "go", em đã có tên trong manifeste rồi. Hai là không đồng ý họ sẽ gạch tên hai vợ chồng em, có nghĩa là không chịu di tản. Họ sẽ trả cho một số tiền độ một nghìn đôn coi như tiền thưởng nghỉ việc.

— Thế bạn đã quyết định chưa? Nếu dọt được cứ việc dọt. Tôi không có ý kiến gì hết. Các ông lớn đã dọt dài dài rồi.

— Em hiểu ông thông cảm, nhưng em khó nghĩ quá, muốn

ông giúp ý kiến. Nếu đi thì được đi máy bay, không phải bằng tầu nhưng nhà em thì không biết sẽ sinh lúc nào, bụng lớn quá rồi. Lỡ sinh trên máy bay thì khốn, nhà em yếu lắm, em sợ có chuyện gì xảy ra nguy cả mẹ lẫn con.

Vợ hắn là một thiếu phụ khá đẹp, có nước da trắng xanh, dong dỏng cao. Cô vợ trẻ hơn hắn cả năm sáu tuổi. Cô nàng chưa đi giầy cao gót cũng đã cao hơn anh chàng sáu bẩy phân rồi. Anh chồng là một võ sĩ quyền Anh tài tử, vóc người đậm đạp, chắc chắn, nước da nâu sậm, mặt nhiều trứng cá. Vì mầu da và thước tấc tương phản nên rất ít khi cặp vợ chồng trẻ này đi rước đèn ở Tự-Do, ở Bô-Na. Họ có cái Simca đen, cuối tuần lái đi chơi, không thèm dùng xe jeep để bị quân cảnh hỏi thăm vừa mất mặt vừa mất thì giờ. Xe đậu trước Pôle Nord, trước rạp chiếu bóng, trước tiệm ăn là đi thẳng vào, tránh cảnh chồng thấp vợ cao. Hắn có nước da sẫm đó, nên chúng tôi gọi hắn là Lâm đen.

Cô vợ làm việc ở DAO, chuyên về graphics và in, lương rất cao, được lãnh theo đô la rồi đổi thành tiền Việt Nam. Cô nàng vốn đã ít nói, lại càng như có cái cao ngạo của một người đẹp, đi làm lương nhiều. Các bà vợ sỹ quan trong dẫy cư xá trong đơn vị không ưa người đàn bà trẻ, dỏng cao, phục sức rất hợp thời trang, mái tóc luôn luôn chải theo kiểu buông lơi, lái xe nhà đi làm từ sáng đến chiều mới về. Lâm đen rất hãnh diện vì vợ. Hắn thường khoe tới số lương cao và tài vẽ của vợ. Cô nàng không bao giờ ghé thăm nhà ai, gặp các bà chỉ mỉm cười lịch sự chào: "Thưa chị".

Các bà rảnh rỗi, xúm nhau lại, cố tìm khuyết điểm của "con mẹ làm cho Mỹ":

— Ối dào, làm cho Mỹ chứ báu gì.

— Con nhỏ bất lịch sự, về đến nhà là đóng cửa kín mít.

— Này, nghe nói nó bắt nạt anh chồng lắm đó.

— Làm cho Mỹ, thế nào thằng xếp nó chẳng tòm tem.

— Ở, không biết xã giao gì hết, miệng cứ câm như hến.

Các bà cứ phê bình mãi mà con nhỏ bất lịch sự kia đi làm tối ngày nên không sửa đổi gì, mãi rồi các bà cũng chán.

Sự thực thì cô nàng khá lịch thiệp. Một dịp cuối tuần, họ không xuống Sàigòn chơi, họ mời tôi sang ăn cơm. Lâm đen đã cho gắn máy lạnh và đóng cửa lưới, đúng theo thời trang Sàigòn thời đó, điều này càng làm cho các gia đình cùng dẫy có số lương khiêm nhường khó chịu lắm.

Vợ Lâm đen làm mấy món ăn miền Nam rất "bắt". Hắn khoái chí cười ha hả: Ông thấy không, tôi tưởng "ẻn" không biết nấu ăn, ngờ đâu "ẻn" trổ tài, em ngán luôn. Bữa trưa hôm đó Lâm say và tôi cũng ngà ngà. Ếch chiên bơ, gỏi cuốn, lẩu lươn và cà-ry gà. Từ xưa tôi đã có thành kiến là món cà ry gà là món rất thường, bình

dân, dễ nấu. Nhưng từ khi được ăn món cà ry gà của người đẹp này mới thấy hết được cái ngon kiểu "Nam kỳ". Cà-ry gia giảm chỉ vừa đủ cay, không đánh bạt mùi thịt gà, nước dừa nêm vừa đủ ngọt, không quá lợ, những củ hành tây và khoai tây nhỏ vừa đủ để gắp bỏ vào miệng nhai ngay, những miếng thịt gà đậm đà. Rượu là rượu mua ngay từ PX giá rẻ đặc biệt tha hồ uống. Xong bữa nhậu, hắn làm cuộc hướng dẫn mỹ thuật cho tôi. Hắn giới thiệu từng bức vẽ graphic của cô vợ lồng kính treo khắp bốn bức tường xen lẫn với những tấm ảnh lớn của vợ. Tôi không hiểu cách trưng bầy lần lộn này có ý gì và thuộc trường phái hội họa nào. Đây là bức tranh vẽ bằng computeur, đây là tranh vẽ theo lối lập thể. Qua những bức chân dung của vợ thì hắn không giải thích, để tùy người thưởng lãm ngẫm nghía. Cô nàng rất ăn ảnh, kiểu tóc, kiểu áo, kiểu nữ trang thay đổi trong mỗi bức ảnh.

Phải nhận là vợ hắn đẹp, vì không khôi hài để xác định là hắn yêu vợ chứ không sợ vợ. Binh sĩ trong đơn vị khác nhau là đã có lần Lâm đen đã tát tai vợ. Có một bức chụp cô nàng ở bãi biển rất hấp dẫn và mạnh khoẻ trong bộ áo tắm hai mảnh khác hẳn bề ngoài khép kín, xa cách đám đông và mang vẻ ốm yếu.

Lâm đen kể: Vợ em làm việc trong văn phòng nhiều, không được khỏe đã bị xẩy thai hai lần, tốn rất nhiều tiền thuốc. Mệt quá!

Chỉ ba tháng sau, hắn lại khoe: Nhà em có tin mừng rồi. Má em mong bồng cháu nội lắm. Lần này phải cẩn thận lắm mới được.

*
* *

Lâm đen hỏi tiếp :

— Nếu ở lại, em sẽ có vào khoảng trên một triệu đồng, vợ con em được an toàn. Kẹt cái là làm sao sống được với tụi nó. Ông cho ý kiến đi.

Trước một chọn lựa quan trọng, không phải chỉ cho một cá nhân mà cho cả một gia đình nhỏ, tôi nghĩ rất khó bàn. Tôi trả lời Lâm đen:

— Việc này quá quan trọng, tôi không dám có ý kiến. Tất cả là do cậu quyết định.

Lâm đen ấn hai ngón tay cái vào thái dương, lắc lắc cái đầu:

— Em cũng chưa biết định ra sao nữa.

— Bạn đã hỏi ý kiến của bác chưa ?

— Má em nói để cho em quyết định. Bà rất thèm cháu nội, nhưng cũng rất sợ em bị cộng sản làm hại.

— Còn ý của cô ấy ?

— Cũng nói là để tùy em.

— Thế cậu còn chờ gì nữa ?

— Chiều nay em còn đợi điện thoại của ông anh, phi công trực

thăng của một ông lớn đã.

Năm giờ chiều hắn chạy vào gặp tôi hối hả :

— Em quyết định rồi. Không thể để nhà em làm một chuyến bay xa như thế được. Máy bay lại còn đậu ở Phi rồi Guam sau đó mới đến Mỹ được. Nếu kẹt, phút chót sẽ có máy bay của ông anh bốc cũng không muộn. Còn ông, ông và gia đình thì sao?

Tôi đang muốn điên đầu, đang bị căng thẳng :

— Khó trả lời cậu lắm. Thôi đi lãnh tiền đi chứ!

Tối hai mươi lăm, hắn trở về với một sac marin giấy bạc Việt nam Cộng hòa. Đô la lên giá từng giờ, hắn vác về một triệu tám trăm nghìn.

— Đây, ông cầm một trăm xài đi, nhiều quá, em xài không hết.

— Thôi cám ơn cậu, đây là công sức của cô ấy, tôi không có quyền.

— Em không ham tiền, chỉ lo cho sức khoẻ của vợ em thôi. Phải chọn cách này đau đớn lắm, nhưng biết làm sao hơn?

Như thế hắn đã ở lại với vợ yếu, với con quý tương lai, với gần hai triệu bạc, với những tranh graphics, những bức chân dung của vợ cùng chiếc Simca đen, với bà mẹ và với quê hương.

*
* *

Tôi và Lâm đen lại gặp nhau ở đơn vị bạn sau ngày 9 tháng 5/75. Không phải với tư thế chỉ huy mà ở tư thế tù binh của quân địch. Chúng dùng ngay doanh trại lớn và đầy đủ tiện nghi của cả một liên đoàn chúng tôi, biến thành một trại giam các sỹ quan từ cấp thiếu tá trở xuống của vùng Sàigòn.

Tôi đang túi bụi kéo nước giếng, lo nấu cơm bằng chảo cho vài chục người ăn, hắn đã đến gần than thở:

— Biết thế đi ngay hôm đó cho xong, ngu quá, ông thầy!

— Thôi cha, thầy bà gì giờ này nữa !

— Dọt được thì ở Guam rồi.

— Nói nhỏ chứ bạn, tụi nó nghe được, kiểm thảo lôi thôi lắm.

Hình như hắn không nghe tôi nói, cứ nói một mình:

— Đâu có bị nhốt trong này. Rồi vợ cũng không được gặp, con không được bồng.

— Thôi bạn, quyết định rồi, rán chịu. Này chốc ghé lại lấy miếng cơm cháy nhai đỡ buồn nhé. Tiếc mà chi, tử tổng thống trở xuống còn kẹt lại cả, riêng gì bạn với tôi đâu.

Sau một vụ dồn trại, hắn và tôi lạc nhau, nhưng ba tháng sau hắn lại đứng bên kia, tôi đứng bên này rào kẽm gai, nghe hắn buồn bã kể chuyện:

— Em nản quá anh ơi, ngu quá anh ơi !

— Vào đến đây vui sao nổi, chuyện gì nữa đấy?

— Bên trại em chỗ ngủ của mấy thằng quản giáo bầy đầy tranh và ảnh vợ em. Giận quá!

Tôi cười gượng an ủi hắn cũng như để tự an ủi:

— Đã mất tất cả. Xá gì mấy tấm tranh ảnh đó. Bỏ đi Tám.

— Biết thế dọt ngay từ ngày hai mươi lăm là khỏi bị cảnh chướng tai gai mắt này.

— Hề, hề, còn nhiều vụ lâm ly hơn nữa chứ. Chuyện riêng của mình đã ăn nhằm gì đâu.

Suốt thời gian hắn bị tù, ngay ở Hốc Môn, rồi Suối Máu cô vợ gửi vào cho được 100 đồng tiền cộng sản mới và một lần được một gói quà nhỏ nhờ một bà vợ cải tạo đem đến cho. Hắn đưa tôi xem thư của vợ hắn. Lá thư không dài, không một lời hỏi thăm Lâm đen, chỉ cho biết vợ hắn không được khoẻ, xuống ký, rất bận bịu vì đứa con! Hắn dường như không chú ý đến thân hắn, chỉ lo nghĩ đến vợ con. Hắn tự làm luật sư biện hộ cho sự vắng mặt của vợ yêu.

— Vợ em tội quá, không hiểu ở Sàigòn có đủ thuốc men không? Tiền thì không ngại, nhưng sợ không có mà mua.

— Nghe nói chợ trời không thiếu thứ gì, cậu đừng lo.

— Thằng con của em không biết có sữa ngoại quốc uống không? Làm thế nào bây giờ?

— Ối dào, lo bò trắng răng, lo cái thân gầy gò ho hen thì không lo. Nhiều bà viết thư vào cho biết cứ có tiền mua gì cũng có.

Sau đó, tôi và hắn còn gặp nhau ở Suối Máu, sau đợt thanh lọc tù "ác ôn", không rõ bọn quản giáo lọc ra sao, tôi ở lại, còn hắn lại được đi thăm "lăng Bác", nghĩa là bị đẩy xuống tầu "há mồm" để được đổ bộ xuống bến Cẩm phả. Rồi hắn được lang thang nếm "đủ mùi ca ngâm" ở Cao Bắc Lạng, ở Hoàng liên sơn, Hà tây, rồi trại cuối cùng của hắn là Thanh chương, Nghệ tĩnh.

Thế rồi, tuy chậm chân hơn nhiều người năm bảy lăm, sau một lần đi hụt tôi cũng thành công vượt biển để "bôn ba nơi xứ người" vào cuối năm 1982. Ba năm sau, một người bạn cũng đi thoát, có kể phần tiếp theo của cuộc đời Lâm đen cho tôi. Tôi thêm thắt chút đỉnh để kể lại:

Trước khi được thả về, Lâm đen có viết thư báo tin cho vợ. Chín năm xa cách. Chàng cựu võ sĩ, cựu đại đội trưởng đã đen nước da lại càng sạm đen hơn và mất đi chừng mười lăm ký lô sức nặng. Lá thư của tù lại qua hệ thống bưu điện của một chế độ tự xưng là văn minh tiến bộ nhất không thể về sớm hơn người đi xe hỏa từ Vinh về Sàigòn. Hắn quá nôn nóng, không thể nào chờ xe buýt để về nhà được. Vừa xuống xe, một hàng rào xích lô đã chờ sẵn. Những người đạp xích lô tươi cười mời chàng:

— Muốn đi xe nào cũng được, xe nào bạn cũng được miễn phí!

— Cái gì kỳ vậy ?

— Thôi cha nội, leo lên xe tôi đi. Cải tạo được tha về ai mà không biết.

"Tài xế" xích lô có cặp kính trắng, nhìn hắn cười, nụ cười tò mò và chế nhạo.

Chín năm, thành phố có thời được gọi là hòn ngọc ở Viễn đông, và đã là thủ đô của một nước, đã hoàn toàn biến đổi. Từ Thức lạc Thiên thai rồi trở về trần thế, cũng không thể tê tái ngỡ ngàng hơn Lâm đen đang ngồi trên xích lô để ngơ ngác ngắm nhà, ngắm phố.

— Ông bạn mới được thả từ đâu về thế ?

— Thanh chương, nói nhỏ nhỏ chứ.

— Dân cải tạo với nhau cả, mới được về còn sợ tụi nó lắm hả?

— Bộ anh không ngán hả ?

— Ngán gì, thiên hạ chửi tụi nó dài dài. Chính tụi nó cũng chửi lẫn nhau nữa. Sao, còn vợ con ở thành phố này không?

— Vợ tôi chờ tôi chứ — Bà ấy đàng hoàng lắm — Lâm đen trả lời rất tự nhiên và hãnh diện.

— Này, về rồi có tính "đi" không. Có được người vợ như ông là số dách rồi đấy nhé. Bà xã tôi với bốn đứa con "dọt" từ khuya rồi. Vì vậy mới đạp xe này cho đời đỡ tẻ.

Lâm trả lời đại theo mong ước của mình. Làm sao biết vợ còn chờ? Làm sao biết vợ đàng hoàng? Điều gì chứng tỏ và xác nhận như vậy? Ba năm nay chàng không có một bức thư của vợ, ngoài một năm hai ba lần chàng nhận được thư của bà mẹ. Tự nhiên chàng im lặng và không muốn tiếp tục câu chuyện. Người xích lô bất đắc dĩ, đeo kính trắng, bắt đầu thở như bò, mồ hôi nhỏ giọt, cũng không muốn phát ngôn thêm.

— Rồi, anh cho xuống đây. Bao nhiêu đây ?

— Đã nói rồi, khỏi trả tiền, mừng anh gặp lại vợ con — Hắn bắt tay Lâm — Này, còn có sức dọt thì dọt đi nghe không?

Hắn thở mệt nhọc, nhưng mắt tươi cười :

— Cảm ơn anh nhiều lắm.

Căn nhà cũ thân yêu nằm kia. Phố cũ vẫn đây. Hoang vắng tàn lụi như một góc phố Hà nội mà Lâm đã xem trong phim ở trại cải tạo. Căn nhà của Lâm cũng như những căn nhà khác, cũ bẩn. Chàng nhớ cứ hai năm chàng lại cho quét vôi một lần để ăn Tết. Chàng hồi hộp chưa muốn vào nhà ngay, chàng xách cái túi ghé vào tiệm sửa xe gắn máy chếch trước nhà. Chàng lo sắp xếp lại những câu hỏi những ý tưởng sẽ nói với vợ. Chung quanh đã xám xịt, nhà cửa, đường phố đã xám xịt, nhìn vào tiệm sửa xe còn thấy đen tối hơn.

— Ông Tám, ông nhớ tôi không ?

Người chủ tiệm suốt đời cặm cụi với dầu mỡ, giương mục kính ngó chàng, ngơ ngác:

— Xin lỗi, ai vậy cà ?

— Lâm đây mà, hàng xóm cũ đây mà.

— Trời đất, chú Lâm, nhớ rồi — Ông nắm hai cánh tay chàng lắc lắc. Sao ốm quá vậy. Còn sống mà về tới đây là may lắm rồi đó. Mừng chú nghe.

Lâm và ông Tám có nhậu với nhau một lần. Thời đó chàng lo giấy tờ giúp cho thằng con trai ông đi quân dịch, bị bắn gẫy giò ở Long an, được mau chóng giải ngũ.

— Hồi này còn nhậu không ông Tám ?

— Thì cũng lai rai vậy. Nhậu cho quên cuộc đời chó má này, cuộc đời đảo ngược này. Ủa, sao không vào nhà ngay đi?

— Bị tôi hồi hộp quá. Thằng con tôi năm nay học lớp mấy rồi nhỉ?

Chợt ông Tám ngó Lâm với ánh mắt lạ kỳ :

— Ờ, chắc nó... ở phải đi học chớ.

— Còn vợ tôi vẫn khỏe chứ, không hiểu làm gì để sống?

— Ờ thì vẫn thường vậy thôi — Ông Tám không nói nữa. Hai đứa con trai, thằng lớn phế binh và thằng nhỏ cỡ mười lăm tuổi, cũng ngó Lâm với những ánh mắt khó hiểu.

Ông chỉ vào nhà Lâm :

— Thôi chú vào với cô ấy đi. Chúc chú may mắn.

Anh chàng đi cà nhắc, định nói gì, nhưng chỉ khập khiểng bước đến ôm vai Lâm :

— Đại úy !

— Thôi chớ, gọi vậy kẹt cho tôi lắm ạ.

Sao già Tám lại chúc chàng kỳ cục vậy. Có chuyện gì xẩy ra chăng. Chàng vừa nôn nao, vừa tò mò tìm hiểu, đứng trước cánh cửa quen thuộc. Chàng muốn dành cho vợ một bất ngờ. Ngó qua cửa kính, chàng thấy đồ đạc trong nhà vẫn còn nguyên vẹn, vẫn còn tủ, sa lông, bộ bàn ăn kê phía trong. Có nghĩa là tình trạng rất đáng mừng, vì chúng đã không chạy vào nồi gạo, không có bóng người trong nhà. Có lẽ vợ chàng còn ở trong bếp. Không thấy bóng thằng con. Chắc nó đi học. Nhớ thằng nhỏ quá. Bố đi tù bao nhiêu năm thì con bấy nhiêu tuổi. Nhưng tại sao cứ ở ngoài này, phải vào đi chứ! Còn chờ gì nữa. Vướng tấm màn cửa sau khuôn cửa kính đóng kín, chàng không thấy gì hơn nữa.

Chàng xoay nắm cửa, cửa khoá. Chàng gõ cửa. Có tiếng dép từ trong bếp bước ra. Đúng là vợ Lâm rồi, không còn ai vào đây được nữa.

Nàng mở cửa, ngó chàng với vẻ xa lạ :

— Ông hỏi ai ?

— Anh đây mà em.

— Xin lỗi ông là ai, ông muốn gì? — Nàng tỏ vẻ khó chịu.

— Lâm đây, em ơi !

Nàng hốt hoảng: Trời, anh! Anh mới được về hả? — Nét mặt kinh ngạc vì hoảng sợ chứ không phải quá mừng vui. Chưa thấy nàng ôm chàng, một vòng ôm một nụ hôn sao không có!

Chàng nắm lấy tay vợ, định bước vào nhà.

Nàng vội vàng:

— Khoan. Đừng vào. Anh không thể vào được - Nàng cựa tay khỏi nắm tay chàng.

Đến lượt Lâm ngạc nhiên: Sao vậy ? - Nét mặt nàng thực kỳ lạ. Nàng chỉ trên tủ, nơi chàng vẫn để chiếc mũ lưỡi trai dã chiến có gắn một hai ba bông mai vàng, chiếc tủ mà chàng không thể thấy vì tấm màn cửa sổ. Trên đó bây giờ là một chiếc mũ lưỡi trai đại lễ của bộ đội miền Bắc. Lâm đã sợ chiếc mũ và những người đội chiếc mũ này lắm rồi. Chàng đứng như một con chim nhỏ thấy cánh cung.

Mặt nàng tái xanh :

— Xin anh thông cảm. Anh tha lỗi cho em. Em phải lấy người ta.

Chàng cũng tái đi nhưng tái xám, vì nước da đã đen sẵn.

— Hãy để anh vào đã, ta sẽ nói chuyện.

— Không được. Nguy hiểm lắm, nguy cả cho anh lẫn cho em. Sao anh không báo trước?

Nhan sắc của người vợ trẻ đẹp và kiêu kỳ ngày nào đó biến đổi khá nhiều. Mang vẻ chịu đựng, nhẫn nhục. Chỉ còn được nước da trắng và dáng người dỏng cao.

— Tôi có viết thư. Cô không nhận được sao. Bây giờ sao đây?

— Thôi anh đừng hỏi nữa. Người ta về đến nơi bây giờ. Anh chờ tôi một chút.

Nàng còn cẩn thận khóa cửa lại. Chàng đứng ngẩn người trước cánh cửa của nhà mình. Chàng không biết là sau lưng chàng phía bên kia đường, có bốn khán giả đang theo dõi thật sát biến chuyển bên này. Ví dụ thằng cán bộ từ trong nhà ra đòi nhốt chàng vào trại cải tạo nữa thì sao đây. Chàng quên không hỏi nàng đứa con đâu. Chàng thẫn thờ, cái túi xách trên tay sao nghe quá nặng.

Nàng trở ra, lách cách mở khóa, như mỗi lần chàng về Sàigòn khuya, nhưng bây giờ nàng dúi vào tay chàng một cuộn giấy bạc:

— Tình nghĩa đến đây là xong. Anh phải biết bây giờ đã đổi đời. Xin anh thương tôi. Anh cầm xài đỡ trong lúc này — Giọng nàng vừa khẩn khoản vừa đe dọa ngầm.

Tự nhiên chàng nổi giận, giận hay ghen, chàng không rõ, ném

cuộn giấy bạc tung toé vào ngưỡng cửa:

— Thôi, cám ơn. Đến bây giờ tôi mới biết cô là người thế nào.

Nói xong, chàng quay gót thật nhanh. Vợ chàng cũng thật nhanh quơ những tờ giấy bạc và đóng cửa thật nhanh.

Chàng lủi thủi, xách cái túi quay đi. Phía bên kia đường, ông Tám kín đáo vẫy chàng. Chàng cúi đầu bước qua đường. Anh chàng xích lô cũng rời quán nước, bước vào tiệm sửa xe.

— Tôi đoán sẽ có ngày hôm nay - Giọng ông Tám ngậm ngùi.

— Sao ông không làm ơn nói cho tôi hay trước ?

— Làm sao tôi dò được lòng người - Giọng ông Tám dè dặt - Thế là xong chứ gì?

Chàng không trả lời nổi. Chàng mệt mỏi, chàng mệt mỏi quá sức, đưa mắt nhìn người xích lô.

— Thằng con tôi đâu, ông Tám, ông biết không?

Anh chàng phế binh từ nãy giờ cứ cắm cúi làm không chú ý đến mọi người. Thằng em lau chau:

— Nó về với bà nội nó từ năm năm nay rồi. Thằng nhỏ giống chú chi lạ.

Ông Tám nạt :

— Ê, mày biết gì xía vô chuyện này mày. Ra bà Tư xách về đây chai đế Long an mày. Thứ thiệt đó, với lại mấy con khô đuối nghe mày. Chú Lâm, đây là lần thứ nhì tôi mới được nhậu với chú. Nói thực với chú, thời trước sức mấy mà tôi được nhậu hoài với chú...

Thấy chàng hàng xóm "ngụy quân" im lặng, ông đổi giọng, thương cảm :

— Chú thông cảm tôi, tôi không dám báo trước gì với chú cả. Biết đâu thím ấy nghĩ lại thương chú thì sao? Chú hiểu cho tôi. Bây giờ thì tôi rõ được lòng dạ của thím ấy rồi.

Người xích lô gõ mạnh cái ly trên ghế :

— Tôi thành thật chia nỗi buồn với bạn. Nghe bạn nói hồi nãy, cũng cứ mong bạn may mắn hơn tôi. Thôi mình là đồng chí, ủa đồng cảnh với nhau. Ông chủ có cho tôi nhậu ké không?

— Sẵn sàng mời chú. Nghèo thì nghèo, không mời chú Lâm vài ly coi sao được. Còn sống và còn gặp nhau đây là quý rồi. Hồi này kiếm khô gộc không ra. Cái con mẹ gì nó cũng bảo để xuất khẩu cả.

Chợt Lâm ngửng đầu lên :

— Ông Tám, thằng đó nó làm chức việc gì? - Chàng chỉ tay vào nhà của mình - căn nhà cũ cả trăm năm nay của ông bà để lại.

— Ai?... À, nó làm gì khá lớn ạ. Nó cũng đại úy như chú ngày xưa, nhưng nó đeo "bốn sao một gạch". Lâu lâu thấy nó đi công tác cũng có xe díp đến đón tận nhà. Hách lắm.

Thằng con lớn, từ nãy không phát biểu một lời, đột nhiên đứng phắt dậy, ném đánh xoảng ống "bô" vào đống sắt cũ góc nhà.

Ông Tám: Ê, mày khùng rồi nghe mày. Cái gì kỳ vậy ?

Anh chàng phế binh vò đầu bứt tai :

— Tức chết đi được. Nhà cửa, rồi vợ con mà chú Lâm không vào được, mất hết. Trời ơi là trời.

Người xích lô: Ông ấy không tức mà chú mày tức cái gì? Đời mà chú mày!

Chàng phế binh vẫn la: Tôi không hiểu tại sao mấy người còn ngồi đây nhậu nhẹt được.

Ông Tám nạt lại :

— Ê! Không nhậu còn làm gì mày. Mày liệu cái thân mày nghe, tụi nó nhốt mày lúc nào không biết ạ. Mày khùng rồi mày?

Chàng phế binh, khập khễnh trở về góc nhà, lầm lì.

Lâm ôm đầu, lại lấy hai ngón tay day day vào hai thái dương, tự nhủ người này còn hận giùm mình nữa là. Tại sao mình không chửi cho nó một trận kịch liệt, hay táng cho nó mấy bạt tai, rồi đến đâu thì đến!

Thằng nhỏ xách chai đế về, nhăn nhó :

— Ba kỳ quá, không trả tiền, bà Tư la tui quá. Bà nói lần sau không cho thiếu nữa.

— Ê, chú Lâm nhậu cái đỡ buồn.

— Này ông bạn hồi nãy sao không lấy tiền? Thời buổi khó khăn, kiếm đồng bạc bây giờ khó lắm. Giận cứ giận, tiền cứ lấy chứ. Tiền của nhân dân mà - Chàng đeo kính cựu sỹ quan cựu cải tạo viên cười khoái chí.

Lâm dường như không nghe được tiếng nói cười. Chàng lẩm bẩm:

— Thà đừng thương nó. Thà cứ cho nó chết trên máy bay cho rồi.

Người xích lô :

— Buồn năm phút đủ rồi. Đời mà anh bạn. Nhậu cái đã. Nếu bạn chưa có chỗ ở, lại chỗ tớ cho vui. Tớ kiếm cái xích lô cho cậu đạp. Có dám đạp xích lô không ?

DIỆU TẦN
11/5/87

Nguyễn Quỳnh

Mai Ly : Một tài năng mới

Mai Ly tên thật là Phạm thị Mai Ly vừa tốt nghiệp Cao học Mỹ thuật tại Columbia University, N.Y.C. Cha của Mai Ly là cựu sĩ quan Việt Nam Cộng hoà và đồng thời cũng là một nhà văn có viết bài cho mấy tờ báo ở Sài gòn. Sau biến cố lịch sử 1975, ông tuẫn tiết ở Việt Nam. Vì tôn trọng đời tư tôi không muốn tìm hiểu thêm và đi vào chi tiết vấn đề này.

Mai Ly đến học tại Columbia University đã được hai năm mà tôi không biết, một phần vì đại học quá lớn, một phần vì ngành chuyên môn của tôi (lịch sử, phê bình nghệ thuật, và tân luận lý) khác hẳn với ngành Mai Ly theo học.

Nhờ hoạ sĩ Võ Đình giới thiệu tôi mới được dịp gặp gỡ Mai Ly. Bài phỏng vấn sau đây là kết quả của cuộc gặp gỡ . Xin giới thiệu Mai Ly, một tài năng ưu tú và mới xuất hiện tới độc giả Văn Học.

Nguyễn Quỳnh : Điêu khắc của cô được lắm. Xin cô cho biết động cơ nào đã khiến cô học mỹ thuật ?

Mai Ly : Khi còn học lớp 11 tại Oregon, tôi có một bức tranh được chọn đem ra trưng bày . Có thể đây là động cơ.

Nguyễn Quỳnh : Các thầy có ai khích lệ cô học mỹ thuật không ?

Mai Ly : Không ai khích lệ cả. Khi thấy tôi chọn ngành mỹ thuật có lẽ họ cũng lấy làm lạ vì một học sinh Việt Nam di cư muốn học vẽ. Riêng tôi, tôi thích vẽ vì tôi thích sáng tạo.

Nguyễn Quỳnh : Cô học mỹ thuật ở đâu ?

Mai Ly : Pacific North-West College of Arts, Portland, Oregon.

Nguyễn Quỳnh : Khi còn ở trường, cô đã bắt đầu sáng tác chưa ?

Mai Ly : Trong gần hai năm đầu tôi vẽ theo các nguyên tắc trường qui. Đến cuối năm thứ hai tôi được một giáo sư khuyến khích nên vẽ theo sở thích của mình, khỏi cần phải lệ thuộc vào giới hạn của chương trình học khoá. Tôi bắt đầu vẽ theo lối

Abstract Expressionism : theo bút pháp của De Kooning và Hofmann.

Nguyễn Quỳnh : Cô có thể cho biết chất liệu dùng để cấu tạo những tác phẩm điêu khắc hiện có trong xưởng này không ?

Mai Ly : Chất liệu điêu khắc hiện tại của tôi là kết hợp của nhiều thứ khác nhau . Tỷ như : sáp, dây kẽm, gỗ, chất nhựa (plastic), và cả dây thừng.

Nguyễn Quỳnh : Nếu phải gọi tên cho điêu khắc của cô thì cô nghĩ nên gọi là gì ?

Mai Ly : Tôi nghĩ nên gọi là Symbolism. Cũng có thể gọi là Environmental Art.

Nguyễn Quỳnh : Trường phái biểu tượng (Symbolism) và tính chất biểu tượng trong nghệ thuật khác nhau. Tuy nhiên khi nói tới một tác phẩm điêu khắc theo khuynh hướng Environmental Art , chắc cô có dụng ý...

Mai Ly : Tôi muốn trong điêu khắc của tôi có con người tham dự vào.

Nguyễn Quỳnh : Thế có nghĩa là cô muốn tác phẩm của cô có khuynh hướng trải rộng trong không gian, trong đó người xem bị cuốn hút vào.

Mai Ly : Đúng như vậy.

Nguyễn Quỳnh : Nói tới Environmental Art cũng như nói tới Earth Work, là nói tới ý niệm sử dụng không gian thiên nhiên như một phần của tác phẩm. Cô có ý niệm riêng về không gian trong tác phẩm của cô không ?

Mai Ly : Không gian điêu khắc giống như không gian trong đó có con người.

Nguyễn Quỳnh : Tôi hiểu ý của cô. Nhưng tôi muốn nói tới ý niệm hoặc nhận thức về vai trò của không gian trong nghệ thuật.

Mai Ly : Tôi muốn biến cả xưởng điêu khắc của tôi thành một tác phẩm nghệ thuật. Nghĩa là tất cả những yếu tố có mặt trong căn phòng này đều là những thành phần của một tác phẩm. Từ chất liệu cho tới hình thể khác nhau của mỗi một sự vật.

Nguyễn Quỳnh : Cô có ý niệm gì về không gian là một khoảng không, và không gian có hình dạng cụ thể ? Về một không gian trống không, tôi muốn nói tới khoảng không gian do sợi dây thừng trong tác phẩm của cô (chỉ vào một tác phẩm có cách cấu tạo như sau) :
Cô có nghĩ đó là
cách sử dụng không
gian trong điêu khắc
của cô không ?

Mai Ly : Gật đầu.

Nguyễn Quỳnh : Cô có thích điêu khắc đắp nổi không ?

Mai Ly : Điêu khắc đắp nổi chỉ là một thứ tranh mà thôi. Tôi thích điêu khắc ba chiều hơn.

Nguyễn Quỳnh : Nếu cô đã ý niệm ra một không gian trống rỗng thế kia trong nghệ thuật, liệu cô có quan niệm gì về vai trò của hình học trong điêu khắc ?

Mai Ly : Tôi không có ý niệm gì về vai trò hình học trong điêu khắc . Tôi thích tác phẩm dựa theo thiên nhiên, có chất hữu cơ (organic), có chất của đời sống. Ngay khi sử dụng khối plastic, tôi cũng chú trọng tới chất liệu chứa đựng trong đó. Điêu khắc của tôi có tính cưỡng lại những kiến trúc cao ốc của thành phố Nữu Ước. Chắc hẳn nó cũng biểu thị cho khuynh hướng lãng mạn trong nghệ thuật của tôi.

Nguyễn Quỳnh : Cô cho biết rõ hơn về nội dung chứa đựng trong khối vuông plastic.

Mai Ly : Nội dung trong khối plastic đó chính là chất liệu có tính hữu cơ. Tôi muốn người xem nhận ra tính chất đó.

Nguyễn Quỳnh : Nhận ra chất liệu đó hay tính chất đó là nhận ra chức năng (process) sáng tạo của tác phẩm ?

Mai Ly : Đúng vậy.

Nguyễn Quỳnh : Cô muốn người xem coi tác phẩm của cô là gì ?

Mai Ly : Là biểu tượng. Hoặc coi tác phẩm là tương quan chủ-khách (subjective-objective ralationship).

Nguyễn Quỳnh : Cô nghĩ gì về trường phái nghệ thuật Nữu Ước?

Mai Ly : Quá tạp nhạp ! Quá thời trang ! Phần lớn chỉ là những nỗ lực nhai lại những ý đã có sẵn. Và phần lớn có tính sản xuất hơn sáng tạo.

Nguyễn Quỳnh : Đúng. Đó là điều Arnason đã lên tiếng gần hai mươi năm trước, khi ông hạ bút viết những chữ cuối cùng trong cuốn HISTORY OF MODERN ART. Và đây cũng là điều John Canaday gián tiếp bàn đến trong một tập san đặc biệt METROPOLITAN SEMINARS IN ART . Thực ra, kể từ cuối thập niên 60, trường phái Nữu Ước đã suy tàn. Tiếc thay nhiều người ở Âu châu không nhận ra điều này, nên họ vẫn sáng tác theo trường phái Nữu Ước. Có lẽ một phần vì ảo tưởng của tự do sáng tạo.

Mai Ly: Tại sao lại có sự suy tàn như vậy ?

Nguyễn Quỳnh : Nhiều thức giả Hoa Kỳ cho rằng quan niệm văn hoá và xã hội là nguyên nhân của sự đổ vỡ giá trị nghệ thuật. Quan niệm ấy có tính thôi thúc, đặt giá trị lên cái gọi là độc đáo (original) hơn là sáng tạo. Người ta không có thì giờ để chiêm nghiệm đến những giá trị đích thực, có chiều sâu và có tính sáng tạo. Phá hủy giá trị của ngày hôm qua là một tính đặc thù của xã hội Hoa Kỳ. Dĩ

nhiên trong một số trường hợp, quan niệm một xã hội tiến bạo, tiến nhanh có những ưu điểm nếu có những phát minh đáng kể, trong tư tưởng, trong khoa học cũng như trong nghệ thuật.

Mai Ly : Ngày nay có người cho rằng trong nghệ thuật nghệ sĩ cần "invent" chứ không cần "create".

Nguyễn Quỳnh : Tôi nghĩ những người ấy lầm lẫn "invent" với "discover". Trong lịch sử tân nghệ thuật, nghệ sĩ có thể dùng những vật hay các hiện tượng có sẵn. Tỷ như Happening Art, Dadaism, và Pop-art. Trong những hiện tượng này người ta có thể nói : "Tôi tìm ra cái này, và tôi gọi cái này là nghệ thuật". Tìm ra hoặc phát hiện ra không đồng nghĩa với "invent". Trong khi ấy, "invent" và "create" đồng nghĩa với nhau. Từ ngữ trên thường dùng cho khoa học, từ ngữ dưới thường dùng cho nghệ thuật. Cô có bao giờ cho người Việt Nam xem tác phẩm của cô chưa ?

Mai Ly : Có. Nhưng sau khi xem xong, họ có phần coi tôi là một "thứ kỳ cục".

Nguyễn Quỳnh : Tùy người. Trong văn hoá cựu truyền của Việt Nam chúng ta không chú trọng phát triển hội hoạ, triết học và khoa học. Cho nên các hiện tượng của các bộ môn trên vẫn còn mờ tối đối với quảng đại quần chúng. Nếu quần chúng Việt Nam hiểu được lịch sử mỹ thuật hiện đại có lẽ họ sẽ nhận ra cội nguồn tác phẩm của cô và thông cảm với cô hơn.

Mai Ly : có người đề nghị rằng tôi phải tìm cách giúp cho quần chúng Việt Nam hiểu nghệ thuật của mình.

Nguyễn Quỳnh : Từ cổ chí kim, từ đông sang tây không hề có chuyện đó. Muốn biết đọc một đứa trẻ phải tới trường. Khoa học trưng ra proof, tỷ như 2 + 2 = 4. Nhưng không phải bất kỳ proof nào quần chúng cũng hiểu được. Có thật là quần chúng hiểu $E = MC^2$ của Einstein, hoặc định lý thứ IX của Newton chứng minh vận tốc tăng lên theo cách tính tiến trình của hình học không ? Tôi nghĩ rằng cả Einstein lẫn Newton đều không thể giúp chúng ta hiểu được các vấn đề trên nếu chúng ta không có một chút thiên tư và không chịu khó học hỏi. Trên thực tế, nghệ thuật không lụy vào chứng cớ (proof), cho nên quần chúng không phải chứng minh trình độ hiểu biết của mình. Nghệ thuật trưng ra khuôn mẫu (paradigm). Theo định nghĩa, paradigm là một cấu trúc mở để nghệ sĩ được tự do hoàn chỉnh ý niệm của mình, và quần chúng được tự do cảm thụ. Cô trưng ra một tác phẩm tức là cô trưng ra một paradigm. Nếu quần chúng không thích, cô cũng không có cách nào giúp họ hiểu được tác phẩm của mình. Vậy cô định làm nghệ thuật cho quần chúng nào ? Cho Hoa Kỳ hay cho người Việt Nam ?

Mai Ly : Cho bất kể người nào thưởng thức được tác phẩm của tôi.

Nguyễn Quỳnh : Nghĩ như vậy là phải. Trước khi chia tay tôi chỉ có vài lời : Dù là theo đuổi bút pháp nào chăng nữa, hãy làm cho tới mức toàn hảo. Tôi mong rằng cô sẽ sớm thành công để tôi được dịp viết một bài thật đầy đủ về nghệ thuật của cô.

Cuộc triển lãm tốt nghiệp tháng 5.1987 tại Đại học Columbia của Mai Ly là một cuộc triển lãm rất đặc sắc. Các tác phẩm của Mai Ly đã làm sáng tỏ những điểm chúng tôi bàn đến ở trên. So với các bạn cùng ra trường và có tác phẩm trưng bày, tác phẩm của Mai Ly trội hẳn lên. Hơn nữa, nghệ thuật của Mai Ly còn cao hơn nghệ thuật của một số điêu khắc gia vào nghề trước Mai Ly và đã trưng bày nhiều lần tại Nữu Ước. Ở Paris tôi gặp Phùng thị Điểm. Điêu khắc của chị Điểm mới hơn và cao hơn tất cả những tác phẩm của các điêu khắc gia Việt Nam mà tôi đã gặp, ngoại trừ Lê Ngọc Huệ. Bây giờ tại Nữu Ước tôi lại thấy Mai Ly. Ngôn ngữ nghệ thuật của Mai Ly và của Phùng thị Điểm khác hẳn nhau ; Phùng thị Điểm cân xứng và bóng bẩy bao nhiêu thì Mai Ly phóng túng và phức tạp bấy nhiêu, một thứ Romanticism trong nghệ thuật ở vào hậu bán thế kỷ hai mươi ?

Nguyễn Quỳnh
Columbia University

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH
DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL
MEDECINE AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA
BỆNH PHỔI
* *Bệnh nội khoa : Tiểu đường- Máu cao.v.v..*
* *Bệnh phổi : Ho- Suyễn- Đau ngực- Lao- Khó thở*
NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM
Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường: 9- 12 AM & 1- 6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM *Tel : (714) 641. 0263*
2720 S. Bristol St Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Mai Ly và một vài tác phẩm điêu khắc tiêu biểu

Mai Ly

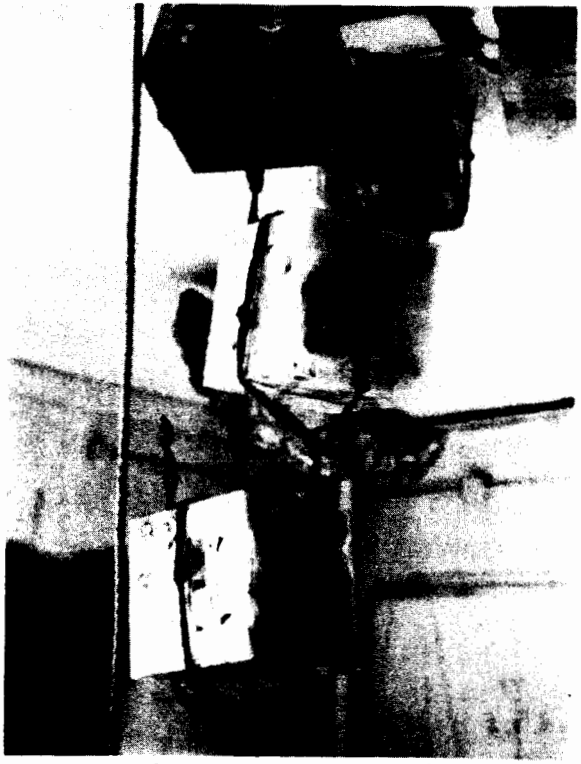

ML 1 : Vật thể thiết định không gian trống rỗng

ML 2 : Vật thể có tính hữu cơ

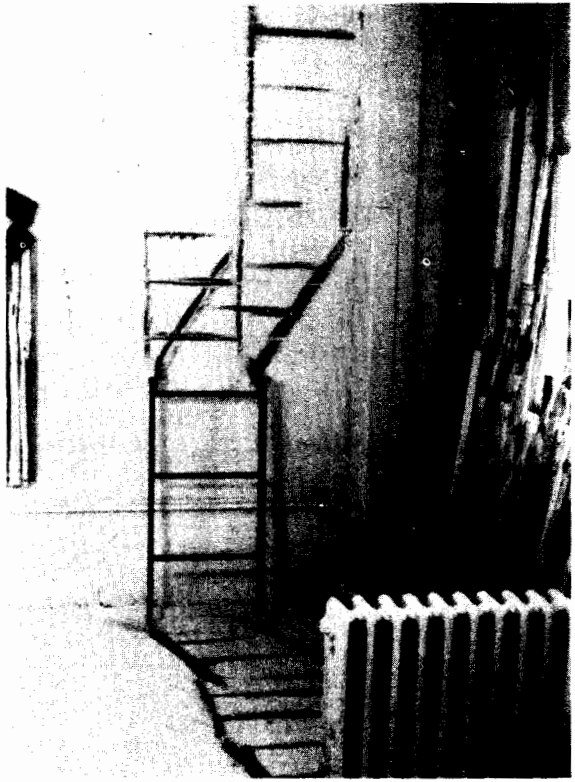

ML 3 : Ảo giác khuyếch đại không gian dựa vào một vật thể.

Bùi Bảo Trúc

Đọc "Thằng Người Có Đuôi"

tập truyện của Thế Giang

Bài điểm sách này đã được phát thanh về Việt Nam qua đài VOA ngày 8.8.1987

THế Giang là một trường hợp hết sức đặc biệt trong thế giới sách vở hải ngoại của người Việt. Là một nhà văn trẻ, sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, rời Việt Nam sang tị nạn tại Tây Đức, Thế Giang nổi tiếng ngay từ những truyện ngắn đầu tiên ông cho đăng trên một số báo chí Việt ngữ ở Pháp và Hoa Kỳ hồi cuối năm 1985. Những truyện ngắn của Thế Giang được xây dựng với những khung cảnh mà chính ông đã sống qua, những khung cảnh mà đa số người Việt ở hải ngoại chỉ mới nghe nói tới. Đó là Miền Bắc Việt Nam, cái hố vĩ đại, bi thảm với những mảnh đời rách nát mà Thế Giang đã viết lại bằng một ngòi bút tàn nhẫn, sống sượng, phẫn nộ, nhưng lại vô cùng cảm động và đầy nhân ái.

Những truyện ngắn của ông là một loạt những hoạt cảnh được xếp liền bên nhau, với những diễn tiến rất nhanh, không kịp để độc giả giở trang sách đọc tiếp, những hình ảnh thô bạo trong cái tình cảm chỉ còn là những vết sẹo không có cảm giác. Thế Giang chỉ phô bày bộ mặt của Việt Nam xã hội chủ nghĩa, để chính những nhân vật của ông nói lên những suy nghĩ về chế độ. Ông đứng ở phía ngoài, ghi lại những gì ông chứng kiến trong gần ba mươi năm trời ông sống tại Miền Bắc. Thế Giang đi thẳng vào vấn đề, không hoa mỹ cầu kỳ, không dài dòng giải thích. Những chữ ông dùng như những vết dao chém, chính xác và dứt khoát, vết chém thật ngọt, đi suốt, đứt lìa. Người đọc, do đó, bị ông dẫn đi từ đầu đến cuối truyện, và ở cuối truyện, độc giả bàng hoàng ngỡ ngàng, và chỉ lúc đó, mới thấy xót xa ngậm ngùi.

Tập truyện ngắn *Thằng Người Có Đuôi* gồm 12 truyện ông đã cho đăng báo trước đây, là tác phẩm đầu tay của Thế Giang. Ngoài một truyện cuối có một đoạn xảy ra ở một nơi ngoài Việt Nam, những truyện còn lại đều lấy Việt Nam làm khung cảnh, cái khung cảnh điêu tàn, tội nghiệp, đen tối, mưu mô, phản trắc mất hết nhân

tính, không tình cảm trong cuộc sống tàn bạo, con người phải dẫm lên nhau để sống.

Truyện đầu trong tập truyện có tựa đề *Cây Đắng Nở Hoa* trong đó Thế Giang viết về sự đãi ngộ mang nhiều chất xét lại mà Nhà nước bỗng dành cho người cha của một nhạc sĩ trẻ vừa được Ba Lan trao tặng một giải thưởng âm nhạc cao quí. Người cha già, vì có dính líu đến vụ Nhân Văn Giai Phẩm trước đây, đã từng bị Nhà nước trù yểm, ly gián gia đình, rồi bị quăng vào một xó làng để chờ chết. Sự nổi tiếng bất ngờ của người con đã cứu người cha ra khỏi cái hố thẳm đó, nhưng đồng thời nó cũng cho người cha một cái nhìn đầy suy nghĩ về thái độ của Nhà nước, cũng cái Nhà nước vài năm trước còn tìm đủ mọi mánh lới để dìm đầu người nhạc sĩ trẻ tuổi đó, rồi cũng chính cái Nhà nước đó hô hoán trên báo Nhân Dân , ngợi ca "tiếng đàn vọng lên từ những căn hầm trú ẩn. Tiếng đàn bay cao hơn tiếng bom Mỹ nổ...nỗi đau của một dân tộc đấu tranh đòi độc lập...". " Người cha già thương con ông, ông thương những đứa trẻ. Nó chỉ có một con đường, cắm đầu mà đi, đằng sau không có lối về. Khi đụng tới bức tường cuối đường thì úp mặt vào đợi tiếng đạn...Nhưng lần này, nó đã nhảy bật qua khỏi bức tường, bay thoát ra thế giới bên ngoài. Ông lẩm nhẩm đếm những xác người đã ngã dưới bức tường đó. Trần Dần, Phan Khôi, Đoàn Phú Tứ, Lê Đạt.."

Truyện thứ hai chỉ là những đối thoại cụt của ba người tù trong lúc ngồi nghỉ mệt. Cùng với truyện *"Chỗ Nước Đọng"*, đây là hai truyện bi thảm nhất trong tập truyện. Cảnh đời mù mịt của những người tù cũng hư ảo như màn sương bao phủ trại tù. Những trao đổi giữa ba người tù đã là những làn hơi tiếp sức cho những cái thân xác rũ liệt sống tiếp. Những ý tưởng ngông cuồng là những chiếc cánh giúp người ta bay bổng trong khi cả ba vẫn sống tiếp cảnh lao tù triền miên, nhưng đau đớn hơn hết, lại làm cháy toi mất củ sắn ba người nướng vụng ở bìa rừng. Truyện *"Chỗ Nước Đọng"* cũng chỉ toàn những đoạn đối thoại trong bóng tối. Ngọn đèn không đủ sáng để thấy cảnh đời đen tối của một ổ điếm ở Vinh. Bóng tối mịt mù vây bủa lấy hết cả mọi người. Con chó đói, lạnh, gầy guộc. Những người khách cũng bất hạnh không kém người phụ nữ xấu số. Chính truyện này đã gây được sự chú ý ngay của độc giả cũng như của những người theo dõi sinh hoạt sáng tác tiếng Việt trên báo chí. Ngôn ngữ hình ảnh cũng như kỹ thuật của Thế Giang trong truyện ngắn rất ngắn này đã chứng tỏ tài năng của ông về mặt truyện ngắn.

Trong hoạt cảnh ngắn nhan đề *"Hà Nội Uống Như Thế Đó"*, chỉ bằng bốn trang, Thế Giang đã trình bày được khá đầy đủ nạn uống rượu ở Hà Nội. Già trẻ, lớn bé, cán bộ, bộ đội, văn nghệ sĩ, cùng mọi thành phần khác trong xã hội đi tìm "chén tráng" để

"chiến đấu", để sống tiếp trong cái đêm dài bất tận xã hội chủ nghĩa. Những tiếng lóng của dân mánh mung lề đường Hà Nội cũng được khéo léo viết lồng vào truyện, khiến người đọc dù không nhìn xuống chú thích ở dưới vẫn có thể hiểu những tiếng "cực nóng", "vào cầu lửa", "zạt ra", "mướt", "nghễnh" là những gì.

Trong truyện *"Lộc Thánh"*, Thế Giang viết về một ngày hội lớn ở Hà Nội, ngày quốc khánh mồng 2 tháng 9, nhưng ông không viết về những cờ xí rợp trời, kiệu hoa, pháo bông làm đẹp thủ đô. Ông viết về những chuyện xảy ra dưới lớp sơn son thiếp vàng, dưới lớp hoa giả, cờ xí đó. Ông viết cảnh đi mua cá ở một cửa hàng mậu dịch. Những con cá ươn thối được bán cho người dân ăn mừng quốc khánh. Những con cá ươn đó khiến cả một khu phố đau bụng, đứng xếp hàng trước nhà vệ sinh công cộng trong khi xe phóng thanh ở Sở văn hoá thông tin đã hát rộn ràng bài "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng".

Truyện *"Vũng Lầy"* kể lại cảnh đi lãnh tiền nhuận bút của các cán bộ văn hoá. Trong truyện này, người đọc sẽ được thấy những quyền lợi nhỏ nhen mà Nhà nước ban phát cho giới cầm bút, một giới vẫn thường được coi là "lương tâm của xã hội", đã làm hỏng những "lương tâm" đó như thế nào. Con người thanh lịch mà độc giả tưởng tượng để hình dung tác giả "Vang Bóng Một Thời" hoàn toàn trái ngược với hình ảnh của con người nói câu : "Đời cứ lừa quanh lừa quẩn lẫn nhau. Mình lừa đời những cái lớn trong tư tưởng để đổi lấy điếu thuốc chén rượu, rồi điếu thuốc chén rượu nó cũng học cách lừa lại mình".

Những trò bịp bợm bi đát đó chẳng diễn ra ở riêng một góc nhỏ nào của đời sống, mà ở khắp nơi trên miền đất bắc vĩ tuyến 17 và ngày nay, đang lan dần xuống phía Nam.

Phản phúc, bịp bợm, lá mặt lá trái là tiêu chuẩn sống trong truyện *"Tình Yêu Của Những Con Ma"*. Truyện kể một người tù trốn về Hà Nội thăm con. Người con không ở trong tù nhưng cũng bị nhốt trong một chiếc lồng lớn hơn. Hai cha con thất thểu đi trong đêm để nhìn Hà Nội mà người đàn ông chưa được thấy lại từ 10 năm. Họ đi qua những phố xá tối đen như lòng người. Những người thân không dám nhìn mặt họ vì sợ liên lụy. Hai cha con tiếp tục đi trong đêm mịt mùng của Hà Nội.

Những truyện của Thế Giang đều có một nét chung mà người đọc chỉ cần đọc thoáng qua cũng thấy được ngay. Đó là cái nét tàn bạo của cuộc sống. Đó là cái đói khát triền miên không dứt, khiến cho con người đi, đứng, ngủ đều nghĩ tới cái ăn. Những toan tính, những mưu mô, thủ đoạn, những lý tưởng, những hoài bão, những suy nghĩ to lớn nhất của con người xã hội chủ nghĩa cũng không vượt quá khỏi vấn đề ăn uống. Cái đói làm người ta mất tự

trọng và nhân phẩm. Cái đói làm người ta không thể suy nghĩ về những việc khác. Cái xã hội bi thảm mà Ngô Tất Tố, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyên Hồng vẽ lên hồi tiền chiến tưởng rằng sẽ biến mất theo sự tiến hoá của thời gian và lịch sử thì lại vẫn còn nguyên và xuất hiện ở một mức độ tàn độc hơn thế nữa qua ngòi bút hiện thực của Thế Giang. Thế Giang không chửi bới cộc cằn chế độ. Ông chỉ từ tốn phơi ra mọi ngõ ngách cho độc giả nhìn và phê phán. Ông có một đôi mắt quan sát không bỏ sót một chi tiết nào. Ông có một ngòi bút sắc như một đường đao samurai. Đọc Thế Giang rồi, người ta mừng cho ông, và mừng cho chế độ. Nếu ông không ra khỏi Việt Nam,thì với đầu óc và một ngòi bút như thế, cũng phần ông rồi cũng chẳng khá gì những Chu Ngọc, Trần Dần, Hữu Loan, Phan Khôi...của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm hồi thập niên 50. Đó cũng là một cái may cho chế độ ! Cũng lại là cái may của độc giả tiếng Việt hải ngoại.

Thế Giang viết rất nhiều và viết rất đều. Một nhà văn đã nhận định rằng những gì ông đã viết ra chỉ là phần nổi của một tảng băng sơn vĩ đại. Phần chìm, ông sẽ từ từ cho trồi lên mặt nước. Và đó sẽ là những tác phẩm quan trọng của Thế Giang.

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

Đó là một cuốn tiểu thuyết? — Vâng, một cuốn tiểu thuyết của học giả. Tức thứ tiểu thuyết theo sát sự thực từng bước một.

Đó là một chuyện có thực? Phải, là một chuyện thực lạ lùng, kỳ dị. Chuyện một người Việt đầu tiên đã sang Mỹ trước chúng ta 130 năm, đã tham dự cuộc săn vàng ở Cali, đã làm việc ở một báo quán tại San Francisco, đã tận tay giúp đỡ Sutter *(người Mỹ giàu nhất thế giới lúc bấy giờ)* một món tiền, khi Sutter lâm bước đường cùng...

Đây là một quảng cáo? — Đúng. Chúng tôi chỉ mời bạn đọc 30 trang đầu thôi. Từ đó, bạn sẽ bị câu chuyện lôi tuốt đến trang chót, không cách nào cưỡng lại nổi.

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ

Tiểu thuyết của Nguyễn Hiến Lê

(Chưa in ở Việt Nam)

225 trang Giá $9.00 MK Ngoài Hoa kỳ,thêm 1 Mỹ kim

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301

Westminster, CA 92683

Phone: (714) 832-8445

Nguyễn Văn

Thời Sự Văn Học Nghệ Thuật

- **NHÀ VĂN HOÀI-ĐIỆP-TỬ BỊ THẢM SÁT.**

Hồi hai giờ khuya rạng sáng chủ nhật 9-8-87 nhà văn Hoài Điệp Tử, tác giả những cuốn tiểu thuyết như *Vũng lầy* (1964) *Trái cấm* (1965) *Tuổi tình yêu* (1965) *Lửa đạn về thành* (1968) *Tình biển* (1968) *Hành Lang Đen* (1972), *Cao Ốc Số 8 (1973)...xuất bản tại Sài Gòn trước 1975 và Trên Đầu Sóng* xuất bản tại hải ngoại năm 1982, chủ nhiệm tuần báo *Mai*, đã từ trần. Kẻ vô danh đã hoả thiêu toà soạn báo *Mai* ở thành phố Garden Grove Nam Cali Hoa Kỳ làm cho Hoài Điệp Tử bị chết ngạt và thân thể bị cháy một phần.

Cái chết bất ngờ và bi thảm của Hoài Điệp Tử đã khiến cho văn giới và báo giới tị nạn Việt hải ngoại bàng hoàng.

Cho đến lúc Nguyễn Văn viết tin này, cảnh sát vẫn chưa tìm ra được hung thủ. Nhiều giả thuyết đã được đặt ra, từ lý do chính trị cho đến nạn tống tiền của các băng du đãng thiếu niên. Hoài Điệp Tử thọ 45 tuổi, chết đi để lại một vợ ba con, hiện vợ anh vẫn còn ở Việt Nam. Anh vượt biên tị nạn cộng sản năm 1981, định cư tại quận Cam Nam Cali, và một mình xây dựng tuần báo Mai, một tờ báo giải trí điện ảnh và phụ nữ thành công về tài chánh vào bậc nhất ở vùng Nam Cali.

Cái chết của Hoài Điệp Tử tạo ảnh hưởng xấu trong dư luận Hoa Kỳ đối với cộng đồng Việt tị nạn, và trong cộng đồng, cái chết ấy nhắc nhở cho mọi người quan tâm tới tệ nạn bạo động và khủng bố nhắm tới người cầm bút.

Trong lễ hoả thiêu di hài nhà văn Hoài Điệp Tử hôm chủ nhật 16.8.1987, một số nhà văn nhà thơ Việt lưu vong tại hải ngoại đã ra một bản lên tiếng chung tỏ lòng tiếc thương một văn hữu , đồng thời lên án hành vi bạo động nhắm tới người cầm bút như Hoài

Điệp Tử. Hoài Điệp Tử chết đi, để lại vợ và 3 con hiện vẫn còn ở Việt Nam.

- **HAI NGƯỜI CẦM BÚT KHÁC NẠN NHÂN CỦA KHỦNG BỐ.**

Hoài Điệp Tử nằm xuống, trước sự thương tiếc của văn giới và báo giới. Nhưng trường hợp Hoài Điệp Tử không phải là duy nhất.

Mầm bạo động như bàng bạc khắp nơi có đông đúc người tị nạn Việt, do những mâu thuẫn từ nhiều phía. Dường như càng ngày những người Việt tị nạn càng không muốn có những đối thoại xây dựng và thân tình. Điều đáng buồn đó thể hiện qua các cuộc cãi vã chửi bới nhau trên báo chí ở hầu hết các địa phương đông đúc người Việt, như Toronto Canada, Houston, San Jose, Quận Cam.

Đầu tháng 8-87, hai nhà văn khác đã trở thành mục tiêu của nạn khủng bố: Nhà văn Cao Thế Dung ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn đã bị kẻ vô danh bắn ba phát, nhưng may mắn thoát chết, chỉ bị thương ở vai do một trong ba phát đạn ấy. Dư luận cho rằng sở dĩ ông Cao Thế Dung bị mưu sát là do tranh chấp về chính trị giữa các đảng phái quốc gia, hoặc do chính bàn tay của cộng sản nhằm thanh toán một lý thuyết gia chống cộng tích cực như ông.

Ở San Jose, nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh, chủ bút nhật báo Dân Việt cũng bị kẻ vô danh đe dọa mạng sống. Nguyễn Đạt Thịnh là một nhà văn quân đội, cựu trung tá quân lực VNCH, nguyên chủ bút tờ Diều Hâu trước kia ở VN. Kẻ vô danh hăm dọa nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh bằng cách giết một con chó, quăng xác trước nhà ông, kèm theo một lời đe dọa. Nghe nói cách thức khủng bố tinh thần này đã làm cho hội bảo vệ súc vật, nhất là những người Mỹ yêu chó phản đối.

Mùa hè đã tới, khí hậu nhiều nơi trên đất Mỹ nóng bức, oi ả. Đã có nhiều vụ hỏa hoạn xảy ra khắp nơi. Nhưng những ngọn lửa bạo động âm ỉ mới đáng quan tâm, vì ra ngoài thẩm quyền của Sở cứu hỏa.

- **TUY VẬY, NHƯNG MÀ...**

Những tin Nguyễn Văn vừa loan buồn quá, sợ bạn đọc ở xa thủ đô tị nạn này nghĩ lầm bầu trời ở đây quá nhiều mây xám. Sự thật không phải thế. Tuy có vài tin buồn đó, nhưng mà tin vui vẫn nhiều. Sinh hoạt văn nghệ ở riêng quận Cam, và tại khắp nơi ở hải ngoại có rất nhiều điều đáng phấn khởi.

Chủ động trong sinh hoạt văn học tháng qua tại quận Cam Nam Cali có lẽ là tờ Người Việt. Qua lớp huấn luyện nghề báo cho

giới sinh viên học sinh trẻ, Người Việt đã mời nhiều nhân vật có uy tín trong văn giới đến thuyết trình nhiều đề tài quan trọng cho giới trẻ tìm hiểu, học hỏi.

Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm tờ Người Việt, đóng vai chủ nhà mở màn bằng đề tài: "Vấn đề phân kỳ cho lịch sử chiến tranh Việt Nam". Giáo sư Phạm Cao Dương thuyết trình đề tài "Nhận diện một số vấn đề về việc tìm hiểu lịch sử VN". Hai đề tài về sử. Về văn học, nhà văn Nguyễn Mộng Giác nói về "Khả năng và triển vọng của văn học VN lưu vong". Nhà văn Nhật Tiến thì chủ trì cho một buổi thảo luận trao đổi gồm nhiều người cầm bút về kinh nghiệm viết truyện ngắn. Họa sĩ Nguyễn Đồng, phụ trách trình bày cho nhật báo Người Việt, thì hướng dẫn các học viên báo chí cách trình bày một tờ báo. Giáo sư Lưu Trung Khảo đưa ra nhận định về "Tương lai tiếng Việt ở hải ngoại."

Các buổi hội thảo tổ chức đều đặn mỗi chiều chủ nhật ở tòa soạn báo Người Việt là cơ hội để lớp đi trước và lớp trẻ tìm hiểu nhau, học hỏi nhau. Không khí sinh hoạt nghiêm túc. Không hề có mây xám giăng mù.

- **SÁCH CỦA NHÂN CHỦ HỌC XÃ.**

Nhận định, học hỏi kinh nghiệm của lớp người đi trước, để tìm một hướng đi cũng là công việc của nhóm bạn trẻ trong Nhân Chủ Học Xã. Tháng qua, Nhân Chủ Học Xã đã cho in và phát hành hai cuốn sách của chí sĩ Phan Bội Châu, cuốn *Cao Đẳng Quốc Dân* và cuốn *Tự Phán* — Đặc biệt cuốn hồi ký "Tự Phán" đã khiến cho Nguyễn Văn xúc động bàng hoàng — Một vĩ nhân như cụ Phan Bội Châu, nhìn lại đời mình, đã viết thế này: "Than ôi! Lịch sử tôi mà có gì? Chỉ là một bộ lịch sử hoàn toàn thất bại! Chân trời góc bể gần ba mươi năm, vì tôi liên lụy mà kẻ chết người tù, họa trần quân quốc, độc trôi đồng bào, thường nửa đêm vỗ ngực quẹt mắt trông trời hơn hai mươi năm sa đà, trông râu mày mà thẹn hổ, ngóng tưởng những anh hùng vô danh là ai đó, khao khát biết bao nhiêu!"

Cả cuộc đời hi sinh tận tụy cho tổ quốc, cho dân tộc, thế mà viết hồi ký, cụ Phan Bội Châu vẫn khiêm nhường cho rằng mình có tội hơn là có công. Cái đức khiêm cung của nhà nho, đời nay sao hiếm! Gần đây, nhiều người tai mắt đua nhau in hồi ký, người nào cũng vỗ ngực bảo rằng nếu mình cầm quyền thì đã không mất nước, vì mình là người tài trí song toàn. Mong họ chịu khó đọc cuốn Tự Phán của Phan Bội Châu. Xin mách cho quí vị nào lưới đến tiệm sách địa chỉ của Nhân Chủ Học Xã:

P.O. Box 1948
Garden Grove, CA 92642

• TÂN VĂN VÀ NHÂN VĂN.

Tuổi trẻ, nhất là tuổi trẻ với ý thức chính trị dấn thân, cần phải có tiếng nói. Điều đó ai cũng biết. Muốn có tiếng nói, thì lập nhà xuất bản, ra báo, tổ chức sinh hoạt hội thảo, lập chương trình truyền hình. Tạp chí *Nhân Văn* ở San Jose của nhóm chủ trương Tưởng Năng Tiến, Lý Khánh Hồng, Thượng Văn sau một thời gian hăng say hoạt động, vì khó khăn tài chánh, đã ngưng một thời gian. Nay có tin vui là Nhân Văn đã ra lại, bắt đầu từ số 50, tháng 7-1987.

Hà Thúc Sinh và Lê Tâm ở San Diego (lâu nay vẫn mang tiếng là chỗ dành cho người hồi hưu) thì cho ra mắt tạp chí *Tân Văn*, với chủ trương tranh đấu tích cực như tờ Nhân Văn nhưng cũng quan tâm đến phần nghiên cứu sáng tác văn học. Lúc Văn Học số này đến tay bạn đọc, Tân Văn số 1 đã được phát hành khắp nơi, và chắc chắn được đón nhận nồng nhiệt.

• TIẾNG THƠ TÂY BẮC.

Vùng Tây Bắc, Seattle, nơi nhà văn Mai Thảo ca tụng là "thông rừng điệp điệp, hồ vịnh cẩm tú" tháng qua bật lên hai tiếng thơ: một bạn thơ cũ đã thành danh từ lâu, Hà Huyền Chi với tập *"Đời bỗng dưng thừa"*, và một bạn thơ mới, Trần Thiện Hiệp với tập *Cây lá phận người*.

Lâu nay, Nguyễn Văn nghe nói vùng Tây Bắc vẫn có những cuộc họp mặt rất thơ, trong đó có những người tạm dung nơi đất khách gặp nhau giữa không khí bằng hữu, xướng họa Đường thi, rồi in thơ với số ấn bản vừa đủ để gửi tặng nhau. Nhà văn Thanh Nam đã phá cái lệ "giới hạn" ấy khi cho in và phổ biến khắp nơi tập Đất Khách năm 1982. Bẵng đi một thời gian, tiếng thơ Tây Bắc chỉ thấy xuất hiện trên Đất Mới và một một vài tạp chí khác ở Canada và Mỹ. Cho tới gần đây, Hà Huyền Chi và Trần Thiện Hiệp cho phát hành một lượt 2 tập thơ, theo con đường vòng. Không đường vòng là gì! Hà Huyền Chi đưa thơ cho nhà xuất bản Nam Á in tại Paris, ra mắt thơ cũng tận Paris. Trần Thiện Hiệp thì đưa *Cây Lá Phận Người* cho nhà xuất bản Làng Văn in ở tận Toronto, Canada. Tiếng thơ Tây Bắc khi đã cất lên, thì phải vang xa, thật xa!

• NHỮNG "BÓNG MA" ĐÃ NẰM XUỐNG.

Trong khi đó, tại quê nhà, những "bóng ma" đã nằm xuống. Nguyễn Văn vừa viết một câu bí hiểm. Xin được giải thích: Ba người cầm bút nổi danh từ thời tiền chiến là Nguyễn Tuân, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan đã từ trần trong tháng 7-87.

Trước khi thật sự lìa bỏ cõi đời, cả ba cây bút này đã "chết" về

uy tín văn học từ lâu, vì họ đã không dùng ngòi bút để bênh vực cho sự thật, cho công lý. Họ bằng lòng viết theo chỉ thị của Đảng và Nhà nước.

Nguyễn Tuân, tác giả tuyệt phẩm *Vang Bóng Một Thời* xuất bản trước 1945, về sau tuy vẫn còn giữ được phong cách tùy bút tài hoa, nhưng lại không giữ được tinh thần độc lập nhân bản của người cầm bút. Những gì ông viết dưới chế độ cộng sản đều chỉ là "vang bóng một thời" của Nguyễn Tuân tiền chiến. Chẳng thế mà một tay làm thơ Miền Bắc, Xuân Sách, đã vẽ đúng chân dung Nguyễn Tuân bằng 4 câu:

Vang bóng một thời đâu nỡ quên
Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên
Chén rượu *tình rừng* say đắm lắm
Cờ hoa lại chuốc lấy ưu phiền (1)

Hoài Thanh, nhà phê bình nổi tiếng hiểu thơ, tác giả *Thi nhân Việt Nam,* cũng chỉ còn là một "bóng ma" dưới chế độ cộng sản thay vì dùng tài thẩm thức hiếm có hướng dẫn người đọc hiểu thơ yêu thơ, lại dùng thiên bẩm ấy để ca tụng thơ lãnh tụ. Xuân Sách vẽ chân dung Hoài Thanh như sau:

Vị nghệ thuật nửa cuộc đời
Nửa đời còn lại vị người bề trên
Thi nhân còn một chút duyên
Chẳng cầm cho vững lại lèn cho đau
Bình thơ đến buổi bạc đầu
Vẫn không cất nổi một câu chân tình.

Vũ Ngọc Phan tương đối cố giữ thể diện cho mình nhiều hơn, bằng lòng làm một người khảo cứu văn học mờ nhạt, để tránh phải viết những điều sai lương tâm. Ông tự nguyện làm cái bóng ma để thoát gọng kềm của chính trị cộng sản. Bộ *Nhà Văn Hiện Đại* của ông cho đến nay vẫn là bộ sách phê bình văn học giá trị nhất của nền văn chương quốc ngữ VN, mặc dù phương pháp phê bình có vẻ cổ điển, vụ hình thức.

(1) Trong thơ Xuân Sách, các chữ in nghiêng là tên tác phẩm của các tác giả bị vẽ chân dung.

- **TRỞ LẠI QUẬN CAM.**

Bây giờ xin trở lại nơi khởi hành: quận Cam. Tháng vừa qua, Văn Học đưa đi in sớm nên không kịp loan một buổi sinh hoạt văn học quan trọng, vui vẻ: buổi ra mắt cuốn *Người đi trên mây* của Nguyễn Xuân Hoàng do nhà xuất bản Người Việt tổ chức ở quán cà phê Hải Âu. Không khí buổi ra mắt sách nhộn nhịp, đông đúc, và đầm ấm. Nhộn nhịp nhờ tài điều khiển náo hoạt của nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang, cùng chương trình ca nhạc phụ diễn của ban

du ca, anh Lê Uyên Phương, ca sĩ Xuân Thu, nhà thơ Ngu Yên từ Little Rock qua không lên ngâm thơ ngông của mình mà hát dân ca bài chòi. Món ăn lạ miệng, Ngu Yên được vỗ tay rào rào. Số khách tham dự đông quá sức chứa của quán cà phê, nhiều người phải đứng. Đầm ấm vì những người được mời lên phát biểu như nhà văn Mai Thảo, nhạc sĩ Phạm Duy, nhà văn Đào Trung Đạo, nhà văn Hà Thúc Sinh, nhà văn Bùi Vĩnh Phúc đều nói gọn, không làm cho không khí trầm trọng quá. Có điều nhân vật chính là nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, có lẽ đã nhỏ to thế nào với nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang người điều khiển chương trình, nên khỏi lên nói gì cả. Chỉ cười, và "đi trên mây"!

Sau "Người đi trên mây", Người Việt cũng vừa cho phát hành một tác phẩm quan trọng khác, tập truyện đầu tay *"Thằng người có đuôi"* của Thế Giang. Độc giả Văn Học chắc không lạ gì với Thế Giang, mà những truyện ngắn *"Chỗ nước đọng, Ba thằng cuội giời, Tình yêu của những con ma, Vũng lầy* đã đăng trên Văn Học đã khiến nhiều người bàn tán khen ngợi. Truyện Thế Giang đến với bạn đọc như một luồng gió mới. Mới từ đề tài: anh lớn lên ở Miền Bắc, nên lần đầu tiên địa ngục đỏ được mô tả một cách chính xác, độc đáo, tỉ mỉ. Mới từ phong cách: với lối viết bạo, gọn, sắc, diễn tiến nhanh, Thế Giang khác biệt với lối viết tĩnh và êm của nhiều cây bút khác.

Thằng người có đuôi được xuất bản sẽ mở đầu cho một loạt những tác phẩm đặc sắc khác của Thế Giang sắp in, và có thể mở đầu cho sự đóng góp của nhiều cây bút nạn nhân cộng sản khác ra đi từ Miền Bắc.

- **TRỞ LẠI NHÀ.**

Cuối cùng, Nguyễn Văn xin trở về "nhà".

Cư sĩ Tử Mẫn Võ Thắng Tiết, Giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ (chưa đủ, còn dành giờ nghỉ lo giùm phần quản lý trị sự cho tờ Văn Học) sắp cho ra những tác phẩm văn học trong loạt phát hành thứ ba của năm 87. Đợt này, Văn Nghệ cho ra bốn cuốn:

— *Tựa đề ở bên trong*, tập thơ thứ nhì của Ngu Yên, sau tập thơ đầu *Hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh* của anh in năm ngoái đã được giới văn học chú ý, ngợi khen.

— *Xứ sấm sét*, của nhà văn kiêm họa sĩ Võ Đình, phát hành đầu tháng 9 đúng dịp Võ Đình cho khai mạc triển lãm tranh ở Miền Đông.

— *Nụ cười tre trúc*, tập truyện của nhà văn Kiệt Tấn, nhà văn có sức sáng tác phong phú cả về đề tài lẫn phong cách viết.

— *Vòng đai xanh*, tiểu thuyết tái bản của nhà văn Ngô Thế Vinh.

Về phía tạp chí Văn Học, hiện ban chủ biên đã thu thập bài vở đầy đủ cho số đặc biệt về *Sự nghiệp văn nghệ của Phạm Duy*. Số báo này qui tụ nhiều cây bút quan trọng, nhận định Phạm Duy từ nhiều góc độ khác nhau: âm nhạc, lịch sử, xã hội, thi ca... Số tạp chí quan trọng này sẽ phát hành đúng vào ngày sinh nhật thứ 68 của Phạm Duy, 5-10-1987.

Sau số đặc biệt về Phạm Duy, Văn Học sẽ thực hiện một số đặc biệt khác, chủ đề là phong trào phụ nữ phản kháng chế độ cộng sản Liên Xô, do nhà văn Trùng Dương chủ biên.

Nguyễn Văn

Bài nhận được

Mẹ, Yêu em học trò, Đàn hát một mình, Nhấp chén đầy vơi, Đệ nhất thập bát đạp phủ thủ, truyện NTH, Đêm mưa, thơ ĐNT; Tự Phán, Cao đẳng Quốc dân, sách tặng của Nhân Chủ Học Xã; Xuôi Nam, truyện của NTH; Phê bình thẩm mỹ, Phỏng vấn ML của NQ; Trở lại, Mưa Tháng 7 của CP; Dâu Bể của ĐTQP; Âm u thơ PC; Tập san Thi ca số 5 ở Tây Đức; Phụ nữ và Nghệ thuật tạo hình của HST; Bản tin Đông phương; Thực tính của văn chương hải ngoại của NVS; Quê hương, chất liệu quan trọng trong tác phẩm hải ngoại của TDĐN; Tìm hiểu tiếng lóng ở Sài gòn của ĐXK; Tranh Thơ của VĐ.

Trân trọng cảm tạ quí văn hữu.

Nhắn tin

Ông Tùng Lay : Đã có thư riêng và gửi báo biếu đến ông. Hết sức cảm động về lòng ưu ái ông dành cho Văn Học.

Các bạn ở Southeastern, PA : Đã nhận được thư của các bạn, và đã tin cho Ngu Yên. Không biết nói gì hơn là hứa cố gắng duy trì tờ báo như các bạn mong ước.

Các độc giả ở Úc muốn mua Văn Học : Bạn đọc ở Úc muốn mua dài hạn báo Văn Học, để tránh phiền phức và tổn phí chuyển ngân, có thể gửi tiền Mỹ kim cho đại diện Văn Học tại Úc :

ông Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street
Yagoona, NSW. 2199 Australia

Xin xem giá biểu dành cho bạn đọc Úc châu, Á châu ở trang cuối Văn Học số này.

Nhắn tin văn hữu của Bùi Vĩnh Phúc : Tôi đã dời khỏi địa chỉ cũ. Thư từ văn nghệ xin các bạn gửi về địa chỉ của Văn Học, hay về :

Bùi Vĩnh Phúc, 5002 W. Hazard Ave # A.
Santa Ana, CA. 92709

Chân thành cảm ơn các bạn.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Văn Phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203, Los Angeles, CA 90012
(213) 621-7622

Văn phòng Garden Grove
9872 Chapman Ave, Suite 200
Garden Grove, CA. 92 641 (Góc Chapman & Brookhurst)
(714) 537. 8771 (mở cửa cả ngày thứ Bảy)

Văn phòng San Jose
586 N. First St, Suite 222, San Jose CA.
(408) 292. 7993 & 1. 800. 445. 2930

DÙ BẠN CÓ HAY KHÔNG CÓ BẢO HIỂM KHI CÓ TAI NẠN XẢY RA

Xin vui lòng gọi Bà

THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

(213) 621 7622* PHỤ TÁ * (714) 537 8771

BẠN SẼ ĐƯỢC HƯỚNG DẪN MIỄN PHÍ VÀ HƯỚNG DẪN TẬN TÌNH VỀ PHƯƠNG DIỆN PHÁP LÝ.

CHUYÊN TRÁCH

Hình luật *: Say rượu lái xe * Đánh lộn * Đả thương * Ám mạng * Trộm cắp * Gian lận **

Hộ luật *: Tranh tụng gia đình : Ly hôn, Ly thân Nuôi dưỡng con cái, Phân chia tài sản*

Tai nạn *: Xe cộ * Máy bay * Nghề nghiệp * Bị thương tích vì trượt té...*

Immigration *: Nhập tịch, thẻ xanh, di trú từ đệ tam quốc gia.*

Phục vụ tận tâm và hoàn toàn được sự tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như Á đông

** Chúng tôi chỉ nhận thù lao khi được bồi thường cải tai nạn*
** Đặc biệt đồng bào ở Florida, San Diego, và ngoài L A County xin gọi Collect*

Bệnh ung thư đang gia tăng. Thống kê mới nhất cho biết hiện nay cứ 10 người đàn bà dưới 40 tuổi thì có 1 người sẽ bị ung thư vú. Đây là một căn bệnh hiểm nghèo nhưng vẫn có thể chữa được nếu chúng ta biết khám phá thật sớm.

Vì lý do đó, Hội Ung Thư Hoa Kỳ liên tục kêu gọi các bà từ 35 tuổi trở lên dù không có triệu chứng cũng phải nên đi khám và chụp hình ngực một lần để làm căn bản, trong trường hợp có triệu chứng thì phải nên đi khám ngay, bất luận tuổi tác nào.

Trung tâm truy tầm ung thư ngực của Bác sĩ NGUYỄN MẠNH đã hoạt động về phương diện này từ 6 năm nay. Ở đây, chúng tôi có đủ kinh nghiệm và phương tiện kỹ thuật để khám phá thật sớm ung thư vú . Đồng thời ở đây chúng tôi cũng chỉ dẫn cách thức tự khám ngực và cách thức dinh dưỡng để ngăn ngừa bệnh này.

TRUNG TÂM
TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC
BÁC SĨ NGUYỄN MẠNH

Địa chỉ : 9513 Bolsa Ave. Westminster.
California, 92683.
Phone : (714) 531. 8833.

Ghi Chú quan trọng : Quí bà có thể trực tiếp đến khám tại TRUNG TÂM TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC mà không cần phải có giấy giới thiệu của các bác sĩ khác.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....đến.....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng..... 15 MK
Một năm..... 30 MK

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng..... 21 MK
Một năm ..... 42 MK

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... 21 MK
Một năm, gửi tàu thủy..... 42 Mk
Sáu tháng, gửi máy bay..... 33 Mk
Một năm, gửi máy bay..... 66 MK

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy..... 21 Mk
Một năm gửi tàu thủy..... 42 MK
Sáu tháng, gửi máy bay..... 40 MK
Một năm, gửi máy bay..... 80 MK

Đính kèm số tiền : .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học.....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... Mỹ kim

TÌM MUA NGAY
HAI TÁC PHẨM
VĂN CHƯƠNG
QUAN TRỌNG

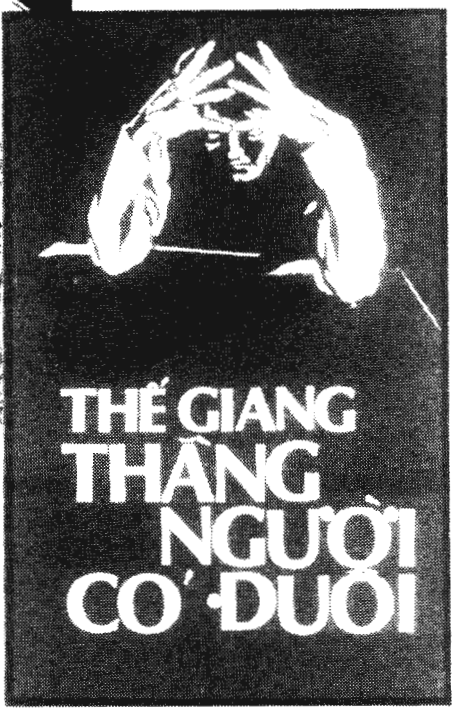

Do nhà xuất bản
NGƯỜI VIỆT
vừa phát hành
Địa chỉ liên lạc :
Người Việt Inc
14841 Moran St
Westminster, CA. 92683 USA
Phone : (714) 892 9414

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X
in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301. Westminster. CA, 92 683 USA
Phone : (714) 832 8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

SÁCH ĐÃ IN

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI
hồi ký của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa kỳ : 10 MK

TÙY BÚT 1
của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP 3
của NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ : 12 MK

20 NĂM VĂN HỌC MIỀN NAM 54 — 75
biên khảo của VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ : 13 MK

KỲ THÁC
của BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

THƠ HIỀN
thi tập của NHU CHI
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

MƯỜI CÂU CHUYỆN VĂN CHƯƠNG
của NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

HOÁ RA NÉT CHỮ LÊN ĐÀNG QUẤN QUANH
thi tập của NGU YÊN
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

TRẦM MẶC CÂY RỪNG
tập truyện của VÕ HỒNG
Giá tại Hoa Kỳ : 6 MK

HỢP LƯU
truyện dài HỒ TRƯỜNG AN
Giá tại Hoa Kỳ : 7 MK

MÙA HÈ, MỘT NƠI KHÁC
tập truyện của
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

MỘT CHÚT RIÊNG TƯ
tập truyện của
MAI KIM NGỌC
Giá tại Hoa Kỳ 10 MK

TRUYỆN NGẮN 1
tập truyện của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 13 MK

XUÔI DÒNG
tập truyện của
NGUYÊN MỘNG GIÁC
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

ĐÊM DÀI MỘT ĐỜI
truyện dài của
LÊ TẤT ĐIỀU
Giá tại Hoa Kỳ 7 MK

THƠ CAO TẦN
thi tập Cao Tần
Giá tại Hoa Kỳ 6 MK

CUỐNG RÚN CHƯA LÌA
tập truyện của
BÌNH NGUYÊN LỘC
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

TẠP LUẬN
tạp luận của
VÕ PHIẾN
Giá tại Hoa Kỳ 14 MK

CON ĐƯỜNG THIÊN LÝ
tiểu thuyết của
NGUYÊN HIẾN LÊ
Giá tại Hoa Kỳ 9 MK

(xem tiếp trang trong)

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim